

Các Bậc Chân Sư Yogi Ấn Độ

Sri Yogananda

Dịch giả : Nguyễn Hữu Kiệt

Lời mở đầu

Quyển Hồi Ký này của tu sĩ Yogananda có một giá trị độc đáo vì nó là một trong những tác phẩm nói về các bậc thánh nhân, hiền triết Ấn Độ, không phải được viết ra bởi một ký giả hay văn sĩ ngoại quốc, mà bởi một tác giả nội giống và cùng một nền giáo dục tâm linh với những người mà ông diễn tả.

Nói tóm lại, đây là một quyển sách của một người Yogi viết về những người Yogi.

Dưới hình thức một truyện trường thuật của một nhân vật, tiết lộ cho chúng ta biết cuộc đời và những quyền năng lạ lùng của những bậc hiền giả của xứ Ấn.

Quyển sách này có một tầm quan trọng rất lớn trong thời gian và ngoài không gian...

Chương 1

Thuở Thiếu Thời

Từ nghìn xưa, những đặc điểm của nền văn minh Ấn Độ vẫn gồm có việc sưu tầm chân lý và tâm sư học Đạo. Định mệnh đã dẫn dắt tôi đến một vị minh sư thánh triết mà trong cuộc đời siêu việt sẽ tiêu biểu cho đời sống nhân loại trong những thế hệ tương lai. Đó là một trong những vị minh sư, di sản của thời đại cao cả huy hoàng của Ấn Độ, vẫn từng xuất hiện ở mỗi thế hệ loài người để giữ gìn cho xứ sở của các Ngài thoát khỏi cái số phận của Babylone và Ai Cập! Trong những ký ức thời thơ ấu của tôi, phảng phất có sự nhớ lại cái hình bóng xa xăm của một tiền kiếp với những cảnh băng giá trên dãy Hy Mã Lạp Sơn, trong khi đó tôi đã từng là một tu sĩ. Những hình bóng của dĩ vãng đó cũng gọi cho tôi thấy trước, do một sợi dây liên lạc huyền bí, những hình ảnh của tương lai. Tôi sinh ra tại Gorakhpur, một thành phố miền đông bắc Ấn Độ, vào khoảng cuối thế kỷ trước và sống tại đó trong tám năm đầu tiên của đời tôi. Cha mẹ tôi có tám người con: bốn trai và bốn gái. Tôi tên là Mukunda Lal Ghosh, là người con thứ tư trong gia đình, trên tôi còn có một anh và hai chị.

Cha mẹ đều là người tỉnh Bengale. Cả hai đều sống cuộc đời đạo đức gương mẫu, và một bầu không khí hoàn toàn hòa hợp trong gia đình giúp cho sự phát triển điều hòa của tám đứa con còn nhỏ.

Cha tôi, Bhagabati Charan Ghosh, là một người tốt bụng nhưng nghiêm nghị và đôi khi có vẻ nghiêm khắc. Chúng tôi thương yêu và kính trọng người. Vốn là nhà toán học và lý luận, cha tôi sống thuần bằng lý trí. Mẹ tôi nuôi nấng chúng tôi trong tình thương. Khi mẹ tôi qua đời, cha tôi dồn hết cho chúng tôi tình phụ tử đậm đà mà từ trước người vẫn dè dặt. Từ đó, tôi nhận thấy cái nhìn của người đôi khi phảng phất giống như cái nhìn triu mến của mẹ tôi.

Mẹ tôi biểu lộ lòng kính mến đối với cha tôi hàng ngày bằng cách mặc quần áo sạch sẽ tươm tất cho tất cả chúng tôi mỗi buổi chiều để đón cha tôi đi làm về. Chức vụ của cha tôi hồi đó là phó chủ tịch Công Ty Hỏa Xa Bengale Nagpur Railway, một trong những công ty lớn nhất ở Ấn Độ. Công việc của người đòi hỏi một sự xê dịch thường xuyên, bởi đó hồi niên thiếu tôi đã từng sống tại nhiều thành phố khác nhau.

Mẹ tôi luôn luôn bố thí rất rộng rãi cho những kẻ nghèo. Cha tôi tuy tốt bụng nhưng thích sống có mực thước, trật tự và điều này cũng áp dụng cho cả việc quản lý ngân sách gia đình. Có lần chỉ trong nửa tháng, mẹ tôi tiêu xài về việc bố thí nhiều hơn số tiền cha tôi kiếm được trong trọn một tháng. Cha tôi bèn nói:

-Tôi chỉ yêu cầu bà một việc, là hãy bố thí trong một giới hạn hợp lý!

Mẹ tôi rất nhạy cảm đối với mọi điều chỉ trích của cha tôi. Người không nói gì, lặng lẽ ôm khăn gói bước ra cửa, gọi một chiếc xe ngựa và nói:

-Vĩnh biệt! Tôi trở về nhà mẹ tôi đây!

Đó là lời hăm dọa cổ điển của phụ nữ Ấn, mỗi khi có chuyện xích mích trong gia đình. Chúng tôi bèn khóc. Ông cậu tôi từ đâu thỉnh linh bước vào rất đúng lúc, và nói nhỏ bên tai cha tôi một vài lời khuyên dạy minh triết đã từng được trải nghiệm qua nhiều thế kỷ. Khi cha tôi đã xin lỗi, mẹ tôi bèn để khăn gói ở lại và cho xe ngựa về không. Như thế chấm dứt cuộc bất hòa duy nhất mà tôi được biết đã từng xảy ra giữa cha mẹ tôi. Một lần khác, tôi nghe mẹ tôi nói:

-Ông hãy đưa tôi 10 rupees để cho một người đàn bà vô phúc đang ngồi đợi tôi trước cửa.

Mẹ tôi vừa nói vừa kèm theo một nụ cười rất hấp dẫn, không thể nào từ chối được.

-Tại sao 10 rupees? Một rupee cũng được mà. Khi các cụ nhà tôi qua đời, (cha tôi nói tiếp để tự bào chữa) lần đầu tiên tôi đã biết cảnh nghèo. Bữa ăn trưa của tôi chỉ gồm có một trái chuối nhỏ, mà tôi phải đi học, trường học cách xa đến mấy dặm đường. Về sau vào đại học, tôi nghèo đến nỗi tôi xin tiền trợ cấp mỗi tháng chỉ có một rupee của một vị thẩm phán rất giàu có. Vậy mà ông ta từ chối, viện lẽ rằng tôi đòi hỏi quá nhiều!

Mẹ tôi nói:

-Ông thấy chưa? Ngày nay ông cay đắng biết bao nhiêu khi ông nhớ lại sự từ chối đó! Vậy ông có muốn cho người đàn bà kia cũng cảm thấy một sự cay đắng như vậy chăng khi ông từ chối 10 rupees mà bà ấy đang cần dùng cấp bách?

Mẹ tôi kết luận một cách rất hợp lý.

-À! Vậy bà đã thắng.

Cha tôi nói, và đành chịu thua trước một lý luận chặt chẽ như thế.

-Đây là 10 rupees. Bà hãy đưa cho bà ấy với tất cả mọi sự chúc lành của tôi.

Cha tôi dạy dỗ con cái trong vòng kỷ luật chặt chẽ và chính cha tôi cũng là một người sống rất khắc khổ. Bởi đó, người không khi nào đi xem hát mà chỉ giải trí bằng sự tu dưỡng công phu và đọc sách thánh kinh Bhagavad Gita. Khinh thường mọi sự xa xỉ, người mang những đôi giày cho đến khi cũ mòn không dùng được nữa. Các anh em tôi mua xe hơi khi loại xe này trở thành thông dụng; còn cha tôi chửi xe buýt để đến sở làm. Lòng ham mê tài lợi là một điều hoàn toàn xa lạ đối với tính chất của người. Có một lần, sau khi đã góp công thành lập nhà ngân hàng

thành phố Calcutta, cha tôi từ chối không nhận phần chia lời đặc biệt của mình và nói rằng người chỉ làm bốn phần trong khi nhận rồi, thế thôi.

Sau khi cha tôi về hưu được vài năm, một chuyên viên kế toán người Anh đến xem xét sổ sách của công ty. Ông ta lấy làm vô cùng ngạc nhiên mà nhận thấy rằng cha tôi không hề đòi hỏi phần chia lời của mình. Người chuyên viên tuyên bố:

-Ông ấy đã làm công việc của ba người! Công ty còn thiếu ông ta một số tiền lời chưa trả là 125,000 rupees!

Các viên chức Hòa Xa bèn gửi cho cha tôi một ngân phiếu trả đủ số tiền trên. Cha tôi không nghĩ gì đến vấn đề này, thậm chí cũng quên cả việc nhắc nhở gia đình về số tiền đó. Về sau, em trai tôi là Bishnu nhận thấy có một số tiền lớn gởi vào trương mục ngân hàng của cha tôi, mới hỏi người về vấn đề ấy. Cha tôi nói:

-Cần gì phải hãnh diện vì một lợi lộc vật chất? Người theo con đường Minh Triết không hề vui mừng vì được lợi lộc cũng như y không buồn khi phải bị mất mát thua lỗ. Người biết rằng con người bước vào đời không có một xu và từ già cuộc đời cũng vậy mà thôi.

Ít lâu sau khi thành hôn, cha mẹ tôi trở nên đệ tử của vị Minh Sư Lahiri Mahasaya tại thành Banaras. Việc này càng tăng cường thêm tính chất khắc khổ vốn tự nhiên của cha tôi. Mẹ tôi có lần tâm sự với Uma, chị tôi:

-Ba con với mẹ chỉ gần nhau một năm có một lần, mục đích duy nhất là để có con mà thôi.

Chú Abinash Babu, nhân viên Công ty Hòa xa trạm Gorakhpur đã giới thiệu cha tôi cho vị tôn sư Lahiri Mahasaya. Chú có thuật lại cho tôi nghe nhiều chuyện lạ lùng về đời sống của các vị Minh Sư Ấn Độ, và luôn luôn kết luận rằng Tôn Sư cao hơn tất cả các vị.

-Cháu có bao giờ nghe nói về những trường hợp lạ lùng khiến cho ba cháu trở nên đệ tử của đức Lahiri Mahasaya chưa?

Chính trong buổi chiều mùa hạ đẹp trời, khi chúng tôi ngồi chơi trước thềm nhà, mà chú Abinash đã hỏi tôi câu hỏi đó, nó làm cho tôi rất tò mò. Tôi lắng đầu và ngồi lắng tay nghe. Chú bắt đầu nói:

-Nhiều năm trước khi cháu ra đời, có lần tôi yêu cầu ba cháu, hỏi đó là trường phòng sở Hòa xa ở Gorakhpur, hãy cho tôi nghỉ phép một tuần để đến viếng thăm Sư Phụ ở Banaras. Ba cháu bèn chế diễu tôi: "Chú sắp trở thành cuồng tín chẳng? Chú hãy siêng năng làm việc trong văn phòng, nếu chú muốn tiến thân trên đường công danh sự nghiệp." Ngày đó tôi buồn bã trở về nhà do một con đường nhỏ, và gặp ba cháu cũng đang đi kiệu về nhà khi tan giờ làm việc. Ba cháu cho những người phu kiệu kiệu trở về, rồi đi bộ để đàm đạo với tôi. Để an ủi tôi, ba cháu mới nêu cao những lợi ích làm việc để thành công trên đường đời. Tôi nghe một cách uể oải vì tâm trí tôi lúc ấy chỉ nghĩ đến Tôn Sư là đức Lahiri Mahasaya.

Chúng tôi đi trên con đường mòn xuyên qua một cánh đồng yên tĩnh, mặt trời chiều còn chiếu sáng ánh nắng vàng trên ngọn cỏ. Chúng tôi bèn dừng chân ngắm cảnh. Chính trong lúc ấy từ trong cánh đồng, cách chúng tôi vài bước, hình linh xuất hiện vị tôn sư của tôi:

-Bhagabati, sao con quá khắc khe với thuộc hạ của con quá vậy?

Giọng nói của tôn sư vang rền làm cho chúng tôi lặng người vì ngạc nhiên. Nói xong Ngài liền biến mất một cách đột nhiên cũng như khi Ngài xuất hiện. Tôi bèn quỳ xuống giữa đường và thốt lên: "Lahiri Mahasaya, Sư Phụ của con!" Ba cháu cũng hoàn toàn lặng người như bị sét đánh, và khi người trở lại sắc thái bình thường, người nói:

-Abinash, không những tôi cho chú nghỉ một tuần, mà chính tôi cũng nghỉ phép ngắn hạn để đi Banaras vào ngày mai. Tôi khát khao được chiêm ngưỡng đức Lahiri Mahasaya, người có quyền năng hiện hình tùy theo ý muốn chỉ vì mục đích duy nhất là để xin phép cho chú. Tôi muốn đem vợ tôi theo và yêu cầu tôn sư cho chúng tôi được làm lễ nhập môn để theo học đạo với Ngài. Chú sẵn lòng giới thiệu chúng tôi chứ?

-Lẽ tức nhiên! Tôi đáp.

Tôi rất vui mừng mà thấy rằng lời cầu nguyện của tôi đã linh ứng và mọi sự đã xảy ra một cách tốt đẹp.

Chiều hôm sau, chúng tôi lên xe lửa đi Banaras. Qua ngày kế đó, chúng tôi đi lần lần, khi thì đi ngựa, khi thì đi bộ trên các đường mòn để đến nơi am thất vắng vẻ của tôn sư. Khi chúng tôi bước vào phòng khách, chúng tôi nghiêng mình kính cẩn chào tôn sư, còn Ngài thì ngồi trong tư thế liên hoa như thường lệ. Ngài bèn nhìn thẳng vào mắt ba cháu và nói:

-Bhagabati, sao con quá khắc khe với thuộc hạ của con vậy?

Những lời này chính Ngài đã thốt ra hôm nọ ở cánh đồng Gorakhpur.

-Ta rất vui mà thấy con cho phép Abinash đến đây và cả hai vợ chồng con cùng đi!

Kế đó, tôn sư bèn làm lễ nhập môn cho cha mẹ cháu theo đạo pháp Kriya Yoga (Pháp môn chế ngự sự loạn động của giác quan và giúp người hành giả lần lần đạt tới tâm thức vũ trụ, tức Chân Như Đại Thể.) Từ ngày đáng ghi nhớ, khi cái linh ảnh của tôn sư xuất hiện trên cánh đồng, ba cháu và tôi đều sát cánh nhau không rời, hai huynh đệ đồng môn. Đức Lahiri Mahasaya đã chú ý đặc biệt đến cháu chực chợn sẽ có liên hệ với Ngài, vì ân huệ của tôn sư không bao giờ làm lẫn...

Đức Lahiri Mahasaya từ bỏ thế gian ít lâu sau khi tôi vừa bước vào cuộc đời. Bức di ảnh của Ngài, lồng trong một cái khuôn chạm trổ rất đẹp, luôn luôn được đặt trên một bàn thờ nhỏ của gia đình, bất cứ ở thành phố nào mà cha mẹ tôi di chuyển đến vì nhu cầu công vụ. Sáng và chiều, mẹ tôi và tôi đều suy ngẫm trước bàn thờ, và dâng hương hoa.

Bức chân dung đó có một ảnh hưởng lạ lùng trong đời tôi. Tư tưởng về tôn sư không ngớt thấm nhuần vào người tôi một cách sâu xa khi tôi càng trưởng thành. Có nhiều khi trong cơn thiền định của tôi, hình ảnh của Ngài dường như bước ra khỏi cái khuôn và ngồi trước mặt tôi như là người sống. Khi tôi thử đưa tay lên sờ vào hai bàn chân của Ngài, thì hình ảnh ấy trở thành bức chân dung và lọt vào vải khuôn. Thời gian trôi qua, đức Lahiri Mahasaya không còn là bức ảnh trong khuôn mộc mạc tầm thường nữa, mà trong linh giác của tôi Ngài đã biến thành một sự hiện diện rực rỡ huy hoàng. Tôi luôn luôn gửi lời cầu nguyện đến với Ngài trong những khi buồn thảm cô đơn và tôi luôn luôn được một sự hỗ trợ tinh thần rất mạnh mẽ. Lúc đầu, tôi rất buồn vì tưởng rằng Ngài đã chết, nhưng về sau tôi nhận thức rõ rệt sự toàn thông (hiện diện khắp nơi) của Ngài, và tôi không buồn rầu nữa. Ngài thường viết thơ trả lời cho những đệ tử quá bồn chồn mong muốn gặp mặt Ngài, như sau: "Các con có được lợi ích gì mà nhìn thấy cái thể xác vật chất của ta trong khi ta luôn luôn hiện diện trước cái nhãn quang tâm linh của các con."

Nhờ di ảnh của tôn sư mà tôi được khỏi bệnh một cách nhiệm mầu hồi tôi mới lên tám tuổi: Điều này càng tăng thêm lòng yêu quý của tôi đối với Ngài. Khi cha mẹ tôi còn ở Ichapur, tỉnh Bengale, tôi mắc phải bệnh thiên thời, một chứng bệnh hiểm nghèo rất khó chữa. Các y sĩ đã tuyệt vọng và tuyên bố không thể chữa khỏi bệnh ấy. Mẹ tôi ngồi bên giường bệnh và bảo tôi hãy nhìn bức chân dung của Đức Lahiri Mahasaya treo trên tường, ở đầu giường của tôi.

"Con hãy quỳ trước mặt Ngài bằng tư tưởng!" Mẹ tôi nói, vì biết rằng tôi không còn đủ sức để cựa quậy một ngón tay. "Nếu con có thể chiêm bái Ngài với tất cả tâm hồn, thì con sẽ được cứu thoát."

Tôi chiêm ngưỡng bức thánh dung và đột nhiên một ánh sáng rạng ngời bao phủ lấy mình tôi và lang rộng khắp phòng. Con buồn mửa và triệu chứng khác đều tiêu tan; tôi cảm thấy hết bệnh. Đồng thời, tôi có đủ sức nghiêng mình tới trước và nạm lấy bàn tay của mẹ tôi, chứng tỏ cho mẹ tôi biết rằng đức tin vững chắc của mẹ tôi nơi đức tôn sư đã được ứng đáp mỹ mãn. Mẹ tôi bèn ôm lấy bức chân dung mầu nhiệm và áp mặt lên gò má của bà nhiều lần để tỏ lòng tôn kính.

-Ôi! Tôn sư cao cả! Xin tạ ơn Ngài đã ban ân huệ để cứu mạng của con tôi.

Khi đó tôi biết mẹ tôi cũng đã nhận thấy cái hào quang sáng rực nhờ đó mà tôi đã cứu chữa khỏi một chứng bệnh hiểm nghèo.

Bức chân dung đó là một trong những tài sản quý nhất của tôi. Ngày xưa, chính đức tôn sư ban bức chân dung này cho cha tôi, hiện nay nó vẫn còn mang theo những từ điển và thần lực thiêng liêng. Kali Kumar Roy, bạn đồng môn của cha tôi, có thuật cho tôi nghe lịch sử huyền diệu của nó.

Tôn sư vốn rất ghét chụp ảnh. Mặc dầu Ngài phản đối nhiều lần, nhưng người ta đã chụp được một loạt nhiều bức ảnh một nhóm đệ tử vây chung quanh đức Lahiri Mahasaya. Những người chụp ảnh lấy làm vô cùng ngạc nhiên mà thấy rằng trong các bức hình, không thấy có tôn sư đâu cả và chỗ ngồi của Ngài lại trống trơn, hiện tượng này đã gây nên nhiều lời bình luận sôi nổi.

Khi đó, một đệ tử kiêm chuyên viên nhiếp ảnh đại tài là Ganga Dhar Baba mới nhất định chụp cho kỳ được hình ảnh của tôn sư mới nghe. Sáng ngày hôm sau, khi tôn sư ngồi tĩnh tọa công phu theo thể liên hoa trên một chiếc ghế dài với một tấm bình phong phía sau lưng, Ganga Dhar Babu bèn thỉnh linh xuất hiện với cái máy ảnh. Y đã chuẩn bị mọi sự một cách vô cùng chu đáo và chụp liên tiếp mười hai tấm. Khi rửa hình xong, thì trong hình chỉ tro trọi có cái ghế dài và tấm bình phong, mà không thấy tôn sư đâu cả!

Xấu hổ và rung rung nước mắt, Ganga Dhar Babu đến tìm đức tôn sư. Nhiều giờ lặng lẽ trôi qua trước khi tôn sư phá tan im lặng và nói:

-Ta là Tinh Thần. Máy ảnh của con có thể nào chụp được cái Tinh Thần vô hình vô ảnh?

-Con thấy rõ không! Nhưng bạch tôn sư, con rất muốn có một tấm hình của cái linh diện bằng xương bằng thịt mà theo con biết, đang làm chỗ trú ngụ duy nhất cho cái Tinh Thần đó.

-Như vậy, con hãy đến đây sáng ngày mai. Ta sẽ cho con chụp một tấm.

Thế là người nhiếp ảnh viên lại có dịp trở tài. Hình bóng đức tôn sư từ trước vẫn không ai chụp được, lần này hiện ra rõ rệt trên bức ảnh. Từ khi đó, tôn sư không bao giờ chịu cho bất cứ ai chụp ảnh Ngài nữa.

Ít lâu sau khi đã phục hồi sức khỏe nhờ bức chân dung mầu nhiệm của tôn sư, tôi có một linh ảnh lạ lùng. Một buổi sáng khi tôi còn ngồi trên giường, bỗng nhiên tôi rơi vào một giấc mơ thâm sâu huyền diệu. Một ánh hào quang rạng ngời và rộng lớn vô biên đột nhiên xuất hiện trước nhãn quang của tôi. Những hình ảnh thiêng liêng của các đấng hiển minh thánh triết đắm chìm trong cơn thiền định trong các hang núi thâm u, diễn ra trước mắt tôi như một cuộn phim trên màn ảnh.

- Quý vị là ai? Tôi cất tiếng hỏi.

-Chúng tôi là các đạo sĩ Yogi trên dãy Hy Mã Lạp Sơn.

Câu trả lời vọng đến tai tôi gây cho tôi một cảm giác say sưa, lâng lâng thoát tục.

-A! Tôi cũng phải lên núi Hi Mã Lạp Sơn để trên nên như quý vị.

Cái linh ảnh biến mất, nhưng những tia sáng như bạc vẫn còn nổi rộng thành những vòng tròn trong không gian vô tận...

-Ánh sáng huyền diệu ôi! Người là ai?

-Ta là Thượng Đế (Ishwara). Ta là "Ánh Sáng." Giọng nói ấy nghe như xuôi rót và trong như tiếng suối bạc chảy trong khe núi.

-Con chỉ muốn hợp nhất với Ngài!

Niềm phúc lạc thiêng liêng ấy tan dần và biến mất còn tôi từ ấy luôn luôn khao khát muốn tìm sự hợp nhất với Thượng Đế là đáng trường tồn, nguồn gốc của mọi hạnh phúc và an vui bất tận. Cái kỷ niệm ấy vẫn còn tồn tại rất lâu sau khi linh ảnh chấm dứt.

Một kỷ niệm khác hồi thời thơ ấu của tôi cũng đáng ghi nhớ, vì nó còn ghi dấu trên mình tôi bằng một cái sẹo. Một buổi sáng Uma chị tôi, và tôi cùng ngồi chơi dưới một tán cây to ở Gorakhpur. Trên cành cây, những con kết đang mổ vào những trái sung chín đỏ, Uma kêu đau vì mọt nhọt dưới chân và lấy thuốc xoa bóp chỗ đau. Để giỡn chơi, tôi cũng lấy một chút thuốc và xoa trên cánh tay tôi.

-Em không đau mà cũng thoa thuốc trên tay làm gì? Chị tôi hỏi.

-Chị không biết, ngày mai em sẽ bị mọt nhọt. Em thoa thuốc ở chỗ mà nó sẽ xuất hiện.

-Đồ nói láo!

-Chị ơi, chị không có quyền mắng em như thế trước sáng ngày mai, rồi chị sẽ thấy đúng như lời em nói. Tôi tức mình nên nói càn như vậy.

Uma không tỏ vẻ hối hận mà còn lặp lại câu mắng tôi lúc nãy. Tôi bèn đáp lại bằng một giọng đầy cương quyết:

-Với tất cả sức mạnh ý chí trong mình tôi, tôi tuyên bố rằng không trễ hơn sáng ngày mai, tôi sẽ có một mọt nhọt lớn hơn cánh tay này; còn cái mọt nhọt của chị sẽ sưng lên gấp đôi.

Sáng ngày hôm sau, quả thật nơi cánh tay của tôi mọc lên một mọt nhọt khá lớn và đỏ tươi, còn mọt nhọt của Uma sưng vù lên trông thật dễ sợ. Chị tôi la hoảng lên và chạy kiếm mẹ tôi:

-Mẹ ơi! Mukunda đã thành phù thủy!

Mẹ tôi nghiêm nghị bảo tôi không bao giờ nên dùng quyền năng của lời nói để làm điều chẳng lành. Tôi vâng lời mẹ từ đó không hề quên lời dạy ấy...

Những lời nói chất phác tầm thường, bề ngoài có vẻ vô tội, mà tôi đã thốt ra với một sự tập trung ý chí mãnh liệt, cũng đủ phát ra một sức mạnh vô hình ảnh hưởng phá hoại các tế bào trong da thịt. Về sau, tôi hiểu rằng những âm ba rung động của lời chú nguyện có một quyền năng mãnh liệt, nó còn có thể được sử dụng để giúp chúng ta thoát khỏi những sự khó khăn của cuộc đời.

Gia đình chúng tôi dời đến Lahore trong tỉnh Punjab. Nhà có đặt một cái trang thờ nhỏ ở ngoài bao lơn để thờ đức Phật Bà Quan Thế Âm. Không hiểu sao tôi có một đức tin chắc chắn rằng trước cái trang thờ thiêng liêng này mỗi lời cầu nguyện của tôi đều được đáp ứng. Một ngày nọ khi tôi đang đứng với chị Uma trước bao lơn tôi thấy có hai con điều giấy bay trên nóc nhà ở phía bên kia đường lộ. Uma thấy tôi suy tư, bèn nói đùa:

-Hôm nay em có vẻ như một nhà Hiền Triết.

-Em đang suy nghĩ rằng đức Phật Mẫu thật là quá tốt lành mà đáp ứng mọi điều em mong ước.

-Chị chắc Ngài đã cho em một con điều giấy kia rồi đấy! Chị tôi vừa nói với một giọng điệu cợt.

-Tại sao không?

Tôi bèn âm thầm cầu nguyện đức Phật Mẫu làm cho một con điều giấy kia rơi vào tay tôi.

Bên Ấn Độ, người ta thích chơi điều giấy, mỗi người chơi điều lại tìm cách cắt đứt sợi dây điều của một kẻ đối phương. Khi con điều bị cắt đứt dây, nó sẽ bay lượn trên không trước khi rơi xuống nóc nhà và một cuộc rượt bắt sôi nổi sẽ diễn ra xem ai bắt được con điều. Vì lẽ Uma và tôi đang đứng trên bao lơn, nên chúng tôi không thể nào rượt bắt kịp những người khác.

Phía bên đường lộ cuộc chơi bắt đầu. Một con điều bị cắt đứt dây, nó liền bay tới gần chỗ tôi đứng. Tự nhiên gió im bất làm cho con điều ngừng bay hết một lúc, sợi dây của nó vướng vào một cây sương rồng trên nóc nhà bên cạnh, rồi cuốn lại thành một cái gút to xòa xuống trước mặt tôi. Tôi bèn đưa tay ra nắm lấy sợi dây và đưa con điều cho Uma.

-Đó chỉ là một sự ngẫu nhiên tình cờ, và không có dính dáng đến lời cầu nguyện của em. Em hãy bắt luôn con điều kia thì chị mới tin.

Tuy chị tôi nói vậy, nhưng tôi thoáng thấy trong cặp mắt chị có một sự ngạc nhiên nó đánh chảnh lời của chị.

Tôi bèn tiếp tục cầu nguyện Phật Bà Quan Âm với tất cả tâm hồn. Một người chơi điều bị cắt đứt dây, con điều bèn nhảy múa trên không theo chiều gió và hướng về phía tôi. Sợi dây lại quấn vòng quanh cây sương rồng như lúc nãy rồi làm thành cái gút lớn hạ xuống trước mặt tôi. Tôi bèn nắm lấy và đưa con điều thứ hai cho Uma.

-Lạ thật, đức Phật Mẫu quả thật đã nghe lời cầu nguyện của em. Chị chẳng hiểu gì cả.

Chị tôi liền chạy đi như một con nai tơ bị đuổi.

Điều mong ước lớn nhất của mẹ tôi là lập gia đình cho anh cả tôi. Á! Khi nào tôi nhìn thấy gương mặt vợ của Ananta, tôi sẽ có cảm giác như sống trên thiên đàng ở hạ giới!” Đó là lời của mẹ tôi thốt ra để bày tỏ lòng mong ước điển hình của người Ấn Độ, là được bảo đảm sự nối tiếp giòng dõi của gia đình.

Khi Ananta thành hôn, tôi mới lên bảy tuổi. Mẹ tôi lúc ấy ở Calcutta lo chuẩn bị mọi việc để cử hành hôn lễ. Chỉ còn có cha tôi và tôi ở nhà tại Bareilly, trên miền Bắc Ấn, cha tôi vừa dời đến đây sau ba năm làm việc tại Lahore.

Tôi đã từng dự các cuộc hôn lễ rực rỡ tung bùng của hai chị tôi là Roma và Uma. Đối với Ananta là anh cả trong gia đình, thì những nghi lễ cưới hỏi lại càng đặc biệt và long trọng hơn nữa.

Tại Calcutta, mẹ tôi tiếp đón nhiều quan khách đến từ các vùng xa và để họ tá túc ở một ngôi nhà rộng rãi, đầy đủ tiện nghi vừa mua được ở số 50 đường Amherst. Mọi việc đều đã chuẩn bị sẵn sàng: những món ăn cao lương mỹ vị, chiếc kiệu lát lụa thêu thên đó Ananta sẽ được đặt ngồi lên và khiêng đi một cách long trọng đến nhà tân giai nhân, những đèn lồng màu mè sặc sỡ, những con lạc đà và voi bằng giấy nhồi cứng, những dàn nhạc Ấn Độ và Tây Phương, những kẻ làm trò hề chuyên nghiệp, những tăng lữ hành lễ tôn giáo theo nghi lễ cổ truyền.

Cha tôi và tôi cũng sắp sửa chọn ngày lên đường để dự lễ cưới cùng với gia đình. Nhưng một đêm nọ tôi thấy một linh ảnh báo trước việc chẳng lành.

Đêm đó vào lúc nửa đêm ở tại Bareilly. Tôi đang ngủ bên cạnh cha tôi trên giường thì thỉnh thoảng giật mình thức dậy vì một tiếng động khác thường làm rung rinh chiếc giường. Cái giường vén lên và tôi nhìn thấy mẹ tôi.

- Đánh thức cha con dậy!

Tiếng nói của mẹ tôi lúc ấy chỉ còn là một giọng nói nhỏ thì thầm.

- Hai cha con hãy đáp chuyển xe lửa đầu tiên lúc bốn giờ sáng để đi Calcutta ngay lập tức nếu muốn còn nhìn thấy mẹ!

Nói đến đó, mẹ tôi ngất xỉu và biến mất!

- Cha ơi! Cha! Mẹ đang hấp hối!

Giọng nói sợ hãi của tôi làm cha tôi thức giấc. Tôi càng khóc lớn hơn. Cha tôi dỗ dành:

- Đó chỉ là một cơn ảo ảnh chứ không có gì lạ. Mẹ con đang mạnh khỏe không đau ốm chi. Nếu hôm nay có tin gì, chúng ta sẽ đi ngay vào ngày mai.

- Cha sẽ hối hận suốt đời nếu cha không chịu đi ngay cho kịp ngày. Con cũng vậy, con cũng sẽ oán trách cha suốt đời nếu cha không đi cho con kịp nhìn thấy mẹ!

Tôi nói lớn trong cơn thất vọng. Sáng hôm sau, tôi nhận được bức điện tín: “Mẹ đau nặng. Hôn lễ đình lại sau. Hãy đến ngay.”

Chúng tôi hối hả lên đường. Một người cậu gặp chúng tôi, lúc xe lửa ngừng tại một nhà ga lớn ở dọc đường. Một chuyến xe lửa ở đầu kia đi lại âm âm như cơn giông, tiếng động mỗi lúc càng lớn khi chuyến xe đến càng gần. Trong cơn đau khổ, tôi cảm thấy muốn nhào xuống đường rầy. Tôi đã không còn mẹ, như linh tính tôi đã báo trước, cuộc đời từ nay đối với tôi thật vô vị và không thể chịu nổi. Mẹ tôi là một người tri kỷ lớn nhất mà tôi có trên đời, đôi mắt đen của mẹ tôi là một nguồn an ủi duy nhất, tình thương của mẹ tôi là nơi trú ẩn chắc chắn nhất trong thời thơ ấu của tôi.

- Chị còn sống chăng? Cậu tôi hỏi.

- Tự nhiên là còn! Cha tôi đáp.

Tuy nhiên, tôi không tin tưởng ở lời quả quyết này, và cậu tôi đã khám phá ra nét thất vọng hiện trên gương mặt của tôi.

Chúng tôi đến Calcutta chỉ vừa kịp để chứng kiến cái chết của mẹ tôi. Tôi rơi vào một trạng thái buồn thảm và sự sống đối với tôi không còn ý nghĩa gì. Nhiều năm trôi qua trước khi tôi có thể hòa mình với sự thật đã rồi và không thể tránh khỏi. Những tiếng khóc than của tôi vang dội đến tận mây xanh, sau cùng đã động lòng đức Phật Mẫu thiêng liêng nên ngài đã xoa dịu vết thương lòng của tôi bằng những lời này:

- Chính Ta đã săn sóc đến con, từ kiếp này sang kiếp khác, xuyên qua tình thương của vô số những người mẹ đã sinh ra con ở thế gian! Con hãy thấy trong cái nhìn của Ta những tia sáng diệu hiền của những cặp mắt đẹp long lanh và đen huyền mà con đã mất!

Cha tôi và tôi trở về Bareilly, sau khi lễ hỏa táng mẹ tôi đã hoàn tất. Mỗi buổi sớm mai, tôi thức sớm và đến chiêm ngưỡng dưới gốc cây sheoli che bóng mát xuống bãi cỏ xanh trước nhà. Những cánh hoa trắng tinh của cây sheoli tô điểm cho cảnh vật càng thêm xinh tươi. Đôi mắt đắm lệ và sương, tôi thường nhìn thấy một ánh sáng lạ lùng huyền diệu đến với lúc bình minh. Một cơn khát vọng tìm chân lý xâm chiếm lấy tôi. Tôi cảm thấy một sức lôi cuốn mãnh liệt thúc đẩy tôi đến dãy Hy Mã Lạp Sơn.

Một người anh họ của tôi vừa đi chơi trên dãy Hy Mã Lạp Sơn trở về có đến thăm chúng tôi tại Bareilly. Tôi chăm chú nghe một cách say sưa những chuyện của y tường thuật về những non cao động cả là nơi trú ẩn của các nhà đạo sĩ Yogi.

- Chúng ta hãy đi lên núi Hy Mã Lạp Sơn.

Tôi đề nghị với Durarka Prasad, lúc ấy đang ở trọ nhà chúng tôi tại Bareilly. Y bèn tiết lộ điều đó cho anh cả tôi là Ananta đang đến thăm cha tôi lúc ấy. Ananta không những mỉm cười về chương trình táo bạo của một đứa em nhỏ mà còn điều cốt tủy:

- Cái áo cà sa vàng của em đâu? Cái đó mới là áo của tu sĩ!

Những lời này gây cho tôi một ảnh hưởng bất ngờ. Trong tâm hồn tôi luôn lờn vờn những linh ảnh trong đó tôi thấy tôi mặc áo cà sa vàng của nhà tu sĩ và đi hành hương ta bà khắp xứ Ấn Độ. Phải chăng câu nói đó đã làm thức động những ký ức về những tiền kiếp của tôi khi xưa? Dầu sao, tôi sẵn sàng khoát lấy một cách thoải mái và dễ dàng bộ áo vàng của người tu sĩ.

Một buổi sáng nọ, trong khi tôi đang nói chuyện với Dwarka, lòng sùng kính Thiêng Liêng tự nhiên xâm chiếm hồn tôi một cách đột ngột. Bỗng tôi nghe những lời thuyết pháp hùng hồn của tôi một cách uể oải trong khi tôi lấy làm sung sướng mà nghe giọng nói của chính mình!

Trưa hôm ấy, tôi lên trốn đi Naini Tal, dưới chân núi Hy Mã Lạp Sơn. Ananta liền cương quyết đuổi theo bắt tôi trở lại, và tôi lấy làm buồn mà phải quay trở về Bareilly. Từ nay, cuộc hành hương duy nhất mà tôi được phép thực hiện là đi đến gốc sheoli mỗi buổi sớm mai. Tôi càng khóc thầm vì đã mất đi một người mẹ nhân từ và thánh thiện. Cái chết của mẹ tôi là một sự thiệt thòi lớn cho gia đình. Cha tôi không chịu tái giá, và sống góa vợ như thế trong gần bốn mươi năm. Sống cảnh gà trống nuôi con, cha tôi trở nên dịu dàng và mềm mỏng hơn và dễ thông cảm hơn. Bình tĩnh và lo xa người giải quyết êm thấm tất cả mọi vấn đề trong nội bộ gia đình. Sau giờ làm việc người sống cô độc như một ẩn sĩ trong phòng riêng, và thực hành pháp môn thiền định. Về sau, tôi có ý định thuê một cô người Anh coi sóc việc nhà và đem lại ít nhiều tiện nghi cho gia đình, thì cha tôi lắc đầu từ chối:

- Đối với cha, con thấy không, đã dứt mọi sự săn sóc từ ngày mẹ con khuất núi. Cha sẽ không bao giờ chịu nhận sự săn sóc của một người đàn bà nào khác.

Mười bốn tháng sau khi mẹ tôi mất, tôi mới biết rằng mẹ tôi có để lại cho tôi một thông điệp tôi quan trọng. Ananta có mặt bên giường bệnh khi mẹ tôi hấp hối, đã nghe những lời trăng trối của mẹ tôi. Tuy mẹ tôi có dặn rằng phải cho tôi biết trong một năm sau, nhưng anh tôi đã đình hoãn lại ngày đó. Anh tôi sẽ rời khỏi Bareilly trong ngày gần đây để cưới người con gái mà mẹ tôi đã chọn lựa. Vì thế, một buổi chiều, anh tôi đến tìm tôi và nói:

- Mukunda, từ lâu, anh đã do dự không muốn cho em biết một tin nó sẽ làm em ngạc nhiên.

Ananta nói với một giọng an phận:

- Anh sợ rằng nếu cho em biết sớm hơn, việc này càng làm cho em muốn bỏ gia đình để xuất gia. Tuy nhiên, em đã có nguồn cả hứng thiêng liêng; cho nên lúc rứt bắt em trở lại gia đình sau khi em muốn lên núi Hy Mã Lạp Sơn, anh đã quyết định cho em biết ngay lời trăng trối của mẹ.

Anh tôi bèn đưa cho tôi một cái hộp nhỏ đựng bức thông điệp của mẹ tôi. Trong đó mẹ tôi viết như sau:

Mukunda con ơi! Những lời này là lời chúc lành cuối cùng của mẹ gửi đến con. Giờ phút này là lúc mà mẹ phải tiết lộ cho con biết vài sự lạ thường xảy ra sau khi con vừa mở mắt chào đời. Con chỉ là một hài nhi khi mà định mệnh của con được tiết lộ cho mẹ biết, lần đầu tiên vị tôn sư của mẹ ở Banaras. Hôm ấy, tôn sư đang tọa thiền và xuất thần nhập định, vác vidence từ lúc ấy đang ngồi tề tựu rất đông chung quanh Ngài đến nỗi mẹ ngồi ẩn khuất ở tận phía sau và không nhìn thấy mặt tôn sư.

Mẹ bồng con trên tay và cầu nguyện cho tôn sư biết có mẹ con ta trong đám đông để ngài ban ân huệ cho chúng ta. Trong khi mẹ đang âm thầm cầu nguyện ráo riết thì tôn sư mở mắt ra và gọi mẹ lại gần. Đám đông để cho mẹ đi qua và mẹ quì xuống một bên ngài. Tôn sư mới bồng con đặt lên đầu gối ngài và đặt bàn tay tên trán con trong một cử chỉ ban ân huệ tâm linh. Ngài nói: “Này hiền mẫu, con của người sẽ trở nên một tu sĩ xuất gia. Y sẽ đưa nhiều linh hồn đến cõi Phật.”

Lòng mẹ tràn ngập niềm vui sướng vì tôn sư toàn thông đã nghe được lời cầu nguyện thầm kín của mẹ. Trước khi con lọt lòng mẹ thì tôn sư đã tiên đoán được rằng ngày sau con sẽ noi theo con đường của Ngài.

Về sau, con ơi, mẹ đã có dịp tin tưởng một cách chắc chắn rằng con đường của con sẽ đưa con đi xa khỏi cuộc đời thế tục. Một sự kiện độc đáo đã xác nhận sự tin tưởng đó và ngày nay mẹ để lại cho con lời di chúc tối hậu này, trên giường bệnh hấp hối của mẹ.

Đó là về sự gặp gỡ một nhà hiền giả xứ Punjab. Trong khi gia đình ta đang cư ngụ tại Lahore. Một buổi sớm mai, người gia bộc chạy vào phòng mẹ và nói: “Thưa bà, một người tu sĩ dị kỳ vừa đến đây. Ông ta đòi yết kiến mẹ của Mukunda.”

Những lời nói đó làm cho mẹ sững sốt. Mẹ liền bước ra vái chào người khách lạ. Khi mẹ nghiêng mình kính cẩn chào người, thì mẹ cảm thấy vàng mẹ đang đứng trước một vị sư giả của Thiêng Liêng. Người ấy nói: “Này hiền mẫu, tôn sư muốn cho bà biết rằng kiếp sống hiện tại bà ở thế gian này đã chấm dứt. Con bệnh sắp tới của bà cũng sẽ là con bệnh cuối cùng.”

Nói xong, người im lặng trong một lúc, trong khi mẹ không hề cảm thấy sợ sệt mà tâm hồn mẹ tràn đầy một niềm an tịnh vô biên. Sau cùng người lại nói: “Bà sẽ gửi một món bảo vật hộ phù bằng bạc. Tôi sẽ không đưa cho bà

ngày hôm nay, nhưng để chứng thực lời nói của tôi, vật ấy sẽ hiện ra ngày mai khi bà ngồi thiền. Đến giờ hấp hối, bà sẽ yêu cầu người con cả là Ananata hãy giữ lấy vật ấy trong một năm và sau đó hãy chuyển giao cho người con thứ. Người này sẽ nhận lấy vật ấy vào lúc mà y cảm thấy sẵn sàng từ bỏ thế gian để xuất gia tâm Đạo. Khi người này đã giữ món hộ phù ấy trong nhiều năm và vật ấy đã làm tròn sứ mệnh của nó, nó sẽ tự nhiên biến mất. Y không cần phải dấu nó ở một nơi kín đáo, vì nó sẽ trở về chỗ cũ!”

Mẹ bèn cúng dường cho vị tu sĩ một món tiền đi đường nhưng vội vã từ chối và rút lui sau khi đã ban ân huệ cho mẹ. Chiều hôm sau, khi mẹ ngồi thiền, một vật hộ phù bằng bạc tự nhiên xuất hiện trong hai bàn tay của mẹ, đúng như lời vị tu sĩ đã nói trước. Vật ấy trước hết hiện ra làm cho mẹ có một cảm giác lạnh lạnh và trơn trơn trong bàn tay. Mẹ đã giữ gìn cẩn thận vật ấy trong hai năm và đã giao cho Ananta.

Mukunda con hỡi, con đừng khóc mẹ nữa, vị tôn sư thiêng liêng sẽ hộ trì cho mẹ trong cõi Vô Cùng. Thôi, mẹ từ giã con, và cầu chúc đức Phật Mẫu che chở cho con.

(Mẹ tôi đã biết trước một cách bí mật rằng bà sẽ không còn sống bao lâu nữa, do đó tôi mới biết vì sao mẹ tôi quyết định cưới vợ gấp cho anh tôi.)

Một ánh sáng thần diệu xâm chiếm lấy tôi khi tôi sở hữu món bảo vật ấy; nhiều kỷ niệm đã lãng quên từ đâu nay đã thức động trở lại. Món bảo vật, hình tròn, có một dĩ vãng cổ xưa không biết từ đời nào, có khắc chữ cổ Phạn. Tôi đoán rằng đó là món quà tặng của những vị Minh Sư mà tôi đã biết trong những kiếp quá khứ, ngày nay đã đặt tôi dưới sự bảo vệ vô hình và bí ẩn của ngài. Nó còn có một ý nghĩa huyền diệu khác nữa mà tôi không được phép tiết lộ.

Còn món bảo vật đã biến mất như thế nào vào những giờ phút đau khổ nhất của đời tôi, và sự biến mất ấy mở màn cho việc gặp gỡ với tôn sư tôi như thế nào, thì điều đó tôi không thể tường thuật lại trong chương này.

Nhưng người thanh niên bị thất vọng trong chuyến du hành lên dãy Hy Mã Lạp Sơn, đã đi xa, dưới ảnh hưởng phò trợ vô hình của món bảo vật hộ phù.

Chương 3

Người Đạo Sĩ Phân Thân

- Thưa cha, nếu con hứa với cha rằng con sẽ trở về nhà mà không có sự gì rắc rối, cha cho phép con đi chơi thành Banaras một chuyến chẳng?

- Cha không bao giờ ngăn cản lòng ham thích đi du lịch của tôi. Dầu trong lúc tôi còn thơ ấu, cha tôi từng cho phép tôi đi hành hương thăm viếng nhiều thành phố và danh lam thắng cảnh, thường là với một vài người bạn. Chúng tôi đi du lịch trên toa xe lửa hạng nhất, với những vé của cha tôi lấy cho, nhờ địa vị của cha tôi trong công ty hỏa xa nên chúng tôi có thể đi du lịch một cách thuận tiện và dễ dàng.

Cha tôi đã hứa chấp thuận lời yêu cầu của tôi. Ngày hôm sau, người gọi tôi lại gần và đưa cho tôi một vé xe lửa đi Banaras, một số tiền rupees và hai bức thư.

Cha có một việc kinh doanh mà cha định đề nghị với một người bạn ở Banaras là Kedar Nath tiên sinh. Rủi thay, cha đã đánh mất địa chỉ của ông ta. Nhưng con có thể chuyển giao bức thư của cha qua sự trung gian của một người bạn khác là đại đức Pranabananda. Vị tu sĩ này, một bạn đồng môn với cha, có một trình độ tâm linh rất cao và sự tiếp xúc với người sẽ rất hữu ích cho con. Bức thư thứ hai là thư giới thiệu con với vị tu sĩ ấy.

Tôi bước chân ra đi, với lòng nhiệt thành của tuổi thiếu niên. Khi vừa đến Banaras, tôi liền tìm đến nhà của vị tu sĩ. Một người thân hình lực lưỡng mình trần, vận chần, đang ngồi kiết dâ theo tư thế Liên Hoa trên một bậc thềm khá cao> người ấy râu tóc đều cạo sạch, với một nụ cười an lạc thoảng nhẹ trên môi. Để trấn tĩnh tâm hồn còn non dại của tôi, người tiếp đón tôi như một người bạn cố hữu, và nói với một giọng ân cần:

- Bằng an đến với con!

Tôi bèn quỳ xuống làm lễ và sờ nhẹ lên hai bàn chân người theo phong tục bốn xứ.

- Thưa Đại Đức, có phải ngài là Đại Đức Swami Pranabananda không?

Người gật đầu và nói:

- Còn con là con của Bhagabati phải chẳng?

Người thốt ra những lời này trước khi tôi có thời giờ móc trong túi ra lấy bức thư của cha tôi.

Ngạc nhiên, tôi bèn đưa cho người bức thư giới thiệu mà tôi thấy không cần thiết nữa. Chưa vội xem thư, người đã nói:

- Lễ tự nhiên, tôi sẽ tìm Kedar Nath tiên sinh để trao bức thư của cha con.

Lại một lần nữa, thần nhãn của vị tu sĩ làm cho tôi ngạc nhiên. Khi ấy, người mới mở thư ra xem và nói vài lời ưu ái về cha tôi.

- Con biết không, tôi hưởng thụ được hai phần hưu bổng, phần thứ nhất là nhờ cha con khi tôi còn làm việc dưới quyền của người ở sở Hỏa Xa; còn phần thứ hai nhờ ở Thượng Đế, nhờ Ngài mà tôi đã thực hiện được công việc của tôi trong kiếp này.

Tôi nhận thấy câu nói ấy ý nghĩa rất mập mờ bí hiểm.

- Đại Đức hưởng phần hưu bổng của Thượng Đế ra sao? Ngài cho Đại Đức tiền phải không?

Vị tu sĩ bật cười:

- Tôi muốn nói đó là sự bằng an tuyệt vời nó đến với tôi sau nhiều năm thiền định. Hiện nay tôi không cần tiền để làm gì; vì những nhu cầu ít ỏi của tôi được thỏa mãn một cách rộng rãi. Sau này con sẽ hiểu ý nghĩa những lời tôi nói.

Kể đó, vị tu sĩ ngưng nói chuyện và thẳng mình ngồi yên bất động như pho tượng đá. Lúc đầu, đôi mắt tu sĩ còn như đắm chìm vào cõi hư không. Sự im lặng này làm tôi băng khuâng, và lại vị tu sĩ vẫn chưa nói cho tôi biết làm thế nào tôi có thể gặp người bạn của cha tôi. Tôi nhìn qua một lượt khắp gian phòng trống trơn và sau cùng tôi chú ý đến đôi guốc của vị tu sĩ đặt dưới chân thềm.

- Con đừng băn khoăn gì nữa; người mà con muốn tìm sẽ đến đây trong nửa giờ.

Vị tu sĩ đọc được tư tưởng của tôi, lần này không phải khó khăn gì lắm!

Người lại ngồi yên và im như pho tượng. Tôi nhìn đồng hồ tay thì thấy nửa giờ đã trôi qua. Vị tu sĩ lại nói:

- Tôi chắc là Kedar Nath Babu tiên sinh đã gần đến trước cửa.

Tôi lắng nghe có tiếng chân người bước lên cầu thang. Tôi hoàn toàn ngạ nhiên và những tư tưởng huyền ảo dần dập trong trí tôi. Làm sao bạn của cha tôi có thể được mời đến đây mà không do sự trung gian của một người phát thư nào? Từ khi tôi đến đây, vị tu sĩ không có nói chuyện với ai cả, ngoài tôi ra. Tôi bèn bước ra khỏi phòng và đi xuống cầu thang. Giữa thang lầu, tôi gặp một người gầy ốm, vóc vạc trung bình, màu da tái nhợt và có vẻ vội vàng.

- Có phải ông là Kedar Nath Babu tiên sinh? Tôi hỏi với một giọng xúc động.

- Phải, còn em là con của Bhagabati đến đợi tôi ở đây? Người vừa nói vừa cười một cách thân tình.

- Thưa ông, làm sao ông biết mà đến đây gặp cháu? Sự có mặt khó hiểu của ông ta làm cho tôi phân vân.

- Hôm nay, thật là nhiều chuyện bí hiểm! Cách đây không đầy một giờ, khi tôi vừa tắm xong dưới sông Hằng thì Đại Đức Swami Pranabananda đã tìm tôi ở tận bờ sông. Tôi không hiểu tại sao đại đức lại biết tôi ở dưới sông vào giờ đó. Rồi đại đức nói: “Con của Bhagabati đợi anh ở nhà tôi. Anh hãy đi theo tôi về nhà.”

- Tôi vui vẻ nhận lời, và cùng đi về với đại đức. Khi đi đường, đại đức chân đi guốc gỗ nhưng đi mau hơn tôi trong khi tôi mang giày bố, nhẹ và gọn, dùng để đi bộ đường xa. Bỗng nhiên, người dùng chân và hỏi:

- Từ đây về nhà, anh đi mất bao lâu?

- Độ chừng nửa giờ.

- Bây giờ, tôi còn phải làm việc khác và tạm biệt anh ở đây. Anh sẽ gặp tôi tại nhà với người con của Bhagabati.

- Trước khi tôi có thời giờ để mở miệng, người đã đi ngay và biến mất dạng trong đám đông. Tôi đã hối hả đến ngay cho kịp.

Cách giải thích này càng làm cho tôi rối trí thêm và không hiểu gì cả. Tôi hỏi:

- Đại Đức đã xuất hiện trong một linh ảnh hay là ông đã thấy người bằng xương bằng thịt, đã sờ vào mình người và nghe tiếng chân của người đi?

Kedar Nath Babu tiên sinh đâm ra gắt gỏng:

- Em nói cái gì vậy? Tôi không có nói láo! Làm sao tôi biết em đợi tôi ở đây nếu đại đức không nói cho tôi biết?

- Ấy là vì đại đức Swami Pranabananda không hề bước ra khỏi phòng này từ khi tôi đến đây trước một giờ!

Tôi đáp và thuật lại cho ông ta nghe những gì đã xảy ra. Kedar Nath Babu tiên sinh gương đôi mắt lớn:

- Tôi mơ chẳng? Tôi không thể tưởng tượng rằng một phép lạ như vậy có thể xảy ra! Tôi tưởng rằng đại đức cũng như mọi người, không ngờ người lại có quyền năng phân thân và xuất hiện ở hai nơi cùng một lúc!

Chúng tôi bước vào phòng của nhà tu sĩ. Kedar tiên sinh khều tôi nói nhỏ:

- Em hãy nhìn xem, đây chính là đôi guốc cây mà người đã mang dưới bờ sông. Và khi đó, người cũng chỉ vận có một cái chân!

Kedar tiên sinh vừa nghiêng mình chào, thì vị tu sĩ đã quay mặt về phía tôi với nụ cười bí hiểm.

- Tại sao con ngạc nhiên như vậy? Tính chất đồng thể của hiện tượng giới không phải là điều xa lạ đạo sĩ với các nhà đạo sĩ chân chính. Bất cứ lúc nào, tôi cũng nhìn thấy và trò chuyện với các đệ tử của tôi ở Calcutta, chính họ cũng có cái khả năng thắng đoạt mọi chướng ngại vật chất tùy ý muốn.

Đề gây sự nhiệt thành trong tâm hồn non nớt của tôi, vị tu sĩ mới nói về những quyền năng của người, thuộc về loại giống như vô tuyến điện hay vô tuyến truyền hình, những quyền năng này hãy còn ẩn tàng trong con người. Nhưng thay vì cảm thấy hứng khởi, tôi chỉ cảm thấy một sự kinh hãi sợ sệt. Vì tôi phải bắt đầu học Đạo dưới sự chỉ dẫn của một vị tôn sư duy nhất là Sri Yukteswar, mà tôi chưa từng được yết kiến dung nhan, nên tôi không thấy có hứng thú muốn chấp nhận tu sĩ Pranabananda làm thầy. Tôi bèn do dự hỏi tu sĩ rằng không viết chính thật là người đang ở trước mặt tôi lúc đó, hay chỉ là cái hình bóng của người xuất hiện trước mắt tôi.

Tu sĩ tìm cách giải tỏa nỗi băn khoăn của tôi bằng một cái nhìn đầy hảo ý nó đi sâu vào tận tâm hồn tôi và với những lời nói đầy cảm hứng về vị tôn sư của người.

- Đức Lahiri Mahasaya là vị tôn sư cao cả nhất mà tôi được biết. Ngài chính là hiện thân của Đấng Thiêng Liêng, khoác lấy một thể xác bằng xương thịt!

- Tôi nghĩ rằng nếu vị đệ tử có thể phân thân để hiện hình ở hai nơi cùng một lúc, thì có sự nhiệm mầu nào mà vị Tôn Sư không thể làm được!

- Tôi muốn cho con hiểu rằng sự hướng dẫn của một vị tôn sư là một điều quý báu dường nào! Mỗi đêm, tôi tham thiền trong tám giờ, cùng với một bạn đồng môn khác. Ban ngày chúng tôi cùng làm việc ở sở Hòa Xa. Tôi nhận thấy khổ tâm mà phải tiêu phí trong sở làm cái thời giờ quý báu mà tôi muốn dành cho việc hành đạo. Tuy nhiên, tôi đã kiên tâm trong tám năm để dành một vài giờ mỗi đêm cho sự thiền định và tôi đã đạt được những kết quả thật lạ lùng. Phần thưởng mà tôi gặt hái được là những cảm hứng tâm linh siêu đẳng đã đến với tôi, nhưng luôn luôn vẫn còn một tấm màn, tuy rất mỏng manh tế nhị, nó ngăn cách giữa tôi với Thiêng Liêng. Mặc dầu những cố gắng siêu phàm, tôi vẫn không sao thực hiện được sự hợp nhất tuyệt đối với cõi Vô Cùng. Một hôm tôi đến viếng tôn sư và suốt đêm khẩn cầu người hãy trợ giúp tôi:

- Hỡi Tôn Sư cao cả! Sự hấp hối tâm linh của tôi đã đến mức độ mà cuộc đời đối với tôi chỉ là một gánh nặng nếu tôi không đạt tới cõi Đạo diệu huyền.

- Ta biết làm sao? Con hãy thiền định một cách kiên tâm hơn nữa!

- Tôi lại khẩn cầu ráo riết. Đức Lahiri Mahasaya đưa một tay ra trong một cử chỉ ban ân huệ và nói:

- Bây giờ con hãy về tham thiền trở lại. Ta đã xin Thượng Đế gia ơn cho con.

- Tôi yên lòng như trút được một gánh nặng, và trở về nhà. Đêm đó, trong con thiền định, tôi đã đạt được cái mục đích tối cao của đời tôi. Tấm màn ảo ảnh không còn ngăn cách giữa tôi với Đấng Tạo Hóa thiêng liêng, và kể từ đó tôi luôn luôn được thụ hưởng món “hữu bổng” tâm linh, không bao giờ dứt.

Giương mặt tu sĩ Pranabananda phản chiếu một ánh hào quang siêu phàm. Lòng tôi cũng tràn ngập một niềm an tĩnh thiêng liêng, không còn sợ sệt băn khoăn như trước. Tu sĩ lại kể:

Vài tháng sau, tôi trở lại thăm viếng đức Lahiri Mahasaya để tạ ơn ngài về cái ân huệ thiêng liêng mà ngài đã ban cho tôi. Xong rồi tôi yêu cầu:

“Bach sư phụ, con không thể tiếp tục làm việc ở công sở được nữa. Sư phụ hãy giúp cho con thôi việc, vì con cảm thấy say sưa mùi Đạo không thể nào dập tắt.”

“Con hãy đòi tiền hưu bổng ở sở Hỏa Xa.”

“Con phải đưa ra lý do vì bây giờ?”

“Con hãy nói theo ý con nghĩ.”

Qua ngày hôm sau, tôi đưa đơn xin nghỉ việc. Viên y sĩ của công ty hỏi lý do. Tôi nói:

“Tôi cảm thấy khi ngồi nơi bàn giấy, một cảm giác ớn ớn dọc theo xương sống nó lan tràn khắp châu thân và khiến tôi không thể làm việc được.”

Viên y sĩ không hỏi gì thêm, mà đề nghị với công ty cho tôi nghỉ việc và lãnh tiền hưu bổng sớm trước kỳ hạn. Tôi biết rằng đó là do ý chí thiêng liêng của đức Lahiri Mahasaya đã hành động qua sự trung gian của vị y sĩ và các chức viên cao cấp của công ty, gồm có cả cha của con. Họ đã đương nhiên tuân theo những chỉ thị tâm linh của tôn sư cao cả và đã giải phóng cho tôi khỏi trách nhiệm hằng ngày để dành trọn cuộc đời mình cho sự công phu tu luyện.

Sau cuộc nói chuyện đó, tu sĩ Pranabananda lại đắm chìm trong cơn im lặng thâm trầm. Kho tôi từ biệt tu sĩ và kính cẩn đặt nhẹ bàn tay lên hai chân người, thì người ban ân huệ và nói với tôi rằng:

-Cuộc đời con sẽ dành cho sự tu luyện pháp môn Yoga, và sự thoát ly ra khỏi vòng thế tục. Tôi sẽ gặp lại con và cha con sau này.

Lời tiên tri đó đã được thực hiện.

Kedar Nath Babu tiên sinh cũng đi gần bên tôi khi trời đã sẩm tối. Tôi đưa cho ông bức thư của cha tôi, ông đọc thư dưới ánh đèn ở bên đường lộ.

- Cha em mời tôi nhận một việc làm với Công Ty Hỏa Xa ở Calcutta.

Thật là một điều tốt mà làm việc để có ít nhất là một trong hai món hưu bổng của tu sĩ Pranabananda. Nhưng tha ôi! Không thể được, vì tôi không thể rời khỏi Banaras và tôi cũng không thể phân thân để cùng xuất hiện một lúc hai chỗ!

Chương 4

Tôi Trốn Lên Dãy Hy Mã Lạp Sơn

- Anh hãy bỏ lớp học đi ra với một lý do nào đó, anh gọi một chiếc xe ngựa rồi ngừng lại ở dọc đường tại một nơi mà không ai nhìn thấy từ phía nhà tôi.

Tôi đó chấm dứt lời dặn dò của tôi với Amar Mitter, một người bạn cùng lớp ở trường đại học, sẵn sàng trốn theo tôi lên dãy Hy Mã Lạp Sơn. Chúng tôi phải đề phòng cẩn mật, vì Ananta theo dõi chúng tôi với cặp mắt nghi ngờ, sẵn sàng phá hỏng kế hoạch thoát ly ra khỏi nhà mà tôi đã âm ập từ lâu.

Món linh vật gây cho tôi một ảnh hưởng thâm kín mà tôi không ngờ. Chính trên dãy Hy Mã Lạp Sơn đầy băng giá là nơi tôi định gặp vị tôn sư mà dung nhan thường xuất hiện trong những linh ảnh của tôi.

Gia đình tôi lúc ấy đang ngụ tại Calcutta, cha tôi đã được thuyền chuyển đến đây một cách vĩnh viễn. Theo phong tục cổ truyền Ấn Độ, anh cả tôi Ananta đã đem vợ về ở chung với đại gia đình chúng tôi ở số 4 đường Gurpar Road. Trong nhà có một cái gác nhỏ trên đó tôi tham thiền hàng ngày và tự chuẩn bị để gặp gỡ tôn sư.

Buổi sớm mai đáng ghi nhớ đó đến với một cơn mưa báo điềm không tốt. Khi tôi nghe tiếng bánh xe ngựa của Amar lăn trên đường lộ, tôi vội hạ tom góp một cái mền, một quyển Bhagavad Gita, một xâu chuỗi bồ đề và hai cái chăn vải. Tôi ném gói đồ qua khung cửa sổ. Kế đó tôi vội vàng chạy xuống cầu thang và gặp cậu tôi đứng trước cửa đang mua ra cái.

- Mày làm gì mà vội vàng thế?

Cậu tôi hỏi và nhìn tôi một cách nghi ngờ.

Tôi mỉm cười một cách vô tư và bước ra đường cái. Với gói đồ trên tay, tôi đến chỗ hẹn với Amar, bước lên xe ngựa rồi cho xe chạy về khu thương mại Chandni Chauk. Từ nhiều tháng nay, chúng tôi đã đề dành tiền từng xu từng đồng để sắm đồ Âu Phục, với ý định mặc vào để đánh lạc hướng anh tôi, vì Ananta gặp khi hữu sự cũng có lúc biết hành động như một thám tử đại tài.

Chúng tôi ngừng xe ở giữa đường đi đến nhà ga để đón người anh họ tôi tên là Jatinda, đã bị thuyết phục về đức tin nơi việc tâm sư học đạo. Y khoác vào bộ âu phục mới mà chúng tôi đã dành sẵn cho y. Với lối nguy trang sang trọng này, chúng tôi cảm thấy trong lòng ngập một niềm vui sướng nhẹ nhàng.

- Bây giờ chúng ta phải mang giày bỏ.

Tôi dắt bạn tôi đến một tiệm giày và nói:

- Những đồ vật dụng bằng da toàn là do sự giết chóc loài vật mà có, phải được tuyệt đối cấm nhứt đối với những người hành hương!

Tôi ngừng lại để xé bỏ cái bìa da bọc ngoài quyển kinh Bhagavad Gita và tháo gỡ sợi dây da trên cái nón của tôi.

Đến nhà ga, chúng tôi mua vé xe lửa đi Burdwan, tại đây chúng tôi đi Hardwar, ở dưới chân dãy Hy Mã Lạp Sơn. Khi xe lửa đã lăn bánh chờ chúng tôi đi trên lộ trình đã vạch sẵn, tôi mới thả tâm hồn trôi theo cái đà của sự tưởng tượng:

- Này các bạn hãy nghĩ xem! chúng ta sẽ nhập môn học Đạo với các Chân Sư và sẽ trải qua kinh nghiệm tâm thức siêu đẳng. Những tế bào trong thân xác chúng ta sẽ chứa đầy một thứ từ điển siêu linh đến nỗi những loài thú dữ trên dãy Hy Mã Lạp Sơn sẽ hiền lành đến độ liếm chân chúng ta! Những con cọp trên núi cũng sẽ đến với chúng ta như những con mèo khổng lồ và ngoan ngoãn xin chúng ta ban cho những cái vuốt ve triu mến!

Cái viễn ảnh có vẻ hấp dẫn đó làm cho Amar nở một nụ cười hứng khởi. Nhưng Jatinda thì lại có vẻ tư lự, y day mặt về phía cửa sổ và ngắm nhìn cảnh vật bên ngoài.

- Chúng ta hãy chia tiền, Jatinda đề nghị sau một cơn im lặng kéo dài. Mỗi người sẽ tự động mua vé khi tới Burdwan. Như vậy không ai nghi ngờ rằng chúng ta cùng đi trốn tập thể.

Tôi đồng ý không một mảy may nghi ngờ. Đến chiều, xe lửa ngừng tại ga Burdwan. Jatinda đến quầy mua vé, còn Amar và tôi đứng đợi trên bến. Một chiếc đồng hồ trôi qua, chúng tôi không nghe động tĩnh gì, bèn đi tìm Jatinda và kêu réo tên y với một niềm thất vọng rõ rệt.

Nhưng y đã trốn mất dạng trong bóng tối của nhà ga.

Hoàn toàn chán nản tôi cảm thấy tuyệt vọng và xuống tinh thần. Cầu xin Thượng Đế che chở cho chúng con khỏi bị cơn thử thách nặng nề như vậy! Kế hoạch tâm sư học đa.o mà tôi đã nghiêm ngắc căn kế từ bấy lâu nay, giờ đã bị phá hỏng một cách đau đớn chua cay khó bề cứu vãn.

- Amar, chúng ta phải trở về nhà, tôi vừa nói vừa khóc như một đứa trẻ nhỏ. Sự phản bội của Jatinda là một điềm gở. Chuyến đi hành hương của chúng ta đã bị thất bại.

- Công phu tâm sư học Đạo của anh chỉ có vậy thôi sao? Anh không đủ sức chịu đựng cơn thử thách do sự phản bội của một bạn đồng hành chăng?

Lời ngụ ý về một sự thử thách có ý nghĩa thiêng liêng ấy đủ gây ảnh hưởng cấp thời là nâng cao tinh thần của tôi lập tức. Chúng tôi giải lao với những loại kẹo mứt ngon có tiếng của tỉnh Burdwan trong khi chờ đợi chuyến xe lửa

khác đi Hardwar qua ngã Bareilly. Khi đổi xe ở trạm Moghul Serai, chúng tôi bước lên bến và thảo luận về một vấn đề tối quan trọng.

- Amar, lát nữa những nhân viên hỏa xa sẽ hỏi chúng ta rất nhiều chuyện. Tôi lại càng không dám coi thường lòng quý quyết của anh tôi! Dầu việc gì xảy ra tôi cũng nhất định không nói dối.

- Mukunda, anh hãy bình tĩnh ngồi yên. Nhất là đừng cười và đừng nói gì cả, cứ để tôi trả lời.

Ngay khi đó, một nhân viên hỏa xa người Anh bước đến gần chúng tôi. Y đưa cho tôi xem một bức điện tín màu xanh mà tôi đoán ra ngay tầm quan trọng của nó.

- Có phải vì oán hận gia đình mà các anh bỏ nhà trốn đi?

- Không.

Tôi sung sướng vì câu hỏi vụng về của y giúp chúng tôi khỏi phải nói dối. Tôi trốn đi không phải vì oán hận ai cả mà vì lòng khát khao chân lý.

Người nhân viên quay sang Amar. Cuộc đối thoại tiếp theo đó làm cho tôi phải cố gắng tự chủ mới giữ được sự nghiêm trang của tôi.

- Còn thanh niên thứ ba đâu? Im lặng. Người nhân viên lên giọng uy quyền:

- Hãy nói mau và phải nói thật.

- Thưa ông, tôi nhận thấy ông đang đeo kính. Ông há chẳng nhìn thấy rằng chúng tôi chỉ có hai người.

Amar vừa cười ranh mãnh vừa nói tiếp:

- Vì tôi không phải là một nhà phù thủy, nên tôi tự thấy không có khả năng tạo ra một người thứ ba!

Người nhân viên hơi có vẻ lạc hướng, bèn tấn công chúng tôi trên một địa hạt khác:

- Anh tên chi?

- Tôi tên là Thomas, mẹ tôi là người Anh và cha tôi là người Ấn theo đạo Thiên Chúa.

- Còn bạn anh tên chi?

- Anh ta tên Thompson.

Tôi phải cố gắng lắm mới khỏi bật cười và luôn dấp lao mình tới trước toa xe lửa khi tiếng còi hú lên và xe sắp chạy. Amar chạy theo tôi cùng với người nhân viên hỏa xa, người này tin tưởng câu chuyện vừa rồi là thật đến nỗi y xếp chúng tôi vào một toa thượng hạng dành cho người Âu! Hẳn là y đau lòng mà thấy những người thiếu niên có giòng máu Anh Quốc trong huyết quản lại đi du lịch một cách vất vả trong toa dành cho người bốn xứ. Khi y đã lễ phép và cáo từ rút lui, tôi mới lặn mình ra trên nệm mà cười mãi không thôi. Bạn tôi cảm thấy không có gì sung sướng hơn là đánh lừa một nhân viên hỏa xa người Âu.

Lúc ở trên bến, tôi đã đọc được bức điện tín của anh tôi gửi cho sở Hỏa Xa: “Ba thanh niên Bengali mặc Âu Phục đi trốn về hướng Hardwar, qua Moghul Serai. Yêu cầu bắt giữ lại chờ tôi đến nơi. Sẽ xin hậu tạ.”

- Amar, tôi đã dặn anh cẩn thận đừng bỏ quên trên bàn tắm thời khắc biểu có ghi lộ trình của chúng ta, tôi trách bạn bằng một giọng cay cú. Anh tôi chắc là đã tìm thấy bản lộ trình rồi!

Bạn tôi cúi đầu không nói gì. Chúng tôi ngừng ở Bareilly, tại đây Dwarka Prasad đã đợi chúng tôi với một điện tín của Ananta. Người bạn thâm giao này cố giữ chúng tôi lại nhưng vô ích: tôi thuyết phục y rằng cuộc hành trình của chúng tôi không phải thực hiện với một mục đích băng quơ, vô căn cứ. Cũng như lần trước, Dwarka từ chối không chịu đi theo tôi.

Đêm hôm đó, trong khi chuyển xe lửa của chúng tôi ngừng tại một nhà ga dọc đường và tôi đang ngủ ngon giấc, Amar bị một nhân viên hỏa xa khác đánh thức dậy và chất vấn nhưng không bao lâu người cũng bị thuyết phục bởi câu chuyện bịa đặt về “Thomas và Thompson.”

Sáng hôm sau, chúng tôi đặt chân một cách vất vả lên thị trấn Hardwar. Những ngọn núi hùng vĩ dựng lên chom chồm ở đằng xa tận chân trời. Chúng tôi bèn đi mau ra khỏi ga để khỏi lẫn lộn với đám rừng người ở chung quanh. Việc làm đầu tiên của chúng tôi là thay bộ Âu Phục và khoác vào bộ y phục bốn xứ, vì Ananta biết rõ cách nguy trang của chúng tôi. Trong trí tôi luôn lớn vồn cái ý nghĩ báo điềm rằng có lẽ chúng tôi sẽ bị bắt trở lại.

Sự lo xa bắt buộc chúng tôi phải đi ngay, chúng tôi bèn mua vé đi Rishikesh, thị trấn này là một nơi linh địa mà các chân sư đã từng thánh hóa tự muôn đời về trước. Tôi đã vào toa xe và Amar còn ở trên bến thì tôi nghe tiếng kêu của một cảnh sát viên.... Người này hộ tống chúng tôi đến một gian phòng của nhà ga, tịch thu số tiền còn lại của chúng tôi và kẻ đó giải thích cho chúng tôi nghe một cách thủ tục rằng y có bổn phận giữ chúng tôi lại để chờ anh tôi đến.

Khi nghe chúng tôi định đi lên dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, người cảnh sát viên thuật lại cho chúng tôi nghe một chuyện dị kỳ:

- Tôi nhận thấy các canh đang say mê với ý định gặp các vị thánh nhân hiện triết. Các anh sẽ không bao giờ gặp được một vị cao cả hơn người mà tôi gặp mới ngày hôm qua! Tôi và một bạn hữu đã tiếp xúc với người lần đầu tiên cách đây năm ngày. Chúng tôi đang đi tuần cảnh trên sông Hằng với mục đích truy nã một kẻ sát nhân, chúng tôi được lệnh phải bắt cho được y, dầu còn sống hay chết. Chúng tôi biết y đã cải trang làm một tu sĩ để lường gạt những người hành hương. Bỗng nhiên, chúng tôi nhìn thấy cách đó vài bước có một người tu sĩ giống như hình dáng mô tả của kẻ sát nhân nọ. Chúng tôi bèn ra lệnh cho y đứng lại, y không nghe và cứ điềm nhiên đi thẳng. Chúng tôi bèn đuổi theo bèn gót, khi đến nơi, tôi bèn dùng toàn lực giáng cho y một búa, y gờ tay đỡ thì nhát búa chặt y gần đứt liền cánh tay.

Không một tiếng kêu la, cũng không hề để ý chút nào đến vết thương kinh khủng, người lạ mặt vẫn tiếp tục bước. Chúng tôi vượt lên tới trước mặt để chặn đường y, khi đó y mới lặng lẽ nói: “Tôi không phải là kẻ sát nhân mà các ông tìm kiếm!” Hoàn toàn hối hận vì đã chém lầm một vị tu sĩ thánh thiện, tôi bèn quỳ xuống chân người để xin người tha lỗi và lột chiếc khăn trên đầu tôi để xin rịt lại vết thương đang chảy máu lênh láng. “Con ơi, đó là một lỗi lầm không cố ý của con,” vị tu sĩ nói một cách đầy hảo ý. “Con hãy đi đi, và đừng hối hận gì, Đức Phật Mẫu thiêng liêng sẽ lo cho tôi.”

Người tu sĩ bèn gắn lại cánh tay đã gần lìa khỏi thân mình, cánh tay liền dính vào chỗ cũ như là không có việc gì xảy ra; máu cũng ngừng chảy một cách mầu nhiệm. “Con hãy đến tìm tôi dưới bóng cây này tổng vòng ba ngày và con sẽ thấy tôi hoàn toàn bình phục. Như vậy, con sẽ không còn hối hận gì.”

Chiều hôm qua, tôi với người bạn cùng đến chỗ hẹn thì người tu sĩ đã có mặt ở đó. Người cho chúng tôi xem lại vết thương thì cánh tay đã lành và không để lại một vết tích gì, cũng chẳng có một vết sẹo nào!

“Tôi sẽ đi qua ngã Rishikesh để đến những vùng hoang vắng trên dãy Hi Mã Lạp Sơn.” Người nói xong, liền ban ân huệ cho chúng tôi và đi khuất dạng. Cử chỉ ban ân huệ đó làm cho tôi hoàn toàn thay đổi và trở nên một người khác hẳn.

Người cảnh sát viên kết luận bằng những lời như trên. Cái kinh nghiệm đó đã làm cho y vượt trội hẳn lên trên trình độ của y lúc bình thường. Bằng một cử chỉ trịnh trọng, y đưa cho tôi, như để xác nhận câu chuyện vừa rồi, một tờ báo tường thuật sự nhiệm mầu ấy. Có điều là cũng như mọi tờ báo đăng những chuyện kinh dị có tính cách giật gân ở trên thế gian này, đầu là ở Ấn Độ cũng vậy, người phóng viên thuật lại một cách thái quá, nói rằng người tu sĩ đã bị chém gần đứt đầu!

Amar và tôi cả thấy thất vọng vì không được chiêm ngưỡng vị tu sĩ đã tha thứ cho người đã làm hại mình một cách thần nhiên như một bậc thánh. Xứ Ấn Độ, nghèo nàn từ nhiều thế kỷ về phương diện vật chất, lại có một kho tàng tâm linh dồi dào phong phú bất tận. Thậm chí những nhân viên công lực cũng đung đầu với các tu sĩ chân chính trên bước đường đời!

Chúng tôi cảm ơn người cảnh sát viên vì đã cho chúng tôi nghe một câu chuyện làm nâng cao tinh thần. Có lẽ y muốn tỏ ra rằng y sung sướng hơn chúng tôi nhiều vì y không mất công bao nhiêu mà đã phát hiện được một bậc thánh nhân, còn sự tìm tòi vất vả và khó nhọc của chúng tôi đã kết thúc không phải ở dưới chân Thầy, mà ở bót cảnh sát.

Vừa gần mà lại vừa xa dãy Hy Mã Lạp Sơn, vì lúc ấy chúng tôi ở trong tình trạng bị bắt giữ, tôi nói cho Amar biết rằng tôi quyết định đi trốn. Tôi bèn cười khuyến khích:

- Chúng ta hãy trốn đi khi có dịp thuận tiện, rồi chúng ta có thể đi bộ đến Rishikesh.

Nhưng bạn tôi lại thối chí vì số tiền còn lại của chúng tôi đã bị tịch thu.

- Đi bộ trong rừng già đầy nguy hiểm, e rằng chúng ta sẽ không đến được đất thánh, mà sẽ chui vào bụng cọp!

Ba ngày sau, Ananta và người anh của Amar cũng đến nơi Amar tiếp đón anh mình một cách triu mến và mừng rỡ, còn tôi thì giận ra mặt:

- Anh hiểu tâm trạng của em, anh tôi nói để vỗ về an ủi tôi. Anh chỉ yêu cầu em đi với anh đến Banaras để viếng một nhà mô phạm và đến Calcutta trong vài ngày để thăm cha. Rồi sau đó em có thể đi tìm thầy.

Đến đây Amar xen vào câu chuyện để cho biết rằng y không có sum họp trong bầu không khí gia đình. Về phần tôi, tôi đã nguyện không bỏ ý định tâm sự học đạo. Chúng tôi bè đi Banaras, tại đây những điều sở cầu của tôi được đáp ứng một cách lạ lùng.

Ananta đã sắp đặt một mưu kế tinh vi. Trước khi y đến tìm tôi ở Hardwar, y có ghé ngang Banaras và đã thăm dò một nhà bác học mô phạm về việc của tôi. Nhà bác học này và con trai ông hứa sẽ cố gắng thuyết phục tôi đừng theo con đường xuất gia.

Ananta dắt tôi đến nhà vị bác học. Người con trai, một thanh niên lanh lẹ, tiếp đón tôi ở ngoài sân và đưa tôi vào một cuộc thảo luận triết lý đông dài. Y tự cho là có năng khiếu thần nhãn để đánh đổ ý nghĩ muốn xuất gia của tôi.

- Anh sẽ gặp đủ thứ tai họa và sẽ không thể nào gặp Đạo nếu anh muốn trốn trách nhiệm hàng ngày. Người ta không thể thắng đoạt nghiệp quả của mình nếu chưa thấu thập kinh nghiệm của trường đời.

Những lời nói bất hủ của Sri Krishna lúc đó hiện ra trong trí tôi: “Dẫu cho những kẻ tội lỗi nhất biết dốc lòng thờ kính Thiêng Liêng, y sẽ được oí như một kẻ thiện nhân vì thật ra y đã hành động như một thiện nhân. Y sẽ biết làm đúng bốn phận và thẳng tiến đến cõi bình an trường cửu. Hỡi thí sinh, con nên biết rằng kẻ nào biết thờ kính Thiêng Liêng sẽ trở nên bất tử.” (Bhagavad Gita)

Tuy nhiên, những lời luận thuyết hùng hồn của người thanh niên đã làm cho tôi bị lay chuyển ít nhiều. Tôi bèn nguyện cầu tất cả tâm hồn: “Cầu xin Thượng Đế hãy soi sáng cho con trong sự nghi nan và hãy chứng tỏ cho con biết ngay rằng Ngài muốn cho con đi theo con đường xuất gia, hay con đường của người thế tục?”

Ngay khi ấy, tôi nhìn thấy ở cách nhà vị bác học một quãng không xa, một vị tu sĩ đạo mạo bước đi chậm rãi. Hình như vị tu sĩ đã nghe lóm được cuộc đàm luận của tôi với người thanh niên tự xưng là có thần nhãn, và người gọi tôi đến gần. Tôi bị thu hút bởi luồng từ điển diệu huyền trong đôi mắt yên lặng của người.

- Con ơi, đừng nghe lời kẻ ngu dốt này. Đáp lại cầu nguyện của con, Thượng Đế đã dạy ta nói cho con biết rằng trong kiếp này, con đường duy nhất của con sẽ là con đường xuất gia.

Ngạc nhiên và biết ơn về lời khuyên nhủ quyết định ấy, tôi mỉm cười một cách thoải mái.

- Đừng đến gần người ấy!

Tên “ngu dốt” gọi tôi từ trong sân nhà.

Vị tu sĩ ban ân huệ cho tôi và từ từ bước đi.

- Người tu sĩ ấy cũng điên như anh!

Lần này chính nhà bác học mô phạm tóc bạc hoa râu đã nói câu “lịch sự” ấy. Cả hai cha con y đều nói với một vẻ mặt u ám:

- Chắc ông ta cũng đã bỏ nhà ra đi với mục đích viễn vông là đi tìm Thượng Đế!

Tôi bèn lui gót cho Ananta biết rằng tôi không muốn tiếp tục câu chuyện với chủ nhà. Anh ta đành nghe theo và chúng tôi liền đáp xe lửa đi Calcutta.

-Này ông thám tử, ông làm thế nào mà biết rằng tôi đã đi với hai người bạn? Tôi tò mò hỏi Ananta trên chuyến đi trở về.

Anh tôi mỉm cười chân biếm:

- Tại trường, anh nghe nói Amar bỏ lớp học ra đi không trở lại. Sáng hôm sau anh đến nhà y và tìm thấy một bản thời khắc biểu hóa xa có ghi dấu lộ trình. Cha của Amar cũng vừa gọi một chiếc xe ngựa và nói với người phu xe với giọng rên rỉ: “Sáng nay tôi không đưa con tôi đi tới trường, vì nó vừa đi biệt tích!” Người phu xe đáp: “Tôi nghe một đồng nghiệp vừa nói rằng con ông cùng hai thanh niên khác mặc áo phục đã đáp chuyến xe lửa tại nhà ga Howrah. Họ bỏ lại mấy đôi giày da cho người bạn tôi.” Như vậy anh nắm được ba yếu tố: bản lộ trình, ba người thanh niên, và họ mặc đồ âu phục.

Tôi nghe Ananta tiết lộ những điều ấy với một cảm giác lẫn lộn vừa khen thầm vừa chán nản. Sự rộng rãi của chúng tôi đối với người phu xe thật là không đúng chỗ! Ananta nói tiếp:

- Lễ tự nhiên anh liền gọi ngay mấy bức điện tín cho nhân viên trạm xe lửa mà Amar đã ghi trong thời khắc biểu. Trạm Bareilly có ghi dấu, anh điện cho Dwarka, bạn của em tại đó. Do sự dò hỏi những người láng giềng ở Calcutta, anh biết Jatinda đã vắng mặt suốt đêm, nhưng đã trở về sáng hôm sau và mặc áo phục. Anh bèn đến tìm y và mời y dùng cơm tối; thấy anh vui vẻ và thân tình, y bèn nhận lời.

- Dọc đường, trong khi y không nghĩ ngờ gì cả, anh đưa y ngay vào sở cảnh sát, tại đây đã chờ sẵn những cảnh sát mà anh đã móc nối từ trước và chọn lựa những người có vẻ mặt hung tợn. Dưới cái nhìn hung ác của họ, Jatinda phải thú thật với anh tất cả mọi việc:

“Tôi bước chân ra đi với một lòng vui vẻ nhẹ nhàng. Tôi lấy làm sung sướng với ý nghĩ sẽ gặp các vị chân sư, nhưng khi Mukunda nói rằng, “Đắm chìm trong cơn đại định trong các động đá, chúng ta sẽ chinh phục cả đến loài thú dữ. Những con cọp lớn sẽ vây chung quanh ta thành một vòng tròn và ngoan ngoãn dễ thương như những con mèo,” tôi bèn cảm thấy rộn xuong sống và mồ hôi lạnh toát ra như tắm. Tôi nghĩ rằng nếu sự giác ngộ tâm linh của chúng tôi chưa đủ mạnh để chinh phục được loài cọp dữ, thì liệu chúng có ngoan ngoãn với chúng tôi như mèo không? Tôi đã tưởng tượng rằng tôi chui vào bụng cọp, không phải chui nguyên người vào một lần, mà bị rút ra từng mảnh!”

Sự oán hận của tôi đối với Jatinda đổi thành một trận cười giòn giã, nó bù lại tất cả những sự lo âu mà y đã gây ra cho tôi sau khi y trốn đi biệt tích. Tôi phải thú thật là cảm thấy hơi khoái chí vì chính Jatinda cũng không thoát khỏi lưới cảnh sát!

- Ananta, quả thật anh có tâm hồn của một con chó săn!

Tôi vừa nhìn y một cách thích thú nhưng không khỏi đượm một vẻ chán chường:

- Tôi sẽ nói với Jatinda rằng tôi lấy làm sung sướng mà thấy y đã hành động không phải với ý định phản bội chúng tôi như tôi đã lầm tưởng, mà chỉ vì bản năng tự tồn!

Đến Calcutta, cha tôi khuyên tôi hãy giảm bớt, lòng ham thích ngao du, đầu rằng chỉ trong ít lâu, cho đến cuối niên học ban tú tài. Trong khi tôi vắng mặt, người đã dò hỏi một vị tu sĩ khiêm bác học là đại đức Kebalananda, vụ này hứa sẽ đến nhà thường xuyên để dạy tôi học. Cha tôi nói:

- Vị tu sĩ này sẽ là thầy dạy Phạn ngữ của con.

Cha tôi hy vọng thỏa mãn lòng khát khao học đạo của tôi bằng cách đem cho tôi một vị học giả uyên bác làm thầy. Nhưng ý định đó hoàn toàn bị đảo lộn: vị thầy dạy học của tôi thay vì dạy tôi một môn học khô khan, lại càng làm cho tôi tăng thêm lòng khát khao chân lý. Cha tôi cho biết rằng đại đức Kebalananda là một vị đệ tử cao niên của đức tôn sư Lahiri Mahasaya. Tôn sư có đến hàng nghìn đệ tử bị hấp dẫn bởi nguồn từ điển mãnh liệt có sức lôi cuốn của ngài. Về sau, tôi nghe nói rằng tôn sư xem đại đức Kebalananda như một vị thánh đã ngộ Đạo.

Vị thầy dạy học của tôi có một gương mặt đẹp lồng trong một khung tóc đen huyền mà những lọn tóc quăn thông xuống tận vai. Đôi mắt đen của người có một nét tinh anh và ngây thơ như tre con. Mỗi cử động của thân mình mảnh dẻ của người biểu hiện sự cương quyết vững mạnh. Luôn luôn dịu hiền và khả ái, người đã đạt tới cõi tâm thức vô cùng. Chúng tôi đã trải qua nhiều giờ thú vị gần bên nhau để thực hiện môn thiền định.

Đại đức Kebalananda rất tinh thông các kinh điển cổ và các thánh kinh Ấn Giáo. Tuy nhiên, tôi không tiến bộ được bao nhiêu về môn Phạn ngữ. Tôi viện bất cứ lý do nhỏ mọn nào để bỏ qua việc học văn phạm, để nói Đạo lý và nói về đức Lahiri Mahasaya. Một hôm vị thầy dạy học của tôi thuật cho tôi nghe một giai đoạn đời sống của người bên cạnh đức tôn sư:

Do một điểm phúc hiếm có, tôi có cái hân hạnh sống trong mười năm gần bên Tôn Sư. Mỗi buổi chiều, đạo viện của ngài ở Banaras là một nơi hành hương của tôi. Tôn sư thường có mặt ở một phòng khách nhỏ trên lầu. Ngài ngồi kiết dã theo tư thế liên hoa trên một chiếc ghế gỗ và các đệ tử ngồi thành một vòng bán nguyệt chung quanh ngài đắm chìm trong cơn đại định, ngài ngồi yên đôi mắt lim dim mờ hé trụ vào những cõi giới bằng an vô tận. Ngài ít khi nói chuyện. Đôi khi, nhãn quang của ngài trụ vào một đệ tử đang gặp cơn khó khăn và cần được giúp đỡ; khi đó, những lời nói đầy nhân từ của ngài tuôn tràn như suối chảy.

Một sự bằng an tuyệt vời tràn ngập cõi lòng tôi dưới cái nhìn của Tôn Sư. Hương thơm minh triết của ngài thấm nhuần vào người tôi cũng như hương thơm của hoa sen. Sống gần bên ngài, dầu cho chúng tôi không trao đổi với nhau một lời nào, cũng đủ làm cho tâm hồn tôi hoàn toàn thay đổi. Trong cơn thiền định, nếu tôi gặp một chương ngại vô hình nào, tôi chỉ cần đến ngồi thiền dưới chân Tôn Sư cũng đủ làm cho tôi vượt qua trở lực đó dễ dàng! Ngồi thiền một bên Ngài, những trạng thái tâm thức siêu đẳng đều nằm trong tầm tay tôi, trong khi tôi không thể đạt tới những trạng thái đó dưới sự chỉ dẫn của những vị minh sư khác. Đức Tôn Sư quả thật là một Thánh Điện thiêng liêng mà những cửa bí mật đều mở rộng cho tất cả các đệ tử trên đường sùng tín.

Đức Lahiri Mahasaya không phải là một nhà học giả uyên bác về các Kinh Thánh. Không cần cố gắng, Ngài dường như có sẵn trong lòng cả một kho tàng kinh điển thiêng liêng. Sự minh triết của ngài tràn ngập chúng tôi như một biển đại dương muôn trùng. Ngài nắm giữ cái chìa khóa diệu huyền mở cửa kho tàng minh triết của kinh Phệ Đà, từ nghìn xưa vẫn từng là nơi tích trữ những viên ngọc quý vô giá của nền Đạo thâm sâu, vi diệu. Khi người ta yêu cầu ngài giải thích những trạng thái tâm thức khác nhau được ghi trong các thánh kinh cổ, ngài gật đầu với một nụ cười: “Để tôi trải nghiệm những trạng thái đó rồi tôi sẽ nói cho quý vị biết tôi thấy những gì.”

Ngài thật khác xa với những vị đạo sư tự nhồi sọ bằng kinh điển, rồi sau đó chỉ tuôn ra những lý thuyết trừu tượng không thể nào thực hiện được!

Tôn sư không bao giờ khuyên chúng tôi hãy tin tưởng một cách mù quáng. Ngài thường nói: “Những danh từ chỉ là cái vỏ bề ngoài. Quý vị hãy tự mình kinh nghiệm lấy Chân Như Đại Thể bằng cách thực hành môn thiền định.”

Dầu cho người đệ tử gặp phải những sự khó khăn như thế nào, Tôn Sư đều khuyên thực hành pháp môn Kriya Yoga như một phương tiện để giải quyết:

- Chia khóa của pháp môn này sẽ duy trì hiệu lực của nó dầu cho đến khi tôi không còn ở gần bên quý vị. Cái kỹ thuật của nó không có thể mất đi, hoặc trở nên khô cạn, hay lãng quên như sự hiểu biết qua sách vở và lý thuyết suông. Quý vị hãy kiên tâm bền chí trên con đường giải thoát của pháp môn Kriya Yoga, cái sức mạnh của nó là ở sự thực hành.

Tu sĩ Kebalananda kết luận:

- Riêng tôi, tôi coi pháp môn Kriya Yoga như các khí cụ lý tưởng để tự giải thoát bằng sự cố gắng trên đường tu luyện.

Tu sĩ Kebalananda từng chứng kiến một sự màu nhiệm do đức Tôn Sư thực hiện. Một ngày nọ người thuật lại cho tôi nghe câu chuyện sau đây:

- Trong các đệ tử của các Tôn Sư, có huynh Ramu làm cho tôi động lòng trắc ẩn. Hai mắt của huynh đã mù không nhìn thấy ánh sáng, trong khi huynh vẫn hết lòng phục vụ Tôn Sư một cách sùng tín và trung thành. Một ngày nọ tôi định nói chuyện với Ramu, nhưng huynh đang ngồi dưới chân thầy, và quạt cho thầy bằng một cây quạt đan bằng lá dừa mà huynh đã ra công làm lấy. Khi huynh bước ra khỏi tịnh xá, tôi mới theo dõi và hỏi huynh:

- Ramu, huynh bị mù mất từ bao giờ?

- Tôi không hề nhìn thấy ánh mặt trời từ khi mới sinh ra.

- Đức Tôn Sư toan năng có thể chữa lành bệnh cho huynh, huynh nên đến mà cầu khẩn người.

Ngày hôm sau, Ramu rón rén bước đến gần bên Thầy. Y có vẻ như hổ thẹn mà cầu xin thêm một ân huệ vật chất ngoài những ân huệ tâm linh mà y đã được hưởng.

- Bạch Tôn Sư, ánh sáng của vũ trụ vốn ở nơi Tôn Sư. Xin Tôn Sư hãy ban cho con một ít ánh sáng huyền diệu đó để cho con có thể nhìn thấy mặt trời.

- Ramu, chắc hẳn là có kẻ nào định gây sự khó khăn cho thầy. Thầy không có quyền năng chữa bệnh bao giờ.

- Bạch Tôn Sư, Phật Tánh thiêng liêng ẩn tàng nơi ngài có cái quyền năng đó!

- À, Ramu, nếu vậy thì khác. Quyền năng của Thượng Đế vốn vô biên! Đáng Tối Cao có quyền năng thấp sáng các bầu tinh tú và chuyển sinh lực vào cơ thể, thể bào các động vật, hẳn có thể phục hồi nhãn quang lại cho con.

Kế đó Tôn Sư đưa tay điểm vào trán Ramu ở tại một chỗ giữa hai chân mày:

- Con hãy tập trung tư tưởng vào điểm này, và tưởng niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà trong bảy ngày. Ánh sáng mặt trời chùng đó sẽ chói rạng trước mắt kinh ngạc của con.

Một tuần lễ sau, lời tiên đoán của Tôn Sư đã được thực hiện. Ramu có thể chiêm ngưỡng những sự vật kỳ thú của cõi thiên nhiên. Tôn Sư đã dặn Ramu hãy chú niệm danh hiệu đức Phật Di Đà mà y tôn sùng hơn tất cả các vị khác. Lòng sùng kính của Ramu là từ cái mảnh đất thuận lợi cho Tôn Sư gieo hạt giống tốt của sự bình phục trường cửu.

Đại đức Kebalananda im lặng một lúc, rồi nói tiếp:

- Hiển nhiên là trong tất cả những sự màu nhiệm của ngài làm, Tôn Sư không bao giờ để cho một may mắn lòng ích kỷ ảnh hưởng đến ý đồ của ngài. Tôn Sư hành động một cách hồn nhiên vô tư, như một đường vận hà để cho nguồn thần lực thiêng liêng, vốn có năng lực chữa trị, mọi bệnh tật được tự do lưu thông xuyên qua ngài.

Vô số những thể xác được đức Lahiri Mahasaya chữa khỏi bệnh tật một cách mau nhiệm như thế, đầu sao cũng phải có ngày xuống mồ học đem hỏa táng. Nhưng còn sự thức tỉnh tâm linh chớm nở trong tâm hồn của các đệ tử do bởi sự tiếp xúc với ngài, đó mới là sự mau nhiệm bất biến bà bất tử của ngài.

Tôi không bao giờ trở nên một học giả ưu tú về môn Phạn ngữ; đại đức Kebalananda đã dạy cho tôi một thứ ngôn ngữ khác còn thiêng liêng hơn nhiều.

NGƯỜI TU SĨ ĐÁNH CỌP

- Tôi đã tìm ra địa chỉ của vị "tu sĩ đánh cọp". Chúng ta có thể đi đến đó vào ngày mai.

Chandi, một bạn cùng lớp, đã đưa cho tôi lời đề nghị hấp dẫn trên. Tôi rất muốn gặp vị tu sĩ hồi trước khi xuất gia đã từng đánh cọp với hai bàn tay không. Một sự hứng khởi nồng nhiệt của tuổi trẻ xâm chiếm lấy tôi khi tôi nghĩ đến một vị tu sĩ có những kỳ công chưa ai từng thấy.

Ngày hôm sau, mặc dù tiết trời lạnh lẽo, nhưng Chandi và tôi cùng vui vẻ ra đi. Sau khi đã tìm kiếm rất lâu tại Bhowanipur, vùng ngoại ô Calcutta, chúng tôi đã tìm thấy nhà vị tu sĩ. Cửa ngoài có những vòng sắt mà tôi khua với một tiếng động âm ỉ để báo hiệu. Tuy thế người nô bộc thông dong bước ra và một nụ cười châm biếm dường như muốn nói rằng những tiếng động âm ỉ đó không thể nào làm mất được sự yên tĩnh nơi này.

Thăm hiểu ý nghĩa của sự trách móc câm lặng đó, chúng tôi cảm thấy nhẹ nhàng thoải mái khi được mời vào phòng khách. Một con chờ đợi rất lâu làm cho thần kinh chúng tôi căng thẳng cực độ. Tục lệ từ nghìn xưa ở Ấn độ vẫn đòi hỏi sự kiên nhẫn ở nơi người khát khao đi tìm chân lý; một danh sư có thể thử thách người đi tìm đạo bằng cách đó.

Sau cùng, người nô bộc bước vào và đưa chúng tôi vào buồng ngủ, tại đây tu sĩ Sohong Swami đang ngồi trên giường. Thân hình lực lưỡng của tu sĩ làm chúng tôi đứng sững trở mặt nhìn và câm lặng vì kinh ngạc. Chúng tôi chưa từng thấy người nào có cái thân hình to lớn rắn chắc như thế, với những bắp thịt giống như những quả bóng túc cầu. Người có một cái cổ to lớn khác thường, gương mặt người phẳng phất một nét hung tợn nhưng lặng dịu trong sự bằng an, những lọn tóc dài cuốn tròn thả xuống tận vai, một bộ râu đen phủ dưới cằm. Tu sĩ mình trần, chỉ khoát có một tấm da cọp quấn quanh lưng, để lộ một thân mình lực lưỡng đầy những bắp thịt.

Sau một cơn im lặng, chúng tôi chào tu sĩ và bày tỏ lòng khâm phục của chúng tôi về những kỳ công hiển hách đã qua của người.

- Xin ông hãy nói cho chúng tôi biết bằng cách nào mà chỉ với hai tay không, ông đã chiến thắng con thú dữ nhất rừng già, là con cọp xám trong tỉnh Bengale?

- Các em hỡi, đối với tôi, việc đó chỉ là một trò chơi. Tôi luôn luôn sẵn sàng tái diễn những kỳ công đó.

Tu sĩ nở một nụ cười hồn nhiên:

- Đối với các em, một con cọp là một con cọp; đối với tôi, nó chỉ là một con mèo nhỏ!

- Thừa đại đức, tôi nhìn nhận người ta có thể tự kỷ ám thị rằng con cọp chỉ là con mèo, nhưng làm sao khiến cho con cọp cũng tin điều đó?

- Lẽ tự nhiên, sức mạnh cũng là điều cần thiết. Một đứa trẻ sơ sinh có thể tưởng rằng con cọp là con mèo lớn, nhưng con cọp chắc sẽ không chịu hiểu như vậy. Khí giới duy nhất của tôi là hai cánh tay khỏe mạnh.

Tu sĩ đứng dậy, mời chúng tôi đi theo ông ra nơi hành lang và giơ quả đu đủ một cái vào tường. Một viên gạch liền lăn xuống đất, và một nền trời xanh xuất hiện xuyên qua chỗ lỗ trống. Tôi lao đảo dưới sự ngạc nhiên: một người có thể chọc thủng một vách tường kiên cố với một quả đu đủ bằng tay không, hẳn là có thể đánh gãy quai hàm một con cọp.

- Vài người cũng lực lưỡng như tôi lại thiếu mất sự bình tĩnh. Người nào chỉ có sức mạnh thể chất mà không có sức mạnh tinh thần có thể bị sợ hãi trước một con thú dữ khát máu thả rong trong rừng rậm. Một con cọp sống tự do với tính chất hung dữ tự nhiên của nó sẽ nguy hiểm hơn một con cọp trong găng xiềng đã bị hóa giải vì chất thuốc phiện!...

Thế theo lời yêu cầu của chúng tôi, tu sĩ vui lòng thuật lại cuộc đời của ông ta cho chúng tôi nghe:

- Từ thuở nhỏ, tôi vẫn một lòng ước muốn mãnh liệt là đánh cọp. Ý chí của tôi đánh thép không lay chuyển, nhưng xác thân tôi yếu.

Tôi bất giác thốt ra một tiếng kêu ngạc nhiên. Một người lực sĩ to lớn như thế lại nói rằng mình "yếu," điều đó có một cái gì làm tôi kinh ngạc.

- Chỉ bằng tập trung tư tưởng với hết tất cả tâm hồn vào những ý nghĩ sức mạnh và sức khỏe mà tôi đã vượt qua sự trở ngại đó. Tôi đã hoàn toàn có lý mà mong muốn đạt được bằng mọi giá cái sức mạnh tâm linh nó đã giúp tôi hàng phục được chúa sơn lâm.

- Thừa tu sĩ, ông có nghĩ rằng tôi có thể đánh được cọp không?

Đó là lần duy nhất trong đời mà cái tham vọng lạ kỳ đó thoáng qua trong trí tôi. Tu sĩ cười nói:

- Được chứ! Nhưng có nhiều loài cọp dữ. Một vài loại đó lại văng trong đám rừng đục vọng của con người. Không có ích gì mà giết loài thú dữ vô tri vô giác. Tốt hơn hết là giết những loài hùm beo lang sói trong nội tâm.

- Xin tu sĩ hãy thuật cho chúng tôi nghe bằng cách nào từ một người khắc phục thú dữ, ông đã trở thành người khắc phục được đục vọng của mình?

Tu sĩ im lặng một lúc, đôi mắt lim dim dường như thả hồn trôi theo những ký ức của một dĩ vãng xa xăm. Tôi đoán chắc ông ta đang tự hỏi xem có nên thỏa mãn lời yêu cầu của tôi chăng. Sau cùng ông ta bằng lòng với một nụ cười:

- Khi tôi đạt tới sự vinh quang tột đỉnh, lòng kiêu căng tự phụ của tôi tăng trưởng đến nỗi tôi quyết định không những đánh bại loài cọp dữ mà còn bày ra những trò chơi lạ mắt cho chúng tôi tham dự. Tôi có tham vọng là bắt loài cọp beo phải tuân lệnh sai khiến của tôi như những loài vật trong nhà. Tôi biểu diễn trước công chúng và thành công mỹ mãn.

Một hôm, cha tôi bước vào phòng tôi, mặt có vẻ suy tư:

- Con ơi, cha phải dặn con nên đề phòng cái hiểm họa có thể gây nên bởi một sự phản trắc của định mệnh, do sự xoay vần của định luật nhân quả.

- Cha lại đâm ra tin tưởng ở số kiếp nữa ư? Cha tưởng rằng sự dị đoan có thể ngăn chặn sự tiến bước của con trên đường vinh quang chăng?

- Cha không biết Nhưng cha tin tưởng ở định luật nhân quả báo ứng như trong kinh điển đã nói. Loài thú dữ ở rừng xanh đang thù ghét con; một ngày kia chúng sẽ hại con.

- Thừa cha, cha biết rằng loài cọp là một giống bất nhân! Khi nó đã ăn thịt một con thú no ngấy đến tận cổ, nó vẫn sẵn sàng lao mình vào một miếng mồi khác; miếng mồi này có thể là một con nai tơ đang nhảy nhót vui vẻ trong rừng rậm! Rồi khi đã cắn chết con nai tơ, nó chỉ uống một ngụm máu tươi của con vật vô tội này và bỏ đi.

- Loài cọp là loài đáng ghét nhất rừng xanh! Biết đâu những quả dấm của con chẳng gieo vào óc chúng một ít minh triết làm cho chúng biết điều hơn Con sẽ dạy cho chúng một bài học về phép xử thế và lịch sự ở đời!

- Cha hãy coi con như một người tập luyện thú dữ chứ không phải là một người giết cọp. Như vậy, những việc tốt của con làm sao lại có thể đưa đến nghiệp quả xấu? Xin cha đừng bắt buộc con phải đổi nghề nghiệp!

Chandi và tôi ngồi im lặng nghe, và lấy làm xúc động về câu chuyện đối thoại đó. Ở Ấn độ, cha mẹ có uy quyền đối với con cái, và một người con không hề cãi lời cha mẹ một cách vô ý thức.

Cha tôi nghe một cách kiên nhẫn và giữ im lặng. Một lúc sau, người mới nói một cách nghiêm trọng.

- Con ơi, cha phải tiết lộ cho con biết một lời tiên tri chẳng lành do một vị tu sĩ thánh đức nói với cha khi cha ngồi thiền hằng ngày ngoài hàng ba: "Tôi có một thông điệp để nhĩn nhủ với con ông. Nó cần phải giảm bớt lập tức những sự đánh đấm hung bạo của nó. Nếu không, trong một cuộc đấu sức tới đây, nó sẽ bị những vết thương kinh khủng làm cho nó dờ sống dờ chết trong sáu tháng trường. Sau đó nó sẽ từ bỏ cuộc đời trần tục và trở nên một tu sĩ xuất gia".

Lời tiên tri đó không làm cho tôi nao núng chút nào. Tôi nghĩ rằng cha tôi vì quá tin người nên trở thành nạn nhân của một kẻ cuồng tín vô vị.

Nói đến đây, vị "tu sĩ đánh cọp" có vẻ hối hận về một lỗi lầm trong quá khứ. Ông ta đắm chìm trong một sự im lặng nặng nề dường như quên cả sự có mặt của chúng tôi. Khi ông ta tiếp tục câu chuyện, thì ông ta đã hạ thấp giọng, gần như thì thầm"

Ít lâu sau, khi có lời cảnh cáo đó, tôi đến viếng Cooch Behar, thủ phủ của tiểu bang này. Phong cảnh ngoạn mục của nơi đây hãy còn mới lạ đối với tôi, nên tôi định ở lại đây ít lâu để nghỉ ngơi giải trí sau những cuộc đấu sức với thú dữ. Như thường lệ, một đám đông những kẻ tò mò theo dõi tôi ở ngoài đường, người ta nói thì thầm vào tai nhau, bất cứ chỗ nào tôi đi qua: "Đó là nhà lực sĩ đánh cọp!" hoặc, "Gương mặt của y giống như hiện thân của chúa sơn lâm!" Trong vài giờ, tin đồn về sự có mặt của tôi đã làm sôi động trọn cả thành phố.

Chiều đến, tôi đang ngồi trong nhà thì nghe có tiếng vó ngựa chạy ngoài trước; mấy con ngựa ngừng lại trước cửa nhà và vài viên công lực mặc sắc phục, đầu bịt khăn bước vào. Tôi lấy làm hoang mang, tự nghĩ rằng chắc họ sẽ thẩm vấn hỏi cung tôi về những điều mà tôi chẳng biết chi cả. Nhưng không, các nhân viên ấy nghiêng mình chào tôi một cách lịch sự khác thường và nói: "Thưa ông, chúng tôi đến đây để có lời chào ông, do mệnh lệnh của hoàng tử Cooch Behar. Hoàng tử có bày tỏ ý muốn được gặp ông sáng mai tại tư dinh của ngài".

Tôi do dự một lúc. Không hiểu vì lý do gì tôi cảm thấy rất tiếc mà phải gián đoạn sự nghỉ ngơi yên tĩnh của tôi. Nhưng tôi lại xiêu lòng trước những lời mời mọc khẩn thiết của những nhân viên hộ vệ và tôi bèn nhận lời.

Qua ngày hôm sau, tôi hoàn toàn kinh ngạc mà thấy một chiếc xe song mã đẹp lộng lẫy đến trước cửa để đón tiếp tôi một cách long trọng đến tư dinh của hoàng tử. Một người lính hầu cầm một cái lọng che thật đẹp để che nắng cho tôi. Tôi bước lên xe đi một vòng qua thành phố và những rừng cây ở vùng chung quanh. Hoàng tử đích thân ra đứng trước cửa tư dinh để tiếp đón tôi. Hoàng tử mời tôi ngồi trên chiếc ghế bành lót nệm thêu chỉ vàng của người vẫn dùng thường ngày, còn mình thì ngồi trên một chiếc ghế khác.

Tôi hơi lúng túng và nghĩ rằng sự tiếp đãi trọng hậu này, chắc tôi phải trả bằng một giá rất đắt. Sau những lễ nghi thường lệ, phân ngôi chủ khách xong rồi, hoàng tử mới rõ ràng bày tỏ ý định:

- Tất cả thành phố đều vang dội những tin đồn về những thành tích vẻ vang của ông. Có phải thật là ông đã từng đánh cọp với hai bàn tay không?

Tôi gật đầu không đáp.

- Tôi không tin chuyện ấy chút nào! Ông chỉ là một kẻ ăn tồn cơm của thành phố Calcutta mà thôi! Ông hãy nói thật: Có phải chăng ông đã vật ngã những con cọp đã bị cho ăn nhiều thuốc phiện?

Hoàng tử nói câu ấy với một nụ cười hoài nghi, đây mĩa mai điều cợt.

Tôi không màng đáp lại lời khinh miệt ấy.

- Tôi thách ông dám đấu với con cạp Raja Begum (một giống cạp rất dữ ở rừng già tỉnh Bengale) của tôi vừa mới bắt được. Nếu ông đánh ngã được nó, rồi trói lại và rời chuồng cạp một cách tinh táo thì tôi sẽ ban thưởng cho ông con cạp ấy! Ngoài ra ông sẽ được thưởng vài ngàn đồng rupees, và nhiều món quà tặng thưởng khác nữa. Nếu ông từ chối, tôi sẽ bêu riếu tên ông ở khắp nơi trên lãnh thổ vương quốc của tôi, như một kẻ bịp bợm hạ cấp!

Những lời nói sỗ sàng ấy làm cho tôi vô cùng bất mãn. Tôi nhận lời với cơn giận sôi lên trong lòng. Hoàng tử lấy làm đắc chí, sửa lại ghế ngồi và ngã mình trên ghế bành với một giọng cười khoái trá; người làm cho tôi nhớ đến những vị hoàng đế La Mã ngày xưa say sưa thích thú khi sắp đem những người tử đạo Thiên Chúa cho thú dữ xé xác ở hiện trường.

- Ông hãy chuẩn bị đấu sức trong vòng một tuần lễ. Tôi rất tiếc là không để cho ông xem trước địch thủ của ông. Chắc hẳn hoàng tử sợ rằng tôi sẽ thôi miên con cạp hay là tôi thừa lúc người không để ý mà cho cạp ăn thuốc phiện!

Tôi rời khỏi hoàng cung, và lấy làm thú vị mà nhận thấy rằng bận về, tôi không có lòng che mà cũng chẳng có xe cộ chi cả!

Suốt tuần lễ đó, tôi chuẩn bị cả tinh thần lẫn thể xác để chờ cuộc thử thách sắp tới.

Người gia nô của tôi thuật lại cho tôi nghe nhiều chuyện dị kỳ mà thiên hạ đang đồn đãi, và lời tiên tri chẳng lành của vị tu sĩ thánh đức đã được truyền khẩu khắp nơi, mỗi người lại đậm thêm thêm một ít cho câu chuyện có vẻ ly kỳ.

Y cũng cho tôi biết rằng để chuẩn bị cho cuộc tranh tài thử sức, hoàng tử đang cho dựng lên một khán đài khổng lồ có thể chứa hàng nghìn khán giả. Ở giữa vũ trường, một cái chuồng bằng sắt với một lồng an toàn chứa con cạp Raja Begum. Con cạp bị bỏ đói và khát máu phát ra những tiếng gầm thét âm ỉ.

Hoàng tử hẳn là định dùng tôi làm miếng mồi ngon lành để thưởng cạp?

Từ khắp mọi nơi trong thành phố và các vùng phụ cận, dân chúng tập nập đổ dồn tới các quầy bán vé vì sự hấp dẫn của một cuộc thử sức tranh tài chưa từng thấy. Đến ngày biểu diễn có đến vài trăm người đến trễ phải trở về vì hết chỗ. Nhiều kẻ tò mò đã mạo hiểm chui qua hàng rào để lọt vào trong khán đài.

Câu chuyện đã đến chỗ tột điểm hào hứng và lý thú, Chandi và tôi nín thở ngồi nghe. Tu sĩ nói tiếp:

- Giữa những tiếng cạp rống từng hồi và tiếng thì thầm sợ hãi của quần chúng, tôi bèn xuất hiện, mình trần và chỉ mặc có một cái quần cụt. Tôi đến mở khóa, bước vào lồng an toàn bằng sắt và khóa trái lại ở phía trong. Con cạp vừa thoáng thấy tôi liền nhảy dựng trong chuồng với những tiếng gầm kinh khủng. Khán giả im bật và ngồi lặng yên vì sợ sệt; tôi có vẻ như là một con cừu non trước uy lực của chúa sơn lâm.

Một lúc sau, tôi bước vào chuồng cạp; nhưng khi tôi vừa đẩy lui cánh cửa sắt thì nhanh như cắt, con Raja Begum đã phóng tới và chụp lấy tôi. Trong cơn bất thần bàn tay mặt của tôi liền bị cào rách nát một cách dễ sợ, máu phun lai láng ở chỗ vết thương. Lời tiên tri của vị tu sĩ dường như sắp sửa thành sự thật.

Tôi định tỉnh tỉnh thần sau cơn xúc động, vì đó là vết thương nặng đầu tiên mà tôi đã từng có. Tôi dè bàn tay mặt bị thương trên miếng vải quần cụt để chặn máu, và với bàn tay trái, tôi giáng một quả đấm thôi sơn vào hàm cạp. Con cạp lão đảo, xoay một vòng trong chuồng và nhảy phóng tới. Khi đó, tôi đã thủ thế sẵn, giáng cho nó một loạt nhiều quả đấm liên tiếp vào đầu.

Nhưng mùi máu tươi làm cho con cạp hăng tiết lên, chẳng khác nào như ảnh hưởng của mùi rượu nồng đối với một bợm rượu bị khác chất men đã từ lâu. Những đòn công kích của nó, điểm thêm bằng những tiếng gầm thét rợn người, mỗi lúc càng trở nên mãnh liệt. Sự phòng thủ bất toàn của tôi bị trở ngại vì một bàn tay tàn phế vô dụng, làm cho tôi đỡ không kịp những nanh vuốt bén nhọn của con cạp dữ. Tuy nhiên tôi vẫn can đảm ăn miếng trả miếng. Cả hai đều bị thương rỉ máu, chúng tôi vật lộn nhau trong một trận sóng chết, chuồng cạp đã biến thành một nơi vũ trường đầy sát khí, máu phun lênh láng tứ phía. Con cạp bị đòn đau, rống lên những tiếng gầm thịnh nộ nghe đến rợn người, và lao mình phóng vào người tôi, làm cho tôi không kịp tránh nên bị té ngửa. "Bắn nó, bắn nó chết đi! Hãy bắn hạ con cạp!" các khán giả hoảng hốt kêu và nhao nhao lên vì sợ tôi bị cạp giết.

Những cử động của hai địch thủ quần nhau nhanh như chớp, đến nỗi trong cơn náo loạn, phát súng của người gác chuồng cạp bay lạc đạn vào khoảng không. Tôi thu thập tinh thần, gom góp toàn lực và vừa hét lên một tiếng, tôi giáng một quả đấm thôi sơn vào đỉnh đầu nó, con cạp lăn ra bất tỉnh dưới sàn gạch và không còn cử động.

- Như một con mèo nhỏ. Tôi bàn góp.

Vị tu sĩ cười thoải mái và nói tiếp:

- Thế là con cạp Raja Begum đã bị hạ.

Với hai bàn tay bị cào xước một cách kinh khủng, tôi mở rộng hai quai hàm của nó ra và đặt đầu tôi vào miệng cạp trong một lúc, làm cả khán đài đều nín thở! Tôi tìm sợi dây xiềng ở một góc sàn gạch và cột cổ nó vào song sắt của chuồng cạp. Xong rồi tôi mới đi về phía cửa chuồng một cách đắc thắng.

Nhưng thỉnh linh, con Raja Begum vươn mình nhảy vọt một cái, bẻ gãy xiềng và phóng lên lưng tôi. Vai tôi bị cắn một vết rất sâu làm máu tuông đỏ cả người, tôi ngã quỵ; tuy thế trong một lúc, tôi đã xoay mình ngồi dậy và vật ngã con cạp, một lần nữa nó lại bị đè ván dưới sức mạnh của những quả đấm giáng xuống tới tấp trên đỉnh đầu và trên cổ. Lần này, tôi cột nó chặt hơn và từ từ rời khỏi chuồng sắt.

Lúc bấy giờ, cả khán đài đều thở ra nhẹ nhõm, những tiếng hoan hô hét lên vang dậy cùng một lúc, dường như chỉ thốt ra bởi một người. Tuy tôi bị thương nặng, nhưng tôi đã hội đủ điều kiện của cuộc tranh đấu: đó là đánh chết con cạp, trói nó lại bằng sợi dây xích, và rời khỏi chuồng cạp một mình. Ngoài ra tôi đã đánh nó ngất xỉu đi đến nỗi nó đã bỏ qua một cơ hội tốt là cắn một cái khi tôi đặt đầu của tôi vào miệng của nó!

Những vết thương của tôi được băng bó vừa xong, tôi được thiên hạ hoan nghênh, khen tặng và tưởng thưởng. Khán giả vừa hoan hô vừa ném ra hằng trăm đồng tiền vàng dưới chân tôi. Cả thành phố đều vui như Tết. Người ta bình phẩm liên miên về sự thắng trận về vang của tôi đối với những con cạp mạnh bạo và hung dữ nhất chưa từng thấy. Hoàng tử Cooch Behar giữ đúng lời hết, tặng cho tôi con Raja Begum, nhưng tất cả những quà tặng và tiền thưởng đều làm cho tôi đứng đưng lạnh lùng, không còn vui thích nữa. Một sự thay đổi lạ kỳ đã diễn ra trong tâm hồn tôi. Dường như sau khi tôi rời khỏi chuồng cạp, tôi cũng đã khép luôn cả cõi lòng đối với những tham vọng trần gian.

Tiếp theo đó là một thời kỳ tai họa: Trong sáu tháng trường tôi nằm trước ngưỡng cửa của Tử Thần, ở lần mức giữa sự sống giữa sự chết vì máu nhiễm độc do vết thương gây ra. Khi tôi đã bình phục lại sức khỏe để có thể rời khỏi Cooch Behar, tôi bèn trở về quê quán.

Một hôm tôi nói với cha tôi:

- Bây giờ con đã biết rằng Tôn Sư của con, chính là vị tu sĩ thánh đức đã đưa ra lời cảnh cáo ngày trước. Làm sao con có thể gặp lại người .

Sự mong ước của tôi vốn chân thật, vì một hôm vị tu sĩ ấy thành linh xuất hiện đến với tôi và nói với một giọng điềm nhiên:

- Thôi con đừng đánh cạp nữa! Con hãy theo thầy sẽ dạy con những con cạp vô minh nó ẩn núp trong đám rừng ảo vọng của lòng người. Con đã quen với sự hoan hô khen tặng của người đời, từ nay thì phải là những thiên thần đến chứng kiến và thần phục những thành quả siêu việt của con trên đường hành Đạo!

Vị Tôn Sư của tôi hướng dẫn tôi trên đường tâm linh. Người khai mở những cánh cửa của linh hồn tôi, từ lâu vẫn rỉ sét vì không có sự trau dồi. Được ít lâu, tôn sư đưa tôi lên dãy Hy Mã Lạp Sơn để hoàn tất công phu tu luyện của tôi.

Tôi và Chandi nghiêng mình dưới chân vị tu sĩ, và lấy làm cảm kích mà nghe được câu chuyện ly kỳ của đời ông. Tôi cảm thấy được đền bù gấp trăm lần sự chờ đợi lâu dài của chúng tôi ở ngoài hành lang lạnh lẽo khi chúng tôi mới đến.

Chương 6

Vị Tu Sĩ Khinh Thân

Đêm qua, trong một phiên họp, tôi đã thấy một vị tu sĩ Yogi khinh thân ngồi lơ lửng trên không, độ chừng một thước tây khỏi mặt đất.

Bạn tôi, Upendra, nói với một giọng xúc động. Tôi mỉm cười:

- Tôi có thể đoán tên ông ta, phải chăng là tu sĩ Bhaduri Mahasaya ở tại đường Upper Circular Road?

Upendra gật đầu, hơi bẽn lẽn vì anh ta thấy rằng câu chuyện ấy không còn là mới mẻ đối với tôi. Các bạn tôi dễ biết rõ sự thích thú của tôi đối với các vị tu sĩ nên họ lấy làm vui sướng mỗi khi họ có thể mách bảo cho tôi một vị có những thành tích dị thường. Tôi nói:

- Người tu sĩ này ở gần nhà tôi, nên tôi thường gặp ông ta.

Lời nói đó làm cho Upendra rất tò mò, tôi nói tiếp:

- Tôi gặp ông ta trong một trường hợp đặc biệt. Y đã luyện thành thực những phép khí công theo đạo pháp Patanjali. Có một lần tu sĩ Bhaduri Mahasaya biểu diễn trước mặt tôi phép khí công Bhastrika Pranayama cực mạnh như có một cơn giông bão thổi trong phòng! Kế đó, y dụi bớt hơi thở ở ạt của y và ngồi yên bất động, đắm chìm trong một trạng thái siêu tâm thức. Cái ấn tượng yên tĩnh sau cơn giông tố trong phòng làm cho tôi không bao giờ quên được.

Upendra có vẻ không tin:

- Người ta nói rằng người tu sĩ ấy không bao giờ bước ra khỏi nhà.

Quả đúng như vậy. Tu sĩ sống bế môn nhập thất từ trên hai chục năm nay, người chỉ bỏ luật lệ ấy trong dịp thánh lễ long trọng, khi đó người bước ra khỏi hàng ba trước nhà trong giây lát. Trong những dịp đó, những kẻ hành khất đều tề tựu đông đảo trước cửa nhà, vì họ biết tu sĩ có hạnh bố thí rất cao.

- Làm sao tu sĩ có thể ngồi lơ lửng trên không, bất chấp cả luật thiên nhiên?

Một vài phép khí công có thể làm cho thân thể tu sĩ mất cả trọng lượng và trở nên nhẹ nhàng. Khi đó, người có thể khinh thân bay bổng trên không trung, hoặc ít nhất người có thể nhảy vọt như con ếch. Vài vị tu sĩ không thực hành pháp môn Yoga cổ truyền của Ấn Độ cũng có thể khinh thân trong trạng thái thiền định thâm sâu.

- Tôi muốn tìm hiểu thêm về vị tu sĩ này. Anh có đến dự những buổi họp vào lúc chiều tối đó không? Upendra hỏi với sự tò mò hiện ra trong đôi mắt.

- Có, tôi thường dự các buổi họp. Tôi hưởng thụ được nhiều điểm minh triết thâm sâu của ông. Đôi khi cái cười kéo dài của tôi làm gián đoạn sự trang nghiêm của các buổi họp. Điều đó cũng không hề làm phật lòng tu sĩ, nhưng có lẽ các đệ tử không có được cái thái độ hồn nhiên đó.

Buổi chiều đi học về, tôi đi ngang nhà tu sĩ Bhaduri và ghé vào thăm ông. Tu sĩ thường không hay tiếp khách. Người đệ tử có nhiệm vụ canh gác ngoài cửa chặn tôi lại hỏi xem tôi có hẹn trước không. Mấy khi ấy tu sĩ xuất hiện đúng lúc giúp tôi khỏi bị đuổi ra:

- Hãy để cho Mukunda vô nhà khi nào y muốn.

Đôi mắt tu sĩ điểm một tia sáng:

- Sự bế môn nhập thất của tôi không phải vì lý do tiện nghi riêng cho tôi, mà là cho kẻ khác. Những người ngoài đời không thích nghe lời thành thật nó làm tiêu tan những ảo ảnh của họ. Những vị chân tu không những hiếm có, mà lại còn làm cho người ta hoang mang. Thánh kinh cũng có nói rằng: “Các vị ấy thường làm cho người đời đâm ra lúng túng trong cuộc sống của họ!”

Tôi theo chân tu sĩ vào phòng riêng trên lầu, một gian phòng đơn sơ mà người không bao giờ bước ra khỏi. Các vị minh sư thường được lánh xa cuộc đời náo nhiệt ồn ào và sống tuyệt đối ngoài vòng thế tục.

- Bạch Tôn Sư, ngài là vị tu sĩ dài tiên sống bế môn mà tôi được biết.

- Tạo hóa đặt để các nhà hiền giả trên những địa hạt vô cùng khác biệt nhau để cho chúng ta đừng nghĩ rằng Ngài có thể tự giới hạn những luật lệ nhất định.

Tu sĩ ngồi yên trong tư thế Liên Hoa. Người đã trên bảy mươi tuổi, nhưng không có mang dấu vết của sự già nua. Lung thẳng, vóc dáng lực lưỡng, người có một thân hình cân đối lý tưởng về mọi phương diện. Người có cái gương mặt đạo mạo của một vị minh sư, như được diễn tả trong các kinh sách tôn giáo; với một bộ râu chải chuốt, cốt cách thanh cao, người ngồi yên bất động như một pho tượng. Đôi mắt yên lặng đứng trông trong cơn đại định, xuất thần.

Tu sĩ và tôi cùng đắm chìm trong một cơn thiền định thâm sâu. Một giờ sau, giọng nói thanh tao của người kéo tôi ra khỏi cơn thiền định:

- Con nhập thiền khá dễ dàng đấy, nhưng con đã cảm thông được với Thượng Đế hay chưa

Tu sĩ có ý nhắc nhở tôi rằng người ta phải tìm sự Hợp Nhất với Thượng Đế chứ không phải thiết tha với sự tham thiền.

- Con đừng làm lộn cái phương tiện với mục đích.

Gương mặt người luôn luôn biểu lộ sự bằng an, nở một nụ cười đầy phúc lạc, đôi mắt dịu hiền ưu ái:

- Những thư tín này từ Mỹ Châu đến; người vừa nói vừa chỉ những gói lớn trên bàn. Tôi giao dịch với nhiều hội tinh thần ở Mỹ, mà hội viên chú trọng đến pháp môn Yoga. Họ đã tìm lại xứ Ấn Độ, nhưng không đi nhầm đường như Kha Luân Bố ngày xưa. Tôi vui lòng giúp họ. Pháp môn Yoga, cũng như ánh nắng mặt trời, là sở hữu của tất cả mọi người. Điều mà các chân sư coi như cần thiết cho sự giải thoát cũng có giá trị ở phương Tây. Cùng một tâm hồn, cùng một quan niệm nhân sinh như nhau, Đông Phương và Tây Phương sẽ phát triển như nhau nhờ ở phép tu giải thoát của pháp môn Yoga.

Tu sĩ đưa cái nhìn yên lặng về phía tôi. Lúc đó tôi chưa hiểu những lời nói đó có tính cánh tiên tri như thế nào. Đến bây giờ, trong khi viết những giòng chữ này, tôi mới hoàn toàn nhận định rõ ý nghĩ của những cách nói bóng gió đó, ám chỉ sứ mạng của tôi trong việc truyền bá sang Mỹ Quốc nền minh triết thâm sâu của Ấn Độ.

- Bạch Tôn Sư, ngài nên viết một quyển sách về pháp môn Yoga để giúp ích cho đời.

- Tôi chỉ dẫn các môn đồ. Họ và những đệ tử của họ sẽ là một bằng chứng linh động và có giá trị hơn một quyển sách, nó sẽ bị sự phá hoại của thời gian và chịu những lời phê bình hẹp hòi nông cạn của người đời.

Tôi còn ngồi một mình với tu sĩ cho đến khi các đệ tử tề tựu đến. Tu sĩ Bhaduri có một tài hùng biện lưu loát độc đáo nó làm cho cử tọa say mê. Ngồi nghe tu sĩ thuyết pháp mà có cảm giác như là những luồng sóng êm đềm đưa đẩy chúng tôi một cách nhẹ nhàng ra khỏi bến mê và lôi kéo chúng tôi đến bờ giác.

Những môn đệ bước tới bỏ vài đồng rupees vào cái bao vải bên cạnh tu sĩ, trong khi tu sĩ đang ngồi thiền. Cử chỉ trọng vọng đó là một tập quán thông thường ở Ấn Độ, có ý nghĩa tượng trưng rằng người đệ tử từ bỏ mọi thứ của cải vật chất lại dưới chân Thầy. Một môn sinh lúc từ giã tu sĩ, nói một cách thần phục:

- Bạch thầy, thật là kỳ diệu thay: Thầy đã từ bỏ sự giàu sang sung sướng để tìm Đạo và dạy cho chúng con sự Minh Triết!

Người ta biết rằng tu sĩ Bhaduri lúc thiếu thời đã từ bỏ gia đình giàu có để theo con đường tu luyện pháp môn Yoga. Tu sĩ đáp:

- Con đã nói trái với sự thật! Thầy bỏ có vài cuộn giấy bạc và những thú vui trần tục để chinh phục một niềm phúc lạc vô biên. So với cái kho tàng tâm linh quý báu này thì đó có thật là một sự hy sinh chăng? Trái hẳn lại, chính những người thế gian đã từ bỏ và hy sinh những kho tàng tâm linh vô giá trên đường Đạo để chạy theo những của cải vật chất giả tạm, vô thường!

Vị tu sĩ khất thực, áo quần rách rưới tả tơi, lại biến thành một phú ông tâm linh, còn người tỷ phú kiêu hãnh lại là một kẻ chịu pháp nạn mà không hề hay biết! Đó mới là một điều mâu thuẫn về sự dứt bỏ, hy sinh! Tu sĩ nói tiếp:

- Thiêng Liêng lo cho tương lai của chúng ta một cách vô cùng minh triết và sáng suốt hơn là bất cứ một công ty bảo hiểm nào!

Sau cùng lời kết luận của tu sĩ là một thông điệp đầy đạo lý:

- Thế gian đầy đầy những kẻ bần khổ chờ đợi một sự cứu giúp đến từ bên ngoài. Những tư tưởng đáng cay của họ hiện rõ trước mắt, không dấu được ai. Nhưng đáng tối cao đã ban cho con người từ thuở sơ sinh bầu không khí trong lành và nguồn sữa mẹ, chắc hẳn cũng lo liệu cung cấp mọi thứ nhu cầu hàng ngày cho những đứa con của ngài.

Như thường lệ, sau giờ tan học, tôi vẫn đến tịnh thất của tu sĩ. Với một lòng ưu ái thâm lắng, tu sĩ đã giúp tôi đạt tới sự ngộ đạo trong con tham thiền.

Về sau, các đệ tử thân tín của tu sĩ mới xây cất cho người một đạo viện mới gọi là Nagendra Math.

Tôi xin kể lại đây những lời mà nhiều năm sau, tu sĩ Bhauri đã nói với tôi khi tôi gặp người lần cuối. Ít ngày trước khi tôi lên đường sang Mỹ Quốc, tôi đến từ giã tu sĩ và khiêm tốn quỳ dưới chân người để xin người ban ân huệ.

Người nói:

- Con hãy bình yên lên đường sang Mỹ Quốc. Nền minh triết của Ấn Độ sẽ là thần hộ mạng che chở cho con. Con có mang trên trán cái ấn chứng của sự thành công, các dân tộc ở nơi xa xôi kia sẽ dành cho con một sự tiếp đón nồng hậu.

- Con hãy ngồi đợi một lát. Ta đang bận chiêm ngưỡng đức Phật Mẫu.

Với lòng tôn kính, tôi yên lặng bước vào gian phòng và lấy làm ngạc nhiên trước tác phong hiền đức của Tôn Sư Mahasaya (vị này là đệ tử của đức Ramakrishna, khác với Lahiri Mahasaya đệ tử của đức Babaji). Với chòm râu bạc trắng và nhuyễn như tơ, đôi mắt lớn chiếu sáng ngời, người có vẻ như hiện thân của sự tinh khiết. Cái cảm ngẩng lên, hai bàn tay nắm chặt là dấu hiệu cho thấy rằng tôi đã gặp tôn sư giữa những cơn tham thiền.

Những lời đề tiếp đón giản dị đó gây cho tôi cái phản ứng mãnh liệt nhất mà tôi chưa từng cảm thấy bao giờ. Sự bi thảm lớn nhất của tôi là khi mẹ tôi qua đời, bây giờ cơn ray rứt vì chia ly với đức Phật Mẫu thiêng liêng làm cho tôi đau khổ vô ngần; tôi kêu khóc và nằm vật mình xuống đất. “Con hỡi, hãy bình tĩnh lại!” Tôn sư nói với lòng ưu ái và xúc động.

Trong cơn bi thảm, tôi nắm lấy hai bàn chân của Tôn sư như người bị trôi giạt trên mặt biển với lấy cái phao cứu mệnh.

- Bạch Tôn Sư, xin tôn sư hãy cầu xin giúp cho con. Tôn Sư hãy hỏi đức Phật Mẫu xem con có thể được Ngài ban ân phúc hay chăng?

Một lời hứa về sự yêu cầu này không phải dễ làm. Tôn Sư phải định tĩnh lại tinh thần. Tôi không nghi ngờ chút nào về việc đức Mahasaya có thể tiếp xúc với đức Quan Thế Âm (Đức Mẹ thế gian, tức phương diện mẫu nghi của Vũ Trụ, được người Ấn giáo tôn thờ dưới biểu tượng nữ thần Kali). Thật là một điều đáng buồn mà nghĩ rằng tôi mù quáng trước sự hiện diện của đức Phật Mẫu, trong khi Ngài xuất hiện ở gần bên tôi trước nhãn quang tinh khiết của tôn sư! Không chút hổ thẹn, tôi bám chặt lấy chân tôn sư; không màng để ý đến những lời quở trách nhẹ nhàng của tôn sư, tôi không ngớt khẩn cầu người hãy giúp tôi. Sau cùng, tôn sư bằng lòng với một nụ cười thương hại:

- Ta sẽ chuyển đạt lời cầu xin của con lên đức Phật Mẫu.

Những lời nói ấy có một hàm xúc rất mãnh liệt và nhiệm mầu đến nỗi trong giây phút tôi đã không còn cảm thấy đau đớn.

- Bạch Tôn Sư, xin Tôn Sư hãy giữ lời hứa! Con sẽ trở lại ngay để biết kết quả.

Lòng tôi tràn ngập một niềm trông đợi đầy hoan lạc, mặc dầu trước đó tôi đã khóc nức nở quên thôi.

Tôi bước xuống cầu thang dài nhiều nấc và những kỷ niệm cũ đã trở lại với tôi. Chính tại ngôi nhà số 50 đường Amherst mà tôn sư Mahasaya hiện đang ở là nơi gia đình tôi cư ngụ trước kia; cũng tại đây là nơi mẹ tôi từ trần. Chính tại đây là nơi mà khi tôi còn thơ ấu, tôi đã trải qua một cơn sầu khổ vì mất mẹ, và cũng chính tại đây mà ngày hôm nay, tâm hồn tôi bị đau khổ dày vò vì vắng bóng đức Phật Mẫu thiêng liêng... Kìa là những bức tường vô tri giác, những nhân chứng câm lặng đã chứng kiến sự tuyệt vọng thâm trầm sâu xa của tôi, và sự hồi phục sau rốt của tôi...

Với bước đi nhanh nhẩu, tôi trở về nhà ở đường Gurpar Road. Tôi ẩn trú trong sự biệt lập của gác lầu nhà tôi để đắm chìm trong cơn thiền định cho đến mười giờ tối. Thành linh, một linh ảnh chóa mắt xé tan cái bóng tối âm cúng của một đêm xuân Ấn Độ. Đức Phật Mẫu thiêng liêng xuất hiện trong một vầng hào quang rực rỡ chói lòa. Gương mặt ngài điểm một nụ cười dịu hiền, hiện ra với một vẻ đẹp khôn tả:

- Mẹ vẫn luôn luôn thương con, và tình thương của Mẹ không bao giờ dứt!

Giọng nói thốt ra với một thứ âm thanh của cõi trời, không hề nghe thấy ở trần gian, vang lên trong như tiếng bạc. Kế đó linh ảnh biến tan dần.

Sáng hôm sau, khi mặt trời vừa ló dạng, tôi đã hối hả chạy đến nhà tôn sư Mahasaya. Tôi bước lên thang lầu của ngôi nhà cũ còn dấu vết những kỷ niệm đau buồn và bước vào phòng tôn sư trên tầng lầu thứ bốn. Cái nắm tay ngoài phòng có bọc một cái khăn vải, điều này chắc ngụ ý rằng tôn sư không muốn bị ai quấy rầy. Trong khi tôi đang đứng do dự ngoài cửa thì bàn tay khả ái của vị Tôn Sư đã mở cửa phòng. Tôi bèn quì xuống chân người. Tuy lòng tôi tràn đầy nỗi vui mừng, tôi cũng giả vờ nghiêm nét mặt để che dấu niềm phúc lạc thiêng liêng của tôi.

- Bạch Tôn Sư, con biết rằng caon đến đây quá cóm để hỏi kết quả. Đức Phật Mẫu có trả lời cho con chăng?

- À! Con láo thật!

Tôn Sư không nói thêm một điều gì nữa. Dường như sự nghiêm trang giả tạo của tôi không làm cho người chú ý.

- Tại sao con có vẻ bí mật và tránh né như vậy? Các tu sĩ há chẳng thường hay nói bằng những lời vắt tắt đó sao?

Thấy tôi có vẻ lúng túng, tôn sư nói tiếp:

- Con muốn thử ta chăng?

Nhưng đôi mắt yên lặng của người tràn đầy một niềm thông cảm :

- Ta có thể nói gì nữa chẳng, ngoài những lời trấn an mà con đã nhận được của đức Phật Mẫu tối hôm qua lúc mười giờ?

Tôn sư Mahasaya có cái bí quyết làm vui bớt nỗi niềm tâm sự tràn đầy của tâm hồn tôi; tôi bèn quì dưới chân người, nhưng lần này, tôi tuân tròn dòng lệ vì quá sung sướng.

- Con nghĩ rằng lòng sùng kính của con không làm cho đức Phật Mẫu cảm động hay sao, với tấm lòng từ bi ái vô lượng vô biên của ngài? Cái nguyên lý mẫu nghi của vũ trụ mà con đã tôn sùng dưới hình thức thiên liêng của đức Phật Mẫu không bao giờ làm ngơ mà không xúc động trước những lời cầu khẩn nhiệt thành của con!

Tôn sư Mahasaya là ai mà mở lời cầu nguyện của người đều được đức Phật Mẫu chiếu cố và ban ân phước? Địa vị của người ở trên thế gian thật là khiêm tốn, cũng như tất cả những bậc hiền nhân thánh triết mà tôi đã biết. Tại tư gia của người Amherst, tôn sư Mahasaya có mở một lớp dạy các nam học sinh ban trung học. Người không hề thốt ra những lời nghiêm khắc; cũng không dùng những biện pháp trừng phạt hay luật lệ để giữ gìn kỷ luật. Do những lời giáo huấn của người không hề rút trong sách vở, mà tôn sư ban bố sự minh triết bằng tấm gương đạo hạnh hơn là bằng những giáo điều khô khan. Người đặt để trọn cả tâm hồn vào sự chiêm ngưỡng tôn sùng đức Phật Mẫu nên không bắt buộc học trò phải biểu lộ sự tôn kính thầy dưới một hình thức bề ngoài. Tôn Sư nói với tôi:

- Ta không phải là Thầy của con. Thầy của con sẽ đến với con trong tương lai. Dưới sự chỉ dẫn của người, con sẽ đạt tới sự minh triết trên đường Đạo.

Mỗi buổi chiều, tôi đều viếng tư thất của tôn sư. Sự có mặt của người là nguồn suối tâm linh dồi dào mà hàng ngày tôi tìm đến để thỏa mãn lòng khát khao đạo lý. Từ trước đến nay tôi không hề biết quì lạy ai với một tấm lòng sùng kính nhiệt thành như vậy. Bây giờ, tôi coi như một điểm phúc vô biên mỗi khi tôi có dịp đến ngồi bên cạnh người. Một hôm, tôi đến nhà tôn sư với một tràng hoa tươi.

- Bạch Tôn Sư, đây là vòng hoa champak mà chính tự con đã kết lại để hiến dâng người.

Tôi vừa nói vừa nâng vòng hoa định quàng lên cổ tôn sư. Nhưng tôn sư tránh qua một bên, và từ chối sự lễ nghi trịnh trọng đó. Sau cùng, khi người thấy tôi bền lên, người mới nở một nụ cười bằng lòng:

- Vì lẽ cả hai chúng ta đều tôn sùng đức Phật Mẫu thiêng liêng, bây giờ con có thể dùng tràng hoa để tô điểm cái thánh điện bằng xương thịt này, là nơi trú ẩn của Ngài.

- Tánh chất tâm linh phong phú của người không có chỗ để dung nạp những lý do ích kỷ.

- Ngày mai chúng ta hãy đến viếng đền Dakshineswar mà tôn sư ta đã thánh hóa một cách vĩnh viễn.

Tôn Sư Mahasaya trước kia là đệ tử của bậc thánh sư Sri Ramakrishna.

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi xuống tàu đi một quãng đường dài bốn dặm trên sông Hằng. Chúng tôi vào đền thờ Phật Bà Quan Âm với tám mái bầu tròn nhô lên cao vút, tại đây tượng đức Phật Mẫu được dựng lên trên một hoa sen khổng lồ đúc bằng bạc với một nghìn cánh hoa, được chạm trổ rất công phu và mài dũa sáng bóng. Đức Mahasaya đến chiêm ngưỡng một cách say sưa sùng kính đức Phật Mẫu thiêng liêng, lòng tôi tràn ngập một niềm kính yêu khôn tả.

Đó là chuyến hành hương đầu tiên của tôi tại ngôi đền này. Tôn Sư giảng dạy cho tôi nghe ý nghĩa của đức Phật Mẫu, phương diện mẫu nghi của vũ trụ càn khôn, biểu tượng của lòng Từ Bi Ái Vô Lượng thiêng liêng.

Một hôm tôn sư đưa tôi đến lớp học. Niềm vui của tôi bỗng bị che ám bởi một người quen cũ từ đâu xuất hiện thỉnh linh và rót vào tai chúng tôi một câu chuyện dài tràng giang đại hải. Tôn Sư kể tai tôi nói nhỏ:

- Ta thấy con không thích người này. Ta đã nói với đức Phật Mẫu thiêng liêng, ngài đã hiểu tình hình bí lỗi của chúng ta và hứa rằng khi chúng ta đi đến cái nhà ngói đỏ đằng kia, ngài sẽ làm cho y nhớ lại một chuyện gấp gáp để y đi cho khuất mắt.

Người bạn vô duyên kia mãi lo nói độc thoại huyền thuyên nên chẳng nghe thấy gì, còn tôi kiên nhẫn chờ và nhìn về phía căn nhà đỏ đằng trước. Khi chúng tôi vừa đến ngang qua cửa nhà sơn đỏ, ông bạn nói nhiều kia bỗng xoay gót trở lại và hối hả rút lui trong khi y nói chưa dứt câu, cũng không kịp chào từ giã. Chúng tôi thốt lên một tiếng thở dài nhẹ nhõm.

Tôn Sư quàng tay trên vai tôi một cách thân mến:

- Con có thích xem chớp bóng không?

Câu hỏi đó làm cho tôi ngỡ ngàng. Tuy vậy, tôi cũng nhận lời vì tôi cảm thấy sung sướng được ở gần bên tôn sư bất cứ trong trường hợp nào. Chúng tôi vội bước đi mau vào một công viên trước trường đại học Calcutta. Tôn Sư chỉ một cái ghế dài gần bên hồ nước:

- Chúng ta hãy ngồi đây trong giây lát. Thầy ta luôn luôn khuyên ta hãy ngồi thiền trước một hồ ao mặt nước phẳng lặng, nó gợi cho ta cái ý niệm yên tĩnh tuyệt đối của tính chất thiêng liêng.

Kể đó, chúng tôi bước vào nhà giảng đường của trường đại học, tại đây đang có một cuộc thuyết trình về một đầu đề khoa học mà tôi nhận thấy vô vị và chán phèo, mặc dù có chiếu hình ảnh nhưng cũng vô phương vô vị không kém! Tôi thầm nghĩ: “Đây chắc là cuộc chiếu mà tôn sư đã nói lúc nãy.”

Tuy tôi không thích nhưng tôi không muốn bày tỏ một cách quá bộc lộ sự chán ăn của tôi, vì e làm mất lòng tôn sư. Nhưng tôn sư đã dạy qua phía tôi và kể vai nói nhỏ:

- Ta thấy rằng con không ưa chiếu bóng này. Ta đã nói với đức Phật Mẫu thiêng liêng. Ngài cũng thông cảm với chúng ta và cho biết rằng điện sẽ tắt trong giây lát và đèn sẽ bật sáng lại khi chúng ta đã ra khỏi gian phòng này.

Ngay khi đó, cả gian phòng bị đắm chìm trong bóng tối. Giọng nói vang rền của vị giảng sư ngưng bật giữa sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, rồi tiếp tục: “Hệ thống giây điện trong phòng này chắc bị hỏng.” Tôn sư và tôi

thừa dịp đó bèn đứng dậy bước ra khỏi cửa một cách an toàn. Ra ngoài hành lang, tôi quay lại nhìn thì thấy giảng đường lại bật đèn sáng trưng.

- Con hồi, buổi chiều bóng này làm cho con thất vọng, nhưng ta sẽ cho con xem một cuộc chiếu bóng hoàn toàn khác hẳn.

Lúc ấy chúng tôi đang đứng trên vỉa hè trước trường đại học. Tôn Sư lấy tay đặt nhẹ trên ngực tôi, ở ngay chỗ quả tim.

Khi đó tôi cảm thấy một cơn im lặng lạ thường. Cũng như một cuốn phim chớp bóng nói, trở thành một cuốn phim câm khi hệ thống âm thanh bị hỏng, bàn tay sờ nhẹ của tôn sư, do một quyền năng nhiệm mầu nào đó, đã dẹp tan mọi tiếng động chung quanh tôi, làm cho tôi không còn nghe thấy gì nữa. Cảnh vật ngoài đường người đi bộ, xe điện, xe hơi, xe bò, xe ngựa với những bán xe niềng sắt di chuyển khắp nơi mà không có một tiếng vang. Dường như có nhãn quang thần thông, tôi nhìn thấy sự vật diễn ra đằng sau lưng tôi, và ở hai bên tôi cũng rõ ràng như trước mặt. Tất cả mọi hoạt động trong khu vực ấy của thành phố Calcutta diễn ra trước mắt tôi mà không có một tiếng động hay một giọng nói của một người nào. Cũng như ánh lửa than hồng còn le lói xuyên qua một lớp tro dày phủ ở trên, một ánh sáng dịu mờ chiếu xuyên qua cái linh ảnh tổng quát của tôi.

Thân thể tôi chỉ còn là một cái bóng giữa bao nhiêu những cái bóng khác, với sự khác biệt này là nó bất động, trong khi những cái bóng khác lưu thông, di chuyển qua lại không ngớt. Nhiều thanh niên trong số các bạn hữu của tôi đến gần tôi và đi qua mà không nhận ra tôi, tuy rằng họ dường như nhìn tôi thẳng vào tận mắt.

Cái linh ảnh lạ lùng này làm cho tôi say sưa ngây ngất trong một niềm phúc lạc không thể tả nổi, cũng ví như tôi đã được uống suối cam lồ của cõi tiên giới. Thình lình tôi cảm thấy Tôn Sư Mahasaya lại vỗ nhẹ một lần nữa vào chỗ quả tim của tôi. Sự náo nhiệt ồn ào của đám quân chúng lại tràn vào cõi ý thức của tôi. Tôi lao đảo vì bị lôi kéo một cách phũ phàng ra khỏi một cảnh mộng mê ly. Chén nước cam lồ đem niềm phúc lạc thần tiên lại một lần nữa lọt ra ngoài tầm tay của tôi. Tôn sư mỉm cười và nói:

- Con hồi, ta hy vọng rằng con đã thấy cuộc chiếu bóng sau này hấp vớ sở thích của con?

Tôi sửa soạn cúi lạy dưới chân người. Người bèn phản đối:

- Con không được làm thế. Con biết rằng con cũng là một thánh điện của vị Phật Tánh ngự bên trong! Ta không chịu để cho đức Phật Mẫu hạ mình làm lễ đối với ta qua sự trung gian của con!

Lúc ấy nếu có ai nhìn thấy chúng tôi tránh né đám đông người, chắc sẽ nghĩ rằng chúng tôi đang say rượu. Tôi có cảm tưởng rằng thậm chí những bóng tối của ban đêm cũng say sưa mùi Đạo!

Khi ánh bình minh vừa ló dạng, và bóng tối đã lui dần, một ngày mới xuất hiện đã lấy đi mất cái niềm phúc lạc say sưa của tôi trong đêm vừa qua. Nhưng cái kỷ niệm của tôn sư, người con yêu quý của đức Phật Mẫu thiêng liêng, không bao giờ mất trong lòng tôi.

“Đức tin nơi Thiêng Liêng có thể giúp ta làm nên mọi việc, trừ việc thi đậu mà không có học bài!” Tôi ngao ngễ xếp lại quyển sách mà tôi đã giở ra trong một lúc nhàn rỗi và thầm nghĩ:

- Sự dè dặt của tác giả này chứng tỏ sự hoàn toàn thiếu đức tin. Có lẽ y chú trọng thái quá đến việc thi cử.

Tôi đã hứa với cha tôi là sẽ học cho hết chương trình ban Tú Tài. Tôi không tự hào là mình chăm học. Những tháng sau cùng, tôi thường đến ngồi suy tư ở những nơi vắng vẻ trên bờ sông Hằng thay vì đến lớp học.

Khu đất dành cho việc hỏa táng xác chết, đặt biệt rừng rợn lúc ban đêm, có một sức hấp dẫn rất lớn đối với những tu sĩ Yogi. Người đi tìm chân lý, tìm cái tinh hoa của sự Bất Tử, ắt không cảm thấy ghê rợn trước những cảnh thấy ma và sợ người. Tính chất vô thường của sự vật trần gian càng biểu lộ rõ hơn ở gần bên cảnh tượng rừng rợn của những đồng xương tàn. Đó là bối cảnh của những cuộc đi chơi đêm của tôi, thật khác xa với lối tiêu khiển của bao nhiêu đứa học trò khác!

Tuần lễ thi Tú Tài ở trường Trung Học đã sắp đến. Thời gian chờ đợi thật là một giai đoạn cực hình: Tâm trí tôi không hề được phút nào nghỉ ngơi. Trong những đêm làm bạn với xác chết và sợ người, tôi đã thu thập một kiến thức không có dạy ở nhà trường, nhưng còn thiếu cái quyền năng của tu sĩ Swami Pranabananda là phân thân để xuất hiện cùng một lúc ở hai nơi!

- À! Mukunda! Mấy hôm nay, anh đi đâu mà biệt tích vậy? Một bạn học gọi tên tôi ngoài đường vào một buổi chiều.

- À, Nantu, chào anh! Vì biệt tích nên bây giờ tôi mới nguy như thế này!

Nantu là một học trò giỏi, y cười một cách thoải mái về sự thú nhận của tôi.

- Tự nhiên là anh không đủ chuẩn bị để ứng phó với những bài thi năm nay. Có lẽ tôi nên giúp anh.

Những lời đó vang dội bên tai tôi như một lời hứa hẹn thiêng liêng. Tôi bèn hồi hả đi đến nhà bạn tôi. Y chỉ dẫn cho tôi nghe một cách vắn tắt cách giải đáp những câu hỏi mà y cho rằng các giám khảo có thể đưa ra trong kỳ thi năm nay.

Đó là những câu hỏi hóc búa mà họ sẽ dùng để hạ một số thí sinh. Anh hãy học kỹ những bài giải đáp của tôi, rồi anh sẽ trúng tủ!

Đêm đã khuya khi tôi từ già bạn tôi ra về. Sau khi đã tự nhồi sọ với những kiến thức mới đó, tôi nhiệt thành cầu nguyện sao cho tất cả những điều đó đừng tiêu tan như mây khói vào những ngày quyết định. Chương trình thi Tú Tài gồm nhiều môn học khác, nhưng trong khi vội vàng, Nantu đã quên môn Phạn Ngữ. Tôi cầu nguyện đáng Thiêng Liêng hãy giúp tôi vượt qua sự thiếu sót đó.

Sáng ngày hôm sau, tôi đi bách bộ dạo chơi và ôn lại trong trí những bài giải đáp vừa học được. Khi tôi đi vào một đường nhỏ qua một khoảng đất trống, tôi thấy trên bãi cỏ có vài trang giấy có chữ in; tôi lượm lên xem thì đó là một bài văn thơ Phạn Ngữ cổ điển. Tôi bèn tìm một học giả hay chữ để giúp tôi bình luận về bài văn thơ này. Giọng ngâm nga phong phú của ông ta làm nổi bật những âm điệu và vần thơ bất hủ của thứ cổ ngữ này.

Những câu thơ đặc biệt này chắc sẽ không phải là đầu đề thi năm nay! Nhà học giả nói với một nụ cười hoài nghi.

Tuy vậy, sự hiểu biết tường tận, đầu chỉ có một bài thơ duy nhất, đã giúp cho tôi vượt qua bài thi Phạn Ngữ trong ngày hôm sau. Sự chỉ dẫn của Nantu cũng giúp tôi có một số điểm trung bình về những môn học khác.

Cha tôi lấy làm sung sướng mà thấy rằng tôi đã giữ đúng lời hứa. Tôi biết ơn Thượng Đế đã giúp tôi qua sự trung gian của Nantu và đã khiến cho tôi đi rẽ qua con đường tắt trên mảnh đất hoang có rải rác giấy tờ vụn vặt. Như vậy Ngài đã hai lần che chở cho tôi.

Quyển sách mà tác giả đã phủ nhận quyền năng thiêng liêng đối với vấn đề thi cử, lại hiện ra trước mắt tôi. Tôi mỉm cười và thầm nghĩ, “Y sẽ phân vân đến đâu nếu tôi cho y biết rằng sự tham thiền giữa những thầy ma nơi nghĩa địa đã giúp cho tôi thi đậu tú tài!”

Với tư cách một cậu tú tài tân khoa, tôi có thể chuẩn bị để công khai rời khỏi gia đình. Sau khi hội ý với Jitendra Mazumdar, tôi quyết định đến một đạo viện Sri Bharat Kharma Mahamandal ở Banaras để theo một khóa huấn luyện tâm linh.

Tuy nhiên tôi cảm thấy ghen ngào khi nghĩ đến việc chia ly với gia đình. Từ khi mẹ tôi qua đời, tôi cảm thấy nảy nở một tình thương đậm đà đối với hai em trai tôi là Sanada và Bishnu. Tôi bèn lui vào nơi ẩn trú của tôi trên gác lầu, là chỗ tôi vẫn công phu tham thiền hàng ngày. Tôi khóc thật lâu và sau cùng tôi cảm thấy có một sự thay đổi diệu huyền trong người tôi, dường như dưới ảnh hưởng của một mãnh lực vô hình nào. Sợi dây trói buộc của tình thương gia đình bị bẻ gãy. Quyết định xuất gia tâm đạo của tôi đã trở nên cứng rắn không sao lay chuyển. Tôi lo hoàn tất việc chuẩn bị lên đường.

Cha tôi bằng lòng cho tôi ra đi một cách luyến tiếc. Tôi hồi hả lên đường để đúng hẹn với Jitendra, y đã có mặt tại đạo viện Banaras. Khi tôi đến nơi, tu sĩ Dayananda, vị sư trưởng hãy còn trẻ, tiếp đón tôi một cách nồng hậu. Tác

cao, hơi gầy, vẻ mặt suy tư trầm tĩnh, tu sĩ gây cho tôi một ấn tượng tốt lành. Gương mặt khôi ngô của tu sĩ phảng phất những nét giống như đức Phật.

Tôi lấy làm sung sướng mà thấy rằng nơi tư thất mới của tôi có một cái gác nhỏ ở đó mỗi buổi sáng tôi có thể tham thiền trong vài giờ. Những đệ tử trong đạo viện không quen thực hành môn thiền định, bèn quyết định giao cho tôi một công việc tổ chức. Họ khen tặng tôi về công việc mà tôi làm ở văn phòng mỗi buổi chiều. “Huynh không nên nhập Niết Bàn quá sớm!” một bạn đồng môn nói với tôi khi tôi rút lui lên gác. Tôi bèn đến gặp tu sĩ Dayananda trong am thất nhỏ của người, có cửa sổ nhìn xuống sông Hằng:

- Thưa sư trưởng, tôi không hiểu ở đây người ta muốn tôi phải làm gì. Tôi đang công phu để đạt tới Đạo một cách trực tiếp. Không được như vậy, thì không một địa vị, một tín ngưỡng, một sứ mạng nào có thể làm tôi được thỏa mãn.

Vị sư trưởng mặc áo vàng sậm vỗ nhẹ lên vai tôi một cách thân mật. Người rầy một cách nhẹ nhàng một vài đệ tử đang đứng gần bên:

- Hãy để yên Mukunda! Y sẽ quen dần với lối sống ở đây.

Tôi nén lòng một cách lễ phép để khỏi nói rằng tôi lấy làm ngờ về việc đó! Những đệ tử rời khỏi phòng, không để ý bao nhiêu đến lời khiển trách vừa rồi. Tu sĩ Dayananda nói với tôi:

- Mukunda, cha em gửi tiền cho em đều đều. Em hãy gửi trả về nhà, vì ở đây em không cần tiền. Một điểm kỷ luật khác là vấn đề ăn uống; khi em đói em hãy dừng để cho người ngoài nhìn thấy!

Tôi không biết bề ngoài tôi có lộ vẻ đói hay không. Nhưng điều mà tôi biết quá rõ, ấy là tôi đói. Ở đạo viện buổi cơm đầu tiên dọn ra vào lúc giữa trưa; ở nhà tôi vẫn có thói quen ăn một bữa thịnh soạn lúc chín giờ sáng.

Khoảng sai biệt ba tiếng đồng hồ đó càng ngày càng trở nên không chịu nổi! Còn đâu những vàng son ở Calcutta, khi đó tôi có thể quở trách người đầu bếp vì dọn cơm trễ có mười phút! Có một lần, vì muốn tự chủ trong sự ăn uống, tôi tập nhịn đói hai mươi bốn giờ. Tôi càng chờ đợi một cách nôn nao hơn đến trưa ngày hôm sau.

- Chuyến xe lửa của sư trưởng Dayananda bị trễ giờ; chúng ta sẽ đợi sư trưởng về mới ăn!

Jitendra đem đến cho tôi cái tin chẳng lành đó. Sư trưởng đi vắng hai tuần nay, để tiếp đón người một cách lễ phép, các đệ tử đợi đến lúc người về đến mới dọn cơm cùng ăn. Mùi hương vị đồ ăn ngào ngạt bay qua lỗ mũi tôi. Tôi phải nằm đo ván để chịu đựng cơn nhịn đói kéo dài vô tận. “Cầu xin Thượng Đế khiến cho xe lửa về sớm.”

Tôi nghĩ rằng lời ngăn cấm của tu sĩ Dayananda bảo tôi đừng lộ vẻ đói ra ngoài chắc sẽ không áp dụng đối với Thượng Đế! Tuy nhiên, ngài vẫn không đáp ứng lời cầu nguyện của tôi, vì trời đã về chiều. Mãn đêm đã rơi xuống khi sư trưởng bước vào cửa đạo viện; tôi tiếp đón người với một hy vọng tràn trề.

“Sư trưởng còn đi tắm và tham thiền xong, chúng ta mới khởi sự ăn,” đó là lời thông báo của Jitendra, sứ giả của tai họa.

Tôi sắp sửa thấy khó chịu trong mình. Cái bao tử còn non nớt của tôi không quen chịu nhịn ăn, còn cào kêu đói. Những cảnh chết đói rừng rợn lớn vờn trong trí tôi. Tôi thầm nghĩ, “Nạn nhân đầu tiên của nạn chết đói sắp đến tại Banaras chắc sẽ là tôi!” Cái cực hình đó chỉ chấm dứt vào lúc đồng hồ gõ đúng chín giờ. Than ôi! Buổi cơm tối hôm đó hãy còn ghi dấu trong ký ức như một trong những giờ phút tốt đẹp nhất của đời tôi!

Tôi ăn bằng bốn người, và nhận thấy rằng vị tu sĩ Dayananda ăn uống một cách uể oải vô tâm.

- Thưa Sư Trưởng, Sư Trưởng không đói sao? Tôi hỏi tu sĩ sau khi ăn uống no lòng, bước vào phòng của người.

- Có chứ! Tôi không ăn uống gì cả trong bốn ngày qua. Tôi không bao giờ ăn trên xe lửa, vì ở đó đầy những rung động nặng nề sâu xa của kẻ phạm tục. Tôi triệt để tuân theo những qui luật của giòng tu của tôi. Tôi bị bận rộn vì nhiều vấn đề tổ chức, nên chiều nay tôi chỉ uống sô sài. Nhưng không sao, ngày mai tôi sẽ ăn cẩn thận.

Tu sĩ nói xong bèn cười một cách thoải mái.

Tôi lấy làm hổ thẹn thẳm trong bụng. Nhưng trọn một ngày chịu cực hình không thể nào quên được một cách dễ dàng; tôi đánh bạo đưa ra một câu hỏi cuối cùng:

- Thưa Sư Trưởng, tôi có sự nghi ngờ. Nếu theo lời dặn của Sư Trưởng tôi không đòi ăn uống khi đói bụng, và nếu không ai mời tôi ăn chắc là tôi sẽ chết đói.

- Chừng đó, em hãy chịu chết!

Những lời nói đó có tác dụng như tiếng quát của ngọn roi da.

- Chừng đó, Mukunda, em hãy chết, nếu cần! Em đừng bao giờ nghĩ rằng em sống không phải nhờ Thượng Đế, mà chỉ nhờ ở đồ ăn! Đấng Thiêng Liêng đã sáng tạo ra đồ vật thực và đã cho chúng ta biết đói bụng, chắc hẳn là sẽ lo chu đáo cho chúng ta khỏi phải thiếu thốn điều gì. Em đừng nghĩ rằng cơm gạo ban cho em sự sống và tiền bạc hay người đời có thể nuôi dưỡng em được. Họ có thể nuôi em sống được chẳng nếu Thượng Đế thu hồi lại ở nơi em hơi thở của sự sinh tồn? Họ chỉ là những khí cụ thụ động của Ngài mà thôi. Em có thể bắt buộc cái bao tử tiêu hóa đồ ăn tùy theo ý muốn được chăng? Em hãy

suy nghĩ kỹ, Mukunda, để nhận thấy cái Nguyên Lý độc nhất ở bên ngoài cái hiện tượng biến hóa vô cùng tận.

Những lời nói cương nghị này làm cho tôi cảm thấy lạnh tê người. Thế là cái thành kiến cố hữu cho rằng thể xác thắng đoạt được tinh thần không còn đứng vững. Thịnh thoảng, tôi đã có dịp thưởng thức cái thú vị về sự độc lập huyền diệu của Tinh Thần. Trong bao nhiêu thành phố mà tôi đi ngang qua suốt cuộc đời luôn luôn di chuyển không ngừng của tôi, tôi đã có dịp nhận xét thấy cái hiệu lực của bài học ấy, mà tôi đã thọ lãnh trong một đạo viện ở Banaras!

Món của cải duy nhất mà tôi đem theo từ Calcutta là cái linh vật hộ phù bằng bạc của vị tu sĩ thánh đức, mà mẹ tôi đã để lại cho tôi. Tôi đã giữ gìn nó kỹ lưỡng trong nhiều năm và bây giờ nó được cất giữ dính vào trong phòng tôi. Một buổi sáng, tôi mở cái nắp hộp để ngắm nhìn nó. Những ổ khóa đều còn nguyên vẹn, nhưng món linh vật đã biến mất. Buồn rầu, tôi xé cái vỏ bọc ngoài của nó và biết rằng nó đã không cánh mà bay, đúng như lời tiên tri của vị tu sĩ đã làm cho nó xuất hiện từ lúc đầu.

Sự giao thiệp của tôi với những đệ tử của tu sĩ Dayananda càng ngày càng trở nên căng thẳng. Sự tự do của tôi làm phật lòng đến cả vị sư trưởng. Sự áp dụng giờ giấc tham thiền quá chặt chẽ của tôi, nó vốn là cái lý tưởng vì đó mà tôi rời khỏi gia đình, đã đem đến cho tôi những sự chỉ trích nặng nề từ mọi giới.

Đau lòng, một hôm tôi quyết định cầu nguyện cho đến khi tôi được một sự trả lời. “Hỡi đức Phật Mẫu đại từ bi của Vũ Trụ, xin Ngài hãy dạy con tánh chất từ bi của ngài qua những linh ảnh, hay qua một vị tôn sư mà Ngài sẽ gửi đến con!” Tôi khóc và nguyện cầu rất lâu, giờ khắc vẫn trôi qua mà tôi không nhận được một sự trả lời. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy như bị lôi cuốn thể xác lẫn linh hồn, lên tận những cõi giới cao siêu huyền diệu.

- Tôn sư con sẽ đến trong ngày hôm nay!

Giọng nói ấy, một giọng nói thanh tao của phái nữ với những âm điệu của cõi trời, dường như vọng đến từ khắp nơi và cũng không từ nơi nào.

Cái kinh nghiệm siêu linh đó bị gián đoạn bởi một tiếng kêu lạnh lạnh; một đệ tử trẻ tên Habu gọi tôi từ sau bếp ở tầng dưới:

- Mukunda! Thôi đừng tham thiền nữa! Người ta cần anh đi chợ mua đồ.

Nếu trong trường hợp khác, tôi đã phản ứng kịch liệt. Nhưng không hiểu sao lúc ấy, tôi lấy khăn lau nước mắt và lẳng lặng nghe theo. Habu và tôi bước ra cửa đi về phía một chợ ở xa, trong khu vực Bengali của thành Banaras. Mặt trời nóng gắt của Ấn Độ chưa lên đến tột đỉnh, chúng tôi đã mua xong những đồ vật dụng cần thiết và vạch một con đường đi xuyên qua một đám rừng người đông đảo; những đàn bà nội trợ chen lẫn những tăng lữ, hướng dẫn viên du lịch, quả phụ ăn mặc nâu sòng, người Bà La Môn, người hành khất, và bò... Khi đi qua một con đường nhỏ hẹp có vẻ nghèo nàn, tôi quay đầu lại và nhìn thấy một người có vẻ giống như Chúa Giê Su, mặc áo màu vàng sậm của giới tu sĩ và đứng ở phía đầu đường. Người ấy trông dường như một người quen cũ, khiến tôi càng chú ý nhìn kỹ. Bỗng nhiên một sự nghi ngờ xâm chiếm lấy tôi và tôi tự chủ, “Có lẽ mình lầm người tu sĩ này với một người nào khác. Thôi ta đi!”

Mười phút trôi qua, tôi cảm thấy hai chân tôi nặng như chì, dường như chúng đã trở thành đá và không còng tuân theo ý muốn của tôi. Tôi thử quay lại thì hai chân tôi đi được như thường. Tôi lại thử tiến bước theo lối đi ngược chiều thì hai chân tôi lại nặng như chì, không thể cử động.

“Vị tu sĩ hấp dẫn tôi đến với người bằng một thứ mãnh lực từ điển nào đó.” Với cái ý nghĩ đó trong trí, tôi giao những gói đồ cho Habu; y đã quan sát những cử chỉ của tôi một cách ngạc nhiên, sau cùng y bật cười:

- Anh làm gì vậy? Chắc anh điên rồi!

Trí óc huyền não của tôi lúc ấy làm cho tôi không màng đáp lại. Tôi quay đầu trở lại và lẳng lặng noi theo con đường nhỏ hẹp mà tôi đã đi qua. Gần đến đầu đường, tôi nhận thấy gương mặt trầm lặng ấy đang nhìn chăm chú về phía tôi. Chỉ còn vài bước nữa và tôi đã quì mọp dưới chân người.

- Kính lạy sư phụ!

Gương mặt thiêng liêng ấy không gì khác hơn là gương mặt đã từng xuất hiện trong vô số những linh ảnh của tôi. Đôi mắt yên tĩnh, cái đầu tóc dài dợn sóng xòa xuống vai như đầu sư tử và bộ râu ngắn vuốt nhọn dưới cằm, chính gương mặt ấy đã chinh phục tôi trong những cơn linh ảnh mê ly, nó tượng trưng một sự hứa hẹn nào đó mà tôi không hoàn toàn hiểu rõ ý nghĩa.

- Con đây rồi, con đã đến!

Sư phụ tôi lặp lại câu ấy bằng tiếng Bengali (thổ ngữ tỉnh Bengale, miền Đông Ấn), giọng nói hơi rung vì cảm động:

- Ta đã đợi con từ bao nhiêu năm nay!

Kể đó là một con yên lặng kéo dài, trong lúc ấy những lời nói cũng bằng thừa. Một nhạc khúc du dương không lời đang vang lên trong lòng của vị tôn sư và đệ tử. Một tiếng nói trong nội tâm bảo cho biết rằng Sư Phụ đã đắc Đạo và có thể dắt dẫn tôi đến chân lý. Những sự vô minh đen tối của dĩ vãng đã tiêu tan trước ánh bình minh mới lộ dạng trong cuộc đời tôi, tự nó cũng đã xuất hiện từ một tiền kiếp xa xăm nào. Dĩ vãng, hiện tại, tương lai, chỉ là một cuộc tuần hoàn tiếp diễn vô tận. Đây không phải là vàng Mặt Trời đầu tiên đã chứng kiến việc tôi ngồi dưới chân thiêng liêng của người!

Bàn tay trong bàn tay, Sư Phụ dắt tôi đến nơi am thất tạm thời của người ở khu Rana Mahal tại Banaras. Người đi với những bước đi chắc chắn. Cao lớn và lưng thẳng, tuy đã có đến năm mươi lăm tuổi đời vào thời kỳ đó, người vẫn nhanh nhẹn và lực lượng như một thanh niên. Đôi mắt đen sậm, lớn và đẹp, chiếu sáng ngời ánh mắt minh triết. Những lọn tóc dài hơi xoắn tròn to tô điểm gương mặt cao quý của người. Nơi người, sức mạnh đi đôi một cách điều hòa với sự dịu dàng.

Khi chúng tôi đi đến nơi sân thượng của một ngôi nhà trở ra phía bờ sông Hằng, Sư Phụ nói với một giọng ưu ái:

- Ta cho con cái đạo học viện này và tất cả những gì ta sở hữu.

- Bạch sư phụ, con đi tìm sự Minh Triết và ước mong đạt tới chân lý. Đó là những kho tàng mà con đang thèm muốn nơi Sư Phụ!

Bóng hoàng hôn qua mau ở Ấn Độ đã sắp tàn, khi sư phụ lại nói tiếp, đôi mắt người phản chiếu một tình thương rộng rãi vô biên:

- Ta cho con tất cả tình thương của ta, và không điều kiện.

Đó là những lời vô cùng quý báu! Một phần tư thế kỷ trôi qua trước khi Sư Phụ nói lại một lần nữa với tôi về tình thương của người.

- Để đáp lại, con có cho ta cái tình thương cũng vô điều kiện đó không?

- Bạch sư phụ, con xin kính yêu Sư Phụ mãi mãi!

- Tình của thế gian vốn ích kỷ và bắt nguồn từ những ham muốn và thỏa mãn dục vọng. Tình thiêng liêng, vốn cho ra không điều kiện, là vô giới hạn và không thay đổi. Tâm hồn con người khi được tiếp xúc với tình thiêng liêng ấy, sẽ vĩnh viễn trở nên siêu thoát.

Kể đó, người đứng dậy và đưa tôi vào một gian phòng. Chúng tôi ăn xoài và bánh ngọt hạnh nhân, trong khi đó Sư Phụ lái câu chuyện để thăm dò tâm hồn của tôi. Tôi rất thán phục về sự minh triết hòa lẫn với đức khiêm tốn của người.

- Con đừng buồn về việc cái linh vật hộ phù đã biến mất, vì nó đã hoàn tất sứ mạng của nó.

Sư phụ tôi, chẳng khác như tấm gương thiêng liêng, đã phản ánh trọn cả cuộc đời tôi.

- Bạch Sư Phụ, sự hiện diện của Sư Phụ là một ân huệ nó bù lại gấp bội phần sự thất lạc đó. Đã đến lúc con cần thay đổi không khí, vì con cảm thấy không vui trong cái đạo viện này.

Tôi không nói gì về dĩ vãng của tôi, và lại điều đó cũng là thừa. Tôi hiểu rằng với đức giản dị và khiêm tốn, Sư Phụ không hề muốn thấy tôi thán phục cái nhãn quang siêu linh của người.

- Con phải trở về Calcutta. Tại sao con lại đặt gia đình ra ngoài tình thương của con đối với toàn thể nhân loại.

Lời đề nghị đó làm tôi không vui. Gia đình đã tiên sự trở về của tôi, tuy tôi vẫn đứng vững trước những lời kêu gọi khẩn thiết trong các bức thư của nhà gửi cho tôi. Ananta, anh cả tôi, đã tuyên bố: “Chúng ta hãy để cho con chim non vỗ cánh tung bay trên những tầng trời triết lý siêu hình. Rốt cuộc nó sẽ mệt mỏi và sẽ khiêm tốn bay trở về tổ ấm gia đình.”

Những lời nói khiêu khích này hãy còn vang dội trong ký ức của tôi, tôi cương quyết không chịu trở về Calcutta.

- Bạch Sư Phụ, con không trở về nhà. Nhưng con sẽ theo Sư Phụ khắp mọi nơi. Xin Sư Phụ cho con biết quý danh và địa chỉ.

- Ta là tu sĩ Swami Sri Yukteswar Giri. Đạo viện chính của ta ở Serampore, đường Rai Ghat Lane. Ta chỉ ở đây có vài ngày để thăm viếng mẫu thân.

Tôi trầm nghĩ:

- Thiên ý thật là một điều bí hiểm khôn lường! Serampore chỉ cách Calcutta có độ mười hai dặm đường; tuy vậy để cho cuộc gặp gỡ của chúng tôi được thực hiện, chúng tôi phải đến tận nơi thánh địa Kashi (Banaras), là nơi được thánh hóa bởi kỷ niệm của đức Lahiri Mahasaya. Chính đức Phật, đức Shankaracharya, và những bậc hiền nhân thánh triết khác của Ấn Độ cũng đã đặt gót chân lên Banaras và làm cho thành phố ấy trở nên bất tử!

- Con hãy đến với ta trong bốn tuần lễ.

Lần đầu tiên, Sri Yukteswar nói với một giọng nghiêm khắc.

- Ta đã bày tỏ tình thương bất diệt và niềm vui của ta khi ta tìm thấy con, và bởi đó mà con đã cải lời ta. Lần tái ngộ sau này con phải làm sao cho ta lại chú ý đến con. Ta rất nghiêm khắc trong việc chọn lựa đệ tử; họ phải tuyệt đối tuân theo kỷ luật tâm linh của ta.

Tôi giữ một sự im lặng kéo dài. Sư Phụ đoán biết dễ dàng sự khó nghĩ của tôi.

- Con sợ về gia đình sẽ bị gia đình chế diễu chăng?

- Con sẽ không trở về nhà.

- Con phải trở về trong ba mươi ngày.

- Bạch Sư Phụ, không khi nào!

Tôi kính cẩn quỳ xuống chân Sư Phụ và từ biệt mà không nói gì thêm để làm dịu bầu không khí căng thẳng. Vừa bước chân ra đi trong đêm tối, tôi vừa tự hỏi tại sao sự gặp gỡ huyền diệu đó lại kết thúc bằng một điểm không vui? Sự tương đối ảo ảnh (maya) ở cõi thế gian luôn luôn pha lẫn lẫn cái vui với cái buồn. Trí óc còn non nớt của tôi chưa đủ tinh luyện thuần thực để chịu nép mình dưới uy quyền của một vị tôn sư.

Sáng ngày hôm sau, tôi nhận thấy rằng sự thù nghịch của các bạn đồng môn trong đạo viện đối với tôi đã tăng gia rõ rệt; mỗi ngày, tôi đều bị đùng chạm với họ một vài lần. Sau đó ba tuần lễ, tu sĩ Dayananda rời đạo viện để đi dự một phiên họp tại Bombay. Sự thù nghịch của cả đạo viện bèn có dịp đổ dồn lên đầu tôi:

- Mukunda là một kẻ bám, y chịu sự nuôi dưỡng của đạo viện mà không đóng góp phí tổn!

Nghe nói vậy, lần đầu tiên mới hối tiếc là đã tuân lệnh của sư trưởng và gởi tiền trả lại cho cha tôi. Buồn rầu, tôi mới tìm gặp Jitendra, bạn duy nhất của tôi và nói:

- Tôi đi đây. Anh hãy vui lòng chuyển đạt sự hối tiếc và lời chào kính cẩn của tôi cho sư trưởng khi người trở về.

- Tôi cũng sẽ đi! Những công phu thiện định của tôi cũng bị ngăn trở và chỉ trích giống như trường hợp của anh. Jitendra than thở. Tôi vừa gặp một hiền giả lạ chưa từng có. Chúng ta hãy đến gặp người tại Serampore.

Nhân dịp đó, con “chim non” sửa soạn vỗ cánh bay về miền đông, gần bên Calcutta.

Một Chuyến Du Lịch Không Tồn Tiền

“Em sẽ làm gì, Mukunda, nếu cha không chia phần gia tài cho em. Em đã lãng phí cuộc đời một cách vô lý!” anh cả tôi rầy tôi một ngày nọ.

Sau cuộc hành hương tại Banaras vừa rồi, Jitendra và tôi liền đến nhà Ananta, anh tôi vừa được chuyển từ Calcutta đến thành phố cổ kính Agra. Anh tôi làm chuyên viên kế toán cho Công Ty Hỏa Xa Bengale Nagpur.

-Ananta, anh biết rằng em không trông mong gia tài nào khác hơn là của Thượng Đế!

- Tiền bạc trước đã, rồi sau mới tới Thượng Đế! Biết đâu cuộc đời còn dài!

- Thượng Đế trên hết! Tiền bạc là do Ngài mà có. Biết đâu cuộc đời rất ngắn ngủi!

Câu trả lời của tôi chỉ là ứng khẩu trong một lúc và không có ngụ ý một sự tiên tri nào. Tuy nhiên cuộc đời của Ananta đã sắp kết liễu vì anh ta từ trần sau đó có vài năm, để bước vào một cõi giới mà tiền bạc không còn giá trị gì nữa.

- Cái triết lý đó chắc hẳn là em mới học được ở đạo viện, phải chăng? À, tuy vậy em lại rời bỏ Banaras.

Một sự khoái trá chiếu sáng trong đôi mắt của Ananta; anh ta vẫn nuôi hy vọng đem tôi trở về với gia đình.

- Không phải là vô ích mà em sống tại Banaras! Em đã tìm thấy tại thành phố đó tất cả những gì mà lòng em ngưỡng mộ. Tuy vậy, đó không phải là nhà học giả có thần nhãn, hay con trai ông ta!

Ananta, cười lớn về câu chuyện kỷ niệm đó; anh ta phải nhìn nhận rằng nhà học giả nọ chỉ là một kẻ có nhãn quang tầm thường!

- Chương trình em hiện giờ như thế nào, hỡi nhà tu sĩ đi ta bà?

- Jitendra đang rủ em đi Agra để viếng thăm lăng tẩm Taj Mahal. Sau đó chúng em sẽ đến viếng một vị tôn sư mà em vừa mới gặp, vị này có một đạo viện ở Serampore.

Ananta lo sắp đặt mọi thứ tiện nghi cho chúng tôi tạm trú trong nhà. Tối hôm đó, tôi nhiều lần bắt chợt anh ta ngấm nhìn tôi một cách nghĩ ngợi suy tư. Tôi thầm nghĩ rằng cái nhìn đó hẳn là có ngụ ý gì, chắc là anh ta đang mưu toan một việc gì đây.

Lời giải đáp đã đến ngay sáng ngày hôm sau, vào giờ ăn điểm tâm.

- Như vậy là em không thềm hưởng phần gia tài của cha?

Ananta giả vờ lấy một điệu bộ vô tư để nối lại câu chuyện ngày hôm trước. Tôi đáp với một giọng cương quyết:

-Em ý thức rằng em chỉ trông cậy nơi một mình Thượng Đế mà thôi.

- Nói thì dễ! Cuộc đời sẽ chứng minh cho em biết trái ngược lại. Nếu em bị dồn vào một tình thế nguy cấp không ai giúp đỡ mà chỉ trông cậy vào Thượng Đế thì em sẽ phải đi ăn mày!

- Không khi nào! Không bao giờ em ngửa tay đi xin, khi mà Thượng Đế có hàng nghìn cách để bảo dưỡng cho những đứa con của Ngài, để cho họ không cần phải ngửa tay xin ăn!

- Điều đó chỉ là lý thuyết. Nếu anh thách đố em đem những lý thuyết đó ra thực hành, em có dám không?

- Em nhận cuộc thách đố! Quyền năng của Thượng Đế vốn vô biên.

- Để rồi xem. Ngày hôm nay, em sẽ có dịp xác nhận hay bác bỏ điều anh vừa nói.

Ananta ngừng một lúc rồi nói tiếp với một giọng trầm và gằng từng tiếng:

- Anh định gửi em và bạn em Jitendra đi đến Brindaban, thành phố ở gần đây. Hai em sẽ lên đường mà không có một đồng rupee nào, không được xin ăn hoặc xin tiền ở dọc đường hoặc tiết lộ việc thách đố này cho một người nào biết. Các em cũng không được nhận hối lộ hay thất cơ lỡ vận ở Brindaban. Nếu sau khi đã thực hiện tất cả những điều kiện đó mà các em trở về nhà anh trước nửa đêm, thì chừng đó anh sẽ là người ngạc nhiên nhất của thành phố Agra này!

- Em nhận cuộc thử thách! Tôi nói không chút do dự.

Như một tia chớp, hiện ra trong trí tôi tất cả những ân huệ tốt lành mà tôi đã được hưởng qua sự can thiệp của Thiêng Liêng; một lần được chữa khỏi bệnh thời khí một cách mau nhiệm do bức chân dung của đức Lahiri Mahasaya; hai con điều giấy bắt được ngay tại trước mắt Uma do sự cầu nguyện Phật Mẫu tại Lahore; món linh vật an ủi lọt vào tay tôi những giờ tuyệt vọng; thông điệp quyết định của vị tu sĩ lạ mặt ở Banaras, gần nhà của vị học giả Phạm ngữ; cái linh ảnh đức Phật Mẫu, những lời nói từ bi của ngài, sự cầu nguyện đức Phật Mẫu giùm cho tôi qua sự trung gian của đức Mahasaya; sự trợ giúp vào giờ chót trong cuộc thi tú tài; và sau cùng, sự gặp gỡ đức Sư Phụ mà tôi thường thấy trong giấc mộng... Bởi đó, tôi sẽ không bao giờ nhìn nhận rằng những lý thuyết của tôi sẽ tiêu tan khi bị đụng chạm với sự thật phũ phàng!

- Thiện chí của em thật đáng khen!

Anh cả tôi quay lại phía Jitendra, lúc ấy đang trở mắt nhìn chúng tôi, miệng há hốc:

- Còn em nữa, em sẽ đi theo làm chứng và cũng làm nạn nhân luôn thể!

Nửa giờ sau, Jitendra và tôi mua vé xe lửa đi Brindaban. Trong một góc hẻo lánh của nhà ga, Ananta lục soát mình chúng tôi rất tỉ mỉ và lấy làm hài lòng mà thấy chúng tôi không có đem theo tiền bạc, ngoài một cái chăn vận ngang lưng!

Jitendra nhận thấy rằng vấn đề đức tin lẫn lút quá nhiều trên lãnh vực tài chánh, bèn nói:

- Ananta, ít nhất anh hãy đưa cho tôi vài rupees để tôi có thể gọi điện thoại về nhà khi có việc cấp bách.

- Jitendra! Tôi kêu lên với một giọng trách móc. Tôi sẽ từ chối không chịu nhận cuộc thử thách này nếu anh đem theo dấu rằng chỉ có một xu!

- Tiền bạc kêu rồn rảng trong túi sẽ có tác dụng trấn an tinh thần!

Bạn tôi nói xong liền im bặt khi thấy tôi nhìn y với một vẻ mặt nghiêm khắc.

- Mukunda, em đừng cho rằng anh quá tàn nhẫn trong cơn thử thách này.

Ananta hơi dịu giọng. Có lẽ anh ta cảm thấy hối hận, hoặc vì chuyện gửi hai thanh niên không tiền bạc đi đến một thành phố xa lạ, hoặc vì anh ta thiếu hẳn đức tin. Anh ta nói:

- Nếu do sự may mắn, hoặc do ân huệ thiêng liêng là em thắng cuộc thách đố ở Brindaban, thì anh hứa sẽ tôn em làm thầy.

Đề nghị lạ thường này cũng tương xứng với tình trạng hi hữu lúc ấy. Trong một gia đình Ấn Độ, người anh cả không bao giờ chịu khuất phục trước một người em; y được các em tôn trọng và vâng lời tuyệt đối theo tục lệ quyền huynh thế phụ. Nhưng lúc ấy không phải là lúc nói nhiều, vì chuyến xe lửa đã lăn bánh và bắt đầu chạy.

Jitendra giữ một im lặng nặng nề trong khi chuyến xe lửa nuôi cây số trên đoạn đường dài. Sau cùng, y tự chủ được mình, nghiêng về phía tôi và véo tôi một cái rất đau trên bắp đùi:

- Hình như Thượng Đế có vẻ không nghĩ đến bữa cơm chiều của chúng ta!

- Anh hãy an tâm. Thượng Đế luôn luôn che chở chúng ta.

- Anh có ý định nhắc nhở cho Ngài mau lên một chút chăng? Tôi cảm thấy đói lắm khi nghĩ đến việc gì sẽ xảy ra. Tôi rời khỏi Banaras để viếng lăng tẩm Taj Mahal chứ không phải để xây mả của tôi tại đó!

- Hãy can đảm lên, Jitendra! Lát nữa chúng ta sẽ đến viếng thành phố Brindaban từng nổi tiếng vì nhiều phép lạ đã xảy ra tại đó. Tôi cảm thấy không còn gì sung sướng hơn là bước chân lên mảnh đất đã được thánh hóa bởi đức Lord Krishna.

Xe ngừng tại một nhà ga, toa xe của chúng tôi mở cửa, có hai người hành khách mới bước vào. Trạm sắp tới đây cũng sẽ là trạm cuối cùng.

- Này các bạn, các bạn có bạn bè quen thuộc ở Brindaban không?

Người hành khách ngồi trước mặt có vẻ rất chú ý đến chúng tôi. Tôi quay mặt đi chỗ khác:

- Xin lỗi, ông hơi tò mò nhưng việc ấy không can dự gì đến ông!

- Chắc là các bạn rời bỏ gia đình để đi tìm đạo? Tôi cũng vậy, tôi là người rất mộ đạo. Tôi thấy có bốn phận lo lắng cho các bạn không thiếu thốn thứ gì, và tìm cho các bạn một nơi trú ngụ dưới ánh mặt trời nóng gắt.

- Thưa ông, ông không cần phải lo cho chúng tôi, ông rất tốt bụng, nhưng ông đã lầm mà tưởng chúng tôi là những kẻ trốn gia đình.

Đến đây, câu chuyện đứt ngang. Đoàn xe lửa ngừng tại nhà ga. Khi Jitendra và tôi vừa bước chân lên bên, hai người hành khách mới quen trên toa xe cùng nắm tay chúng tôi và gọi một cỗ xe ngựa.

Chúng tôi ngừng trước một đạo viện rất đẹp giữa một vườn cây xanh tươi và vun quét sạch sẽ thơm mát, những cây to lớn sẫm uất tỏa bóng mát rợp trời. Hai người đồng hành với chúng tôi hẳn là những khách hàng quen thuộc: một người gia tộc cười lễ phép đưa chúng tôi vào phòng khách. Một bà mệnh phụ đứng tuổi, cốt cách trang trọng cùng bước vào ngay khi đó.

- Thưa ni trưởng, hai vị hoàng thân không thể đến được. Một người đồng hành của chúng tôi thừa với bà ni trưởng của đạo viện. Chương trình của hai vị đã bị thay đổi vào giờ chót; hai vị có nhờ chúng tôi chuyển đạt tất cả sự hối tiếc của các ngài. Nhưng hôm nay chúng tôi có dắt đến hai người khách. Khi chúng tôi nhìn thấy họ trên xe lửa, tôi cảm thấy ngay rằng họ là những người mộ đạo hành hương.

Nói xong, hai người bạn mới vừa đi ra cửa quay lại phía chúng tôi:

- Thôi chào các bạn! Chúng ta sẽ gặp lại nhau, do ý muốn của Thượng Đế!

Bà ni trưởng nói với chúng tôi với một nụ cười của bậc hiền mẫu:

- Chào hai vị tân khách, hai vị đến thật đúng lúc, tôi cũng đang chờ đợi hai vị hoàng thân là những ân nhân của đạo viện. Thật bẽ bàng đến bậc nào, nếu phải ra công làm bếp mà lại không có khách đến chiêu cố!

Những lời nói đầy hứa hẹn này có tác dụng gây xúc động mạnh đối với Jitendra, y bèn khóc sụt sùi. Thay vì chết đói, y lại gặp tại Brindaban một bữa tiệc sang trọng! Việc ấy thật quá sức trông đợi của y. Bà ni trưởng nhìn y với cặp mắt ngạc nhiên nhưng không nói gì. Có lẽ bà ấy đã từng quen thuộc với những cơn “dở chứng” của bọn thanh niên?

Bữa ăn đã sẵn sàng. Bà ni trưởng đưa chúng tôi vào một phòng ăn phẳng phai mùi vị ngon lành thơm phức và lui vào nhà bếp ở gần bên.

Tôi đợi đến lúc ấy mới véo một cái thật đau vào bắp đùi non của Jitendra như y đã véo tôi trên xe lửa:

- Thế nào, ông bạn vô tín ngưỡng? Thượng Đế quả thật có nghĩ đến chúng ta, và lại không trễ giờ tí nào đấy chứ?

Bà ni trưởng bước vào với một cái quạt tay bằng tre đan. Bà quạt mát cho chúng tôi theo kiểu Đông Phương trong khi chúng tôi ngồi trên những tấm nệm thêu màu rực rỡ. Những đệ tử trong đạo viện lo dọn ăn và đi lại lảng xảng không ngớt. Từ thuở bé đến giờ, Jitendra và tôi chưa từng ăn bữa nào ngon như thế!

- Thừa ni trưởng, đó thật là những món ăn xứng đáng với bậc đế vương. Tôi tự hỏi không biết công việc gì cấp bách hơn là bữa tiệc hôm nay đã cầm chân hai vị hoàng thân, quý khách của ni trưởng! Chúng tôi sẽ không bao giờ quên bữa tiệc này suốt cuộc đời chúng tôi!

Lời hứa của chúng tôi với Ananta bắt buộc chúng tôi phải im lặng, nên chúng tôi không thể giải thích cho ni trưởng biết rằng chúng tôi còn biết ơn ni trưởng gấp đôi. Nhưng sự thành thật của chúng tôi đã quá rõ rệt. Khi chúng tôi kiêu từ ra về, ni trưởng bèn ban ân huệ và mời chúng tôi khi nào có dịp sẽ trở lại viếng thăm đạo viện.

Bên ngoài, ánh nắng mặt trời nóng như thiêu đốt. Chúng tôi đến ẩn núp dưới bóng mát của cây cổ thụ cadamba ở trước cửa đạo viện. Chúng tôi trao đổi những lời gay gắt, vì Jitendra lại cảm thấy lạc lõng bơ vơ:

- Anh đã gạt tôi! Bữa tiệc chỉ là một sự may mắn tình cờ mà thôi! Làm sao đi viếng thành phố mà không có một xu trong túi và anh làm cách nào để đưa tôi về nhà?

- Anh quên Thượng Đế chóng thật, sau khi anh đã ăn no đầy bao tử!

Những lời nói của tôi trở nên một sự tố giác:

- Con người rất chóng quên những ân huệ thiêng liêng; tuy vậy cuộc đời không phải là không có ít nhất một vài lần mà những lời cầu nguyện của ta được chấp thuận.

- Dầu sao, tôi cũng không quên sự lầm lạc mà tôi đã làm khi tôi chịu đi theo anh!

- Anh hãy im đi, Jitendra! Nếu Thượng Đế đã cho chúng ta ăn no, ắt là Ngài cũng có thể cho chúng ta phương tiện đi viếng Brindaban và trở về Agra!

Đến đây, bỗng có một thanh niên mặt mũi khôi ngô từ đâu rào bước đi thật nhanh đến gần chúng tôi. Y ngừng bước dưới bóng cây và day về phía chúng tôi:

- Nếu tôi không lầm thì các bạn chắc là những du khách mới đến thành phố này. Các bạn hãy để tôi dẫn đường cho các bạn đi ngắm cảnh.

Một người Ấn Độ không hề tái mặt một cách dễ dàng, tuy vậy, đó chính là trường hợp của Jitendra. Tôi lễ phép từ chối.

- Các bạn hẳn là không có ý muốn đuổi tôi đi chứ?

Người lạ mặt nói với vẻ mặt lo ngại, nó có thể làm buồn cười ở vào trường hợp khác.

- Tại sao không?

- Bạn chính là thầy tôi!

Y giải thích với một giọng khẩn thiết:

- Trong lúc tôi ngồi thiền trưa nay, đức Lord Krishna đã xuất hiện đến với tôi trong một con linh ảnh. Ngài chỉ cho tôi hai nhân vật đứng dưới gốc cây này mà một người chính là bạn, là Thầy tôi! Tôi đã nhiều lần nhìn thấy bạn như thế trong con tham thiền. Thật là một điều rất hân hạnh nếu các bạn chấp nhận sự giúp đỡ khiêm tốn của tôi!

- Tôi rất sung sướng về cuộc hội ngộ giữa ông bạn với chúng tôi hôm nay. Thật là Trời Phật và người đều không bỏ chúng tôi.

Tôi mỉm cười với người bạn và thăm tạ ơn đáng Thiêng Liêng với sự kính dâng hết tất cả tấm lòng thành dưới chân Ngài.

- Các bạn hỡi, xin mời các bạn chiêu cố đến nhà tôi.

- Ông bạn thật quá tốt bụng, nhưng việc ấy không thể thực hiện được vì chúng tôi hiện là khách của anh tôi tại Agra.

- Ít nhất các bạn cũng cho tôi cái hân hạnh được hướng dẫn các bạn đi chơi Brindaban chứ.

Tôi vui vẻ nhận lời. Người thanh niên tên là Prâtp Chatterji, gọi một cỗ xe ngựa. Chúng tôi đến viếng ngôi đền Madanamohana Temple và những nơi thánh điện khác thờ thần Krishna. Trong khi chúng tôi cúng lễ xong ở các đền thờ thì trời đã tối.

- Các bạn hãy đợi tôi đi mua ít bánh kẹo.

Pratap bước vào một tiệm gần bên nhà ga. Jitendra và tôi đi dạo chơi giữa đám đông người; không khí lúc chiều tối đã mát lạnh. Người bạn mới phút chốc đã trở lại với bánh kẹo và thức ăn.

- Các bạn hãy hạ cố mà nhận cho món quà mọn này.

Pratap vừa tươi cười vừa cầm đưa cho chúng tôi một cuộn giấy và hai vé xe lửa đi Agra! Tôi âm thầm thành kính cảm tạ Thượng Đế đã ban cho chúng tôi quá nhiều ân huệ thiêng liêng.

Chúng tôi đi đến một chỗ hẻo lánh gần nhà ga.

- Pratap, tôi sẽ chỉ dẫn cho anh pháp môn Kriya Yoga của đức Lahiri Mahasaya, vị Yogi lớn nhất của thời đại hiện kim. Bạn sẽ không cần có thầy vì từ nay pháp môn này sẽ là thầy của bạn.

Lễ nhập môn được hoàn tất trong vòng nửa giờ.

- Pháp môn Kriya Yoga sẽ là món bửu bối của bạn, tôi nói với người học trò mới. Pháp môn rất giản dị này, như bạn đã thấy, có cái quyền năng hồi thức sự tiến hóa tâm linh hồn người chuyển kiếp xuống trần phải trải qua một khoảng thời gian một triệu năm mới có thể thoát khỏi sự trói buộc của ảo giác (maya). Pháp môn Kriya Yoga có thể thu ngắn kỳ hạn đó lại rất nhiều. Cũng như nhà bác học Jagadis Chandra Bôe đã chứng minh rằng sự tăng trưởng

của một cái cây có thể được thúc hồi mau lẹ vô cùng dưới một tỷ lệ không thể tưởng tượng, thì sự tiến hóa của linh hồn người cũng được thúc hồi mau gấp bội phần do khoa học tâm linh. Bạn hãy trung kiên tập luyện pháp môn ấy rồi bạn sẽ đến gần vị Tôn Sư của các Tôn Sư.

Tôi rất sung sướng mà được truyền thụ cái bí quyết của pháp môn Yoga này, mà tôi đã ra công tìm kiếm từ lâu! Prâp nói với một vẻ mặt im lặng. Sự tác động của nó, vốn có hiệu năng cắt đứt mọi sợi dây trói buộc con người với giác quan, sẽ có thể giải thoát cho tôi bước vào những trạng thái sinh hoạt tâm linh cao siêu hơn. Sự xuất hiện của đức Lord Krisna trong con linh ảnh thật đã báo hiệu nhiều việc tốt lành.

Chúng tôi đồng ý tịnh tâm trong giây lát, rồi từ từ đi chậm từng bước về phía nhà ga. Tôi sung sướng bước lên toa xe lửa nhưng Jitendra lại khóc sụt sùi. Những lời từ giả đầy ưu ái của tôi và Pratap lại xen lẫn với những tiếng khóc của người bạn trẻ. Một lần nữa, Jitendra lại nổi khùng, nhưng lần này thì lại là với chính mình:

- Tôi còn thiếu đức tin, tim tôi thật sắt đá! Tôi sẽ không bao giờ còn nghi ngờ sự che chở của Thiên Liêng!

Lúc ấy đã gần nửa đêm. Chúng tôi bước vào phòng ngủ của Ananta. Nhìn thấy chúng tôi, trên mặt y lộ một vẻ kinh hoàng. Lặng lẽ không nói gì, tôi ném cuộn giấy bạc lên bàn.

- Jitendra, hãy nói thật! Các em đã âm mưu những chuyện gì rồi?

Những câu chuyện tường thuật kéo dài, nét mặt Ananta mỗi lúc càng có vẻ nghiêm trọng.

- Định luật cung cầu lại còn có một khía cạnh hành động khác hẳn và tế nhị hơn là anh vẫn tưởng, Ananta nói với một đức tin nhiệt thành mà anh ta chưa từng biểu lộ bao giờ. Lần đầu tiên anh mới hiểu sự thần nhiên của em đối với những của cải vật chất trần gian.

Một lát sau đó, anh tôi khẩn khoản yêu cầu tôi truyền dạy pháp môn Kriya Yoga cho anh. Thế là chỉ trong vòng một ngày, tiểu sư Mukunda đã phải đảm nhiệm việc nhập môn của hai người đệ tử bất ngờ.

Sáng ngày hôm sau, một bầu không khí hòa hợp chưa từng thấy đã có giữa chúng tôi trong bữa ăn điểm tâm.

Sau khi đã viếng lăng tẩm Tạ Mahal, tôi chỉ còn một điều ước mong duy nhất là đến gặp Sư Phụ tôi. Jitendra và tôi liền đón chuyến xe lửa đi về phía tỉnh Bengale.

- Mukunda, đã từ lâu tôi không về thăm gia đình; bây giờ tôi phải về nhà trước đã, rồi có lẽ sau này tôi sẽ đến viếng đạo viện ở Serampore.

Bạn tôi bản tính vốn do dự không nhất quyết định điều gì, như chúng ta đã thấy, bèn từ giả tôi ở Calcutta. Chuyến xe lửa địa phương sau đó đã đưa tôi đến Serampore, cách mười hai dặm về phía bắc Calcutta, tôi lấy làm ngạc nhiên mà nhận thấy rằng vừa đúng hai mươi tám ngày đã trôi qua từ khi tôi gặp Sư Phụ tôi ở Bnaras. Chính người đã nói trước với tôi rằng: “Con sẽ đến với ta trong bốn tuần lễ!” Tôi hỏi hộ đứng chờ ngoài sân tịnh thất của người ở đường Rai Ghat Lane. Lần đầu tiên tôi sắp sửa bước vào cửa đạo viện, tại đây tôi sẽ trải qua mười hai năm tốt đẹp nhất của đời tôi bên cạnh một vị tôn sư minh triết của Ấn Độ.

- À, con đã đến.

Sri Yukteswar ngồi trên một tấm da cạp trải dưới sàn một phòng khách nhỏ có bao lon. Người nói với một giọng lạnh lùng, không biểu lộ một sự xúc cảm nào.

- Bạch Sư Phụ, con đến để xin làm đệ tử của Người. Tôi vừa nói vừa quỳ lạy dưới chân Sư Phụ.

- Con không xứng đáng, vì con đã cãi lời ta.

- Bạch Sư Phụ, con sẽ không làm như vậy nữa! Từ nay, con sẽ triệt để tuân lệnh sư phụ dạy bảo.

- Tốt lắm! Bây giờ ta có thể chịu trách nhiệm về cuộc đời của con.

- Con xin đặt tương lai con trong tay Sư Phụ.

- Trước hết, ta muốn con hãy trở về với gia đình. Con phải vào trường đại học Calcutta để tiếp tục sự học.

- Bạch Sư Phụ, con xin vâng.

Tôi cố giấu sự bất mãn. Những sách vở nhồi sọ sẽ theo đuổi tôi mãi suốt đời hay chẳng? Trước hết cha tôi muốn vậy, rồi bây giờ lại đến thầy tôi!

- Một ngày kia con sẽ đi truyền giáo ở phương Tây. Quần chúng ở các xứ ấy sẽ sẵn sàng thưởng thức nền minh triết cổ truyền của Ấn Độ hơn, nếu vị Đạo Sư Ấn Độ có một cấp bằng khoa cử đại học.

- Bạch Sư Phụ, Sư Phụ biết nhiều hơn con.

Sự bất mãn của tôi đã tiêu tan.

Việc truyền giáo ở Tây Phương đối với tôi hãy còn là một chuyện quá xa vời, nhưng trước hết mọi sự tôi chỉ mong ước làm vui lòng Sư Phụ.

- Calcutta cách đây không xa, con có thể đến đây mỗi khi con có thời giờ.

- Mỗi ngày nếu có thể được! Con sẽ vui lòng tuân theo ý muốn của Sư Phụ.

Thế là sự mong ước lớn nhất trong đời tôi đã được thực hiện; những sự dò dẫm vô ích và những sự tìm kiếm lâu dài trước kia nay đã chấm dứt. Tôi đã tìm thấy nơi trú ẩn thực sự ở dưới chân Thầy.

- Con lại đây, ta sẽ đưa con đi viếng đạo viện.

Sư Phụ bàn rời tấm da cạp. Tôi liếc nhìn chung quanh và lấy làm ngạc nhiên mà nhìn thấy một bức chân dung của đức Lahiri Mahasaya trên vách. Tôi bất giác buột miệng kêu:

- Lahiri Mahasaya!

- Phải, đó là Sư Phụ của ta.

Giọng nói của Sri Yukteswar vang lên với một âm điệu đầy hứng khởi:

- Ngài là một vị tôn sư cao cả nhất trong các vị tôn sư mà ta được biết.

Tôi kính cẩn cúi đầu trước bức chân dung quen thuộc và chiêm bái tự trong đáy lòng vị tôn sư cao cả đã từng che chở cho tôi từ thuở ấu thơ và đã hướng dẫn bước chân tôi đến đây vào giờ phút đáng ghi nhớ này.

Tôi đi một vòng xem khắp đạo viện và những dãy nhà phụ thuộc với sự hướng dẫn của Sư Phụ. Đạo viện là một ngôi nhà gạch rộng lớn có hai tầng, kiến trúc theo lối cổ coi rất chắc chắn, chung quanh có sân rộng. Các vách tường ngoài có rêu phủ xanh um, những con chim bồ câu bay lượn trên mái nhà. Phía sau nhà có vườn cây ăn trái với những cây xoài, chuối, và nhiều loại kỳ hoa dị thảo. Những bao lon của đạo viện nhìn ra sân từ ba phía nhà. Gian phòng rộng lớn ở tầng dưới häng năm dùng làm chỗ hành lễ Duga Pua. Một cầu thang nhỏ đưa đến phía đường lộ. Đạo viện có bày những bàn ghế, tràng kỷ ở bên trong, tất cả mọi thứ đều rất giản dị, sạch bóng và tiện lợi cho việc sử dụng hàng ngày.

Sư Phụ mời tôi ở lại đạo viện một đêm. Bữa ăn chiều gồm có cơm và rau đậu nấu với đồ gia vị, do sự đảm trách của hai người đệ tử trẻ tuổi có phận sự đi chợ nấu ăn và lo việc nội bộ của đạo viện.

- Bạch Sư Phụ, xin Sư Phụ để cho con nghe vài điều về cuộc đời của Ngài.

Tôi ngồi trên chiếc chiếu, gần bên tấm da cạp của Sư Phụ. Bên ngoài bao lon, ánh sao chói rạng ngời trong đêm của vùng nhiệt đới.

- Tục danh ta là Priya Nath Karar. Ta sinh ở Serampore, tại đó thân phụ ta có một cơ nghiệp thương mại đồ sộ. Người để lại cho ta cái di sản này, trước kia là nhà ở của gian đình, nay đổi làm đạo viện. Ta không thích sự học ở nhà trường vì đối với ta nó có vẻ nông cạn. Khi trưởng thành ta quyết định lập gia đình và có một con gái nay đã thành gia thất. Vào độ trung niên, ta có cái điểm phúc gặp gỡ đức Lahiri Mahasaya và theo học Đạo với Ngài. Khi hiển nội của ta qua đời, ta bèn xuất gia theo dòng của các tu sĩ Swami và lấy tên mới là Sri Yukteswar Giri. Đó là câu chuyện giản dị về cuộc đời của ta.

Sư Phụ mỉm cười mà thấy tôi chăm chú nghe. Những lời nói của người chỉ trình bày những điểm sơ lược của một tiểu sử mà không biểu lộ phần nào về tính chất tâm linh.

Sư Phụ lại im lặng. Tôi đến, người đưa tôi tới một phòng nhỏ để an nghỉ. Giấc ngủ của tôi ở nhà Sư Phụ trong đêm ấy thật mới êm đềm và ngon lành làm sao!

Sáng ngày hôm sau, Sri Yukteswar mới cho tôi làm lễ nhập môn để được truyền thụ pháp môn Kriya Yoga. Trước kia tôi đã thụ giáo về khoa Yoga này với hai vị đệ tử của đức Lahiri Mahasaya, là cha tôi và tu sĩ Swami Kebalananda, vị đời đầu của tôi. Nhưng bây giờ với sự hướng dẫn của thầy tôi, tôi lại càng tinh tiến thêm nhiều. Dưới bàn tay ban phép mầu của Sư Phụ tôi cảm thấy nơi tôi chiếu một Ánh Sáng diệu huyền, dường như là ánh hào quang cấu tạo nên bởi vô số vầng Thái Dương rực rỡ huy hoàng. Một nguồn an tĩnh và phúc lạc vô biên tràn ngập tâm hồn tôi; niềm an lạc ấy kéo dài cho đến tận ngày hôm sau. Sau đó, tôi bèn kiêu từ ra về. Sư Phụ dặn tôi:

- Con sẽ trở lại đây trong ba mươi ngày.

Tôi trở về nhà ở Calcutta với lời tiên tri đó ghi nhớ trong lòng. Trái hẳn với điều tôi e ngại, không ai trong gia đình nhắc nhở tới sự trở về của người con bỏ nhà ra đi hoang.

Tôi trèo lên gác nhỏ và ngắm nhìn nó với cái nhìn triu mến, dường như nó làm một bạn cũ. Thật vậy, nó đã tường chứng kiến trong im lặng những buổi tham thiền, những giọt lệ sầu, những cơn bão lòng, cùng những công phu tu luyện của tôi. Bây giờ, tôi đã tìm được một niềm an tĩnh thiêng liêng dưới chân Sư Phụ.

- Con hỡi, cha lấy làm sung sướng cho cả hai chúng ta. Cha tôi nói khi ngồi với người ngoài sân vào một buổi chiều. Con đã tìm thấy Sư Phụ con một cách nhiệm mầu, cũng như cha. Bàn tay thiêng liêng của đức Lahiri Mahasaya che chở cho cả hai ta. Sư Phụ con không phải là một vị tu sĩ ẩn dật trên dãy Hy Mã Lạp Sơn hẻo lánh mà gần như một người láng giềng. Những lời cầu nguyện của ta đã được đáp ứng, ta sẽ không bị mất con trong khi con theo đuổi việc học Đạo.

Cha tôi cũng vui lòng mà thấy tôi định tiếp tục sự học; người liên lo làm những thủ tục cần thiết. Qua ngày hôm sau tôi đã ghi tên vào trường Đại Học Calcutta.

Ngày tháng trôi qua trong cuộc sống yên vui với gia đình. Quý vị chắc hẳn đã đoán biết rằng tôi không chăm chú học lắm! Đạo viện Serampore gây cho tôi một sự hấp dẫn rất mạnh. Sư Phụ chấp nhận sự có mặt thường xuyên của tôi mà không nói gì, và điều làm tôi yên lòng là người ít khi nhắc đến trường đại học. Tuy ai cũng biết rõ là tôi không chú tâm vào việc học, thỉnh thoảng tôi cũng cố gắng làm sao cho có được số điểm trong bình cần thiết.

Đời sống tại đạo viện trôi qua một cách lặng lẽ êm đềm. Sư Phụ tôi thức dậy trước lúc bình minh và ngồi tĩnh tọa ngay trên giường trong cơn nhập định.

Trước khi ăn điểm tâm, Sư Phụ và tôi cùng đi dạo một vòng trên bờ sông Hằng. Những cuộc đi bách bộ sớm mai này đều ghi khắc trong ký ức của tôi! Tôi vẫn không quên những giờ phút thần tiên khi tôi đi bên cạnh Sư Phụ: Mặt trời sớm mai hâm nóng mặt nước sông còn sương mờ bao phủ; giọng nói của Sư Phụ chứa đầy minh triết vang dội rõ ràng bên tai tôi...

Bữa cơm trưa do hai người đệ tử trẻ lo việc bếp núc nấu ăn theo chỉ thị của Sư Phụ. Sư Phụ ăn chay trường tuy rằng hồi trước khi xuất gia người có dùng trứng gà và cá. Người dạy các đệ tử nên ăn thức ăn giản dị, phù hợp với thể chất của họ.

Buổi xế trưa, khách thập phương thường đến viếng đạo viện; Sư Phụ luôn luôn tiếp đón họ một cách nhã nhặn lịch sự. Đối với ai đã hiểu rằng mình là một linh hồn chứ không phải chỉ là một thể xác vật chất, một phạm ngã giả tạo thì tất cả mọi người đều như nhau.

Sự vô tư của Sư Phụ vốn căn cứ trên sự minh triết. Những vị tôn sư đạo hạnh cao thâm đã thoát khỏi vòng tương đối ảo ảnh (maya), mà những đối tượng không còn làm họ bận khoăn chú ý. Sri Yukteswar không hề biểu lộ một dấu hiệu tôn kính, trọng vọng quá mức những kẻ bạn cùng hay dốt nát. Người sẵn lòng chú ý nghe một điểm chân lý thốt ra từ cửa miệng một đứa trẻ nhỏ hơn là nghe ý kiến của một nhà bác học tự phụ, kiêu căng.

Bữa ăn chiều dọn ra lúc tám giờ tối và đôi khi có những quan khách đến thỉnh linh. Sư Phụ cho là mình không làm tròn bổn phận chủ nhà nếu một vị khách nào rời khỏi đạo viện trong sự bất mãn hoặc không được no lòng. Người không bỏ sót một điều gì, không bao giờ bị bối rối vì có khách đến bất ngờ; không bao giờ cạn hết phương tiện, người có thể bày ra một bữa ăn đầy đủ ngon lành với những vật liệu tối thiểu, hầu như chẳng có gì! Tuy vậy, người biết tiết kiệm mà không quá ư hà tiện. Người thường hay nói: “Hãy biết ăn ở rộng rãi tùy theo phương tiện của mình,” và “Thói xa xỉ chỉ đem đến sự thất vọng, đáng cay.”

Trong những giờ yên tĩnh của trời chiều, chúng tôi ngồi nghe những lời giảng huấn đầy minh triết của Sư Phụ. Mỗi lời nói sâu xa của người đều có mang dấu vết của sự kinh nghiệm tâm linh. Người nói với một lối hùng biện ít ai có. Những tư tưởng của người được cân nhắc kỹ lưỡng do một khối óc phân biện xác đáng, chỉ xuất khẩu thành những câu nói linh động và hùng hồn. Linh hồn người đã hòa nhập với chân lý một cách chặt chẽ đến nỗi sự thốt ra những chân lý ấy, đối với người thường, dường như là một hoạt động của cơ thể. Tôi ý thức rằng tôi đang đứng trước một hiện thân của Thượng Đế, quyền năng của người bắt buộc tôi đương nhiên phải cúi đầu chịu khuất phục.

Nếu vài người khách đến trễ giờ nhận thấy Sri Yukteswar sắp sửa nhập thiền thì người liền đánh lạc hướng sự chú ý của họ bằng cách lôi cuốn họ vào một cuộc đàm thoại, vì người không hề thích phô trương những khả năng siêu đẳng của mình. Vì người đã hòa hợp thường xuyên với Chân Như Đại Thể nên người có thể nhập thiền bất cứ lúc nào mà không cần phải theo đúng giờ khắc nhất định. Một vị tôn sư đã thực hiện được chân ngã ắt là đã vượt lên cao hơn mức độ tham thiền. “Cái hoa rụng khi trái đã thành hình.” Nhưng các vị tôn sư thường tôn trọng những hình thức bề ngoài trong việc công phu tu luyện để khuyến khích các đệ tử.

Những cuộc thảo luận về đạo lý thường kéo dài suốt đêm; đôi khi vị đệ tử bắt đầu những cuộc thảo luận này bằng cách nêu ra một vấn đề thật nghiêm trọng. Khi đó tôi cảm thấy mọi sự mệt nhọc và buồn ngủ đều tiêu tan; những lời dạy tốt lành của Sư Phụ là quá đủ đối với tôi.

“Trời đã sáng rồi, chúng ta hãy đi dạo một vòng trên bờ sông,” những lời nói này của Sư Phụ thường chấm dứt những đêm thức sáng trắng một cách thú vị đó.

Trong những tháng đầu tiên ở tại đạo viện, tôi đã học được một bài học thực tế: “Làm sao để khỏi bị muỗi cắn!” Ở nhà, chúng tôi dễ ngủ có mũn và tôi lấy làm kinh ngạc mà thấy rằng người ta chỉ ngủ trần ở đạo viện Serampore mặc dù ở đây rất nhiều muỗi. Toàn thân từ đầu đến chân đều có đầy những vết muỗi cắn. Sư Phụ lấy làm thương hại tôi:

- Con hãy mua một cái mũn cho con và một cái cho Thầy.

Người vừa cười vừa nói thêm:

- Nếu con chỉ mua một cái, thì tất cả muỗi đạo viện này đều bu lại cắn một mình Thầy!

Tôi vui vẻ nhận lời.

Mỗi đêm tôi ngủ tại đạo viện, Sư Phụ đều bảo tôi giăng lưn cả hai cái mũn.

Một đêm có thật nhiều muỗi, Sri Ykteswar quên không ra lệnh cho tôi giăng mũn như mọi khi. Tôi lẳng tai nghe ngóng và chờ đợi nhưng không nghe thấy gì. Tôi bèn lên giường nằm và cầu nguyện thiêng liêng che chở cho tôi khỏi bị muỗi cắn. Nửa giờ sau, tôi ho lớn để làm cho Sư Phụ phải chú ý đến tôi, vì bấy muỗi khát máu tấn công tôi từ bốn phía với tiếng bay kêu inh ỏi làm cho tôi muốn phát điên.

Sư Phụ vẫn nằm yên bất động; tôi bèn rón rén đến gần nhưng không nghe có hơi thở. Đó là lần đầu tiên mà tôi thấy Sư Phụ trong trạng thái xuất thần đại định và tôi lấy làm sợ hãi. Tôi thầm nghĩ: “Hay là Sư Phụ bị đứn tim.” Tôi lấy một tấm kiếng để trước miệng người nhưng không thấy dấu vết hơi thở. Tôi bèn đánh bạo lấy ngón tay bịt hay lỗ mũi và miệng người trong vài phút để kiểm chứng những sự nghi ngờ của tôi. Toàn thân người đều cứng đờ và lạnh buốt. Tôi hoảng sợ vừa chạy ra phía cửa vừa la thất thang để kêu cứu.

- Thế nào, ông y sĩ tí hon! Ông làm khổ cái mũi tôi!

Sư Phụ cười vang lên một cách thật tình.

- Tại sao con không đi ngủ? Con tưởng rằng tất cả thế gian phải thay đổi để làm vừa lòng con hay sao? Nếu con muốn thay thế gian, con hãy bắt đầu ở tự nơi con trước đã, và trước hết, con hãy tự giải thoát khỏi việc sợ muỗi cắn!

Tôi lủi thủi trở lại giường nằm thì không còn thấy bóng một con muỗi nào ở gần bên. Tôi hiểu rằng Sư Phụ chỉ chấp nhận cái mũn để làm vui lòng tôi mà thôi, chứ thực ra người không hề bị muỗi cắn. Người có quyền năng hoặc khiến cho muỗi đừng cắn hoặc trở nên bất khả xâm phạm trước sự tấn công của chúng. Tôi thầm nghĩ rằng Sư Phụ đã chứng minh cho tôi thấy cái bản lĩnh của người Yogi mà tôi còn phải cố gắng tu luyện để đạt tới. Quên hẳn tất cả những sự chi phối của ngoại cảnh, người Yogi phải trụ tâm hồn vào trạng thái siêu thức. Sự khuyết rối của loại côn trùng sâu bọ, tia nắng gắt của mặt trời v.v... tất cả những sự cảm xúc của giác quan đều phải bị loại trừ. Trong trạng thái đó người Yogi tiếp nhận những âm thanh, những linh ảnh, nhưng đó là thuộc về những cõi giới cao siêu huyền diệu hơn.

Loài muỗi còn là đầu đề của một bài học tâm linh khác nữa trong những ngày đầu tiên của tôi ở tu viện. Một buổi chiều, tôi đang thưởng thức cảnh vật êm đềm khi tôi ngồi dưới chân Sư Phụ, thỉnh linh con muỗi bay đến quấy rầy sự yên lặng của tôi. Khi nó vừa sũa soạn cắn vào bắp đùi non của tôi, tôi đưa bàn tay lên nhưng rồi lại ngừng tay vào giây phút chót, khi tôi nghĩ đến lời giới răn của đạo sư Patanjali về đức bất sát (Ahimsa) hay bất bạo hành:

- Tại sao con không giết nó?

- Bạch Sư Phụ, Sư Phụ định bảo con sát hại loài sinh vật chẳng?

- Không phải vậy, nhưng con đã có ý mưu sát ngay trong tư tưởng rồi đấy!

- Con không hiểu.

- Patanjali dạy rằng người ta phải diệt trừ ngay cả ý định giết chóc.

Như vậy, Sri Yukteswar đọc được tư tưởng tôi một cách rõ ràng như một quyển sách đang mở. Cõi thế gian thật là một nơi khó thực hành thuyết bất bạo động một cách tuyệt đối. Con người có thể bị bắt buộc phải tiêu diệt những loài sinh vật nguy hiểm mà không cảm thấy thù ghét hay căm hờn. Mọi sinh vật đều có quyền thờ không khí của Maya (ảo ảnh). Vị tu sĩ khám phá ra cái bí quyết của sự sinh hóa, sáng tạo, sẽ hòa hợp với mọi sắc tướng biểu hiện ra dưới thiên hình vạn trạng. Người nào đã thắng được ở tự nơi mình cái tính đa sát, bạo hành, cũng sẽ hiểu được điều đó.

- Bạch Sư Phụ, ta có nên hy sinh tánh mạng mình thay vì phải giết một con thú dữ chẳng?

- Không! Xác thân con người là quý. Nó có khả năng tiến hóa ần tàng mà vị trí nằm trong bộ óc và những bí huyết trong tủy xương sống có thể giúp cho những vị đệ tử tiến hóa cao đạt được những trạng thái tâm linh siêu đẳng. Không một loài sinh vật nào có được một thể xá cấu tạo tinh vi như thế. Thật ra thì con người mắc một tội lỗi nhỏ nhặt nếu y bắt buộc phải giết một con thú hay một loài sinh vật nào khác. Nhưng kinh Phệ Đà dạy rằng giết hại một mạng người tức là vi phạm luật nhân quả một cách nặng nề.

Tôi thốt ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm: những trường hợp mà Thánh Kinh chấp nhận những bản năng thấp kém của con người rất là ít!

Tôi không bao giờ có dịp chứng kiến Sư Phụ đứng đầu với một con cọp hay một con beo. Nhưng một ngày nọ người đã khuất phục một con rắn hổ mang dữ tợn chỉ bằng mãnh lực của lòng bác ái. Rắn hổ mang là một loại rắn dữ ở Ấn Độ và mỗi năm có đến trên năm ngàn người bị rắn cắn chết. Việc ấy xảy ra tại Puri, nơi đó Sri Yukteswar có một đạo viện khác tọa lạc trong một khung cảnh thơ mộng thần tiên trên bờ biển vịnh Bengale. Lúc ấy có một vị đệ tử trẻ tuổi tên Prafulla ở bên cạnh Sư Phụ. Prafulla kể chuyện:

Chúng tôi đang cùng Sư Phụ đứng ngoài sân ở gần bên đạo viện. Một con rắn hổ mang dài độ một thước rưỡi thỉnh linh xuất hiện, phùng mang to tướng và phóng tới chúng tôi. Sư Phụ bình tĩnh mỉm cười tiếp đón con vật chẳng khác như đó là một đứa trẻ nhỏ. Tôi kinh hoàng mà thấy người võ hai bàn tay làm nhịp (vì loại rắn này thường tấn công những vật đang cử động, muốn thoát nạn phải đứng im một chỗ) dường như người muốn cảm hóa con rắn dữ! Tôi bèn đứng yên, hoàn toàn bất động và lặng lẽ khấn vái cầu nguyện với tất cả tâm hồn. Con rắn bò đến gần Sư Phụ rồi ngừng lại, dường như nó bị hấp dẫn bởi cách xử êm ái đĩa bàn lúc nãy cũng từ từ xẹp xuống, nó lẳng lẳng bò qua giữa hai bàn chân của Sư Phụ rồi biến mất dạng trong đám cỏ rậm. Hồi đó tôi không hiểu tại sao Sư Phụ lại võ tay làm nhịp và tại sao con rắn không cắn người, nhưng về sau tôi biết chắc chắn rằng Sư Phụ không hề sợ sệt bất cứ một loài mãnh thú nào.

Trong những tháng đầu tiên tôi ở đạo viện, một buổi trưa tôi nhận thấy Sri Yukteswar nhìn tôi một cách chăm chú:

- Mukunda, con gây ốm quá!

Lời nhận xét ấy làm tôi rất xúc động. Tôi đã uống rất nhiều thứ thuốc bổ nhưng vô hiệu vì tôi bị chứng đau bao tử kinh niên từ thuở bé. Tôi thất vọng lớn lao đến nỗi có lúc tôi đã tự hỏi rằng cuộc đời có đáng sống hay chẳng với một xác thân bệnh hoạn và suy nhược như thế?

- Sự công hiệu của thuốc men chỉ có giới hạn, còn cái nguồn sinh lực sáng tạo ra muôn loài thì vô biên. Con sẽ khỏi bệnh và sẽ trở nên cường tráng.

Những lời nói đó của Sư Phụ đánh thức dậy nơi tôi một đức tin vững mạnh mà không một nhà chữa bệnh nào có thể gây ra được mặc dù tôi đã viếng rất nhiều y sĩ và lang băm!

Tôi càng ngày càng nặng cân. Hai tuần lễ sau, ân huệ bí mật của Sư Phụ đã làm cho tôi trở nên lực lưỡng và nặng cân thêm gấp bội. Chứng đau bao tử kinh niên cũng đã dứt tuyệt.

Trong những trường hợp khác, tôi nhận thấy Sư Phụ cũng đã chữa khỏi một cách mau nhiệm những chứng bệnh hiểm nghèo: bệnh lao, bệnh đái đường, động kinh hay tê bại. Hơn ai hết, tôi biết Sư Phụ đã chữa khỏi bệnh cho tôi và làm cho tôi từ nay không còn về suy nhược như cái xác khô héo nữa.

Về cách chữa bệnh một cách mau nhiệm này, Sri Yukteswar giải thích:

- Mọi sinh hoạt trong Vũ Trụ Càn Khôn đều chịu sự chi phối của những định luật. Những định luật mà các nhà bác học đã khám phá, nó cai quản cái thế giới bên ngoài, là những định luật thiên nhiên. Nhưng ngoài ra nó cai quản địa hạt của tâm thức, mà chỉ có khoa học huyền môn gọi là Yoga mới có thể xác định được mà thôi. Những cõi giới tâm linh, vô hình, huyền bí, cũng có những định luật thiên nhiên, những nguyên tắc tiến hóa riêng của những cõi ấy. Cái tinh hoa của vật chất có thể sờ đắc được không phải bởi nhà bác học của thế giới hữu hình mà chỉ bởi bậc tu sĩ giác ngộ đã thực hiện Chân Ngã. Chính bởi lẽ đó mà đấng Christ (Chúa) đã chữa lành vết thương cho người gia nô bị một vị tông đồ chém đứt vành tai.

Sri Yukteswar bình luận Thánh Kinh một cách tinh vi thâm thúy đến một mức độ hoàn hảo. Những buổi giảng thuyết của Sư Phụ khêu gợi nơi tôi nhiều kỷ niệm êm đềm. Nhưng những viên ngọc quý tiềm tàng trong những tư tưởng của người, không phải dùng để lẫn trong vũng bùn của sự lãng trí. Tôi chỉ làm một cử chỉ vô ích, hoặc lo ra, là Sư Phụ liền ngưng bật:

- Con không nghe ta nói!

Sư Phụ cắt đứt ngang câu chuyện đang nói vào một buổi chiều nọ, nhân dịp theo thói quen, người theo dõi dòng tư tưởng của tôi.

- Bạch Sư Phụ, con không hề cử động và cũng không chớp mắt; con có thể lập lại từng lời nói của Sư Phụ!

- Tuy vậy, con không hoàn toàn chú ý đến câu chuyện; sự phản đối của con bắt buộc ta phải nói rằng con đang nghĩ trong trí việc thành lập ba đạo viện: một ở vùng đồng bằng, một ở vùng đồi núi, và một ở bờ biển.

Những tư tưởng mơ màng đó thật sự đã có thoáng qua trong trí tôi. Tôi nhìn Sư Phụ như để thú nhận việc ấy:

- Con còn làm gì được trước một vị tôn sư nhìn thấu suốt cả những tư tưởng thâm kín nhất của mình?

- Con đã cho ta cái quyền đó. Những chân lý thâm sâu tế nhị mà ta vừa nêu ra chỉ có thể lãnh hội được dưới điều kiện của một sự chú ý hoàn toàn. Thấy chỉ bước vào địa hạt những tư tưởng thâm kín riêng tư của một người trong trường hợp tối cần thiết; đó là một địa hạt mà mỗi người đều có trọn quyền để tư tưởng tự do phiêu lưu tùy ý muốn. Dầu cho Thượng Đế cũng không lọt vào đó nếu không được mời! Thấy cũng không mạo hiểm bước vào đó nếu con không muốn.

- Bạch Sư Phụ, con rất hân hạnh được Sư Phụ chiếu cố.

- Những ước mơ lập đạo viện của con sẽ được thực hiện về sau này. Còn bây giờ, hãy bắt tay vào việc!

Như thế, Sư Phụ đã tiên đoán ba việc quan trọng trong đời tôi. Từ thuở thiếu niên, tôi thường thấy xuất hiện trước nhãn quang của tôi những linh ảnh lạ lùng về ba ngôi kiến trúc tọa lạc trên ba khu đất khác nhau. Những ngôi kiến trúc đó được thực hiện theo thứ tự mà Sư Phụ đã tiên đoán. Trước hết là một trường dạy Yoga cho thanh thiếu niên

ở miền đồng bằng tỉnh Ranchi; kể đó là tổng hành dinh của tôi ở Mỹ Quốc trên một ngọn đồi ở Los Angeles; và sau cùng là một đạo viện trên bờ biển Thái Bình Dương ở California.

Sư Phụ không bao giờ tự hào mà tuyên bố rằng, “Ta đã tiên tri việc nọ việc kia,” mà chỉ nói rằng, “Con có nghĩ rằng việc nọ hay việc kia có thể xảy đến chăng?” Tuy nhiên, những lời nói giản dị ấy có hàm xúc một ý nghĩa sâu xa thâm trầm, tuy rằng che dấu nhưng luôn luôn được xác nhận bởi những sự kiện xảy ra về sau.

Sri Yukteswar xét đoán mọi sự một cách rất dè dặt và rất đúng đắn. Người không phải là một triết gia mơ tưởng, nói những lý thuyết vu vơ trong khoảng không. Đầu óc nghĩ trên mây nhưng hai chân đứng vững chắc trên mặt đất, Sư Phụ thu hút được sự thần phục của những người thực tế.

Tám gương cuộc đời của Sư Phụ đã cho phép tôi qui định một đường ranh giới giữa thực tế tâm linh và khoa thần bí mơ hồ. Sư Phụ không thích những cuộc thảo luận viển vong siêu hình: tâm hồn của người thật rất giản dị. Sư Phụ không hề dùng lời nói ám chỉ hoặc nhắc đến những hiện tượng siêu nhiên mà chỉ làm những việc đó một cách thật sự. Những người khác nói chuyện về những phép lạ mà không làm được: Sri Yukteswar ít khi nói đến những định luật của thế giới vô hình nhưng sử dụng những định luật đó trong vòng bí mật và tùy theo ý muốn. Người giải thích:

Người đã giác ngộ chỉ thực hiện những việc nhiệm mầu tùy theo mệnh lệnh của Chân Ngã. Thượng Đế không muốn những bí mật của Trời Đất được tiết lộ cho kẻ phạm tục. Mặt khác, mỗi người đều có quyền bất khả xâm phạm xử dụng tự do ý chí của mình. Dầu cho một bậc thánh cũng không được xâm phạm đến cái quyền tự do thiêng liêng đó.

Vì Sư Phụ có một thái độ khiêm tốn, không thích khoa trương nên ít ai biết rằng người là một bậc siêu nhân. Câu nói “Điên rồ thay cho kẻ nào không biết dấu diếm sự minh triết của mình” bao giờ cũng vẫn đúng.

Khi tôi sờ hai bàn chân thiêng liêng của Sư Phụ, tôi cảm thấy như có một luồng điện chạy khắp châu thân. Các đạo sĩ Yoga dạy rằng người đệ tử khi tiếp xúc với tôn sư, tiếp nhận được một luồng từ điển tâm linh làm cho mọi dấu vết xấu xa của dĩ vãng được xóa bỏ, mãnh lực của dục vọng trần gian được điều chỉnh lại thẳng bằng, và bức màn ảo vọng, vô minh được vén lên trong một lúc để cho ý thức nghiệm chân hạnh phúc. Toàn thân tôi dường như được tinh luyện và chiếu diệu một vầng hào quang giải thoát khi mà, theo tập quán Ấn Độ, tôi quỳ dưới chân Sư Phụ. Sư Phụ kể lại:

- Dầu cho Lahiri Mahasaya im lặng hoặc nói về những vấn đề không liên quan đến đạo lý, ta cũng thấu thập nơi ngai một nền minh triết thâm sâu khôn lường.

Đó chính là điều mà tôi cảm xúc được khi có sự hiện diện của Sri Yukteswar. Những khi tôi mệt mỏi hoặc chán nản, tôi đến đạo viện và tâm trạng của tôi thay đổi lần lần. Một sự yên tĩnh tốt lành xâm chiếm tâm hồn tôi khi tôi nhìn thấy Sư Phụ. Mỗi ngày sống gần bên Sư Phụ đều đem đến cho tôi một kinh nghiệm mới về sự minh triết, bằng an và phúc lạc. Sư Phụ không bao giờ cảm thấy thất vọng, ganh ghét, giận hờn hay tha thiết theo thói thường tình của thế nhân.

“Tám màn ảo ảnh vô minh bao phủ thế gian một cách từ từ và êm lặng. Chúng ta hãy tìm nơi trú ẩn bên trong nội tâm của mình.” Đó là câu mà Sư Phụ nhắc nhở các đệ tử hãy công phu theo pháp môn Kriya Yoga vào mỗi buổi chiều tà. Ngày nọ một đệ tử mới bày tỏ sự nghi ngờ khả năng của mình trong việc thực hành pháp môn Yoga, Sri Yukteswar an ủi ý:

- Hãy quên cái dĩ vãng. Dĩ vãng của mỗi người đều đầy dẫy những điều hổ thẹn. Cách xử thế của con người không được toàn vẹn khi mà nó không hòa hợp với thiêng liêng. Trong tương lai, con sẽ tiến bộ dưới những điều kiện cố gắng công phu không ngừng về phương diện tâm linh.

Ở đạo viện của Sư Phụ luôn luôn có những đệ tử trẻ tuổi. Sư Phụ đặt hết cả tâm hồn vào việc trí dục và đức dục của họ. Những môn sinh trong đạo viện đều yêu mến và kính trọng Sư Phụ; người chỉ cần vỗ nhẹ hai bàn tay cùng đủ làm cho họ chạy đến ngay một cách mau mắn. Khi người ngồi yên bất động trong con tọa thiền thì tất cả đều im lặng không ai thốt ra một lời nào. Khi tiếng cười giòn giã của Sư Phụ vang lên một cách vui vẻ thì tất cả đều thoải mái và coi người như một người bạn.

Sư Phụ ít khi đòi hỏi sự phục dịch của các đệ tử và chỉ nhận công tác đó của những vị nào thành thất và sẵn lòng muốn giúp đỡ. Sư Phụ tự giặt giũ lấy quần áo của mình khi nào các đệ tử quên làm công việc đó. Người khoác chiếc áo màu vàng sậm của giới tu sĩ và mang giày bằng da cộp hay da hươu theo thói quen của các đạo sĩ Yogi.

Sư Phụ có vẻ hài lòng về sự tiến hóa tâm linh của tôi vì người ít khi sửa chữa tôi về khía cạnh đó. Những lỗi lầm chính của tôi là sự lãng trí, tính cau có gắt gỏng, sự vi phạm một vài điểm kỷ luật và đôi khi làm việc cầu thả, thiếu phương pháp. Về điểm này một hôm Sư Phụ nói với tôi:

-Con hãy xem: những hoạt động của linh tôn Bhagabati Charan Ghosh, thật là sắp đặt có mực thước và tổ chức qui của khéo léo dưới tất cả mọi phương diện.

Cha tôi và Sri Yukteswar đều là đệ tử của đức Lahiri Mahasaya. Hai vị đã gặp nhau ít lâu sau khi tôi bắt đầu những chuyến hành hương đến Serampore. Hai người đều có sự quý mến lẫn nhau và cả hai đều xây dựng đời sống tâm linh của mình trên một nền tảng vững chắc.

Tính chất riêng của tôi làm cho tôi thiên hẳn về con đường sùng tín. Lúc đầu tôi lấy làm hoang mang mà nhận thấy rằng Sư Phụ tuy thấm nhuần đức Minh Triết (Jnana) lại có vẻ xa lạ với đức sùng tín (Bhakti) vì người thường giảng chân lý bằng một phương pháp thuần lý trí, khô khan, máy móc và lạnh lùng. Nhưng khi tôi tự đặt mình trong sự

hòa hợp tâm linh với Sư Phụ, tôi cảm thấy rằng con đường sùng tín mà tôi noi theo để đạt tới Chân Lý lại càng tăng trưởng chứ không giảm sút. Một vị tôn sư đã hoàn toàn giác ngộ có thể diu dắt các đệ tử trên bất cứ con đường nào thích hợp với họ.

Những sự giao cảm giữa tôi với Sư Phụ tuy im lặng không lời nhưng có ý nghĩa rất nhiều. Lắm khi sự im lặng của người đưa đến một sự giải đáp cho những tư tưởng thầm kín của tôi, làm cho lời nói cũng bằng thừa. Ngồi bên Sư Phụ tôi cảm thấy ảnh hưởng tốt lành của người thấm vào tận chỗ thâm sâu bí ẩn nhất của tâm hồn tôi.

Tôi đã có dịp nhận xét sự công bình vô tư của Sri Yukteswar trong những tháng nghỉ hè ở trường đại học. Cái viễn ảnh sẽ sống trong nhiều tháng liên tiếp tại đạo viện gây cho tôi một sự hứng thú say sưa. Khi tôi vừa đến, Sư Phụ liền thông báo:

- Con sẽ làm quản đốc đạo viện. Bốn phần của con sẽ gồm có việc tiếp khách và giám sát công việc của những đệ tử khác.

Nửa tháng sau có một thanh niên miền đông tỉnh Bengale tên là Kumar được thu nhận. Y rất thông minh nên không bao lâu y được Sư Phụ mến thương, và vì một lý do khó tả, Sư Phụ dành cho y một sự ưu đãi rất đặc biệt.

- Mukunda, từ rày về sau Kumar sẽ làm quản đốc đạo viện, còn con sẽ lo việc nội trợ và bếp núc.

- Sư Phụ lại ra lệnh như thế khi Kumar vừa đến ở đạo viện mới được một tháng!

Hành diện với chức vụ mới, Kumar bèn lên giọng hách dịch quyền hành trong đạo viện. Các đệ tử khác ngậm thờ thuận với nhau để tiếp tục đến nhận chỉ thị của tôi hàng ngày.

- Mukunda thật là khó chịu! Sư Phụ đã giao chức quản đốc cho con nhưng các huynh đệ khác lại đến tìm y và vâng lời y!

Kumar lên trình với Sư Phụ như thế sau đó ba tuần lễ, và tôi nghe lỏm được câu chuyện từ gian phòng bên cạnh.

- Bởi đó nên ta mới cho nó xuống nhà bếp còn con thì lên phòng khách!

Giọng nói khinh bỉ của Sư Phụ là một điều bất ngờ đối với Kumar.

- Như vậy, con sẽ hiểu rằng một người lãnh đạo có khả năng phải dốc lòng phụng sự chứ không phải ý thể lạm quyền. Con muốn lãnh chức vụ của Mukunda nhưng con lại bất lực không kham nổi địa vị đó bằng tài đức của mình. Bây giờ con hãy trở về với công việc ở nhà bếp mà con đã làm từ lúc đầu.

Sau khi xảy ra chuyện ấy, Sư Phụ lại tiếp tục dành cho Kumar một sự biệt đãi và khoan dung như trước. Có ai lường được sự bí ẩn của tình thương? Sư Phụ dành cho Kumar những sự ưu đãi tể nhị mà người không dành cho những đệ tử khác. Tuy Kumar đã rõ ràng là người thân tín chọn lọc của Sư Phụ, nhưng tôi không cảm thấy ganh tị. Thâm chí các tôn sư cũng có những sự biệt đãi, thiên vị đối với một vài đệ tử. Điều này làm cho cuộc đời có những khía cạnh vô cùng phong phú. Bản tính tôi ít khi chú ý đến những chuyện nhỏ nhặt. Tôi hoài vọng ở Sri Yukteswar những kho tàng tâm linh quý giá khác hơn là những sự biệt đãi hoặc những lời khen tặng.

Một hôm, Kumar gây gổ với tôi một cách vô lý và thốt ra những lời lẽ nặng nề. Tôi bị chạm tự ái rất nặng.

- Huynh đừng quá nóng, tôi trả lời và cảnh cáo y. Nếu huynh không sửa đổi tánh hạnh, chắc có ngày huynh sẽ bị trục xuất ra khỏi đạo viện.

Kumar phát lên giọng cười ngạo nghễ và lập lại những lời nói của tôi cho Sư Phụ khi người vừa bước vào. Tôi tưởng chắc phen này mình bị quở trách nặng nề, bèn khép nép đứng thu mình vào một góc phòng.

- Có thể là Mukunda nói có lý!

Sư Phụ đáp lại với một giọng lạnh lùng khác hẳn mọi khi còng tôi không bị trách mắng.

Một năm sau, Kumar về quê thăm gia đình bất kể đến sự bất mãn căm lặng của Sư Phụ, vì người không bao giờ sử dụng uy quyền đối với các đệ tử.

Vài tháng sau đó, khi trở lại đạo viện y thay đổi một cách bất ngờ. Y không còn là một chàng thanh niên hiên ngang có gương mặt khôi ngô sáng sủa và trầm lặng, mà là một anh nông dân thô tục mặc phải nhiều tật xấu.

Sư Phụ gọi anh ta lại và lấy làm đau lòng mà nhận thấy rằng người thanh niên ấy không còn thích hợp với đời sống đạo viện.

- Mukunda, con hãy nói với Kumar rằng y phải rời khỏi đạo viện vào sáng ngày mai. Ta không đủ can đảm nói với y!

Sư Phụ rưng rưng giọt lệ nhưng người bèn trấn tĩnh ngay: -Nếu y biết vâng lời ta mà đừng về nhà để bị bạn bè bắt hảo lời cuốn thì y đã không đến nỗi quá trụy lạc như vậy. Y đã khước từ sự che chở của ta, từ nay cuộc đời cay đắng phũ phàng sẽ là thầy của y.

Sự ra đi của Kumar không gây nơi tôi một sự thỏa mãn tự ái nào cả, lòng buồn man mác, tôi tự hỏi vì sao một người có cái diễm phúc được Sư Phụ mến yêu lại có thể coi trọng những thú vui phàm tục hơn Thầy. Rượu chè, đàn diêm có tác dụng như những thứ thuốc độc hại người. Trong nội tâm ta vốn có sẵn một niềm phúc lạc mà chúng ta phí công đi tìm một cách vô ích ở khắp mọi nơi.

Có lần Sư Phụ bình phẩm về Kumar:

- Trí thông minh có hai mặt: nó có thể xây dựng hay phá hoại, cũng như con dao bén có thể dùng để giải phẫu một mụn nhọt ung thư hoặc để giết người. Trí thông minh chỉ đi đúng đường khi nào con người đã phát triển tâm linh và hiểu biết Đạo lý.

Trong số các đệ tử ở đạo viện, có vài người thuộc về phái nữ: Sư Phụ săn sóc tất cả mọi người cũng như những người con trong gia đình. Ý thức được sự bình đẳng của tất cả mọi linh hồn, người không phân biệt vấn đề nam nữ. Người nói:

Trong giấc ngủ, người ta không ý thức rằng mình là đàn ông hay đàn bà. Cũng như một người nam không trở thành một người nữ khi y mặc áo quần của người đàn bà, thì linh hồn cũng vậy: linh hồn khoác lấy một thể xác đàn ông hay đàn bà nhưng thật ra nó vốn không có tính chất nam hay nữ. Linh hồn con người chỉ là một hình ảnh thuần khiết và bất tử của đấng Thiêng Liêng.

Sri Yukteswar không tránh né phụ nữ, người không cho rằng phụ nữ là mục tiêu cám dỗ người đàn ông, và nói rằng: “Đàn ông cũng là một sự cám dỗ đối với đàn bà!” Tôi bèn hỏi vì sao một vị thánh nhân thời cổ đã nói rằng đàn bà là cửa vào địa ngục? Sư Phụ giải thích:

- Chắc hẳn là trước kia một thiếu nữ đã gây nhiều xáo trộn và làm mất sự bình an trong lòng của ông ta. Nếu không, thì ông ta đã không lên án đàn bà mà chỉ trách mình không biết tự chủ.

Những đệ tử thật lòng muốn diệt trừ ảo vọng đã tị thấy nơi Sư Phụ những lời khuyên sáng suốt:

- Cũng như người ta ăn uống để giải bớt sự đói khát chứ không phải để thỏa mãn sự tham ăn thì bản năng sinh lý là để lưu truyền nòi giống theo định luật thiên nhiên chứ không phải để thỏa mãn nhục dục thấp hèn. Hãy diệt trừ dục vọng xấu xa ngay bây giờ kéo nó sẽ theo dõi ta qua tận cõi trung giới khi ta rời bỏ xác phàm. Nếu xác thịt yếu đuối thì tinh thần phải được củng cố. Trước một sự cám dỗ quá mạnh, ta phải chống lại bằng một sự phân tích khách quan và một ý chí bất khuất. Như thế những dục vọng mạnh mẽ tự nhiên sẽ được chế ngự.

- Chúng ta hãy biết bảo toàn sinh lực. Ta hãy làm như biển đại dương, thu hút về mình tất cả mọi nguồn sông, rạch của giác quan. Trong cái kho vô tận của niềm an tịnh bên trong nội tâm, những mối xúc cảm nhỏ nhặt nhất của thất tình lục dục đều là những lỗ hổng làm chảy mất đi những nguồn sinh khí bảo dưỡng, nó sẽ bị khô cạn trên bãi cát khô khan của duy vật chủ nghĩa. Áp lực chuyên chế của những dục tính xấu xa là kẻ thù lớn nhất của hạnh phúc con người. Các con hãy tập lấy tính tự chủ và đừng bao giờ mở rộng cửa để dung dưỡng sự yếu đuối.

Ngoài các Kinh Thánh, Sri Yukteswar rất ít chú trọng đến sách vở. Tuy thế, người vẫn biết rõ những phát minh khoa học mới nhất và những ngành học thuật khác của nhân loại. Sư Phụ rất hùng biện trong những cuộc đàm thoại với những vị khách viếng thăm đạo viện: tinh tình vui vẻ, người làm cho câu chuyện trở nên sôi nổi hào hứng. Người thường nghiêm trang nhưng không bao giờ có nét mặt sâu thẳm. Người nói: “Tu hành không có nghĩa là lúc nào phải có một bộ mặt đơ đả. Các con hãy nhớ rằng tu hành đắc Đạo tức là chấm dứt tất cả mọi điều phiền não, nghiệp chướng.”

Trong số những nhà trí thức, học giả, bác học từng đến viếng đạo viện, nhiều người tưởng rằng ở đây họ sẽ gặp một tu sĩ thuộc về loại tầm thường cũng như bao nhiêu tu sĩ khác. Họ biểu lộ tâm trạng đó đôi khi bằng một cái cười ngạo nghễ hay cặp mắt khinh thường. Nhưng đến khi ra về họ lấy làm ngạc nhiên mà thấy rằng Sri Yukteswar đã tỏ ra có những kiến thức rộng rãi và tầm hiểu biết sâu xa trên mỗi lãnh vực chuyên môn của họ.

Sư Phụ rất hiền hòa và khả ái đối với những khách viếng thăm và tiếp đón họ một cách lịch sự. Tuy nhiên những kẻ ích kỷ, lỗ lã ngạo mạn đều bị người cho những bài học thích đáng. Trong những dịp đó, họ bị người dành cho một sự thờ ơ lạnh nhạt hoặc bị chống đối mãnh liệt.

Ngày nọ, một nhà khoa học trứ danh đã có dịp chạm trán với Sư Phụ. Ông ta từ chối không nhìn nhận là có Thượng Đế bởi vì khoa học không thể chứng minh được việc ấy. Sư Phụ nói mỉa mai:

- À, thế là ông chưa tìm ra cái Quyền Năng Thiêng Liêng bằng những công thức hóa học trong phòng thí nghiệm ư? Tôi đề nghị là ông hãy thử làm một cuộc thí nghiệm khác thường này: ông hãy theo dõi và phân tích những tư tưởng của ông không ngừng trong hai mươi bốn giờ liên tiếp. Chừng đó ông không còn thắc mắc về sự không tìm thấy Thượng Đế.

Những người hãnh diện về quyền thế và địa vị cao sang của họ ở ngoài đời đã có dịp nhận một bài học khiêm tốn trước mặt Sư Phụ. Một vị thẩm phán địa phương một hôm tình cờ đến viếng đạo viện của Sư Phụ trên bờ biển ở Puri. Vị này từng nổi tiếng là một viên chức khắc nghiệt và có đủ quyền hành để đuổi chúng tôi ra khỏi đạo viện nếu ông muốn. Tôi dặn trước Sư Phụ hãy nên cẩn thận tiếp đón ông ta, nhưng Sư Phụ không màng để ý đến lời dặn của tôi chút nào và thậm chí không đứng dậy để tiếp đón vị khách quý ấy. Tôi hơi e ngại và đứng khẹp nép một bên ở phía gần cửa ra vào. Vị thẩm phán buộc lòng phải chịu ngồi trên một cái ghế đầu nhỏ bằng gỗ vì Sư Phụ không ra lệnh cho tôi lấy ghế bành. Vị thẩm phán hẳn là trông đợi một sự tiếp đón trọng hậu hơn với những nghi lễ xứng đáng với quyền chức của mình, bèn lộ vẻ thất vọng rõ rệt.

Kế đó diễn ra một cuộc thảo luận về đạo lý. Người khách bình luận các Thánh Kinh với rất nhiều điểm sai lầm. Khi Sư Phụ vạch cho thấy những điểm đó, thì ông ta nổi nóng cãi lại và nói lớn:

- Đại đức có biết rằng tôi đã đậu thủ khoa trong kỳ thi Tiên Sĩ Triết Học?

Sư Phụ đáp:

- Này ông thẩm phán, ông không phải đang ngồi trước một phiên tòa. Những lời bình luận kém cỏi của ông làm cho tôi nghĩ rằng có lẽ sự học của ông không được chu đáo lắm. Một bằng cấp khoa cử, tuy vậy, không có liên hệ đến cái tinh hoa thâm thúy của thánh kinh Phệ Đà. Người ta không sản xuất thánh nhân từng kỳ hạn như những vị tân khoa.

Vị thẩm phán bị “chỉnh” bằng cách đó rốt cuộc đành cười lớn một cách thật tình. Ông ta nói:

- Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với một vị thẩm phán của trời!

Ít tháng sau đó, ông ta làm một lá đơn chánh thức với những danh từ luật pháp nó đã trở thành bản tính tự nhiên thứ nhì của ông ta, để xin nhập môn vào đạo viện với tư cách một đệ tử tập sự.

Sư Phụ đích thân chăm lo việc quản lý tài sản của mình. Những kẻ bắt lương đã nhiều lần âm mưu chiếm đoạt đất hương hỏa của Sư Phụ. Sri Yukteswar đã cương quyết lật tẩy âm mưu đen tối của họ, thậm chí đã đưa họ ra trước pháp luật. Người tự mình đảm nhiệm việc kiện thưa rắc rối này để khỏi phải làm gánh nặng cho các đệ tử. Tôi không bao giờ nghe Sư Phụ đòi hỏi tiền bạc hoặc ám chỉ việc cần dùng tiền vì mục đích này hay mục đích khác. Việc giảng huấn tại đạo viện được hoàn toàn miễn phí cho tất cả các đệ tử.

Ngày nọ một viên thừa phát lại đột nhiên xuất hiện tại đạo viện Serampore với một trát tòa và có vẻ hỗn láo với Sư Phụ:

- Ông nên từ giả đạo viện để đến thờ bầu không khí lương thiện của pháp đình.

Y vừa nói vừa có một nụ cười khinh mạn. Tôi không thể tự chủ được nữa, giận dữ tiến tới:

- Nếu ông còn hỗn láo, tôi sẽ đập ông một trận nên thân.

Kanai, một đệ tử trẻ đứng gần đó cũng nói trong cơn thịnh nộ:

- Đồ hỗn láo, chớ buông lời xúc phạm trong chốn đạo viện thiêng liêng.

Sư Phụ bèn can gián chúng tôi: -Các con hãy bình tĩnh, đừng nóng giận. Người này chỉ làm bổn phận của y đó thôi.

Viên thừa phát lại ngạc nhiên vì sự can thiệp đầy hảo ý đó, bất giác thốt ra vài lời xin lỗi và liền kiêu từ ra về mà không đòi hỏi gì nữa.

Thật là một điều lạ lùng mà thấy một vị tôn sư với một ý chí dũng mãnh bất khuất lại có thể bình tĩnh được như vậy. Người thật là tiêu biểu cho một bậc siêu nhân đứng theo định nghĩa của kinh Phệ Đà: “Nói về sự tốt lành thì người còn êm dịu hơn bông hoa, nhưng khi những nguyên tắc đạo lý bị xâm phạm thì người còn dũng mãnh hơn sắt.”

Cách sử thể toàn vẹn của một bậc thánh nhân gây cho ta một ấn tượng mạnh mẽ sâu sa hơn những lời nói: “Kẻ nào thắng được cơn nóng giận còn cương dũng hơn một bậc anh hùng, và người tự chủ được mình còn cao cả hơn một viên hổ tướng chiếm đoạt thành trì.”

Tôi thường suy nghiệm rằng Sư Phụ đã có thể trở nên một bậc Hoàng Đế hay một nhà chinh phục tiếng tăm lẫy lừng nếu người chọn con đường lợi danh và những sự thành công theo thế tục. Nhưng trái lại, người đã chọn việc đả phá những thành trì của sự hận thù và lòng ích kỷ, sự triệt hạ những thành trì đó mới là ghi dấu sự cao cả của con người.

- Bạch Sư Phụ, xin Sư Phụ cho phép con đi lên dãy Hy Mã Lạp Sơn. Con hy vọng rằng trong vùng núi non cô tịch trên đó, con có thể đạt tới sự giao cảm tâm linh với Thiên Liêng.

Tôi trình với Sư Phụ những lời nói bạc bẽo ấy một ngày nọ. Nhưng điều này đôi khi xảy đến cho tất cả những người tu sĩ, tôi cảm thấy chán nản; những bốn phen hàng ngày ở đạo viện, những bài vở phải làm ở trường đại học bắt đầu làm cho tôi nhàm chán. Tuy rằng tôi chỉ trình bày sự yêu cầu đó sau một thời gian sáu tháng sống tại đạo viện của Sri Yukteswar, điều ấy không đủ là một trường hợp giảm khinh: Tôi vẫn chưa hiểu biết rõ tầm mức cao cả tâm linh của Sư Phụ.

Sư Phụ cảnh cáo tôi với một giọng yên tĩnh:

- Những thổ dân trên dãy Hy Mã Lạp Sơn không phải đã đắc Đạo. Chỉ bằng hãy tìm sự minh triết ở gần bên một người đã giác ngộ tâm linh hơn là giữa những đồng đá vô tri bất động.

Không biết đến lời ngụ ý của Sri Yukteswar ám chỉ rằng thầy tôi chính là người chứ không phải là một quả núi, tôi lập lại lời yêu cầu của tôi một lần nữa. Sư Phụ không nói gì, tôi lại hiểu lầm rằng sự im lặng đó có nghĩa là sự bằng lòng, vì người ta luôn luôn sẵn sàng tưởng tượng là thật.

Tại nhà tôi ở Calcutta, trọn buổi tối hôm đó tôi bận rộn lo việc chuẩn bị lên đường. Khi tôi sửa soạn hành lý gói trong một cái mền, tôi nhớ đến một cái gói tương tự mà tôi ném qua cửa sổ trên gác nhỏ của tôi cách đây vài năm. Tôi tự hỏi rằng không biết chuyến đi lên núi lần này cũng sẽ thất bại nữa chăng? Lần trước tôi cảm thấy một sự khích động tâm linh rất lớn; nhưng tối hôm nay tôi lấy làm buồn bực với ý nghĩ phải từ biệt Sư Phụ.

Sáng ngày hôm sau, tôi đến tìm nhà học giả Bebari, giáo sư Phạn ngữ của tôi tại trường đại học.

- Thưa ông, ông có nói chuyện với tôi về tình bạn giữa ông và một đệ tử của đức Lahiri Mahasaya. Ông có thể cho tôi địa chỉ của ông ấy?

- Anh muốn nói Ram Gopal Muzumdar chăng? Tôi vẫn gọi y là nhà tu sĩ không ngủ. Y luôn luôn thức tỉnh và đắm chìm trong một trạng thái đại định. Y ở tại Ranbajpur gần Tarakeswar.

Tôi cảm ơn nhà học giả và lập tức đáp chuyến xe lửa đi Tarakeswar. Tôi nghe nói hình như tu sĩ đã đạt tới sự giác ngộ tâm linh sau nhiều năm tu luyện pháp môn Kriya Yoga trong các động đá âm u cô tịch.

Ở Tarakeswar có một ngôi đền danh tiếng được người Ấn Độ sùng bái cũng như Lộ Đức của người Thiên Chúa Giáo. Tại đây đã xảy ra vô số những trường hợp chữa khỏi bệnh một cách mâu nhiệm, trong số đó có trường hợp của một người trong thân quyến của tôi.

Bà cô của tôi thuật chuyện cho tôi nghe như sau:

- Cô ở lại ngôi đền hết trọn một tuần. Cô vừa tuyệt thực vừa cầu nguyện cho cậu Sarada của con được khỏi một chứng bệnh kinh niên. Vào ngày thứ bảy, một nhánh dược thảo hiện ra trong bàn tay của cô! Cô đem về làm thuốc sắc cho cậu con uống. Con bệnh liền dứt ngay không trở lại nữa.

Tôi bước vào ngôi đền Tarakeswar; trên chánh điện chỉ có một tảng đá mà chu vi hình tròn không đầu không đuôi là biểu tượng của Vô Cực.

Lúc ấy tôi nghĩ rằng người ta chỉ nên chiêm bái Thượng Đế tự trong lòng mà thôi, nên tôi không chịu quỳ lạy trước một tảng đá biểu tượng Sức Mạnh Thiên Liêng. Bước ra khỏi đền tôi liền đi mau đến làng Ranbajpur. Tôi hỏi thăm địa chỉ của tu sĩ với một người đi đường; sau khi suy nghĩ rất lâu, y đáp trịnh trọng như bói quẻ:

- Ông đi tới ngã tư, ông quẹo sang tay mặt rồi đi thẳng tới trước.

Theo lời chỉ dẫn đó, tôi đi dọc theo một con kên đào. Trời đã tối. Tiếng rú rùng rợn của những con sơn cầu, và những ánh đèn lửa lập lòe là những nét linh động của một vùng làng mạc ở ven rừng già với những chòm cây rậm rạp diễn ra đến tận chân trời. Ánh trăng mờ làm cho cảnh vật đượm thêm một nét huyền ảo.

Tôi đi lang thang như thể đã được hai tiếng đồng hồ thì nghe có tiếng lục lạc khua vang bên tai. Một nông dân từ dưới ruộng bước lên đường lộ với một con bò. Tôi hỏi:

- Ông cho tôi hỏi thăm tu sĩ Ram Gopal.

- Không có ai tên đó ở trong làng này.

Người nông dân có vẻ nghi ngờ tôi là một thám tử. Để dẹp tan mọi sự nghi hoặc, tôi giải thích cho y nghe mục đích sự tìm kiếm của tôi. Y đưa tôi về nhà và dọn chỗ cho tôi nghỉ một cách rất khả ái. Y giải thích:

- Ranbajpur cách đây rất xa. Lúc này đến ngã tư, đáng lẽ ông phải quẹo sang bên tay trái chứ không phải tay mặt.

Tôi buồn mà nghĩ rằng người chỉ đường đầu tiên quả là một nguy cơ đáng sợ cho khách lữ hành. Sau một bữa ăn ngon lành gồm có cơm xào với cà ri, súp đậu, khoai tây và chuối, tôi bèn lui vào ngồi nghỉ trong một chòi lá ở ngoài sân. Từ xa vọng lại tiếng ca của dân làng cùng với tiếng trống mridangam (tên một loại trống nhỏ có buộc dây để quàng lên cổ và đánh bằng hai tay, chỉ dùng trong các buổi lễ âm nhạc tôn giáo). Tôi không ngủ được trong đêm ấy.

Sáng ngày hôm sau, tôi lên đường để về làng Ranbajpur. Đi một quãng rất xa tôi mới gặp một nông dân để hỏi thăm đường; đi nhiều chận như vậy, những người nào tôi gặp cũng đều nói giống như nhau là chỉ còn độ chừng hai dặm đường nữa là đến nơi. Đến xế trưa tôi đã đi bộ hết sáu tiếng đồng hồ mà chỉ thấy có đồng trống ở hai bên đường. Mặt trời nóng gắt trên một nền trời xanh thẳm không có một cụm mây làm cho tôi choáng váng. Thành linh có một người chậm rãi bước đến gần và ngừng bước trước mặt tôi. Tác người nhỏ thó, gầy ốm, người ấy không có gì đáng chú ý trừ ra đôi mắt đen sáng rõ và linh động vô cùng. Y nói:

- Tôi định rời khỏi Ranbajpur nhưng vì em đến đây với hảo ý nên tôi còn đợi em.

Y nói thêm trong khi tôi chưa dứt sự ngạc nhiên:

- Em điên hay sao mà tưởng rằng có thể gặp tôi khi em không báo trước! Giáo sư Behari không có quyền cho em địa chỉ của tôi.

Thấy rằng không cần phải tự giới thiệu nữa, tôi đứng im nhưng hơi bị chạm tự ái vì sự đón tiếp ấy. Người ấy đột nhiên hỏi tôi:

- Em hãy nói cho tôi biết Thượng Đế ở đâu?

- Ở nơi tôi, ở nơi ông và ở khắp cả.

- Phải chăng là Ngài toàn thông?

Tu sĩ cười và nói tiếp:

- Như thế, này người bạn trẻ, tại sao ngày hôm qua em không quì lạy đáng Thiêng Liêng trong hình biểu tượng bằng đá tại đền Tarakeswar? Chính vì để trừng phạt tội ngạo mạn đó mà em bị một kẻ lạ mặt chỉ làm đường để cho hôm nay em phải trải qua một ngày vất vả cực khổ như thế này!

Tôi vui vẻ chấp nhận sự việc đã xảy ra; một nhãn quang sáng suốt như vậy ở nơi người có bề ngoài khiêm tốn nghèo nàn đó làm cho tôi vô cùng kinh ngạc. Một nguồn thần lực tốt lành từ người tu sĩ thoát ra làm cho tôi cảm thấy hết cả mệt nhọc. Y nói:

- Người tu hành thường cho rằng chỉ có con đường của mình là con đường duy nhất. Đức Lahiri Mahasaya dạy rằng đạo pháp Yoga là pháp môn tối thượng giúp cho hành giả đạt tới Thượng Đế ở tận chỗ thâm sâu bí ẩn của nội tâm mình. Nhưng khi đã đạt Đạo trong lòng mình, hành giả cũng thấy đạo khắp ở mọi nơi. Một ngôi thánh điện dấu rằng ở Tarakeswar hay ở bất cứ nơi nào khác, cũng đều được sùng kính ngang nhau như một trung tâm thần lực.

Tu sĩ đã từ bỏ thái độ chê trách, đôi mắt người đã lắng dịu. Người vỗ nhẹ trên vai tôi một cách thân ái:

- Này người bạn trẻ, tôi thấy rằng em đã bỏ Thầy ra đi. Lịnh tông sư có đủ những gì em cần; em phải trở về với Thầy. Những quả núi đá không phải là Thầy của em!

Tu sĩ Ram Gopal đã lập lại chính cái ý tưởng mà Sri Yukteswar đã thốt ra trong buổi đàm luận cuối cùng của chúng tôi.

- Không có một định luật thiêng liêng nào bắt buộc các vị tôn sư phải chọn một nơi trú ẩn đặc biệt.

Tu sĩ nói tiếp với một cái nhìn mỉa mai:

- Dây Hy Mã Lạp Sơn dù ở Ấn Độ hay ở Tây Phương không phải là chỗ ở riêng biệt của các vị thánh nhân hiền triết. Điều mà người ta không chịu khó tìm ra trong cái Chân Ngã thâm sâu bí ẩn của mình, thì người ta không thể tìm thấy bằng cách đi đó đi đây. Khi người hành giả sẵn sàng đi đến tận chân trời góc bể để tìm Đạo thì Thầy y sẽ xuất hiện ở một bên y.

Tôi im lặng biểu đồng tình và nhớ lại lời cầu nguyện của tôi tại đạo viện ở Banaras, rồi tiếp theo đó là sự gặp gỡ của tôi với Sri Yukteswar ở giữa đám đông người.

- Em có một gian phòng nhỏ để sống biệt lập trong sự yên tịnh chăng?

- Phải, tôi có.

Tôi nghĩ rằng tu sĩ đang lập luận từ đại cương đến chi tiết một cách mau chóng lạ thường.

- Đó chính là cái động đá của em!

Người Yogi phóng đến tôi một cái nhìn này lửa mà tôi không bao giờ quên:

- Đó chính là ngọn núi thiêng của em! Chính đó là nơi em sẽ đạt tới cõi Đạo diệu huyền!

Những lời nói giản dị đó làm tiêu tan sự ám ảnh của dãy núi Hy Mã Lạp Sơn nó vẫn theo đuổi tôi từ thuở nhỏ. Chính ở giữa những ruộng lúa nóng cháy dưới ánh mặt trời như thiêu đốt mà tôi vĩnh viễn thức tỉnh khỏi cơn mê tuyết lạnh giá băng trên đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn!

- Này người bạn trẻ, sự khác khao tâm đạo của em thật rất đáng khen. Tôi rất mến em.

Tu sĩ Ram Gopal nắm lấy tay tôi và dắt tôi đến một ấp nhỏ với những mái nhà tranh lợp lá dừa, cửa bằng cây mộc mạc.

Tu sĩ mời tôi ngồi dưới mái nhà trang của y. Y mời tôi dùng nước chanh còn y bước vào chái bên để ngồi thiền. Bốn giờ sau đó, tôi xả thiền và dưới ánh trăng tôi nhìn thấy đạo sĩ vẫn còn ngồi yên bất động. Bụng đói như cào, tôi mới nhận thấy rằng người ta không phải chỉ sống bằng nước lã. Ram Gopal bước đến gần tôi và nói:

- Tôi biết em đang đói bụng. Mình cũng sắp ăn cơm.

Tu sĩ đi nhúm lửa trong cái lò đất sét ở bên chái, rồi trong giây lát cơm và đậu nấu đã được dọn ra trên những mảnh lá chuối. Tu sĩ lễ phép từ chối sự giúp đỡ của tôi trong việc dọn ăn. Từ nghìn xưa người Ấn vẫn có truyền thống hiếu khách và tiếp đãi trọng hậu khi có khách đến nhà.

Trong cảnh hoang vắng của tôi nơi thôn ấp nhỏ bên ven rừng già, ở bên cạnh người Yogi, những tiếng động ồn ào của thế gian chỉ còn là một dư âm đã tàn. Một ánh sáng êm dịu và huyền bí chiếu lóng lánh trong gian phòng. Ram Gopal trải nệm dưới đất để cho tôi ngủ, còn y thì ngồi trên một chiếc chiếu bằng rom. Bị lôi cuốn bởi luồng từ điển tâm linh của tu sĩ, tôi đánh bạo hỏi:

- Bạch thầy, xin thầy hãy hạ cố ban phép nhập định cho tôi.

- Tôi rất sung sướng được giúp em có sự giao cảm với thiêng liêng, nhưng đó không phải là vai trò của tôi.

Tu sĩ nhìn tôi qua đôi mắt hé mở:

- Không bao lâu thầy em sẽ cho em cái kinh nghiệm đó. Hiện giờ thể xác em chưa được chuẩn bị sẵn sàng cho một kinh nghiệm như thế. Cũng như một bóng đèn nhỏ không thể chịu đựng nổi một điện thế quá cao, những dây thần kinh của em chưa sẵn sàng để lưu chuyển luồng từ điển của vũ trụ. Nếu tôi đưa em vào trạng thái đại định như bây giờ, em sẽ bốc cháy như bó đuốc chẳng khác nào tất cả những tế bào trong thân thể em đều bắt lửa.

Người YoGi nói tiếp với một giọng suy tư:

- Em trông mong rằng tôi có thể giúp em đạt tới sự giác ngộ trong khi tôi tự hỏi rằng không biết tôi đã thành công hay chưa, và đã được Thiêng Liêng ban ân phước hay chưa?

- Bạch Thầy, nhưng Thầy đã dốc lòng tìm Đạo và công phu tu luyện trong hằng bao nhiêu năm.

- Tôi không có công trạng gì cả! Đáng lẽ Behari phải thuật lại cho em nghe cuộc đời của tôi. Tôi đã tham thiền suốt hai mươi năm trời trong một hang núi cô tịch, trung bình mười tám giờ mỗi ngày. Sau đó, tôi di chuyển đến một động đá còn xa xôi hẻo lánh hơn nữa, tại đây tôi ông phu tu luyện trong hai mươi lăm năm và tham thiền hai mươi giờ mỗi ngày. Tôi không cần phải ngủ vì tôi luôn luôn giao cảm với Thiêng Liêng. Thể xác tôi tìm thấy trong an tĩnh của cõi siêu thức một sự bồi dưỡng còn bổ khỏe hơn sự nghỉ ngơi trong trạng thái tiềm thức của giấc ngủ thông thường.

- Trong giấc ngủ, những bắp thịt được thoải mái, bớt căng thẳng nhưng tim, phổi và bộ máy tuần hoàn không hề nghỉ. Trong trạng thái siêu thức, sự hoạt động của những cơ quan trong thân thể tạm thời gián đoạn, và những bộ phận ấy được truyền điện do nguồn sinh lực của vũ trụ. Chính nhờ bởi phương pháp này mà tôi không cần ngủ trong nhiều năm. Em cũng vậy, thời gian sẽ đến khi đó em cũng sẽ không ngủ nữa.

Tôi nhìn tu sĩ với đôi mắt ngạc nhiên:

- Bạch thầy, thầy đã thiền định lâu năm như vậy mà còn không chắc chắn được ân huệ thiêng liêng, thì những kẻ sơ cơ như tôi đây còn có hy vọng gì!

- Em há biết rằng Đạo vốn là vô cùng! Thật là đại đột mà tưởng rằng người ta có thể đạt tới cõi Đạo diệu huyền sau bốn, năm mươi năm thiền định. Tuy vậy, Babaji nói rằng dù cho tham thiền rất ít cũng giúp chúng ta khỏi bị những khổ đau trong cơn hấp hối, và trong những trạng thái sau khi chết em đừng đặt sở vọng tâm linh của em nơi một ngọn núi, em hãy nhắm vào sự giao cảm, hợp nhất với Thiêng Liêng! Nếu kiên tâm bền trí, có ngày em sẽ thành công.

Triển vọng đó làm tôi vô cùng phấn khởi, tôi bèn yêu cầu tu sĩ nói rõ thêm vài chi tiết. Tu sĩ mới thuật lại cho tôi nghe câu chuyện nhiệm mầu về sự gặp gỡ đầu tiên của y với Babaji, Sư Phụ của Lahiri Mahasaya. Đến nửa đêm, Ram Gopal lại đắm chìm trong im lặng, còn tôi nằm xuống sửa soạn đi ngủ. Khi tôi nhắm mắt, tôi nhìn thấy những tia chớp; toàn thân tôi là một ánh hào quang sáng rực. Tôi mở mắt ra: ánh hào quang đó chiếu sáng khắp phòng, gian nhà tranh trở nên một phụ ốc của cõi Vô Cùng và thấm nhuần những tia sáng vô hình mà tôi cảm xúc được bằng một nhãn quang siêu nhiên.

- Tại sao em không ngủ?

- Bạch thầy, làm sao tôi ngủ được với những tia sáng chớp nhoáng xẹt đến từ bốn phía, trong khi tôi nhắm mắt hay mở mắt cũng vậy?

- Thật là một ân phước mà có cái kinh nghiệm đó; những tia sáng vô hình không dễ gì mà nhìn thấy được đâu!

Tu sĩ nói thêm vài lời đầy cảm tình thương mến.

Đến sáng là lúc chúng tôi phải chia tay nhau. Tôi cảm thấy buồn mà phải từ biệt tu sĩ đến nỗi không ngăn được hai giọt lệ chảy trên gò má tôi. Tu sĩ nói với giọng thân ái:

- Tôi không để cho em trở về tay không. Tôi sẽ ban cho em một vài ân huệ.

Tu sĩ mỉm cười và nhìn thẳng vào mắt tôi một cách chăm chú. Tôi cảm thấy một niềm an tĩnh tràn ngập tâm hồn tôi như một luồng ân huệ tốt lành, và đột nhiên tôi được chữa khỏi chứng bệnh đau lưng mà tôi đã bị trong nhiều năm qua! Được bình phục sức khỏe, đắm chìm trong một biển đại dương an tĩnh và phúc lạc vô biên, tôi không còn khóc nữa.

Tôi cúi mình xuống làm lễ và nắm hai bàn chân của tu sĩ để từ biệt, và đi bộ băng rừng để tìm đường đến Tarakeswar. Vừa trở về thành phố này, tôi lại viếng thăm ngôi đền một lần thứ nhì và quỳ lạy trước chánh điện. Tầng đá hình tròn dường như nổi rộng chu vi trước nhãn quang siêu linh của tôi cho đến tận những cõi giới xa xăm trong căn khôn vũ trụ, để sau cùng hòa hợp với Thiêng Liêng.

Một giờ sau, tôi vui vẻ đáp chuyến xe lửa trở về Calcutta. Chuyến du hành của tôi không đưa tôi đến chân núi Hy Mã Lạp Sơn mà lại đến dưới chân Sư Phụ.

Một Kinh Nghiệm Về Tâm Thức Siêu Đẳng

- Bạch Sư Phụ, con đã về.

Sri Yukteswar hẳn đã thấy rõ sự băn khoăn của tôi nhưng người vẫn bình tĩnh dường như tôi chỉ vắng mặt có vài giờ chứ không phải vài ngày:

- Chúng ta hãy ra sau bếp để xem có gì ăn không?

- Bạch Sư Phụ, sự ra đi vội vàng của con chắc hẳn là đã làm mất lòng Sư Phụ, con tưởng là Sư Phụ đã giận con.

- Không, chắc chắn là không! Sự giận hờn thường chỉ do sự thất vọng mà ra. Ta không trông cậy điều gì ở kẻ khác, bởi đó những hành động của họ không thể làm ta phật lòng. Ta không lợi dụng con để thực hiện những mục đích ích kỷ; chỉ có sự hạnh phúc của con mới có thể làm cho ta được sung sướng.

- Bạch Sư Phụ, người ta thường hay nói một cách mơ hồ về tình bác ái. Đây là lần đầu tiên mà con nhìn thấy cái bản chất thiêng liêng của Sư Phụ! Ở ngoài thế gian một người cha cũng không dễ gì tha thứ một người con bỏ dở công việc gia đình và bỏ nhà ra đi mà không báo trước. Nhưng Sư Phụ không hề tỏ vẻ bất mãn, trong khi con bỏ dở công việc đạo viện ra đi và đặt Sư Phụ trong tình trạng bối rối!

Thầy trò chúng tôi nhìn nhau, bốn mắt long lanh ứa lệ. Lòng tôi tràn ngập một niềm hạnh phúc vô biên; tôi ý thức được rằng Sư Phụ tôi, hiện thân của lòng Từ Ái Thiêng Liêng, đã nhen nhúm ngọn lửa thiêng trong lòng tôi cho nó trở thành một tình thương bao la khắp vũ trụ.

Vài ngày sau, tôi đến ngồi tại phòng khách của Sư Phụ, lúc ấy vắng người. Tôi định tham thiền nhưng không thể tập trung tư tưởng; tư tưởng tôi tán loạn như một bầy chim bay tán mác trước tiếng súng của người đi săn.

- Mukunda, Mukunda!

Tiếng gọi của Sư Phụ vọng đến tai tôi từ một bao lơn gần đó. Tôi cảm thấy trái ý và thầm nghĩ rằng: “Sư Phụ vẫn thường bảo tôi nên tham thiền; nay người không nên quấy rầy tôi, vì người biết tôi vào đây để làm gì.”

Sư Phụ lại gọi tôi; tôi vẫn im lặng không đáp lại. Lần thứ ba tiếng gọi của người có một giọng trách móc. Tôi phản kháng:

- Bạch Sư Phụ, con đang bận tham thiền!

- Ta biết con tham thiền như thế nào rồi! Tư tưởng con tán mác như là bay trước gió. Hãy lại đây!

Bị nói đúng ngay tâm trạng của mình, tôi lẳng lặng cúi đầu đi về phía Sư Phụ.

- Con hỡi, những ngọn núi cao không đem lại cho con những gì con muốn.

Sư Phụ nói với một giọng dịu dàng, thương hại tôi. Cái nhìn im lặng của người biểu lộ một tâm hồn tế nhị sâu sắc khôn lường.

- Ước vọng của con sẽ thành sự thật!

Sri Yukteswar ít khi nói những lời bóng bẩy cao xa nên tôi lấy làm bối rối. Người vỗ nhẹ một cái lên ngực tôi, ở chỗ trên quả tim. Đột nhiên, thân mình tôi dường như ngay cứng; hơi thở thoát ra khỏi hai luồng phổi của tôi, dường như bị thu hút bởi một đá nam châm vĩ đại; linh hồn tôi dường như bị đứt ra khỏi thể xác và toát ra ngoài do mỗi lỗ chân lông như một thứ hào quang sáng rỡ. Tôi không còn cảm giác được xác thân tôi, tuy rằng những quan năng bị kích động mãnh liệt làm cho tôi có ý thức một cách toàn vẹn về sự sống mà tôi chưa từng cảm giác bao giờ. Cái bản ngã của tôi không còn giới hạn trong thể xác mà bao trùm cả những nguyên tử của cảnh vật chung quanh. Những nhân vật ở ngoài dường như nhẹ nhàng uyển chuyển đi xuyên qua thân mình đã trở nên vô giới hạn của tôi. Những rễ cây lơ lửng xuất hiện dưới lòng đất trở nên trong vắt trước nhãn quang của tôi, và tôi nhìn thấy cả nhựa cây luân chuyển mãnh liệt bên trong những rễ và thân cây.

Cái viễn ảnh của vùng chung quanh diễn ra đến vô tận trước mắt tôi. Tâm nhãn quang của tôi đã nói rộng đến khắp nơi khắp chốn làm cho tôi có thể nhìn thấy tất cả mọi sự cùng một lúc. Tôi nhìn thấy cả phía sau lưng tôi, người người qua lại trên đường lộ và tôi thấy một con bò trắng từ từ đến gần; con bò đi đến cửa đạo viện và lọt vào tâm nhãn quang thông thường của tôi. Khi nó đi qua khỏi cửa tôi vẫn còn nhìn thấy nó một cách rõ ràng xuyên qua bức tường rào bằng gạch.

Trong tâm nhãn quang siêu linh của tôi, những vật rung động và rung chuyển như những hình ảnh trong phim chớp bóng. Thể xác tôi, thân thể của Sư Phụ, những cột trụ ngoài sân, bàn ghế, sàn gạch trong nhà, cây cỏ ngoài đường cùng vắng mặt trời mọc lúc ban mai rung động mỗi lúc càng mãnh liệt hơn cho đến khi tất cả đều biến tan trong một biển lớn với những luồng sóng chớp sáng lờ mờ như chất lân tinh, chẳng khác nào như chất đường biến tan trong nước.

Một niềm phúc lạc say sưa khôn tả xâm chiếm lấy tâm hồn tôi từng đợt như những luồng sóng đập dồn ngoài biển cả. Một vầng hào quang rực rỡ huy hoàng nảy nở từ bên trong thân mình tôi nói rộng mãi cho đến khi nó bao trùm cả những vùng lục địa, thung lũng, đất liền, biển đại dương, những vầng thái dương và tinh tú, tinh vân, chòm sao, thậm chí đến cả những giải ngân hà vĩ đại vô biên...

Toàn thể vũ trụ lóng lánh một ánh sáng êm dịu như một thành phố nhìn từ xa lúc ban đêm đều hỗn hợp với cái Chân Ngã vô biên giới của tôi. Những vành ngoài thật rõ rệt xuất hiện ở chỗ chi vi cái linh ảnh của tôi, nhưng tôi còn nhận thấy ở xa hơn nữa một thứ hào quang tinh anh chiếu sáng không hề giảm bớt cường độ rực rỡ huy hoàng của nó; giữa cái bối cảnh huyền diệu là hình ảnh những bầu hành tinh chiếu một thứ ánh sáng đục và thô thiển hơn nhiều.

Vàng ánh sáng huyền diệu xuất hiện từ Nguồn Gốc thiêng liêng, từng đúc kết những bầu tinh tú, thêu dệt những dây Ngân Hà, từ từ biến thành muôn ngàn vòng hào quang rực rỡ huy hoàng khôn tả. Liên tiếp không ngừng, tôi nhìn thấy những tia điện lực sáng tạo kết tinh thành những chòm sao và phóng ra những tia lửa chói sáng. Hằng hà sa số những bầu thể giới nối tiếp nhau luân chuyển nhịp nhàng từng đợt trong một vòng hào quang trắng đục, toàn thể nền trời rực sáng lên như một cơn hỏa hoạn khổng lồ.

Tôi biết rằng trung tâm của những linh ảnh đó nằm ở một vị trí trong quả tim của tôi tức là trung tâm trực giác. Bao nhiêu linh ảnh rực rỡ huy hoàng đó toát ra từ những tế bào trong xương thể của tôi và thâm nhập vào tận nguồn máy vô hình huyền diệu của vũ trụ! Nước cam lồ thiêng liêng của sự trường sinh bắt từ vọt ra từ bên trong con người của tôi như một vòi suối nóng. Tiếng nói của Thượng Đế, Động Từ của sức sáng tạo thiêng liêng vang lên trong thánh ngữ AUM, một rung động của Thiên Cơ huyền diệu.

Bỗng nhiên, tôi cảm thấy hơi thở đã trở lại với tôi. Với một sự thất vọng lớn lao, tôi nhận định rằng tính chất bao la vô cùng của Vũ Trụ ở chung quang tôi đã không còn nữa. Lại một lần nữa tôi bị giam hãm trong cái thể xác ngục tù đốn mạt này, ở trong đó Linh Hồn tôi phải chịu ần trú một cách gượng gạo, miễn cưỡng. Như một người con bỏ nhà đi hoang, tôi vừa rời khỏi cái vũ trụ bao la là chỗ cư trú vĩnh viễn của tôi để tự giam cầm trong sự chật hẹp tù túng của thể xác vật chất này.

Sư Phụ đứng yên lặng trước mặt tôi; tôi liền quỳ lạy dưới chân người để tỏ lòng biết ơn về sự kinh nghiệm siêu linh mà tôi đã từng mong ước từ lâu một cách say sưa nồng nhiệt. Sư Phụ giữ tôi lại và nói một cách bình tĩnh, không chút tự hào:

-Không nên mê mẩn say sưa trong cơn đại định! Con còn có nhiều việc phải làm ở thế gian này. Thôi, con đi quét bao lơn đi, và sau đó chúng ta sẽ đi dạo một vòng trên bờ sông Hằng.

Tôi cảm cái chỗi và liền hiểu rằng Sư Phụ vừa dạy tôi những bí quyết của một đời sống quân bình. Linh hồn phải bay cao trong Vũ Trụ Càn Khôn bao la vô tận, trong khi thể xác phải làm công việc hàng ngày.

Sau đó, khi Thầy trò chúng tôi đi dạo trên bờ sông, một niềm phúc lạc say sưa khó tả vẫn còn xâm chiếm lấy tôi. Tôi cảm thấy hai thân mình chúng tôi dường như hai hình bóng lướt trên đường lộ dọc theo một con sông màu lửa đỏ. Sư Phụ giải thích:

- Tinh thần của Thượng Đế tích cực bảo dưỡng mọi hình thể và vật chất trong vũ trụ; những Ngài vốn toàn thông và tiêu diêu trong chỗ hư không bên ngoài hiện tượng giới. Những vị thánh đã thực hiện bản chất thiêng liêng của mình trong khi còn ở thế gian, từng kinh nghiệm một đời sống song đôi giống y nhau. Trong khi họ vẫn làm công việc thế gian, tâm hồn họ đắm chìm trong một trạng thái phúc lạc bên trong nội tâm. Thượng Đế sáng tạo ra con người để cho họ có thể tham dự vào niềm phúc lạc tự tại vô biên của Ngài. Tuy bị dính liền với thể xác, những linh hồn được tạo ra theo hình ảnh của Thượng Đế, rốt cuộc phải giải thoát khỏi sự trói buộc của giác quan và hợp nhất với Ngài.

Tôi thu thập được một sự ích lợi rất lớn do sự kinh nghiệm siêu linh vừa qua. Cố gắng hằng ngày để kiểm soát tư tưởng, tôi đã có thể thoát sự nhận định sai lầm rằng tôi là cái thể xác bằng xương bằng thịt này, và chọe thủng cái vỏ cứng của vật chất. Hơi thở, tư tưởng luân phiên hoạt động không ngừng, giống như cơn giông bão làm giao động mặt biển Ánh Sáng với vô số những ngọn sóng vật chất: đất, trời, người, động vật, chim muông, cây cỏ. Người ta chỉ có thể nhìn thấy chân tướng của sự vật trong những lúc biển lặng sóng êm.

Một vị tôn sư chỉ ban cho đệ tử cái kinh nghiệm tâm thức siêu linh khi nào người đệ tử, bằng cách tham thiền, đã tăng cường tinh thần của mình đến mức độ có thể dung túng được những chân trời rộng lớn đó. Tâm trí thức và quan điểm rộng rãi cũng chưa đủ. Chỉ có sự kiên tâm tu luyện và thực hành... mới có thể chịu đựng nổi cái kinh nghiệm giải thoát đó. Người hành giả thật tâm tu luyện chắc chắn sẽ đạt tới trạng thái đó; đức tin mãnh liệt của y tự nhiên sẽ thúc đẩy y đến gần Thượng Đế.

Sri Yukteswar dạy tôi làm thế nào để nhớ lại cái kinh nghiệm huyền linh ấy tùy ý muốn, và làm sao chuyển đạt nó cho những người nào đã phát triển trực giác một cách khá đầy đủ. Tôi trải qua nhiều tháng trong trạng thái phúc lạc triền miên do sự hợp nhất với Thiêng Liêng. Một hôm tôi hỏi Sư Phụ:

- Bạch Sư Phụ, con muốn biết xem bao giờ con sẽ tìm thấy Thượng Đế.

- Nhưng con đã thấy Ngài rồi!

- Bạch Sư Phụ, không phải. Con không tin như vậy.

Sư Phụ mỉm cười:

- Ta chắc con không nghĩ rằng Ngài là một ông già đạo mạo râu tóc bạc phơ ngồi trên một chiếc ngai vàng ở một góc cạnh nào đó trong vũ trụ càn khôn! Chắc hẳn con tưởng tượng rằng biết được Thượng Đế tức là thủ đắc được những quyền năng nhiệm mầu? Người ta có thể chinh phục cả vũ trụ mà không tìm thấy Thượng Đế, sự thủ đắc tâm linh không thể đo lường bằng quyền năng của ta trên địa hạt vật chất, mà chỉ bởi niềm phúc lạc say sưa mà người hành giả cảm giác được trong cơn tham thiền.

Thượng Đế tức là niềm phúc lạc luôn luôn thay đổi mới không ngừng. Niềm phúc lạc ấy không bao giờ khô cạn; người ta có thể tham thiền trong nhiều năm nhưng vẫn không nắm được nó. Người hành giả nào đã tìm thấy con đường đưa đến niềm phúc lạc ấy sẽ không bao giờ đem đổi nó với bất cứ giá nào.

Người đời chóng chán những lạc thú trần gian! Sự đòi hỏi thật là vô cùng, sự thỏa mãn chỉ trong chốc lát; con người theo đuổi từ một mục đích này, đến một mục đích khác. Cái mà y khát khao tìm kiếm nhưng vẫn không gặp, đó là Thượng Đế, chỉ có Ngài mới đem lại cho con người nguồn hạnh phúc vô tận.

Bây giờ con đã hiểu tại sao các vị thánh gọi Thượng Đế là Đấng Vô Cùng. Một đời sống trường cửu vô tận cũng không đủ để đạt tới Ngài.

Thật vậy, nhưng Ngài cũng rất gần chúng ta. Khi mà tinh thần giải thoát khỏi sự kềm hãm của giác quan, thì chừng đó sự thiền định đưa đến một chứng minh song đôi về Thượng Đế. Trước hết, một niềm phúc lạc luôn luôn đổi mới thấm nhuần vào tâm hồn chúng ta cho đến tận những nguyên tử tế bào trong châu thân. Kế đó, người hành giả luôn luôn được Ngài dìu dắt trong con thiền định và những câu hỏi băn khoăn thắc mắc sẽ được giải đáp.

Tôi mỉm cười biết ơn:

- Bạch Sư Phụ, Sư Phụ đã giải tán mọi sự nghi ngờ của con. Bây giờ con biết rằng mình đã tìm thấy Thượng Đế, vì trong khi tham thiền, tâm hồn con được từ từ thấm nhuần một niềm hạnh phúc và an lạc vô biên, và trong những giờ hoạt động con được hướng dẫn một cách tế nhị để có một phép xử thế đúng đắn tốt lành trong mọi công việc, chí đến những phần chi tiết nhỏ nhất.

Cuộc đời sẽ còn đau khổ phiền não khi con người chưa biết sống đúng theo Thiên Ý.

Cây Bông Cải Bị Mất Trộm

- Bạch Sư Phụ, đây là món quà tặng của con: sáu cây bông cải do chính tay con trồng và săn sóc đặc biệt.

Với một cử chỉ trịnh trọng, tôi dâng lên cho Sư Phụ cái rổ đựng bông cải. Sư Phụ đáp lại với một giọng sốt sắng:

- Cảm ơn con. Con hãy cất trong phòng con. Ngày mai, Thầy sẽ cần dùng để nấu một bữa tiệc lớn.

Tôi vừa đến Puri để nghỉ hè tại đạo viện trên bờ biển của Sư Phụ. Đó là một ngôi nhà nhỏ, kang trang, với hai tầng lầu do Sư Phụ và các đệ tử dựng lên và day mặt ra vịnh Bengale.

Sáng hôm sau, tôi thức rất sớm và cảm thấy khỏe khoắn nhẹ nhàng trong bầu không khí miền biển cả với phong cảnh đẹp quanh vùng. Nghe giọng nói thanh tao của Sư Phụ, tôi nhìn thấy mấy bông cải quý và cất kỹ dưới gầm giường. Sư Phụ bảo tôi:

- Chúng ta hãy đi dạo một vòng trên bờ biển.

Sư Phụ mở đường đi trước, vài đệ tử và tôi đi từng nhóm lẻ tẻ. Sư Phụ nhìn chúng tôi bằng cặp mắt đầy khoan dung:

- Khi các đệ tử bên Tây Phương đi chơi chung với nhau, họ thường đi ăn rập từng bước. Bây giờ các con hãy sắp hàng đôi và tiến tới...

Chúng tôi cất bước đi nhịp nhàng; Sri Yukteswar vừa đi theo vừa hát một bài ca hành khúc. Tôi nhìn theo và thần phục sự tự nhiên bình thản của Sư Phụ khi người cùng hòa mình thi đua sự hăng say với các đệ tử.

- Ngừng lại... ngừng!

Đôi mắt của Sư Phụ nhìn quanh để tìm tôi:

- Mukunda, con có nhớ đóng cửa sau của đạo viện?

- Bạch Sư Phụ, con nhớ là đã đóng rồi!

Sri Yukteswar im lặng trong vài phút với một nụ cười trên môi. Sau cùng người nói:

- Không, con đã quên. Sự thiên định công phu không phải là một cái cớ để bào chữa cho sự cẩu thả trong đời sống hằng ngày. Con đã xao lãng bổn phận trông nom đạo viện và con sẽ bị trừng phạt về cái tội đó.

Tôi tưởng Sư Phụ nói đùa khi người nói thêm:

- Trong sáu cây bông cải của con, lát nữa chỉ còn lại có năm!

Theo lệnh Sư Phụ, chúng tôi quay trở lại và trong giây lát đã về gần tới đạo viện.

- Hãy đợi một lát, Mukunda; kia con hãy nhìn về đằng xa, trên con đường ở bên đạo viện. Một người đang đi trên con đường đó, y là cái lý do sự trừng phạt của con!

Tôi cố dấu sự bất mãn với những lời nói lạ lùng đó. Thành linh, một người nông dân xuất hiện trên đường lộ với tướng đi xiêu vẹo, hai tay y múa may quay cuồng với những cử chỉ lạ lùng của một người điên. Vừa kinh ngạc, tôi vừa nhìn xem cảnh tượng buồn cười đó. Khi người ấy vừa đi đến một nơi trên đường lộ mà y sẽ khuất tầm nhãn quang của chúng tôi, Sri Yukteswar nói:

- Bây giờ, y sẽ quay đầu trở lại.

Quả thật, người nông phu đôi chiều hướng và noi theo con đường về đạo viện. Sau khi vượt qua một mảnh đất trống, y lọt vào đạo viện do cánh cửa sau mà tôi đã quên khóa lại cẩn thận theo lời dặn của Sư Phụ.

Trong giây lát, người ấy bước ra, tay ôm theo một cây bông cải trong sáu cây bông cải quý báu của tôi. Bây giờ, y đi một cách vững chãi, dường như y đã làm xong một kỳ công hiển hách.

Cuộc đùa nghịch vô lý này không làm cho tôi ngỡ ngàng quá mức, tôi bèn rượt theo tên ăn trộm. Tôi chạy theo đến nửa đường thì Sư Phụ gọi tôi trở lại và ôm bụng cười lớn. Giữa hai trận cười giòn giã, Sư Phụ giải thích:

- Người điên này đang mơ ước một cây bông cải. Thầy nghĩ rằng thật không phải là một điều dở mà cho y vào lấy một cây trong mấy cây bông cải của con, khi con không biết giữ gìn cẩn thận.

Tôi vội chạy vào phòng riêng của tôi và nhận thấy rằng tên ăn trộm hẳn là bị ám ảnh bởi một loại ra cái, nên không đá động đến những chiếc nhẫn vàng, đồng hồ tay và tiền bạc của tôi để rải rác trên giường. Thay vì lấy trộm của quý này y lại bỏ xuống gầm giường là nơi cất những cây bông cải của tôi, hoàn toàn che giấu đối với những cặp mắt không để ý, lại kêu gọi lòng tham của y.

Đến chiều, tôi yêu cầu Sư Phụ giải thích hiện tượng khó hiểu đó. Sư Phụ chậm rãi lắc đầu:

- Một ngày kia con sẽ hiểu. Không bao lâu khoa học sẽ khám phá vài định luật huyền bí về loại đó trong thiên nhiên.

Về sau, khi toàn thể thế giới lấy làm ngạc nhiên trước những phát minh nhiệm mầu về khoa vô tuyến điện, tôi mới nhớ lại lời tiên tri của Sư Phụ.

Những quan niệm cổ xưa về thời gian và không gian đều bị đảo lộn, không một gian nhà nào là quá nhỏ để không thể chứa đựng cả Luân Đôn hay Vọng Các!

Bằng chứng không thể chối cãi về một trong những khía cạnh toàn thông của con người từ nay dường như đã nằm trong tầm hiểu biết của những bộ óc hoài nghi nhất.

Sự so sánh với khoa vô tuyến có thể giúp cho ta hiểu rõ hơn câu chuyện cây bông cải. Sri Yukteswar chẳng khác nào như một vô tuyến điện. Tư tưởng con người không gì khác hơn là một rung động truyền đi xuyên qua chất di thái. Cũng như một máy vô tuyến điện thu thanh một bản nhạc nhất định trong số hàng trăm nghìn chương trình phát thanh truyền đi từ khắp mọi nơi trên thế giới, Sư Phụ tôi đã bắt được những tư tưởng của một người điên bị ám ảnh bởi sự mộng ước có một cây bông cải, giữa hàng sa số những tư tưởng của tất cả mọi người, tức bao nhiêu máy truyền thanh trên thế giới. Ý chí mạnh mẽ của Sư Phụ đã hành động xuyên qua không gian và bắt buộc người nông dân đổi chiều hướng quay trở đầu lại do cửa sau bước vào nhà lấy một cây bông cải trong phòng tôi!

Mọi việc có ý nghĩa đã xảy ra vài ngày sau vụ ăn trộm bông cải. Một cây đèn dầu lửa bị thất lạc. Đã nhiều lần chứng kiến khả năng tiên tri của Sư Phụ, tôi cho rằng đối với Sư Phụ thì tìm lại cây đèn chỉ là một trò chơi trẻ con. Sư Phụ đoán biết ý nghĩ của tôi. Người hỏi tất cả các đệ tử trong đạo viện với một vẻ mặt nghiêm trọng khác thường. Một đệ tử thú nhận đã dùng cây đèn để đi ra giếng nước ngoài sân sau.

Sri Yukteswar trình trọng đưa ra lời khuyên.

- Hãy tìm cây đèn ở gần cái giếng.

Tôi hồi hải chạy nhanh đến nơi thì không thấy đèn đâu cả! Thất vọng, tôi trở lại tịnh xá, Sư Phụ thốt ra một chuỗi cười dài không màng đến sự thất vọng của tôi:

- Tại sao con muốn cho ta phải tìm thấy lại cây đèn? Ta đâu phải là nhà phù thủy!

Người nói thêm với một tia sáng tinh ranh trong cặp mắt:

- Và cũng không phải là một thám tử tài ba!

Khi ấy tôi mới nhận định rằng Sư Phụ từ chối không dùng đến những quyền năng siêu phàm khi bị thử thách hoặc vì một mục đích tiêu mọn.

Thời gian trôi qua trong cuộc sống hòa hợp vui vẻ giữa Thầy trò Sri Yukteswar định tổ chức một cuộc rước lễ tôn giáo. Người giao cho tôi điều khiển cuộc diễu hành của các đệ tử qua thành phố và vịnh Puri. Ngày rước đèn đã đến, mặt trời bình minh xuất hiện với một nhiệt độ nóng bức khác thường.

Tôi hỏi trong con tuyệt vọng:

- Bạch Sư Phụ, làm sao con có thể hướng dẫn các huynh đệ đi chân trần trên bãi cát nóng như thiêu đốt?

Sư Phụ đáp:

- Ta sẽ tiết lộ cho con biết một điều bí mật. Thượng Đế sẽ đưa đến một cụm mây che bớt ánh nắng và các con sẽ đi đứng dễ dàng không chướng ngại.

Tôi vui vẻ nhận công tác tổ chức cuộc rước lễ. Nhóm đệ tử rời khỏi đạo viện, người đi đầu cầm cây đạo kỳ Sat Sanga (Sat Sanga có nghĩa là “Môn phái của Chân Lý.”) Trên cây cờ có vẽ một con mắt thánh tượng trưng cho Huệ Nhân thiêng liêng. (“Nếu mắt người chỉ có một, toàn thân người sẽ chiếu sáng.” Trong con thiền định thâm sâu, Huệ Nhân thức động ở một điểm trên trán, giữa hai chân mày. Các Kinh Sách gọi đó là con mắt Toàn Tri, con mắt thứ ba, con mắt của Thần Shiva, con mắt trực giác v.v...)

Khi chúng tôi rời khỏi đạo viện thì góc trời ở ngay trên đầu chúng tôi có mây kéo đen ngịt dường như do một phép màu. Giữa những tiếng kêu ngạc nhiên của tất cả mọi người, một cơn mưa lâm lâm nhẹ hột rơi xuống làm dịu bớt sức nóng trên đường lộ và bãi cát nóng cháy da. Trong hai tiếng đồng hồ của cuộc diễu hành, mưa vẫn rơi đều hột không ngừng, đem đến sự mát rượi trong không khí và cả trong lòng người! Khi chúng tôi trở về đạo viện, cả mây lẫn mưa đều biến tan không còn để lại dấu vết.

Khi tôi tỏ lòng biết ơn Sư Phụ, người đáp:

- Con thấy rằng Thượng Đế che chở chúng ta, Thượng Đế thương yêu và giúp đỡ tất cả mọi người. Cũng như Ngài đã đem mây mưa để ứng lời cầu nguyện của Thầy Ngài thỏa mãn mọi điều mong ước chân thành của những người sùng tín. Người đời ít khi nhận thấy Thượng Đế đã đáp ứng bao nhiêu lần những ước vọng của họ. Ngài không thiên vị một vị thiếu số nào, nhưng Ngài lắng nghe những kẻ nào cầu nguyện Ngài với tất cả tâm hồn. Như vậy, người đời phải có một đức tin tuyệt đối nơi lòng Từ Bi Bác Ái của đấng Cha Lành trên trời.

Hằng năm, Sri Yukteswar hành lễ bốn mùa, trong những dịp đó các đệ tử tề tựu kéo về đông đảo từ khắp chốn xa gần. Cuộc rước lễ mùa đông cử hành tại Serampore, đó là lần rước lễ đầu tiên mà tôi tham dự, và nó đã đem đến cho tôi một niềm an lạc lạ thường.

Cuộc lễ bắt đầu từ lúc sáng sớm mai bằng một đám rước gồm những đệ tử sắp hàng đi chân trần diễu hành qua các đường phố. Giọng hát của hàng trăm đệ tử cùng hòa tấu một khúc thánh ca tôn giáo làm dịu tâm hồn, những nhạc công thổi sáo, đánh trống và chập chĩa. Dân chúng làm hứng khởi ném bông hoa dưới chân chúng tôi, họ lấy làm sung sướng mà nghe chúng tôi suy tôn danh hiệu đấng Chí Tôn trong một khúc thánh ca vang lừng, đem đến cho họ một nét thay đổi mới lạ trong cuộc sống lặng lẽ với những bồn phận quen thuộc hàng ngày. Sau cuộc diễu hành khắp các đường phố, đám rước đã trở về sân đạo viện, tại đó chúng tôi đứng vây quanh Sư Phụ trong khi những bạn đồng môn khác từ những bao lon trên đầu ném xuống chúng tôi từng đợt những cánh hoa cúc và hoa mẫu đơn vàng ánh.

Những quan khách dự lễ bước lên từng lầu trên, tại đây họ được tiếp đãi với món sữa chua và cam ngọt. Tôi vạch một lối đi xuyên qua nhóm bạn đồng môn đang làm bếp. Trong dịp lễ long trọng này, với một số quan khách và đệ

từ đông đảo như thế, những nồi cháo khổng lồ được đem ra sử dụng và việc nấu bếp được đặt ở ngoài sân. Những đám lửa củi nhúm trong các lò gạch xây tạm phát ra một luồng khói khét lăm nghệt thờ, nhưng chúng tôi vẫn làm việc một cách vui vẻ hết lòng. Ở Ấn Độ, những cuộc thánh lễ tôn giáo không bao giờ bị coi như một việc khó nhọc, mỗi người đều làm bất cứ việc gì tùy sức mình, họ đóng góp tiền bạc, cơm gạo, rau trái hoặc phụ giúp một cánh tay lao lực.

Sư Phụ phất chốc đã đến với chúng tôi, người theo dõi mọi công việc chuẩn bị hành lễ. Không hề mệt mỏi, người thi đua sức vóc và niềm hứng khởi trong việc làm với những đệ tử trẻ nhiệt thành nhất.

Trên tầng lầu hai, một nhóm nhạc công và ca sĩ hát các bài thánh ca theo nhịp đàn kéo và trống nhỏ. Sư Phụ lắng tai nghe như một người sành điệu, vì người có một lỗ tai âm nhạc toàn hảo:

- Hát sai nhịp rồi!

Sau khi đi một vòng quan sát chỗ nhà bếp, Sư Phụ trở lại nhóm nhạc công lúc này. Bản nhạc du dương vang lên nhưng lần này thì hoàn toàn đúng nhịp.

Ở Ấn Độ, âm nhạc được coi như một nghệ thuật thiêng liêng, ngang hàng với hội họa hay kịch nghệ. Thần Brahma, thần Vishnu và thần Shiva, tức Ba Ngôi bất tử của Thượng Đế đều là những vị nhạc sĩ đầu tiên. Trong truyện Thần Thoại Ấn Độ, thần Shiva biểu hiện vị Vũ Công Thiêng Liêng với những vũ điệu thần bí, diễn tả cuộc sống sáng tạo, bảo dưỡng và biến tan của Vũ Trụ, trong khi thần Brahma đánh nhịp theo âm điệu những chập chờa khua động vang tai và thần Vishnu đánh trống mridanga. Thần Krishna, một hậu thân của thần Vishnu luôn luôn được hình dung với một ống sáo mà những âm điệu du dương làm thức tỉnh những linh hồn còn đang mê muội trong giấc mơ của ảo giác, tức ảo ảnh của vũ trụ và nhắc nhở họ hãy quay trở về gốc cội trường cửu muôn đời. Saraswati, vị nữ thần minh triết, được hình dung khảy đàn vina, mẹ của tất cả các thứ đàn dây. Bộ kinh Sama Veda chứa đựng những thiên luận nhạc cổ nhất thế giới.

Trong ngày lễ, ban nhạc công trên tầng lầu hai đã làm hứng khởi đến cả những tay đầu bếp tình nguyện ở chung quanh những lò cháo sôi bông của họ. Các bạn đạo và tôi cùng vui vẻ hát những bài thánh ca và đánh nhịp bằng hai bàn tay.

Đến chiều, chúng tôi đã dọn cơm chiên với đậu, rau cải nấu với cari và bánh hấp cho hằng trăm quan khách. Sau bữa cơm chiều, chúng tôi trải nệm bằng vải cứng ở ngoài sân, tất cả mọi người đều ngồi xếp bằng trên nệm vải dưới màn trời đầy sao, chăm chú nghe lời giảng dạy minh triết của Sư Phụ về pháp môn Kriya Yoga, theo đó người nêu lý tưởng sống của cuộc đời thanh cao, yên tĩnh, tinh tiến, theo phép ăn uống giản dị và hoạt động cơ thể hàng ngày. Kế đó, nhóm đệ tử trẻ hát những bài thánh ca và cuộc lễ kết thúc bằng một khúc nhạc hòa tấu. Từ mười giờ tối đến nửa đêm, các đệ tử chia nhau rửa chén bát và quét sân đạo viện. Sư Phụ gọi tôi lại gần:

- Thầy hài lòng về công việc mà con đã làm ngày hôm nay và suốt cả tuần lễ chuẩn bị. Thầy cần dùng đến con, đêm nay con có thể ngủ trên giường Thầy.

Đó là một đặc ân mà tôi chưa bao giờ dám nghĩ đến. Chúng tôi ngồi yên lặng trong một lúc, đắm chìm trong cơn tọa thiền thiêng liêng. Chúng tôi vừa nằm nghỉ trên giường được độ mười phút thì Sư Phụ bèn ngồi dậy mặc áo chỉnh tề:

- Bạch Sư Phụ, có chuyện chi?

Tôi còn cảm thấy tràn đầy một niềm sung sướng với ý nghĩ được nằm gần bên Sư Phụ.

- Hình như có vài đệ tử đến trễ do chuyển xe lửa đêm, họ sẽ đến đây trong giây lát. Chúng ta hãy sửa soạn vài món ăn.

- Bạch Sư Phụ, ai lại đến đây vào lúc một giờ sáng?

- Con hãy ngủ yên, hôm nay con đã làm việc nhiều, để Thầy tự làm bếp.

Có một giọng quả quyết trong câu nói của Sư Phụ làm cho tôi phải ngồi dậy và theo người vào bếp. Trong giây lát, nồi cơm nóng và cháo đậu xào gia vị đã bốc khói nghi ngút.

Sư Phụ nở một nụ cười đầy vẻ ưu ái:

-Đêm nay con đã thắng đoạt sự mệt nhọc và không ngại làm một công việc bất ngờ, từ nay về sau không một công việc nặng nhọc nào có thể làm cho con e ngại được nữa.

Khi người vừa dứt lời, tôi nghe có tiếng chân người ở ngoài sân. Tôi bèn chạy xuống cầu thang và đưa vào một nhóm đệ tử. Một người trong nhóm nói thấp giọng:

- Thừa sư huynh, chúng tôi không dám quấy rầy Sư Phụ vào một giờ khuya khoắt như vậy. Chúng tôi đi nhằm chuyển xe khuya, biết là đến trễ nhưng chúng tôi không trở về mà không chào Sư Phụ.

Sư Phụ đang đợi các huynh, giờ này người đang lo cơm nước cho các huynh đó.

Giọng nói của Sư Phụ vang lên, tôi dắt nhóm đệ tử còn về ngạc nhiên vào bếp. Đôi mắt chớp sáng, Sư Phụ quay sang phía tôi:

- Bây giờ con đã được nghe xong tin tức, Thầy hy vọng con lấy làm sung sướng mà thấy các vị khách của ta thật sự đã đi trễ chuyển xe lửa đêm nay!

Nửa giờ sau, tôi theo Sư Phụ vào buồng ngủ và lấy làm hãnh diện mà được nằm gần bên một vị tôn sư thánh thiện.

- Mukunda, tại sao con không đeo một vật phù hộ chiêm tinh?
- Bạch Sư Phụ, bởi vì con không tin khoa chiêm tinh.
- Vấn đề không phải là tin hay không tin! Thái độ khoa học duy nhất là tìm hiểu xem một vấn đề có đúng không đúng. Luật hấp dẫn vẫn có trước cũng như sau Newton. Thế giới này sẽ hỗn loạn nếu những định luật thiên nhiên chỉ hành động dưới điều kiện là phải được chấp nhận bởi con người.

Những tay thầy bói giả mạo đã làm hoen ố khoa học khảo sát tinh tú. Khoa chiêm tinh có một tầm bao quát trên địa hạt toán học và triết lý, nó rộng rãi đến nỗi chỉ người nào có một tầm hiểu biết kiến thức bao la mới có thể lãnh hội được nó một cách toàn diện. Bởi thế, kẻ ngu dốt không biết quan sát cận tượng, chỉ nhìn thấy ở đó một sự rối rắm không ý nghĩa, nhưng hiền triết lại có một quan niệm khác hẳn.

Những dây liên lạc vô hình, những sự tương quan ảnh hưởng, vẫn có luôn luôn giữa vjn vật trong vũ trụ. Nhịp độ điều hòa của vũ trụ căn cứ trên sự tương quan. Con người, trong cái vỏ bọc xương bằng thịt, phải chiến đấu với hai thứ mãnh lực: trước hết, sự nhu cầu của thể xác cấu tạo nên bởi tứ đại giả hiệp: đất, nước, lửa, gió; sau đó là những mãnh lực phá hoại trong thiên nhiên, thuộc về ngoại cảnh. Khi con người còn chịu sự chi phối, kèm tỏa của xác thịt, y còn chịu ảnh hưởng của những sức mạnh biến chuyển không ngừng trong vũ trụ cần khôn.

Khoa chiêm tinh nghiên cứu những phản ứng của con người dưới ảnh hưởng kích động của các cầu tinh tú. Những bầu tinh tú vốn không lạnh không dữ mà chỉ phát ra những làn sóng rung động tích cực hay tiêu cực, thuộc âm hay thuộc dương. Chúng không phù trợ, cũng không làm hại con người, mà chỉ là những khí cụ trung gian do đó được biểu lộ một cách đúng đắn không hề suy chuyển, những mối tác động quân bình về nhân quả gây nên bởi những hành động trong quá khứ.

Một người sinh ra đời vào một ngày giờ mà những ảnh hưởng của các bầu tinh tú hòa hợp một cách đúng đắn với nghiệp quả cá nhân của y. Lá số chiêm tinh của người ấy tiết lộ cái dĩ vãng và những gì có thể xảy ra trong tương lai. Chỉ những người nào có khiếu linh giác và minh triết sâu xa mới có thể diễn đạt lá số ấy một cách đúng đắn, và những người ấy rất hiếm.

Bức thông điệp khắc trên bầu tinh tú đúng vào ngày giờ sinh của một người không phải là để tăng cường cái định mệnh của y (kết quả của những hành động thiện ác trong quá khứ) mà để gây ra nơi con người cái ý chí giải thoát khỏi cái ngục tù kiểm tỏa của vũ trụ. Người ấy không thể xóa bỏ kết quả của những việc mà y đã làm. Y đã gây ra những duyên nghiệp trong quá khứ, nó sẽ đem bông kết quả từ từ trong cuộc đời hiện tại của y. Y có thể vượt qua mọi chướng ngại bởi vì y có những hành động của mình, và bởi vì y có những khả năng tâm linh vượt ra ngoài vòng ảnh hưởng độc đoán của các bầu tinh tú.

Sự sợ sệt dị đoan về khoa chiêm tinh biến con người thành một vật thụ động, nô lệ của một sức mạnh mù quáng. Người khôn ngoan sáng suốt thắng đoạt được những bầu hành tin, tức dĩ vãng của mình. Khi người ta càng nhận thức được sự hợp nhất tâm linh của mình với Tinh Thần, hay Đại Thể của vũ trụ người ta càng thoát khỏi sự kèm tỏa của vật chất. Linh hồn người vốn tự do trường cửu; vốn bất sinh bất diệt, nó không thể chịu áp lực trói buộc của các bầu tinh tú.

Thượng Đế, chính là Công Lý. Người hành giả hòa hợp bản thể của mình với đấng Thiêng Liêng sẽ không bao giờ làm một việc bất công. Sự hoạt động của y từ nay sẽ phù hợp một cách tự nhiên với những định luật chiêm tinh. Sự cầu nguyện, sự tham thiền quán tưởng sẽ giúp y giao cảm với Thiên Ý và không một mãnh lực nào là cao hơn sự che chở của sức mạnh đó từ bên trong.

- Bạch Sư Phụ, như vậy tại sao Sư Phụ muốn cho con đeo một vật phù hộ chiêm tinh?

Tôi đưa ra câu hỏi đó sau một cơn im lặng kéo dài, trong khi đó tôi suy gẫm rất lâu về những lời vàng ngọc của Sư Phụ.

- Chỉ khi nào người lữ hành đã đi đến mục tiêu cuộc hành trình, y mới không còn cần đến bản đồ. Trên đường thiên lý, y phải biết xử dụng mọi con đường tắt để tiết kiệm sinh lực và thời giờ. Những vị chân sư thời cổ đã khám phá được nhiều phương tiện thương ngắn khoảng thời gian mà con người trải qua giữa cảnh vô minh hắc ám của thể gian. Trong cái guồn máy phức tạp của luật nhân quả, có những bộ phận mà một bàn tay minh triết có thể điều chỉnh một cách khéo léo.

Tất cả những tai họa thống khổ của con người đều do bởi y đã vi phạm những định luật thiên nhiên. Các Thánh Kinh nói rằng con người phải tuân theo những định luật thiên nhiên đó trước khi kêu gọi đến quyền lực tối cao của Trời...

Sự cầu nguyện, sức mạnh ý chí, sự tham thiền, sự gần gũi các bậc chân tướng, việc sử dụng những vật phù hộ chiêm tinh giúp cho ta có thể làm dịu bớt hoặc tiêu trừ nghiệp chướng do quá báo gây nên.

Cũng như một cái nhà có ống thương lõi được che chở khỏi bị sét đánh, thì sắc thân chúng ta cũng có thể được che chở bằng nhiều biện pháp. Từ nhiều thế kỷ, các nhà đạo sĩ Yogi đã nghiệm thấy rằng vài loại kim khí phát ra một thứ hào quang có thể ngăn ngừa ảnh hưởng khốc hại của các bầu tinh tú. Những luồng từ khí tinh vi lưu chuyển thường xuyên trong vũ trụ, con người không hề biết những luồng từ điển đó ảnh hưởng ra sao, có lợi hay có hại cho thân thể và không thể làm gì được để phòng ngừa những ảnh hưởng đó.

Vấn đề này đã từng kêu gọi sự chú ý của các vị chân sư thời cổ, các thầy khám phá những phối hợp tốt lành của những loại khí, thậm chí cả những loại thảo mộc nhưng trên hết là các loại ngọc quý không tỳ vết nặng ít nhất là hai carats. Ngoài xứ Ấn Độ, ít có xứ nào đem việc sử dụng khoa chiêm tinh vào mục đích ngăn ngừa bệnh tật, tai họa, làm một đầu đề nghiên cứu quan trọng. Người ta thường không biết rằng những linh vật hộ phù bằng khí, đá quý hay thảo mộc, chỉ có hiệu nghiệm khi nào người ta đeo những vật ấy dính trên da thịt mình.

- Bạch Sư Phụ, con sẽ nghe theo lời khuyên của Sư Phụ và con sẽ mua một vật hộ phù. Con cảm thấy thích thú với ý nghĩ có thể đánh lừa các bầu tinh tú.

- Thường thì Thầy khuyên nên đeo một chiếc neo vàng pha bạc và đồng. Nhưng trong trường hợp riêng của con, Thầy muốn con hãy đeo một chiếc neo bằng bạc và chì.

Kế đó Sư Phụ đưa ra thêm một vài chi tiết.

- Bạch Sư Phụ, trường hợp của con là như thế nào?

- Không bao lâu, những tinh tú sẽ chiếu cố đến con một cách không được thuận thảo lắm, Mukunda! Nhưng con đừng sợ, con sẽ được che chở. Trong chừng một tháng, lá gan của con sẽ gây cho con nhiều lo lắng. Bệnh ấy đáng lẽ kéo dài đến sáu tháng, nhưng món vật hộ phù sẽ làm ngắn thời gian ấy lại còn hai mươi bốn ngày!

Qua ngày hôm sau, tôi đến một tiệm kinh hoàn và đặt làm một vật hộ phù. Lúc ấy sức khỏe tôi dồi dào nên tôi quên lời tiên tri của Sư Phụ! Người cũng đã rời Serampore để đi Banaras. Một tháng sau, tôi cảm thấy đau nhói bên hông ở chỗ vị trí của lá gan. Những tuần lễ tiếp theo sau đó, tôi bị chứng đau gan nhưng tôi do dự không muốn làm phiền Sư Phụ tôi và hy vọng sẽ có đủ sức chịu đựng con thử thách.

Nhưng hai mươi bốn ngày đau đớn đã làm suy yếu quyết định của tôi. Tôi đáp xe lửa đi Banaras, tại đây Sư Phụ tiếp đón tôi với một lòng ưu ái khác thường, nhưng không để cho tôi có dịp gặp riêng để nói chuyện với người về chứng bệnh của tôi. Nhiều đêm từ hôm ấy đặng viếng Sư Phụ để có dịp chiêm ngưỡng tôn nhân. Bị bỏ rơi, lại đau yếu, tôi bèn ngồi riêng một góc. Sau bữa cơm chiều, những người khách đã rút lui. Sư Phụ mới gọi tôi lên bao lon lâu bát giác của tịnh xá.

- Phải chăng con đến đây vì chứng bệnh đau gan?

Sri Yukteswar day mặt qua chỗ khác, rồi đứng dậy đi bách bộ qua lại trong phòng, vóc dáng cao lớn của người thỉnh thoảng che khuất ánh trăng rọi xuyên qua cửa sổ.

- Con đã đau hai mươi bốn ngày, có phải không?

- Thưa vâng.

- Con hãy tập môn thể dục trị chứng bao tử mà Thầy đã chỉ dẫn cho con trước đây.

Nếu Sư Phụ biết rõ con đau đớn là dường nào thì chắc Sư Phụ sẽ không bảo con tập thể dục nữa!

Tuy vậy, tôi cố gắng vâng lời:

- Con nói rằng con đau, nhưng thầy nói là không. Làm sao có một sự tương phản như thế được?

Sư Phụ nhìn tôi với đôi mắt dò xét.

Tôi lặng người vì ngạc nhiên. Thình lình tôi lấy làm vui mừng mà thấy rằng cơn bệnh của tôi đã nhẹ, tôi không còn cảm thấy sự đau đớn nó đã làm cho tôi mất ngủ trong nhiều tuần! Một lời nói của Sư Phụ cũng đủ làm tiêu tan sự đau đớn của tôi dường như là tôi chưa hề bị đau bao giờ.

Với tấm lòng biết ơn, tôi định quỳ xuống dưới chân Sư Phụ thì người đã chặn tôi lại:

- Đừng làm trò trẻ con! Hãy đứng dậy và nhìn xem vầng trăng đẹp trên khu rừng già!

Nhưng đôi mắt của Sư Phụ long lanh một niềm hạnh phúc, trong khi tôi đứng lặng im trước mặt người. Nhìn thái độ của Sư Phụ tôi hiểu rằng người muốn tôi hãy cảm ơn, không phải Sư Phụ, mà là Thượng Đế.

Đến nay tôi vẫn còn đeo món vật hộ phù bằng bạc và chỉ để tưởng niệm cái ngày đã qua không còn trở lại, ngày mà tôi hiểu rằng tôi đã sống bên cạnh một bậc siêu nhân. Trong những dịp khác, khi tôi đưa những bạn bè của tôi đến đạo viện để nhờ Sư Phụ chữa bệnh cho họ, người luôn luôn khuyên họ dùng những vật hộ phù hay ngọc quý và giải thích sự hiệu nghiệm của những vật ấy để ngăn ngừa những sự chẳng lành, căn cứ trên khoa chiêm tinh.

Từ thuở nhỏ, tôi đã từng dùng những vật hộ phù như vậy, một phần bởi vì tôi thấy rất nhiều người có thái độ sợ sệt dè dặt với khoa chiêm tinh, và cũng bởi vì nhà chiêm tinh của gia đình tôi đã thốt ra lời tiên tri như sau: “Em sẽ cưới hỏi ba lần và bị hai lần góa vợ!” Tôi ngẫm nghĩ đến số mạng đáng buồn của tôi, và có cảm giác như linh hồn một con trư bị hy sinh trước bàn thờ của ba cuộc hôn nhân!

Em phải chấp nhận số mệnh, Ananta khuyên tôi như thế. Lá số của em đã tiên liệu việc em trốn lên dãy Hy Mã Lạp Sơn hồi còn thơ ấu nhưng sẽ bị bắt lại. Như vậy lời tiên tri về ba cuộc hôn nhân cũng sẽ thành sự thật.

Một đêm kia, tôi có linh cảm rõ rệt rằng lời tiên tri ấy là sai. Tôi bèn đem đốt lá số của tôi và gói nhúm tro vào trong bao giấy, trên đó tôi viết giòng chữ: “Những mầm nghiệp quả của quá khứ không còn đâm chồi mọc nhánh, một khi nó đã bị cháy tiêu trong ngọn lửa minh triết thiêng liêng.” Tôi để cái gói giấy ở một nơi mà Ananta có thể nhìn thấy rõ ràng, anh tôi đọc xong lời thách thức của tôi bèn có nụ cười khinh miệt:

- Em không thể đốt cháy sự thật một cách dễ dàng như là đốt lá số này.

Quả thật, trước khi đến tuổi trưởng thành, gia đình tôi đã ba lần mưu toan xếp đặt việc hôn phối của tôi. Mỗi lần như thế tôi đều phá hỏng kế hoạch của họ, vì tôi biết rằng lòng yêu Đạo Lý của tôi còn mạnh mẽ hơn ảnh hưởng của tinh tú gây nên bởi sự hành động của luật quả báo.

Khi một người càng tiến hóa trên đường tâm linh thì những rung động tinh vi của y càng ảnh hưởng đến toàn thể vũ trụ và y càng ít bị ảnh hưởng hơn bởi những chuyển biến không ngừng trong hiện tượng giới.

Những lời nói đó của Sư Phụ thường trở lại trong trí nhớ để trấn tĩnh tâm hồn tôi.

Tôi đã từng yêu cầu các nhà chiêm tinh hãy hoạch định những thời kỳ xung khắc căn cứ theo lá số của tôi, trong những thời kỳ đó tôi vẫn tiếp tục hành động và coi như không có chuyện gì; tôi vẫn làm những công việc theo chương trình mà tôi đã vạch sẵn, không màng để ý đến sự sung khắc hay thất bại. Quả thật, tôi chỉ đạt được sự thành công bằng một cái giá rất đắt, là va chạm với những khó khăn trắc trở vô cùng lớn lao. Tuy vậy tôi đã có sự quả quyết chắc chắn, đức tin nơi sự che chở thiêng liêng, việc sử dụng khôn khéo quyền tự do ý chí, là những mãnh lực vô cùng mạnh mẽ hơn là tất cả những sự phối hợp ảnh hưởng của các tinh tú.

Tôi hiểu rằng lá số chiêm tinh của một người, không có nghĩa là người ấy chỉ là một kẻ nô lệ của quá khứ. Trái lại, nó có một ý nghĩa vinh diệu hơn: do Khoa Chiêm Tinh, đấng Thiêng Liêng tìm cách thức tỉnh nơi con người cái quyết định tự giải thoát khỏi mọi sự trói buộc, hạn chế. Thượng Đế sáng tạo ra con người như một linh hồn có cá tính riêng biệt, một phần tử cần thiết cho cơ cấu toàn diện của vũ trụ, bất luận trong vai trò tạm thời nào, dù quan trọng hay nhỏ nhất tầm thường. Sự giải thoát của y sẽ là một việc tối hậu, nó tùy thuộc nơi sự thành công về đường tâm linh chứ không phải về phương diện vật chất.

Vài Kỷ Niệm Lạ Lùng

- Nghe em và con tôi quá đề cao và khâm phục Sri Yukteswar, tôi sẽ đến viếng ông ấy một lần xem sao!

Bác sĩ thú y Narayan Chunder Roy nói với một giọng trịnh thượng, nhưng tôi không tỏ ra bất mãn. Ông ta là một người duy vật hạng nặng. Con trai ông, Santosh, khẩn khoản yêu cầu tôi giúp đỡ cha y, nhưng trường hợp này có vẻ tuyệt vọng.

Qua ngày hôm sau, bác sĩ Roy cùng đi với tôi đến đạo viện Serampore, Sư Phụ bằng lòng tiếp ông ta, cuộc hội kiến ngắn ngủi chỉ là một con im lặng kéo dài ở cả đôi bên, sau cùng người khách đứng dậy bỏ về.

- Con đem một người chết tới đây làm gì? Sri Yukteswar hỏi tôi khi cánh cửa vừa đóng lại phía sau lưng bác sĩ.

- Bạch Sư Phụ, bác sĩ Roy vẫn còn sống!

- Nhưng y sắp chết đến nơi rồi!

Lời nói đó làm tôi xúc động:

- Đó là một điều nặng nề cho người con của ông ta. Santosh hy vọng rằng thời gian sẽ đánh tan những ý tưởng duy vật của cha y. Cầu xin Sư Phụ hãy giúp đỡ người này.

- Được, Thầy sẽ làm vừa lòng con; gương mặt Sư Phụ vẫn thản nhiên. Người bác sĩ thú y này không biết rằng y bị chứng đáí đường rất nặng và y sẽ phải nằm liệt giường trong vòng mười lăm ngày. Các bác sĩ phải bó tay và y sẽ từ giã cõi đời trong vòng sáu tuần lễ kể từ ngày hôm nay nhờ sự can thiệp của con nên y sẽ khỏi bệnh vào ngày đó. Nhưng ta đặt một điều kiện: con hãy khuyên y đeo một vật hộ phù chiêm tinh, chắc chắn là y sẽ nhảy dựng lên như ngựa trước khi bị đem giải phẫu!

Sau một lúc im lặng, trong khi đó tôi ngẫm nghĩ nên làm cách nào để thuyết phục vị bác sĩ thú y, Sư Phụ nói tiếp:

- Khi y cảm thấy khá, con hãy khuyên y nên kiêng ăn thịt. Y sẽ không nghe lời khuyên đó và y sẽ chết trong sáu tháng, đúng vào lúc mà y tưởng là đã khỏi bệnh. Sáu tháng phụ trội đó chỉ được ban cho y là do lời cầu xin của con!

Ngày hôm sau, tôi dặn Santosh hãy đặt làm một vật hộ phù tại tiệm kim hoàn, bảy ngày sau đó, vật ấy đã làm xong nhưng bác sĩ Roy từ chối không chịu đeo.

- Tôi cảm thấy sức khỏe dồi dào. Các con đừng nhát tôi với những bùa phép chiêm tinh dị đoan đó.

Bác sĩ vừa nói vừa nhìn tôi cười ngạo nghễ.

Tôi thích thú mà nhớ lại rằng Sư Phụ vừa so sánh vị thú y với một con ngựa chứng.

Một tuần lễ trôi qua, vị thú y thỉnh thoảng nhuộm bệnh, nên đành chịu đeo vật hộ phù.

Hai tuần sau, viên y sĩ khám bệnh cho y nói với tôi rằng trường hợp ấy đã tuyệt vọng và nói thêm nhiều chi tiết về những sự tàn phá trong cơ thể do bệnh tiểu đường gây ra.

Tôi lắc đầu:

- Sư Phụ tôi nói rằng bác sĩ Roy sẽ bình phục, bệnh này chỉ kéo dài trong vòng một tháng.

Viên y sĩ nhìn tôi với cặp mắt nghi ngờ. Nhưng hai tuần sau, ông ta gặp lại tôi và nói:

- Bác sĩ Roy đã hoàn toàn bình phục! Đây là trường hợp lạ lùng nhất trong đời bác sĩ của tôi. Tôi chưa từng thấy một người nào bệnh đang hấp hối mà tự nhiên lại bình phục một cách đột ngột như vậy. Thầy của anh chắc chắn là một nhà tiên tri và chữa bệnh!

Trong cuộc gặp gỡ với bác sĩ Roy, tôi có nói cho ông ta biết Sri Yukteswar có lời cảnh cáo ông ta không nên ăn thịt. Sau đó tôi không gặp ông ta trong sáu tháng. Một hôm tôi đang đứng trước hành ba nhà tôi, ông ta từ đâu tiến đến và nói:

- Em hãy nói với Thầy em rằng sở dĩ tôi mau lại sức là nhờ ăn rất nhiều thịt. Quan niệm phản khoa học của ông về vấn đề dinh dưỡng không thuyết phục được tôi!

Lúc ấy bác sĩ Roy quả thật là hiện thân của sức khỏe. Nhưng qua ngày hôm sau, Santosh hốt hoảng chạy đến nhà tôi:

- Cha tôi thỉnh thoảng ngã lăn ra chết hồi sáng này!

Đó là một trong những kinh nghiệm lạ kỳ nhất của đời tôi trong thời kỳ tôi sống chung với Sư Phụ. Người chữa khỏi bệnh cho viên thú y ngoan cố, không màng để ý đến sự hoài nghi thiển cận của ông ta, và kéo dài đời sống thế gian của ông ta thêm sáu tháng chỉ vì có lời cầu khẩn của tôi. Sri Yukteswar thường tỏ ra có lòng ưu ái vô bờ bến đối với những đệ tử chân thành cầu xin người giúp đỡ với tấm lòng khẩn thiết.

Điều làm tôi hãnh diện là tôi có đặc quyền đem những bạn học của tôi đến gặp Sư Phụ. Phần nhiều các bạn tôi trong những dịp đó đã từ bỏ thái độ hoài nghi của họ về vấn đề tôn giáo, một thái độ thịnh hành lúc đương thời.

Một trong những người bạn đó tên Sasim đã trải qua nhiều dịp nghỉ cuối tuần thích thú tại đạo viện. Sư Phụ có nhiều cảm tình với người thanh niên này và lấy làm buồn về cuộc đời phóng đãng, vô kỷ luật của y.

- Sasi, nếu con không sửa đổi cách sinh hoạt của con, con sẽ bị đau nặng!

Sri Yukteswar vừa nói vừa nhìn bạn tôi một cách tuyệt vọng.

- Ta nói có Mukunda làm chứng; con sẽ không còn nói rằng ta không khuyên giải con từ trước.

Sasi cười và nói:

- Bạch Thầy, con xin nhờ Thầy cầu nguyện dùm cho con! Con có nhiều thiện chí nhưng thiếu can đảm. Trên đời này, Thầy là vị cứu tinh của con, con không tin được ai nữa ngoài Thầy ra.

- Con phải đeo một hạt đá xanh nặng hai carats. Đeo nó có lợi cho con.

- Con không đủ sức sắm vật ấy. Tuy nhiên, nếu con bị chuyện gì nguy cấp, con xin Thầy che chở cho con.

Sri Yukteswar trả lời với một vẻ bí hiểm:

- Trong vòng một năm, con sẽ đem đến đây ba hạt ngọc bích, nhưng lúc bấy giờ thì những viên ngọc ấy không có ích gì cho con nữa.

Câu chuyện vẫn trở lại chung quanh một vấn đề. Sasi thú nhận với một sự tuyệt vọng đáng buồn cười:

- Con không thể tự sửa đổi! Đức tin của con đặt nơi Thầy, còn quý báu hơn mọi loại ngọc quý!

Một năm sau, tôi đến Calcutta cùng với Sư Phụ, người ở tại nhà một đệ tử tên là Naren Babu. Vào lúc mười giờ sáng, Sư Phụ và tôi đang ngồi nghỉ trong phòng khách trên lầu, thỉnh thoảng tôi nghe tiếng mở cửa. Sư Phụ bèn nhô dậy và nói một cách nghiêm trọng:

- Sasi đã đến.

- Một năm vừa trôi qua, hai buồn phổi của y đã hỏng! Y không nghe lời Thầy. Con hãy nói rằng Ta không muốn tiếp y.

Tôi chạy xuống lầu thì thấy Sasi cũng đang lần từng bước thang đi lên.

- Mukunda, tôi hy vọng rằng Thầy có ở đây!

- Có, nhưng người không muốn bị ai quấy rầy.

Sasi vừa khóc sụt sùi vừa vượt qua trước mặt tôi để thụp xuống lạy Sư Phụ và đặt dưới chân người ba viên ngọc bích thật bích.

- Bạch Sư Phụ, các y sĩ nói rằng con bị chứng hoàn lao cấp số! Họ nói con sẽ không sống được tới ba tháng. Con khẩn cầu Sư Phụ giúp con vì con biết chỉ có Sư Phụ mới cứu được con.

- Phải chăng đã quá trễ để nghĩ đến việc cải tạo cuộc đời? Con hãy đi đi với những viên ngọc bích vô dụng này, thời kỳ hiệu nghiệm của nó đã qua rồi.

Sư Phụ nói xong thì chìm vào một cơn im lặng kéo dài, chỉ còn tiếng khóc nức nở của người thanh niên.

Tôi linh cảm rằng Sri Yukteswar chỉ nói vậy để thử thách đức tin của Sasi nơi quyền năng chữa bệnh của người. Bởi đó tôi không ngạc nhiên khi mà một giờ sau, Sư Phụ ban cho tôi một cái nhìn thương hại và nói:

- Con hãy đứng dậy, Sasi, và đừng làm mất sự yên tĩnh trong nhà người khác! Hãy trả các viên ngọc bích cho người kim hoàn vì hiện giờ đó là một sự phí tổn vô ích. Con đừng sợ, trong vài tuần con sẽ cảm thấy khỏi bệnh!

Một nụ cười chói sáng trên gương mặt đầm lệ của Sasi chẳng khác nào như mặt trời xuất hiện sau cơn mưa:

- Bạch Sư Phụ, con cần phải uống thuốc chẳng?

Sri Yukteswar tỏ ra giàu lòng tha thứ:

- Nếu con muốn. Uống thuốc hay không cũng chẳng hại gì. Dầu cho mặt trời mặt trăng dời đi chỗ khác, con cũng không chết vì bệnh lao! Người nói thêm một cách đột ngột. Bấy giờ con hãy đi đi kéo có khi ta lại đổi ý.

Sasi kiêu từ và rút lui.

Trong những tuần lễ sau đó, tôi đến thăm y nhiều lần và lấy làm thất vọng mà sức khỏe của y càng ngày càng hao mòn.

- Sasi sẽ không qua khỏi đêm nay!

Lời tuyên bố của vị y sĩ và tình trạng nguy kịch của bạn tôi làm cho tôi phải hồi hải lên đường đến đạo viện. Sư Phụ lạnh lùng nghe lời báo cáo của tôi trong khi tôi vừa nói vừa khóc vì xúc động.

- Tại sao con đến làm phiền ta như vậy? Ta há chẳng nói trước rằng Sasi sẽ khỏi bệnh sao?

Tôi kính cẩn cúi đầu trước Sư Phụ và âm thầm rút lui.

Sư Phụ không nói gì những trầm mình trong im lặng, đôi mắt hé mở của người đang chiêm ngưỡng một cõi giới xa xăm nào. Tôi trở lại nhà Sasi ở Calcutta ngay khi đó và lấy làm vô cùng ngạc nhiên mà thấy bạn tôi đang ngồi tỉnh táo và uống sữa!

- Mukunda hỡi! Thật là kỳ diệu. Trong mấy tiếng đồng hồ qua, tôi cảm thấy trong phòng có sự hiện diện của Sư Phụ, ngay tức khắc chứng bệnh tôi liền thuyên giảm và biến tan đi mất. Tôi biết rằng chính nhờ Sư Phụ mà tôi được hoàn toàn bình phục!

Chỉ trong vài tuần, Sasi đã lên cân và sức khỏe dồi dào hơn bao giờ hết. Những sự khỏi bệnh của y lại có những hậu quả bất ngờ: y tỏ ra vô ơn bạc nghĩa, những cuộc viếng thăm đạo viện của y cũng thưa thớt dần dần. Một ngày nọ bạn tôi tâm sự với tôi rằng y cảm thấy hổ thẹn vì thái độ của mình đến nỗi y không dám đến gặp Sri Yukteswar. Việc ấy đưa tôi đến kết luận rằng chứng bệnh của Sasi có cái hậu quả bất ngờ là làm cho y bị lệch lạc ý chí và không còn biết phép xử thế lịch sử ở đời!

Tôi thường bị xâm chiếm bởi những tư tưởng hoài nghi, vô thần. Tuy nhiên, một ý nghĩ băng khoăn đôi khi cũng thoáng qua trong trí tôi: linh hồn có hay chăng những tiềm năng chưa hề khai thác? Con người có lãng quên mục đích thật sự của mình chăng khi họ không quan tâm đến vấn đề này?

Dijen Babu, một người bạn học cùng lớp, tâm sự với tôi như thế khi tôi mời y đến viếng thăm đạo viện. Tôi bèn đáp:

- Sư Phụ Sri Yukteswar sẽ khai tâm cho anh theo pháp môn Kriya Yoga. Pháp môn này sẽ làm lắng dịu những sự cuồng loạn của ảo vọng bằng một sự giác ngộ thiêng liêng trong nội tâm.

Chiều hôm ấy, Dijen theo tôi đến đạo viện. Trước mặt Sư Phụ, bạn tôi cảm thấy một niềm an lạc thâm trầm xâm chiếm lấy tâm hồn y, và từ đó y thường đến viếng đạo viện luôn. Những điều lo lắng nhỏ nhặt của đời sống hằng ngày không đủ làm thỏa mãn con người, trong tánh chất của y cũng còn có sự khát khao chân lý. Trong những lời giảng huấn của Sri Yukteswar, Dijen nhận thấy một sự khích lệ thúc đẩy y tìm kiếm tận nơi thâm sâu bí ẩn của nội tâm cái Chân Ngã bất diệt, khác hẳn với phạm ngã chật hẹp, ích kỷ của con người.

Dijen và tôi cùng theo học ban Cử Nhân tại trường Serampore College, trực thuộc trường đại học Calcutta và thường có thói quen đến đạo viện ngay sau giờ học. Sri Yukteswar thường nhìn thấy chúng tôi từ trên bao lon từng lầu hai và tiếp đón chúng tôi với một nụ cười.

Một hôm, Kanai, một đệ tử trẻ nội trú tại đạo viện, đợi chúng tôi ở ngoài cửa và nói:

- Sư Phụ hôm nay vắng mặt, người có việc gấp phải đi Calcutta.

Ngày hôm sau, tôi nhận được một bưu phiếu của Sư Phụ viết như sau: “Thầy sẽ rời khỏi Calcutta sáng ngày thứ Tư, con và Dijen hãy đón Thầy ở ga Serampore trên chuyến xe lửa 9 giờ.”

Sáng thứ Tư, vào lúc 8 giờ rưỡi, một thông điệp thần giao cách cảm của Sư Phụ đi xuyên qua trí tôi: “Thầy mắc bận vào giờ chót, đừng đón chuyến xe 9 giờ.”

Tôi liền báo tin cho Dijen, y đã sửa soạn ra đi những nghe tin ấy thì nói với giọng bất mãn.

- Anh cứ hay nói chuyện linh cảm với linh giác! Tôi chỉ tin những việc đó khi nào có chữ viết của Sư Phụ.

Tôi nhún vai, lặng lẽ ngồi xuống và quyết định ở lại, Dijen vừa bước ra cửa vừa nói lầm bầm và đóng sầm cánh cửa khi đi ra.

Trong phòng hơi u ám, tôi bèn đi đến chỗ cửa sổ trở ra ngoài đường. Bỗng nhiên ánh sáng dịu lúc ban mai đổi thành một thứ ánh sáng chói lòa trong đó cửa sổ song sắt hoàn toàn biến mất dạng. Trên sàn gạch chói sáng, đứng sừng sững giữa phòng chính là Sri Yukteswar bằng xương bằng thịt rõ ràng!

Bàng hoàng và vô cùng kinh ngạc, tôi thụp xuống dưới chân Sư Phụ và sờ nhẹ hai bàn chân người để tỏ lòng tôn kính như thường lệ. Sư Phụ mang đôi giày bố màu da cam, đến giày bằng da dứa; tôi nhận ra một cách rõ ràng đó là đôi giày mà Sư Phụ vẫn thường dung hằng ngày. Chiếc vạt áo màu vàng sậm của người phất qua đụng da mặt tôi, tôi cảm xúc được không những cái vạt áo mà còn nhận thấy mặt nhám của đôi giày bố và hai ngón chân cái cộm lên ở bên trong. Quá xúc động đến không thể nói chuyện được, tôi chỉ có thể nhìn Sư Phụ bằng cặp mắt dò hỏi:

- Thầy rất vui lòng mà thấy con nhận được bức thông điệp thần giao cách cảm của Thầy.

Giọng nói của Sư Phụ vẫn bình thường không thay đổi.

- Thầy không thể hoàn tất mọi công việc kịp thời ở Calcutta và sẽ về đến Serampore trên chuyến xe lửa 10 giờ.

Cảm lạnh vì ngạc nhiên, tôi vẫn tiếp tục nhìn Sư Phụ. Sri Yukteswar nói tiếp:

- Không, đây không phải là một sự hiện hình, mà chính là Thầy bằng xương bằng thịt. Thầy ban cho con cái kinh nghiệm hiếm có này do bởi Thiên Ý. Con hãy đợi Thầy tại nhà ga, Dijen và con sẽ gặp Thầy cũng trong bộ áo Thầy đang mặc lúc này, và đi trước Thầy có một thiếu nhi cầm một cái bình bằng bạc.

Sư Phụ bèn đặt hai bàn tay lên đầu tôi và nói thì thầm những lời ban ân huệ. Vừa dứt lời thì tôi nghe một tiếng động đặt biệt. Thề xác của Sư Phụ từ từ tan rã trong ánh sáng chói lòa. Hai bàn chân, rồi hai chân biến mất trước hết, kế đó tới thân mình và đầu, cũng ví như một cuộn giấy bị cuốn tròn lại. Cho đến phút chót, tôi cảm thấy sự đụng chạm nhẹ nhàng của những ngón tay luồn trong mái tóc tôi. Trong giây lát, ánh sáng chói lọi lúc này đã lu mờ dần, tôi chỉ còn nhìn thấy cái cửa sổ song sắt và những tia nắng mặt trời êm dịu.

Tôi chìm trong một cơn bàng hoàng như tỉnh như mê và tự hỏi phải chăng đó là một cơn nắng quáng đèn lòa, khiến cho tôi nhìn thấy một ảo ảnh. Trong lúc đó, Dijen mặt mày ngơ ngác bước vào gian phòng và nói:

- Sư Phụ không về trên chuyến xe 9 giờ, và luôn cả chuyến xe 9 rưỡi! Bạn tôi nói câu đó dường như để xin lỗi.

- Anh hãy đi theo tôi! Tôi biết Sư Phụ sẽ về trên chuyến xe 10 giờ.

Tôi kéo Kijen đi theo tôi, hầu như cưỡng bách, mặc dù y không bằng lòng. Mười phút sau chúng tôi đến nhà ga thì chuyến xe cũng vừa đến. Tôi kêu lên:

- Hào quang của Sư Phụ chói lòa khắp các toa xe lửa! Người đã về!

- Anh chỉ tưởng tượng! Dijen nói giọng châm biếm.

- Chúng ta hãy đợi ở đây.

Tôi diễn tả từng chi tiết hình dáng của Sư Phụ khi người sẽ trở về. Tôi vừa nói xong thì Sri Yukteswar đã xuất hiện với bộ áo vàng sậm mà tôi đã thấy từ lúc này. Người đi chậm bước và theo sau một đứa trẻ nhỏ mang một cái bình bằng bạc.

Trong một lúc tôi cảm thấy lạnh mình vì kinh hãi trước sự kiện lạ lùng vừa xảy ra. Cả một bầu thế giới quen thuộc của thế kỷ 20 duy vật dường như sụp đổ trước đôi mắt ngạc nhiên của tôi, tôi tưởng chừng như sống thụt lùi trở lại thời kỳ mà đức Jesus xuất hiện trước thánh Pierre trên bờ biển Galilée!

Khi Sri Yukteswar đi đến chỗ mà Dijen và tôi ngồi bàng hoàng và câm lặng vì kinh sợ, Sư Phụ vừa mỉm cười vừa nói với người bạn tôi:

Ta cũng cố gửi đến cho con một thông điệp, nhưng con không nhận được.

Dijen lặng thinh và nhìn tôi với một vẻ nghi ngờ. Sau khi đưa Sư Phụ về đạo viện, chúng tôi đi đến trường đại học Serampore College. Dijen ngừng lại giữa đường và nói với giọng bức tức:

- À, thì ra là như vậy! Sư Phụ có gửi thông điệp cho tôi! Tại sao anh dấu tôi? Anh phải trả lời cho tôi rõ.

- Có phải lỗi tại tôi chẳng nếu tấm gương của linh hồn anh quá lu mờ nên không thể phản chiếu những thông điệp của Sư Phụ?

Dijen liền bình tĩnh lại ngay và nói với một giọng đầy hối hận:

-Tôi hiểu anh muốn nói gì. Nhưng anh hãy giải thích do đâu mà anh biết trước có một đứa trẻ nhỏ mang một cái bình bằng bạc?

Khi tôi vừa kể hết câu chuyện Sư Phụ xuất hiện một cách nhiệm mầu hồi lúc sáng sớm, thì chúng tôi đã đến trước cửa trường Serapore. Dijen bèn kết luận:

- Những gì tôi vừa được nghe về quyền năng của Sư Phụ làm cho tôi nghĩ rằng tất cả những trường đại học của thế giới chỉ là những vườn chơi trẻ con!

- Thưa cha, con muốn mời Sư Phụ và bốn người bạn cùng đi với con lên dãy Hy Mã Lạp Sơn trong dịp nghỉ hè. Cha có thể cho con sáu vé xe lửa đi Kashmir và tiền túi để đi đường?

Như tôi đã đoán trước, cha tôi liền bật cười:

- Đây là lần thứ ba mà con xin cha chuyện đó! Phải chăng con đã xin cha như thế trong dịp hè cách đây hai năm? Vào giờ chót, Sri Yukteswar đã từ chối không đi.

- Thưa cha, đúng vậy. Con không biết lần này Sư Phụ có định đi không. Nhưng nếu con cho người biết rằng vé xe lửa đã sẵn sàng thì con hy vọng Sư Phụ rất cuộc sẽ chịu đi.

Cha tôi không tin chuyện ấy lắm, tuy nhiên ngày hôm sau người đưa cho tôi sáu tấm vé biểu đặc biệt và một cuộn giấy bạc mười rupees:

- Cha không nghĩ rằng cuộc du hành tưởng tượng của con phải cần dùng đến những thứ này, nhưng dù sao con cũng cứ cầm lấy!

Trong ngày hôm đó, tôi phô trương món quà đó trước mặt Sư Phụ, người mỉm cười về sự hứng khởi của tôi và nói một cách phân đôi, không quả quyết lắm:

- Thầy cũng mong có thể đi được, để xem sao.

Ngoài ra tôi còn mời bốn người bạn trong số đó Kanai, một đệ tử trẻ nội trú tại đạo viện, Rajendra Nath Mitra, Jotin Auddy và một bạn khác, ngày lên đường đã định là thứ Hai tuần tới.

Ngày thứ Bảy và Chủ Nhật tôi có mặt ở Calcutta để dự lễ cưới của một người anh họ tổ chức tại nhà tôi. Sáng sớm ngày thứ Hai, tôi đến Serampore với đồ hành lý. Rajendra đã đợi tôi trước cửa đạo viện và nói:

Sư Phụ không chịu đi, người mới bước ra đi dạo một vòng.

Tôi cảm thấy bất mãn, và sau cùng tôi quyết định:

-Tôi không thể để cho cha tôi cười một lần thứ ba về những kế hoạch ngao du tưởng tượng của tôi nữa. Chúng ta cũng cứ đi dù không có Sư Phụ.

Rajendra bằng lòng. Tôi rời khỏi đạo viện để tìm một đứa gia nô vì tôi biết rằng Kanai sẽ không đi nếu không có Sư Phụ và tôi cần một người để coi sóc hành lý. Tôi nghĩ đến Behari, trước kia đã từng giúp việc trong gia đình tôi và hiện đang giúp việc nhà cho một vị giáo chức ở Serampore. Trong khi tôi đang đi mau, tôi gặp Sư Phụ ở trước nhà thờ Gia Tô cách tòa án Serampore không xa. Sư Phụ có vẻ không vui:

- Con đi đâu?

- Bạch Sư Phụ, con nghe Kanai không chịu đi trong chuyến du ngoạn mà con đã sắp đặt. Con phải đi tìm Begari. Sư Phụ có nhớ chăng năm ngoái, nó thích đi chơi Kashmir đến nỗi nó đòi đi theo phục dịch chúng con mà không nhận tiền thù lao.

- Thầy nhớ. Tuy nhiên, Thầy không tin rằng lần này nó chịu đi.

Tôi càng bực mình:

- Nhưng, bạch Sư Phụ, đó là cái mộng mà nó vẫn ôm ấp từ lâu kia mà!

Sư Phụ lặng thinh và tiếp tục cuộc đi dạo, còn tôi thì đi đến nhà vị giáo chức. Đến trước sân, Behari tiếp đón tôi một cách nồng nhiệt nhưng thái độ ấy liền đổi thành một sự dè dặt khó hiểu khi tôi vừa nói đến Kashmir. Với vài lời xin lỗi, y bèn kiêu từ và đi vào nhà người chủ của y. Tôi đợi mất nửa giờ ngoài sân, hy vọng một cách mơ màng rằng chắc có lẽ y vào nhà trong để chuẩn bị hành trang lên đường. Sau cùng tôi gõ cửa. Người chủ nhà bước ra, mỉm cười và nói:

- Behari đã đi chợ bằng cửa sau cách đây độ nửa giờ.

Tôi bước đi trong sự thất vọng và tự hỏi phải chăng vì lời mời của tôi quá đột ngột hay đó là do ảnh hưởng vô hình của Sư Phụ. Khi tôi đi gần đến nhà thờ, tôi thấy Sư Phụ từ từ bước đến. Không đợi cho tôi nói gì, người bèn nói trước:

- À vậy là Behari cũng không đi! Bây giờ chương trình con ra sao?

Tôi cảm thấy như một đứa con ngỗ nghịch, quyết định đương đầu với cha:

- Bạch Sư Phụ, con sẽ yêu cầu chú con cho mượn người gia nô tên là Lai Dhari.

Sri Yukteswar đáp với nụ cười:

- Con cứ đi hỏi cậu con nếu con thấy cần. Nhưng Thầy không tin rằng con sẽ thành công.

Tôi từ biệt Sư Phụ và đi vào pháp đình Serampore. Chú tôi là Sarada Gosh làm luật sư tại tòa án, tiếp đón tôi một cách cởi mở. Tôi nói:

- Hôm nay cháu cùng với vài người bạn đi du ngoạn lên xứ Kashmir. Từ mấy năm nay cháu vẫn hằng mong ước có dịp đi chơi trên dãy núi Hy Mã Lạp Sơn.

- A, chú cũng chung vui với cháu. Cháu có muốn chú giúp đỡ điều gì trong cuộc đi chơi này không?

Những lời chú cười mở đó có vẻ khích lệ đối với tôi:

- Thưa chú, cháu có thể mượn người gia nô Lai Dhari chăng?

Lời yêu cầu khiêm tốn này có ảnh hưởng như một tiếng sét đánh. Chú tôi nhảy dựng lên mạnh đến nỗi nó làm lật đổ bàn ghế, những giấy tờ trên bàn bay tán mạt tứ phía, cái ống điều dài đeo bằng dây dứa của chú lẳng long lóc xuống cái sàn gạch. Chú hét lớn trong cơn thịnh nộ:

- Đồ ích kỷ! Thật là hỗn láo! Ai sẽ lo việc nhà cho tao nếu mấy đem người nô bộc của tao đi theo mấy chơi?

Tôi cố dẫu vẻ ngạc nhiên và nghĩ rằng sự thay đổi tâm lý đột ngột này lại là một trong những sự kỳ lạ bí hiểm trong ngày hôm đó. Tôi bèn hồi hả rút lui, không màng nghĩ đến lòng tự ái bị va chạm!

Tôi trở lại đạo viện, tại đây các bạn tôi đã đợi sẵn. Trong trí tôi bắt đầu nảy sinh ra một sự tin tưởng chần chẫn rằng thái độ của Sư Phụ hẳn là có lý do chính đáng. Tôi cảm thấy hối hận vì đã không chịu vâng lời Sư Phụ.

Sri Yukteswar thấy tôi bèn hỏi:

- Mukunda, con có muốn ở nán lại với Thầy thêm ít lâu chăng? Rajendra và các bạn có thể đi trước và đợi con ở Calcutta, khi đến đó con sẽ có thừa thời giờ đáp chuyến xe cuối cùng lúc chiều để đi lên Kashmir.

- Bạch Sư Phụ, con cảm thấy không vui nếu không có Sư Phụ cùng đi.

Các bạn tôi không hề để ý đến lời tuyên bố này. Họ kêu một cỗ xe ngựa, chất hành lý lên xe và đi thẳng Kanai còn tôi lẳng lặng ngồi dưới chân Sư Phụ. Sau độ ba mươi phút im lặng hoàn toàn, Sri Yukteswar đứng dậy đi lên phòng ăn trên lầu hai và nói:

- Kanai, con hãy theo săn sóc Mukunda. Chuyến xe lửa đã sắp khởi hành.

Thình lình tôi vận mình đau đớn với cơn buồn mửa, trong bụng quặn đau một cách kinh khủng. Con đau nhức nhối như dùi nhọn đâm vào ruột, tôi cảm thấy như một tội nhân bị quì sứ hành hình moi ruột dưới địa ngục. Tôi bò lết đến chỗ Sư Phụ ngồi và ngã vật xuống chân người, khi đó tôi mới biết tôi đã bị bệnh thời khí Á Châu, một chứng bệnh vô cùng hiểm nghèo! Sư Phụ cùng với Kanai khiêng tôi vào phòng khách. Bị dày vò trong cơn đau đớn, tôi rên siết:

- Bạch Sư Phụ, con xin giao mạng sống của con vào tay Sư Phụ.

Tôi cảm thấy dường như linh hồn tôi sắp sửa bị đứt ra khỏi thể xác một cách tàn nhẫn, phủ phàng!

Sri Yukteswar đặt đầu tôi lên hai đầu gối của người, vuốt trán tôi một cách nhẹ nhàng và nói:

- Con thấy việc gì sẽ xảy ra cho con nếu con cùng với các bạn đi ra nhà ga từ lúc này! Thầy đã phải coi chừng săn sóc con một cách kín đáo vì con đã cãi lời Thầy mà muốn đi du ngoạn vào thời kỳ bất lợi.

Sau cùng tôi đã hiểu.

Khi một vị tôn sư không chịu phô trương quyền năng của mình trước mắt mọi người thì người ta có thể nghĩ rằng sự việc đã diễn ra một cách bình thường. Sự can thiệp của Sư Phụ đã diễn ra một cách qua âm thầm tế nhị nên không ai hay biết gì cả. Sư Phụ đã ảnh hưởng đến Behati; vị luật sư Sarada, tức chú tôi; Rajendra và những người khác; một thứ ảnh hưởng vô hình vô ảnh đến nỗi tất cả mọi người trừ tôi ra đều nghĩ rằng sự việc đã xảy ra một cách tự nhiên và không có gì ngoài sự bình thường.

Vì Sư Phụ không bao giờ quên noi theo những tập quán thông thường, người khiến Kanai đi gọi một y sĩ chuyên khoa và báo tin cho chú tôi hay. Tôi kêu nài:

- Bạch Sư Phụ, chỉ có Sư Phụ mới có thể chữa khỏi bệnh cho con. Bệnh trạng của con quá nguy kịch, một y sĩ có thể làm được gì?

- Con hỡi, cầu xin Thượng Đế ban ân huệ thiêng liêng cho con! Con đừng băn khoăn về việc gọi y sĩ; y sĩ không còn thấy con ở vào tình trạng nguy kịch ấy nữa, vì con đã khỏi bệnh!

Sư Phụ vừa nói xong, cơn đau bụng dữ dội của tôi liền biến mất. Tôi ngồi dậy nhưng hãy còn yếu. Không bao lâu vị y sĩ đã đến nơi và khám tôi rất tỉ mỉ rồi nói:

- Em vừa trải qua một cơn đau kinh khủng. Tôi phải lấy máu để thử vi trùng xem sao.

Sáng ngày hôm sau, vị y sĩ hồi hả trở lại thì thấy tôi đã ngồi dậy và cười nói vui vẻ.

- À, em đã nói chuyện được và lại tươi cười dường như mới ngày hôm qua đây em không ở dưới manh vuốt của Tử Thần!

Y vỗ nhẹ vào bàn tay tôi:

- Tôi không chắc là sẽ thấy em còn sống hôm nay khi cuộc khảo nghiệm hóa học cho biết là em bị chứng thời khí Á Châu. Em thật là phúc đức có được một vị tôn sư có quyền năng chữa bệnh, một quyền năng thiêng liêng của Trời Phật ban cho! Tôi không nghi ngờ gì về việc ấy.

Tôi cũng hoàn toàn đồng ý.

Khi vị y sĩ kiêu từ ra về, Rajendra và Auddy xuất hiện ở trước cửa. Họ có vẻ bất mãn những sắc mặt họ liền hòa dịu trở lại khi họ nhìn thấy vị y sĩ và gương mặt hãy còn xanh mét của tôi.

- Chúng tôi rất tức giận khi thấy anh không đến với chúng tôi tại Calcutta như đã hẹn trước. Anh bị đau hay sao?

- Phải.

Tôi không thể nín cười khi tôi thấy các bạn tôi đặt đồ hành lý xuống ngay chỗ ngày hôm qua.

Lúc đó Sư Phụ bước vào gian phòng. Tôi lấy tư cách một kẻ đang nằm dưỡng bệnh để tự cho phép nắm lấy bàn tay Sư Phụ một cách triu mến:

- Bạch Sư Phụ, từ năm con mười hai tuổi đến nay con đã mưu toan thất bại nhiều lần để đi lên dãy Hy Mã Lạp Sơn. Bây giờ con tin rằng nếu không có ân huệ của Sư Phụ, đức Phật Mẫu Quan Âm chắc sẽ từ chối không chịu tiếp con ở trên đó!

“Nay con đã khá mạnh khỏe để có thể lên đường, Thầy sẽ cùng đi với con lên Kashmir.” Sư Phụ nói với tôi hai ngày sau khi tôi được chữa khỏi bệnh thời khí Á Châu một cách mau lẹ. Chiều hôm ấy, sáu người trong nhóm chúng tôi đáp chuyến xe lửa lên miền Bắc. Trạm ngừng đầu tiên là Simla, một thành phố hùng vĩ dưới chân Hy Mã Lạp Sơn. Chúng tôi đi dạo chơi trên những con đường dốc và chiêm ngưỡng phong cảnh đẹp của miền núi.

- Ai mua dâu không?

Một bà già bán dâu tươi ngồi rao hàng tại một góc chợ của thành phố. Những trái dâu đỏ thắm kêu gọi sự chú ý của Sư Phụ. Người mua một giỏ đầy và đưa cho chúng tôi ăn. Tôi nếm thử một trái nhưng liền nhăn mặt và nhả ra:

- Bạch Sư Phụ, dâu chua quá! Chắc không bao giờ con ăn nữa!

Sư Phụ bèn cười và nói:

- Trái lại, sau này con sẽ thích ăn dâu hơn, khi con sang Mỹ Quốc. Trong một bữa cơm tối, bà chủ nhà sẽ dọn ra cho con món dâu chua với đường và kem. Bà ấy sẽ nghiền nát những trái dâu bằng một cái nĩa và con sẽ khen rằng, “Thật là ngon tuyệt diệu!” Chừng đó con sẽ nhớ đến ngày hôm nay ở Simla.

Tôi hoàn toàn quên lời tiên tri đó và chỉ nhớ lại nhiều năm về sau.

Sau khi đến Mỹ Quốc, một hôm tôi được mời dùng cơm tối tại nhà bà Alice T. Hasey tại West Somerville, Massachusetts. Đến lúc ăn tráng miệng, bà chủ nhà cầm một cái nĩa, nghiền nát những trái dâu đỏ rồi thêm kem và đường. Bà mời tôi dùng và nói:

- Những trái dâu này rất chua, tôi mong đại đức sẽ thích dùng nó với kem và đường.

Tôi nếm thử một miếng bất giác thốt lên:

- Thật là ngon tuyệt trần!

Khi đó lời tiên tri của Sư Phụ mới trở lại trong ký ức của tôi. Tôi lấy làm kinh ngạc mà thấy rằng nhiều năm trước đây, tinh thần Sư Phụ hòa hợp với Thiêng Liêng, đã nhìn thấy sự liên hệ về nhân quả giữa các sự việc diễn biến sẽ xảy ra trong tương lai.

Nhóm chúng tôi lại rời Simla để đáp chuyến xe lửa đi Rawalpindi. Tại đây chúng tôi thuê một chiếc xe song mã để thực hiện một chuyến đi bảy ngày đến Srinagar, thủ phủ tỉnh Kashmir. Qua ngày thứ hai của cuộc hành trình bằng xe song mã lên miền bắc, chúng tôi đã thấy xuất hiện dãy Hy Mã Lạp Sơn trước cặp mắt kinh ngạc của chúng tôi. Những bánh xe bằng sắt của chiếc xe song mã kêu rít lên trên con đường lát đá nóng như thiêu đốt dưới ánh mặt trời, nhưng phong cảnh vĩ đại của miền núi đưa tâm hồn chúng tôi lên một trạng thái lâng lâng thoát tục. Auddy bèn thưa với Sư Phụ:

- Bạch Tôn Sư, con rất hân hạnh mà được thưởng thức toàn vẹn phong cảnh huy hoàng này bên cạnh tôn sư.

Lời nói đó của Auddy làm cho tôi khoái chí vì tôi cảm thấy vai trò hướng dẫn của tôi có vẻ quan trọng. Sri Yukteswar đọc được tư tưởng của tôi vì Sư Phụ dạy qua tôi và nói nhỏ:

- Con đừng quá vui thích như thế! Auddy ít thưởng thức cảnh đẹp hơn là muốn tìm một góc nào đó để được tự do hút thuốc lá.

Tôi cảm thấy dỗi ngược, và nói nhỏ lại:

- Bạch Sư Phụ, Sư Phụ quá nghi ngờ chẳng? Con không tin rằng Auddy lại nghiện thuốc lá.

Tôi vừa nói vừa nhìn Sư Phụ một cách do dự vì người thường hay nói đầu trúng đó. Sư Phụ cười nói:

- Được rồi. Thầy sẽ không nói gì với Auddy. Nhưng con sẽ thấy rằng đến trạm ngừng tới đây, Auddy sẽ không để lỡ cơ hội.

Chiếc xe ngựa ngừng trước một trạm nghỉ. Khi người ta dắt ngựa đi uống nước, Auddy liền thưa:

- Bạch tôn sư, lát nữa xin tôn sư cho phép con ngồi đằng trước với người đánh xe. Con muốn ngồi ngoài để hứng luồng gió cho mát.

Sư Phụ gật đầu và quay qua nói nhỏ với tôi:

- Nó không phải muốn hứng gió mà là thèm thuốc lá.

Chiếc xe song mã lại lăn bánh kêu rít lên trên đường lộ. Đôi mắt Sư Phụ long lanh sáng, người bảo tôi:

- Con hãy thò đầu qua cửa sổ và nhìn xem Auddy hứng gió!

Tôi vâng lời và lấy làm ngạc nhiên mà nhìn thấy Auddy đang thò ra những vòng khói tỏa theo chiều gió. Tôi liền xin lỗi Sư Phụ:

- Bạch Sư Phụ, Sư Phụ luôn luôn nói có lý. Auddy thật sự đang thở khói mù mịt như ống khói tàu!

Tôi chắc là bạn tôi đã xin một liều thuốc của người đánh xe, vì tôi biết y không có mua thuốc lá tại Calcutta.

Chúng tôi dong ruổi trên đường núi gập ghềnh khúc khuỷu và một viễn ảnh huy hoàng đẹp để diễn ra trước mắt chúng tôi đến tận chân trời: sông rạch, thung lũng, vực thẳm, sườn núi cheo leo. Chúng tôi ngủ đêm trong những quán trọ đơn sơ ở dọc đường và tự nấu lấy các bữa ăn. Sri Yukteswar đặc biệt chăm nom bữa ăn của tôi và bảo tôi phải uống nước chanh. Tuy hãy còn yếu, tôi lấy lại sức lần lần mặc dù đi du lịch bằng xe ngựa chạy trên đường núi không lấy gì làm tiện nghi cho lắm.

Tâm hồn chúng tôi tràn đầy một niềm hứng khởi khi chúng tôi đến gần trung tâm tỉnh Kashmir, một nơi đất lành với những hồ sen rộng lớn, những vườn hoa mọc trên mặt nước, những chiếc du thuyền màu mè sặc sỡ, con sông

Jhelum với vô số những chiếc cầu vòng, những đồng cỏ xanh tươi điểm lác đác những đóa hoa rừng được bao bọc chung quanh bằng dãy Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ!

Chúng tôi đến viếng ngôi đền cổ ở Srinagar với đạo viện hàng cây cổ thụ có tàn che bóng mát và huê phòng tại một lầu quán hai tầng. Mùa hè năm ấy, tiết trời tuyệt đẹp, ban ngày thì nóng, ban đêm hơi lạnh.

Chúng tôi đến viếng ngôi đền cổ ở Srinagar với đạo viện Shankara, trong khi tôi đang ngắm nhìn đạo viện trên đỉnh một ngọn núi mà nóc nhọn chĩa lên trên nền trời xanh biếc, thỉnh thoảng tôi rơi vào một trạng thái bằng an phúc lạc lạ thường. Dưới mắt tôi, đạo viện Shankara biến thành cái linh ảnh của một ngôi kiến trúc mà nhiều năm về sau tôi dùng làm tổng hành dinh Cơ Quan Thực Hiện Chân Ngã của tôi ở Mỹ Quốc. Khi tôi viếng thành phố Los Angeles lần đầu tiên và nhìn thấy ngôi biệt thự này từ ngọn núi Washington, tôi liền nhận ra ngay ngôi nhà kiến trúc đồ sộ đã từng xuất hiện trong vô số những cơn linh ảnh của tôi.

Sau khi đã trải qua vài tuần lễ nghỉ hè ở tỉnh Kashmir, tôi phải trở về tỉnh Bengale nhân dịp tựu trường ở Serampore College. Sư Phụ còn ở lại Srinagar với Kanai và Auddy.

Trước khi tôi lên đường, Sư Phụ nói cho tôi biết người sẽ bị đau nặng ở Kashmir. Tôi nói:

- Nhưng Sư Phụ đang dồi dào sức khỏe kia mà.

- Thậm chí, có lẽ Thầy cũng phải từ giả cõi trần.

- Ô, Sư Phụ!

Tôi vừa nói vừa thụp xuống chân người:

- Sư Phụ hãy hứa với con là không rời bỏ thể xác trong lúc này. Con sẽ không thể được nếu không có Sư Phụ.

Sri Yukteswar giữ im lặng nhưng nụ cười đầy vẻ từ ái của người làm tôi yên lòng. Tôi bèn từ giả người một cách luyến tiếc.

Vài ngày sau khi tôi trở về đạo viện Serampore, tôi nhận được bức điện tín của Auddy, “Sư Phụ đau nặng.”

Tôi gửi một điện tín cho Sri Yukteswar, “Sư Phụ đã hứa không từ bỏ con. Sư Phụ đừng rời bỏ thể xác, nếu không con sẽ chết theo.”

Từ Kashmir, Sư Phụ gửi điện tín trả lời, “Sẽ y như điều con mong ước.”

Vài ngày sau đó, tôi nhận được thư của Auddy cho biết rằng Sư Phụ đã bình phục. Nửa tháng sau, khi Sư Phụ và các đệ tử đã về tới Serampore, tôi lấy làm buồn mà nhận thấy rằng Sư Phụ đã sụt cân rất nhiều.

Sri Yukteswar bịa đặt nặng nề cứu chuộc những tội lỗi của các đệ tử! Phương pháp chuyển di bệnh tật là một điều mà các nhà đạo sĩ cao tay vẫn biết rõ.

Một người khỏe mạnh có thể giúp đỡ một người yếu đuối bằng cách mang theo một đồ vật nặng thế cho y; cũng giống như thế, một bậc siêu nhân có trình độ tiến hóa cao có thể làm nhẹ bớt gánh nặng thể chất hoặc tinh thần của các đệ tử bằng cách tự mình gánh chịu lấy cái nghiệp quả của họ. Cũng như một người giàu chịu mất một ít tiền để trả nợ cho con cái y để cứu họ thoát khỏi hậu quả của những việc làm bất chánh, một vị tôn sư hy sinh một phần sức khỏe thể chất của mình để làm nhẹ bớt những nỗi đau khổ bệnh tật của các đệ tử.

Người đạo sĩ Yogi biết cái bí thuật giao cảm trên cõi giới vô hình với một người bình thường, bởi thế bệnh của người này được truyền một phần hoặc tất cả sang thể xác của người Yogi. Một vị tôn sư đã đạt tới hợp nhất tâm linh với Chân Như Đại Thể của Vũ Trụ không còn bận tâm đến việc gì xảy ra cho cái thể xác bằng xương bằng thịt của mình. Tuy rằng vậy tình nguyện cho xác thân mình nhuốm bệnh để giúp đỡ kẻ khác, tinh thần của người vẫn còn nguyên vẹn và không hề thương tổn, người lấy làm sung sướng mà có thể làm nhẹ bớt nỗi khổ của kẻ khác.

Người tu sĩ đạt tới sự giải thoát tâm linh, biết rằng thể xác của mình đã hoàn tất cái vai trò của nó; từ nay người có thể sử dụng nó bằng cách nào tùy ý. Sự mạng của người ở trên thế gian là làm nhẹ bớt những nỗi khổ đau của nhân loại bằng mọi phương diện tâm linh, vật chất hay trí huệ; giúp đỡ bằng lời khuyên sáng suốt tốt lành, sức mạnh của ý chí, hay bằng việc chuyển di bệnh tật của người khác sang cho mình. Một vị tôn sư đã hoạt động tự do trên cõi siêu thức có thể tự làm cho mình không còn biết cảm xúc những sự đau đớn của xác thân. Đôi khi người cũng tình nguyện chịu đựng sự đau đớn thể xác một cách can đảm để làm gương cho các đệ tử. Người Yogi hứng chịu sự đau khổ của kẻ khác về phần mình, tức là thanh toán giùm cho họ những oan nghiệp nợ nần mà họ phải chịu theo định luật nhân quả: định luật này vốn hành động một cách máy móc theo phép số học và có thể được điều chỉnh một cách khoa học bởi vì các bậc siêu nhân đã nếm mùi giải thoát.

Những định luật siêu nhiên không bắt buộc một vị tôn sư phải bịa đặt nặng nề để chữa khỏi bệnh cho người khác. Sự khỏi bệnh thường xảy ra bởi vì vị tôn sư biết rõ các phương pháp chữa bệnh một cách nhiệm mầu mà không làm tổn đến sức khỏe của mình. Tuy nhiên trong vài trường hợp rất hiếm, vị tôn sư vì muốn thúc đẩy mau chóng sự tiến hóa tâm linh của các đệ tử, có thể tình nguyện hứng chịu lấy một phần nghiệp quả xấu của họ trên bản thân mình.

Chính bằng cách đó mà đức Giê-Su đã tình nguyện cứu chuộc tội lỗi thế gian. Thánh thể của Chúa đáng lẽ không bao giờ có thể bị tử nạn trên thập tự giá nếu Ngài không có tình nguyện hợp tác với những định luật huyền bí về nhân quả trong vũ trụ. Ngài đảm nhiệm lấy cái khối nghiệp quả chung của toàn thể nhân loại và đặc biệt nhất là của các vị thánh tông đồ, đệ tử của Ngài, nhờ đó các vị này mới được tinh luyện và trở nên xứng đáng nhận lãnh sự giác ngộ tâm linh siêu đẳng.

Chỉ có những bậc tôn sư đã giác ngộ mới có thể thực hiện sự chuyển di tôn sinh lực của mình cho kẻ khác, hoặc hứng chịu lấy bệnh tật của kẻ khác trên xác thân mình. Bí thuật chữa bệnh bằng phương pháp Yoga này thật là ngoài vòng khả năng của kẻ thể nhân phạm tục, đối với họ nó lại là một điều không nên khuyến khích, bởi vì một

thể xác đau ốm bệnh tật là một chướng ngại cho sự công phu tu luyện. Các Thánh Kinh Ấn Độ đều nói rằng bốn phận đầu tiên của con người là giữ cho thể xác được mạnh khỏe, nếu không, tinh thần sẽ không thể bước vào trạng thái thiền định thâm sâu.

Tuy nhiên, một tinh thần dũng mãnh có thể bất chấp những chướng ngại của thể chất để thực hiện sự giác ngộ tâm linh. Nhiều vị Thánh đã đạt tới mục đích đó mà không bị bệnh tật của thể xác. Thánh Francoise d'Assise trong một tình trạng ốm đau tuyệt vọng, đã thực hiện những cuộc chữa bệnh rất nhiệm màu và thậm chí đã cải tử hồi sinh cho một người.

Tôi được biết một vị tu sĩ Ấn Độ bị chứng ung nhọt lở loét khắp cả nửa thân mình, cùng với bệnh đái đường rất nặng đến nỗi xét về những trường hợp thông thường thì vậy không thể nào ngồi được hơn một khắc đồng hồ, nhưng tinh thần của người thật tinh tiến dũng mãnh phi thường. Bằng một ý chí mãnh liệt tu sĩ có thể ngồi thiền trong tư thế liên hoa suốt mười tám giờ mỗi ngày không gián đoạn trong trạng thái xuất thần nhập định. Về sau vị ấy thuật cho tôi nghe rằng:

Sau ba năm thiền định công phu, Ánh Sáng thiêng liêng tràn ngập vào thể xác bệnh tật của tôi mà trong cơn xuất thần say sưa mùi Đạo, tôi quên hẳn không còn cảm giác được nó nữa. Về sau, do ân phước thiêng liêng, cái thể xác của tôi đã hoàn toàn khỏi hết các bệnh tật.

Một trường hợp lịch sử về việc chữa khỏi bệnh một cách nhiệm màu là của vua Baber (1483-1530), nhà sáng lập nên đế quốc Mogul ở Ấn Độ. Khi thái tử Humayun vương phải một chứng bệnh hiểm nghèo thập tử nhất sinh, nhà vua trong cơn lo sợ bèn cầu nguyện Thiêng Liêng hãy để cho người nhuộm bệnh thay cho thái tử. Khi các vị y sĩ đã tuyệt vọng, thái tử Humayun đột nhiên bình phục một cách bất ngờ, nhưng Baber hoàng đế lại bị đau nặng và băng hà vì một chứng bệnh giống như của thái tử. Về sau, thái tử nối nghiệp cha lên ngôi hoàng đế xứ Ấn Độ.

Nhiều người tưởng rằng một vị tôn sư chắc là phải có một sức khỏe phi thường như Hercules. Điều đó hoàn toàn không đúng. Một thể xác đau yếu không phải là một dấu hiệu chỉ rằng vị tôn sư không thể đắc Đạo, cũng như một sức khỏe tât bần dồi non không phải là triệu chứng của sự giác ngộ tâm linh. Nói cách khác, sức khỏe của thể xác không phải là cái tiêu chuẩn để xét đoán sự giác ngộ thiêng liêng, người ta phải xét đoán một vị tôn sư ở ngay trên lãnh vực tâm linh mà thôi.

Nhiều học giả Tây Phương tưởng lầm rằng một vị tôn sư là người giảng thuyết các vấn đề đạo lý, siêu hình bằng lời nói hay bằng sách vở. Trái lại, các bậc hiền triết đã nói rằng một vị tôn sư phải có thể đạt tới các trạng thái siêu thức tùy ý muốn, và ở trong trạng thái đại định một cách thường xuyên không gián đoạn. Chỉ có một bản lĩnh như thế mới có thể chứng tỏ rằng người hành giả đã chế ngự được mọi điều vô minh ảo vọng của trần gian.

Chỉ có những bậc Tôn Sư siêu thoát mới có thể đảm trách việc gánh chịu lấy nghiệp quả của các đệ tử. Sri Yukteswar chỉ bị đau nặng ở Kashmir sau khi đã được các đấng thiêng liêng cho phép giúp đỡ những đệ tử bằng các phương pháp lạ lùng đó. Ít có vị thánh nhân nào có đầy đủ minh triết như Sư Phụ tôi vì người đã được tới sự hòa hợp với Chân Như Đại Thể của vũ trụ.

Khi tôi tỏ lòng ưu ái về sự gầy ốm và sụt cân của người, thì Sư Phụ vui vẻ trả lời:

- Trong cái họa ắt có cái phúc! Bây giờ nhờ gầy bớt, Thầy đã có thể mặc cái áo lót của mình hơi chật, mà Thầy đã bỏ không mặc đến từ nhiều năm nay!

Tiếng cười vang với một âm thanh trong trẻo của Sư Phụ làm cho tôi nhớ lại lời nói của St. Francois d'Assise: "Một ông thánh buồn rầu là một ông thánh đáng thương hại."

- Với tư cách một người vợ hiền Ấn Độ, chị không phiền trách chồng chị, nhưng chị mong ước làm sao y từ bỏ những quan điểm duy vật của y. Y thường chế diễu những hình ảnh treo trong phòng tham thiền của chị! Em hỡi, chị tin tưởng chắc chắn rằng em có thể giúp chị.

Roma, chị cả tôi, nhìn tôi với cặp mắt van lơn. Tôi đến viếng chị tôi trong giây lát tại nhà chị ở Calcutta. Lời yêu cầu của chị làm tôi cảm động vì chị tôi từ thuở nhỏ vẫn gây cho tôi một ảnh hưởng tâm linh rất lớn và từ khi mẹ tôi mất, chị đã cố gắng điền khuyết sự trống trải đó trong gia đình bằng tình thương của chị đối với chúng tôi.

- Thưa chị, lẽ tự nhiên em sẽ cố gắng hết sức để giúp chị.

Tôi mỉm cười để tìm cách dẹp tan sự buồn rầu hiện trên gương mặt chị, trái hẳn với nét mặt bình thản và vui tươi hàng ngày.

Một năm trước đây, chị tôi đã yêu cầu tôi chỉ dẫn pháp môn thiền định và chị đã thực hiện những tiến bộ đáng kể trên con đường đó.

Bỗng nhiên tôi có ý kiến:

- Ngày mai tôi sẽ đi viếng thăm ngôi đền thờ đức Phật Mẫu Quan Âm ở Dakshineswar. Chị hãy cùng đi và cố gắng thuyết phục chồng chị cùng đi với chúng ta. Tôi cảm thấy rằng tại nơi đền miếu trang nghiêm đó, đức Phật Mẫu sẽ cảm động được lòng y, nhưng chị đừng bao giờ hoàn y biết lý do hành hương này.

Chị tôi nhận lời với tâm lòng tràn đầy hy vọng. Sáng ngày hôm sau, tôi sung sướng mà thấy chị và anh rể tôi sẵn sàng lên đường. Trong khi chiếc xe ngựa của chúng tôi dong ruổi trên đường lộ trực chỉ Dakshineswar, anh rể tôi Satish Chandra Bóe buông lời diễu cợt những vị Chân Sư của quá khứ, hiện tại và vị lai. Tôi nhận thấy Roma khóc thầm trong im lặng. Tôi an ủi chị:

- Chị hãy can đảm lên. Đừng cho y có sự thỏa mãn mà thấy chúng ta bức tức những lời nói chế nhạo của y.

Satish nói mỉa mai:

- Mukunda, làm sao cậu có thể bị hấp dẫn bởi những kẻ bịp đời giả mạo đó? Chỉ nội một cái hình dáng của người tu sĩ cũng làm cho ta dột ngược; có người gầy đét như bộ xương, có người lại to béo như một con voi!

Tôi bất giác bật cười vang lên, sự phản ứng này làm cho Satish cụt hứng, y trở nên im lặng trầm ngâm.

Khi cỗ xe vừa tới Dakshineswar, y bèn đùa cợt và nói với giọng châm biếm:

- Có phải chăng cuộc đi chơi này có dụng ý để thuyết phục tôi?

Tôi không nói gì nhưng y lại nắm lấy tay tôi:

- Ngày ông tu sĩ, ông đừng quên thương lượng trước với nhà chùa về bữa cơm trưa nay của chúng ta!

- Bây giờ tôi phải tham thiền. Anh đừng lo lắng về bữa cơm trưa. Đức Phật Mẫu sẽ đảm nhiệm việc đó.

- Tôi không cần biết đức Phật Mẫu là ai! Nhưng cậu phải chịu trách nhiệm về bữa cơm trưa của tôi!

Giọng nói của Satish có vẻ như một sự hăm dọa.

Tôi đi một mình về phía hành lang có nhiều cột của ngôi đền thờ đức Quan Thế Âm. Tôi chọn một góc có bóng mát gần một cây cột và ngồi xếp bằng theo tư thế liên hoa. Tuy lúc ấy mới khoảng bảy giờ sáng nhưng ánh nắng mặt trời có vẻ sắp sửa nóng gắt. Quên hẳn sự vật ngoại cảnh, tôi sửa soạn ngồi thiền. Tâm trí tôi tập trung vào đức Phật Mẫu Quan Thế Âm mà vị tu sĩ Ramakrishna trước đây đã từng chiêm ngưỡng một cách nhiệt thành tại Dakshineswar. Đáp ứng những lời kêu gọi khẩn thiết của tu sĩ, pho tượng đức Phật Mẫu đã cử động và đã nói chuyện với tu sĩ ở chính ngôi đền này.

Tôi cầu nguyện, "Hỡi đức Phật Mẫu Quan Thế Âm từ bi vô lượng, hăng im lặng trong pho tượng bằng đá, ngài đã cử động, sinh hoạt trước sự khẩn cầu của đức Ramakrishna, xin ngài cũng chiếu cố đến lời cầu xin khẩn thiết của con hằng khao khát được chiêm ngưỡng sự có mặt của ngài."

Sự nhiệt thành của tôi mỗi lúc càng tăng, kèm theo với một sự bằng an thiêng liêng trong tâm hồn. Tuy nhiên, năm tiếng đồng hồ đã trôi qua, đức Phật Mẫu mà tôi ghi khắc hình dáng trong tư tưởng vẫn không đáp ứng; tôi cảm thấy hơi thất vọng. Đôi khi Thiêng Liêng cũng thử thách người hành giả bằng cách chậm ứng đáp lời cầu nguyện của y. Nhưng Ngài thường xuất hiện trước mắt người tu sĩ kiên tâm bên chí dưới một hình thức mà y thường chiêm bái. Người Gia Tô có khi nhìn thấy Phật Thích Ca hoặc đức Quán Âm, người Phật Giáo nhìn thấy đức Giê Su, hoặc thấy một vầng hào quang từ từ nở rộng, nếu sự chiêm bái của y khoắc lấy một hình thức trừu tượng.

Tôi mở đôi mắt một cách luyến tiếc và thấy một vị tăng lữ bước tới đóng cửa đền vào giờ trưa như thường lệ. Tôi bèn đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi và bước ra sân. Mặt trời giữa trưa rọi thẳng xuống nền gạch như thiêu đốt làm cho hai bàn chân của tôi rất đau đớn như bị phỏng. Tôi vừa đứng giữa sân day mặt vào chái điện vừa cầu nguyện một lần cuối cùng, "Ôi, Phật Mẫu, ngài đã không xuất hiện trong linh ảnh trước nhãn quang của con và bây giờ thì ngài đã khuất dạng trong đền thờ, phía sau những cánh cửa đã đóng. Hôm nay con đặc biệt cầu xin Phật Mẫu độ cho anh rể con."

Lời cầu nguyện đó tức khắc được đáp ứng. Trước hết một luồng từ điển mát rượi, tốt lành từ trên đi xuống dọc theo xương sống sau lưng tôi, xuống dưới tận hai bàn chân và đem cho tôi một cảm giác khoan khoái dễ chịu vô cùng. Kế đó tôi vô cùng ngạc nhiên mà thấy ngôi đền dường như từ từ nở rộng đến những kích thước khổng lồ không thể tưởng tượng! Những cánh cửa vĩ đại từ từ mở rộng để lộ pho tượng đá của đức Phật Mẫu, lúc đầu còn đứng yên, sau đó ngài từ từ cử động và nở một nụ cười tiếp đón làm cho tôi say sưa ngây ngất. Hơi thở toát ra từ hai buồng phổi của tôi dường như bị thương hút bởi một thứ đá nam châm khổng lồ. Toàn thân tôi vẫn yên tĩnh nhưng không phải là bất động.

Tâm thức tôi đắm chìm trong cơn đại định, đã nở rộng một cách kinh khủng; tầm nhãn quang của tôi phóng ra xa đến mấy dặm đường cho thấy sông Hằng ở bên tay trái, phía bên mặt là khung cảnh bao quát của vùng Dakshineswar. Những vách tường của ngôi đền đều trong suốt, xuyên qua đó tôi nhìn thấy ở đằng xa những người nông dân đang cấy bừa trên những đồng ruộng diễn ra tận chân trời. Tuy tôi không mất hơi thở và toàn thân tôi đắm chìm trong một sự yên tĩnh lạ lùng nhưng tôi vẫn có thể cử động tay chân. Trong nhiều phút tôi chỉ mở mắt và nhắm mắt, trong cả hai trường hợp tôi đều nhìn thấy rõ ràng khung cảnh bao quát của vùng Dakshineswar. Cũng như quang tuyến X, nhãn quang tâm linh soi thấu mọi vật vì con mắt thần thông đặt trung tâm ở khắp chốn nhưng không đặt chu vi ở đâu cả. Tôi lại hiểu thêm một lần nữa, trong sân đền nóng như thiêu đốt dưới ánh nắng gắt của mặt trời, rằng chỉ khi nào con người khổng lồ còn say mê vật chất, đắm chìm trong cơn mơ ảo vọng của cuộc đời thế gian, chừng đó y mới có được sự sống trường cửu muôn đời.

Trong cái linh ảnh của tôi tại Dakshineswar, những vật duy nhất được phóng đại lạ thường là ngôi đền và pho tượng đức Phật Mẫu, kỳ dư đều hiện ra dưới hình dáng bình thường, tuy rằng bao bọc trong một ánh hào quang lạ lùng, với đủ tất cả các màu sắc rực rỡ của chiếc cầu vồng. Thế xác tôi dường như mỏng như sương và sẵn sàng bay bổng! Hoàn toàn ý thức được cảnh vật ở chung quanh, tôi nhìn chung quanh tôi và thậm chí bước đi vài bước mà không làm gián đoạn giây phút huyền diệu đó. Bên ngoài các bức tường của ngôi đền thỉnh thoảng tôi thấy anh rể tôi ngồi dưới bóng mát của một cây đại thụ. Tôi theo dõi một cách dễ dàng giọng tư tưởng của y: bầu không khí thiêng liêng của ngôi đền làm cho y có đôi chút giảm bớt những ý nghĩ trần tục nhưng y lại có ý nghĩa oán trách tôi. Tôi bèn quay lại pho tượng khổng lồ của đức Quán Thế Âm:

- Bạch Phật Mẫu! Xin Ngài hãy cứu độ tâm linh cho anh rể con!

Pho tượng từ trước vẫn câm lặng bèn thốt ra những lời này, “Lời cầu nguyện của con đã được đáp ứng.”

Tôi sung sướng nhìn Satish. Dường như một giọng nói bí mật nào đã cho y biết rằng y đang chịu ảnh hưởng của một quyền năng thiêng liêng, y bèn đứng dậy và đi tới ngôi đền. Hầm hăm nét mặt, y đến gần tôi với hai bàn tay nắm chặt.

Cái linh ảnh thiêng liêng liền biến mất. Tôi không còn nhìn thấy đức Phật Mẫu: ngôi đền lúc này vẫn toàn lớn vĩ đại, nay đã trở lại bình thường và không còn trong suốt nữa. Một lần nữa thân thể tôi lại quần quai dưới những tia nắng gắt của mặt trời. Tôi lao mình vào bóng mát của dãy hành lang nhiều cột. Satish bèn giận dữ đuổi theo tôi. Tôi nhìn đồng hồ, lúc ấy vừa đúng một giờ trưa! Cái linh ảnh thiêng liêng đã kéo dài đúng sáu mươi phút.

-Thằng ngốc! Anh rể tôi la lên. Thế là mày vẫn ngồi khoanh tay khoanh chân ở một chỗ suốt sáu tiếng đồng hồ không nhúc nhích! Tao bắt gặp mày tại trận đó nhé! Bữa cơm trưa của tao đâu? Bây giờ đền đã đóng cửa, mày đã không dọn trước cho họ nấu cơm, thế là chúng ta phải ngồi chờ bữa trưa đây phải không?

Sự xuất hiện của Đức Quan Thế Âm trong linh ảnh của tôi lúc này hãy con làm cho tôi say sưa ngây ngất. Tôi bèn đáp:

- Đức Phật Mẫu sẽ cho chúng ta ăn no.

Satish nổi cơn thịnh nộ đến cực điểm:

- Đây là lần chót, tao muốn xem thấy đức Phật Mẫu dọn cơm cho chúng ta ăn mà không cần có sự thỏa thuận của nhà chùa.

Y vừa nói dứt lời thì một vị tăng lữ đi ngang qua sân đền và đến gần chúng tôi:

- Con hỡi, ta đã nhìn thấy ánh hào quang hiện trên gương mặt con trong những giờ tham thiền vừa rồi. Sáng nay, khi các con vừa đến, ta cảm thấy cần để phần cơm dành cho bữa trưa của các con. Thật là trái luật lệ nhà chùa mà mời khách dùng bữa khi họ không dọn trước, tuy vậy ta cũng vui lòng dành một ngoại lệ cho các con.

Tôi cảm ơn vị tăng lữ và nhìn Satish thẳng vào đôi mắt y. Sự cảm xúc làm cho y đỏ mặt và cúi đầu. Khi một bữa ăn thịnh soạn được dọn ra cho chúng tôi, thậm chí có cả xoài ngon và trái mùa, tôi nhận thấy ông anh rể tôi chiận lấy lệ nhưng tâm hồn y vẫn ở đâu đâu. Y có vẻ đắm chìm trong cơn suy tư thâm trầm. Trong chuyến trở về Calcutta, Satish lòng đã lắng dịu, nhìn tôi như có ý xin lỗi. Nhưng y vẫn lẳng lặng không nói gì kể từ khi vị tăng lữ mời chúng tôi dùng cơm trưa, việc này có cái tác dụng như một phép màu nó đảo lộn tất cả những ý nghĩ duy vật của y.

Ngày hôm sau, tôi đến thăm chị tôi. Chị đón tiếp tôi một cách nồng nhiệt và nói:

- Này em, thật là một phép lạ! Tối hôm qua, Satish đã khóc trên đầu gối của chị. Y vừa khóc vừa nói: “Em yêu quý, anh thật là sung sướng vô bờ bến mà thấy rằng Mukunda đã thành công trong ý định muốn hoán cải anh. Anh sẽ sửa chữa lại tất cả những điều lầm lỗi của anh đối với em. Kể từ nay, buồng ngủ của chúng ta sẽ dành riêng cho sự cầu nguyện mà thôi, còn em sẽ ngủ trong phòng tham thiền nhỏ của em. Anh cảm thấy vô cùng hối tiếc mà đã điều cốt Mukunda. Anh sẽ cứu chuộc lại tội lỗi bằng cách sẽ giữ im lặng đối với Mukunda cho đến khi nào anh đã tiến

bộ khá nhiều trên đường Đạo. Kể từ ngày nay, anh sẽ tôn thờ đức Phật Mẫu Quan Thế Âm và hy vọng một ngày kia sẽ được đức Phật Mẫu ban phước lành!”

Nhiều năm sau, tôi đến viếng anh rể tôi ở Delhi. Tôi lấy làm vô cùng vui sướng mà thấy y đã đạt tới một trình độ tâm linh khá cao, và đức Phật Mẫu đã hạ cố mà xuất hiện trong những linh ảnh của y. Trong những ngày tôi tạm trú tại nhà y, tôi nhận thấy Satish dùng phần lớn thời giờ mỗi đêm để tham thiền trong vòng bí mật, đầu trong những khi đau ốm và ban ngày còn phải làm việc tại văn phòng.

Đó là câu chuyện lạ lùng của anh rể tôi, từ một người duy vật đã trở thành vị tu sĩ thánh thiện.

Chương 18 (Chương kết)

Tôi Trở Thành Tu Sĩ Xuất Gia

Kỳ thi Cử Nhân Văn Khoa của trường đại học Calcutta đã đến. Tôi không phải là một học trò chăm học, rất ít khi đi đến trường và chỉ học bài một cách hối hả, gấp rút vào giờ chót, vài ngày trước khi đi thi. Tuy vậy, do một sự may mắn lạ thường, tôi được ưu điểm về môn triết học và có đủ số điểm trung bình về các môn học khác.

Cha tôi không còn nổi vui mừng nào lớn hơn khi nghe tin tôi thi đậu. Người nói:

- Thật cha không dám hy vọng rằng con sẽ thi đậu, Mukunda, con dành quá nhiều thời giờ gần bên Sư Phụ con ở đạo viện!

Trong nhiều năm, tôi không hề dám ước mong có ngày danh hiệu “Cử Nhân Văn Khoa” sẽ đi kèm đằng sau tên tôi. Tôi ít khi dùng danh hiệu ấy mà không nghĩ rằng đó là một ân huệ thiêng liêng ban cho tôi vì một lý do bí ẩn nào đó mà tôi không được biết rõ.

- Bạch Sư Phụ, cha con muốn con nhận một chức vụ trong Công ty Hỏa xa Bengal-Nagpur Railway nhưng con đã quyết liệt từ chối, tôi thưa với Sri Yukteswar một ngày nọ và tôi nói thêm một cách tuyệt vọng. Xin Sư Phụ hãy cho con làm lễ xuất gia.

Tôi nhìn Sư Phụ bằng cặp mắt van xin một cách khẩn thiết. Trong nhiều năm, Sư Phụ đã từ chối lời yêu cầu của tôi để đặt tôi trong một cuộc thử lòng, nhưng lần này người vui vẻ nhận lời:

- Được rồi. Ngày mai Thầy sẽ làm lễ xuất gia cho con. Thầy rất vui mà thấy con vẫn kiên quyết mong muốn trở thành một tu sĩ. Đức Lahiri Mahasay vẫn thường nói: “Nếu ta không mời Thượng Đế vào nhà trong thời kỳ còn xuân xanh thì Ngài sẽ không đến với ta vào lúc mùa đông của cuộc đời.”

- Bạch Sư Phụ, con không bao giờ quên mục đích ấy, là được xuất gia theo dòng tu sĩ Swami như Sư Phụ vậy. Tôi mỉm cười nhìn Sư Phụ với tất cả tấm lòng quý mến và nhớ đến một câu trong thánh kinh, “Người không lập gia đình thì lo việc Đạo và tìm cách làm vui lòng Thượng Đế, còn người lập gia đình thì lo việc đời và tìm cách làm vui lòng vợ nhà.” (Corinthiens, 1.7:32-33)

Tôi đã quan sát cuộc đời của nhiều bạn hữu đã từng lập gia đình sau khi muốn theo đuổi một đời sống tâm linh. Đắm chìm trong biển trần gian tục lụy với những nỗi lo âu vô bờ bến, họ đã quên hẳn chí nguyện công phu hành Đạo, tham thiền.

Ngày hôm sau là một trong những ngày đáng ghi nhớ nhất của đời tôi. Đó là một ngày hè sáng sủa đẹp trời vào tháng bảy năm 1914, vài tuần sau khi tôi nhận cấp bằng Cử nhân Văn Khoa. Trên bao lon đạo viện ở Serampore, áo Sư Phụ nhuộm màu vàng sậm, tức màu áo cổ truyền của giới tu sĩ, một mảnh lụa trắng mới nguyên. Khi mảnh lụa đã khô ráo, Sư Phụ quấn nó trên mình tôi để mặc vào cho tôi như biểu tượng của sự dứt bỏ cuộc đời trần gian. Sư Phụ giải thích:

- Một ngày kia, con sẽ sang các nước Âu Mỹ, ở nơi đó người ta thích lụa hơn. Với ý nghĩa tượng trưng, Thầy chọn cho con manh áo lụa thay vì manh áo vải theo truyền thống của các dòng tu sĩ.

Bên Ấn Độ là nơi mà các tu sĩ đều lập nguyện thanh bần, một vị tu sĩ mặc áo lụa là một cảnh tượng ít có. Tuy nhiên nhiều tu sĩ Yogi cũng mặc áo lụa vì nó gìn giữ những giòng từ điển của thể xác hơn là áo vải.

Trong dịp làm lễ cho một người trở thành một tu sĩ xuất gia, có nhiều lễ nghi phiền phức nhưng Sri Yukteswar vốn chủ trương giản dị tối đa trong mọi việc, đã miễn tất cả những nghi lễ đó và chỉ yêu cầu tôi chọn lấy một pháp danh. Người mỉm cười và nói:

- Thầy cho con cái đặc quyền tự mình chọn lấy một pháp danh.

Sau một lúc suy nghĩ, tôi đáp:

- Pháp danh của con là Yogananda.

Danh hiệu này có nghĩa là “Phúc lạc (Ananda) sở đắc được nhờ bởi Hợp Nhất với Thiêng Liêng.”

- Được lắm! Kể từ nay con sẽ từ bỏ tên Mukunda Lal Ghosh và sẽ lấy pháp danh Yogananda thuộc dòng tu sĩ Swami.

Tôi quỳ trước mặt Sư Phụ và khi tôi nghe Sư Phụ xưng pháp danh mới của tôi lần đầu tiên, lòng tôi tràn ngập một nỗi niềm biết ơn sâu xa đối với người. Với một tình thương bao la, Sư Phụ đã cố gắng huấn luyện không ngừng để đào tạo chàng thanh niên Mukunda trở nên tu sĩ Yogananda.

Người tu sĩ Swami thuộc về một dòng tu cổ xưa do đức giáo chủ Shankara thành lập. Dòng tu này đã trải qua hằng bao nhiêu thế kỷ do một truyền thống liên tục gồm có các vị Tăng thống đạo hạnh cao thâm để duy trì sự nghiệp tâm linh của vị thủy tổ Shankara. Dòng tu sĩ Swami chủ trương lập nguyện thanh bần, khiết bạch và vâng lời.

Cái lý tưởng phụng sự nhân loại, dứt bỏ mọi điều tham vọng và ái dục trói buộc cuộc đời với thế gian làm cho phần nhiều các tu sĩ Swami đảm trách lấy một công trình cứu tế hay giáo dục ở Ấn Độ và đôi khi cũng ở ngoại quốc.

Gjat bỏ tất cả mọi thành kiến về giai cấp, tôn giáo, màu da, nam nữ hay chủng tộc, một tu sĩ Swami hoàn toàn thẩm thấu lý tưởng bác ái đại đồng trong nhân loại. Người nêu cao một mục đích: đó là sự hoàn toàn hỗn hợp với Tinh Thần. Dù trong lúc tỉnh giấc hay khi ngủ mê, tâm thức của người tu sĩ luôn luôn thẩm thấu tư tưởng: “Ta là Chân Ngã, hay Chân Như Phật Tánh,” bởi đó vị tu sĩ Swami tuy thân còn ở nơi trần thế nhưng lòng đã thoát tục và không còn vướng bận chuyện trần gian. Chỉ khi đó người mới xứng đáng với danh hiệu của người, vì danh từ Phạn Ngữ Swami có nghĩa là: người đang tìm cách hợp nhất với Đại Ngã hay Chân Như Phật Tánh. Lẽ tự nhiên cũng cần nói thêm rằng không phải tất cả các tu sĩ Swami đều đã đạt tới cái lý tưởng tối cao đó một cách đồng đều nhau.

Sri Yukteswar vừa là một tu sĩ Swami lại vừa là một người Yogi. Người tu sĩ Swami xuất gia theo dòng tu truyền thống của đức giáo chủ Shankara, không hẳn phải là một người Yogi. Người Yogi là người tu luyện theo một pháp môn nhất định dẫn dắt tới sự ngộ Đạo hay giao cảm với Thiên Liêng; y có thể là người độc thân hay có gia đình, tu tại gia hay xuất gia. Người tu sĩ Swami noi theo con đường luận thuyết triết lý và từ bỏ thế gian: còn người Yogi thực hành một pháp môn được qui định một cách chặt chẽ nhằm mục đích chủ trị thể xác lẫn tinh thần và đưa linh hồn đến mục đích giải thoát. Ở mỗi thế kỷ pháp môn Yoga đã từng đem đến cho Ấn Độ những bậc siêu nhân đã đắc đạo giải thoát.

Trái hẳn với người thuở xưa, một người Yogi chân chính có thể sống ngoài thế gian mà vẫn trung thành với lý tưởng tối cao của mình. Thật là một điều cao quý mà làm tròn những bổn phận thế gian, đồng thời chủ trị những dục vọng ích kỷ thấp hèn để nhằm mục đích trở nên một khí cụ hoạt động có ý thức và thuận theo Thiên Ý.

- Những ngày cuối cùng của Ananta sắp đến, y sẽ không còn sống được bao lâu nữa!

Những lời nói này vang dội trong trí tôi một buổi sáng, khi tôi đang đắm chìm trong cơn thiền định. Ít lâu sau khi tôi xuất gia theo dòng tu sĩ Swami, tôi trở về quê quán ở Gorakhpur để thăm nhà và tạm trú tại nhà của anh tôi. Một cơn bệnh bất ngờ làm cho anh tôi phải nằm liệt giường, tôi săn sóc anh tôi hết lòng.

Lời báo điềm gở kể trên làm cho tôi rất buồn. Tôi cảm thấy không thể ở nán lại Gorakhpur để chứng kiến một cách bất lực cơn hấp hối của anh tôi. Trước lời xét đoán gay gắt của cha tôi, tôi rời khỏi Ấn Độ bằng chuyến tàu đầu tiên khởi hành sang Miến Điện rồi vượt biển Trung Hoa để sang Nhật Bản. Tôi bước chân lên hải cảng Kobe và lưu trú tại đây vài ngày. Trong lòng buồn bực, tôi không cảm thấy có hứng thú để đi ngoạn cảnh.

Trên đường về Ấn Độ, tàu ghé bên Thượng Hải. Bác sĩ Misra, y sĩ trên tàu, đưa tôi đi dạo phố ngắm cảnh. Tôi có dịp viếng những cửa tiệm để mua ít quà lạ đem về biếu thân nhân và bạn bè. Tôi mua một món quà bốn xứ cho Ananta. Người chủ tiệm Trung Hoa vừa đưa cho tôi món quà mới mua, tôi liền đánh rơi xuống đất và ngẹn ngào kêu lên:

- Anh tôi đã mất rồi!

Bác sĩ Misra nhìn tôi với một nụ cười hoài nghi:

- Đại đức chó vội bi quan, để chờ xem có tin gì không đã.

Khi tàu cập bến Calcutta, tôi cùng lên bờ với bác sĩ Misra. Em út tôi, Bisnu, đã đợi tôi trên bến. Tôi liền nói trước:

- Anh biết rằng Ananta đã từ trần. Em hãy nói trước mặt bác sĩ đây cho biết xem anh mất vào ngày nào.

Bishnu liền nói đúng ngày mà tôi mua món quà biếu cho Ananta ở Thượng Hải. Bác sĩ Misra liền nói:

- Lạ thật! Nhưng chúng ta không nên loan tin này, kéo các giáo sư lại thêm một năm học thần giao cách cảm vào chương trình ban Y Khoa vốn dĩ đã nặng nhọc lắm rồi!

Khi tôi về đến nhà, cha tôi ôm chầm lấy tôi một cách nồng nhiệt khác thường:

- Con đã về!

Cha tôi nói một cách thân ái. Hai giòng lệ chảy xuống hai bên gò má cha tôi. Bình nhật không hề biểu lộ tình cảm ra ngoài, người chưa bao giờ tỏ ra với tôi những cử chỉ yêu mến như thế. Tuy nhiên bề ngoài có vẻ nghiêm nghị, người có bên trong một quả tim ưu ái của một người mẹ. Trong gia đình, người đóng một vai trò song đôi của bậc phụ mẫu.

Ít lâu sau khi Ananta từ trần, Nalini, em gái tôi, được cứu thoát khỏi nanh vuốt của Tử Thần vì em được chữa khỏi bệnh một cách nhiệm mầu. Trước khi kể lại chuyện này, tôi xin nói vài lời về cuộc đời của em gái tôi.

Từ thuở nhỏ, tôi và em gái tôi vẫn không thuận nhau. Tôi là một thiếu nhi rất gầy ốm, nhưng Nalini thì lại còn gầy hơn nữa! Do bởi một thứ “mặc cảm” vô ý thức nào đó mà những nhà phân tâm học có lẽ nhận biết được dễ dàng, tôi thường hay trêu ghẹo em tôi về hình thù gầy đét như bộ xương của nó, và em tôi cũng trả đũa lại tôi với một sự thất thây ngây ngô của tuổi thơ ấu. Đôi khi mẹ tôi cũng can thiệp vào những cuộc gây gổ giữa chúng tôi và kéo lỗi tại tôi vì tôi là nham mà không chịu nhường nhịn em gái.

Thời gian trôi qua, Nalini được cha mẹ tôi đính hôn cho một viên y sĩ trẻ tuổi ở Calcutta tên Panchanon Bose. Chẳng rẽ được một món tiền hồi môn dồi dào chắc hẳn là để bù trừ lại việc y phải cưới một cô vợ gầy đét như vậy! Hôn lễ được cử hành rất long trọng. Tôi hôm ấy tôi cũng có mặt cùng với một nhóm bạn bè thân quyến vui vẻ tề tựu trong phòng khách nhà chúng tôi ở Calcutta. Chẳng rẽ ngồi trên ghế dài lót nệm thêu chỉ vàng óng ánh, còn Nalini ngồi bên cạnh với một chiếc áo cưới tuyệt đẹp, nhưng than ôi, chiếc áo tân hôn vẫn không thể nào che kín những khía cạnh xương xẩu của cô dâu. Tôi bước lại ngồi gần bên ông em rể mới của tôi và mỉm cười với y một

cách thân tình. Y chỉ mới nhìn thấy mặt Nalini lần đầu tiên khi cử hành hôn lễ vào sáng ngày hôm ấy, và lúc ấy y mới biết số phận của y phải gặp một người vợ như thế nào trong cuộc sống lứa đôi.

Cảm thấy lòng ưu ái của tôi đối với y, chàng rể mới đưa mắt ám chỉ Nalini và khẽ tai tôi hỏi nhỏ:

- Cái đó là cái gì vậy?

Tôi đáp:

- Cái đó, thưa bác sĩ, là một bộ xương để cho ông khám nghiệm.

Cả hai chúng tôi đều phát tiếng cười vang trước cử tọa đông đảo gồm quan khách hai họ, sau khi đã cố nín cười mà không được!

Trong những năm kể đó, bác sĩ Bose đã chinh phục được lòng ưu ái của gia đình chúng tôi và thường được mời đến nhà xem bệnh mỗi khi trong gia đình có người đau ốm. Chúng tôi đã trở nên đôi bạn thân và thường nói đùa với nhau về cô em gái tôi. Một hôm em rể tôi tâm sự với tôi:

- Vợ em thật là một trường hợp y khoa kỳ lạ. Em đã thử tất cả mọi thứ bổ dưỡng như dầu gan cá thương, bơ, sữa, mạch nha, mật ong, cá, thịt, trứng gà và nhiều thứ thuốc bổ khác. Rốt cuộc vẫn không mập hêm ra chút nào cả.

Chúng tôi lại cùng nhau cười lớn.

Vài ngày sau đó tôi đến nhà em rể tôi. Tôi không có ý định ở lại lâu và định rời khỏi nhà mà không cho Nalini biết có tôi đến. Khi tôi vừa ra đến cửa thì tôi nghe giọng nói thân mật của em gái tôi:

- Anh ơi, hãy ở lại. Lần này anh sẽ không trốn thoát. Em có chuyện muốn nói với anh.

Tôi bước lên phòng của em tôi và ngạc nhiên thấy em rung rung nước mắt:

- Anh ơi, chúng ta hãy quên đi mọi hiềm khích thuở xưa! Em biết rằng từ nay anh đã theo con đường xuất gia tầm đạo và em cũng muốn được như anh.

- Anh đã trở nên lực lưỡng khỏe mạnh như vậy. Anh có thể giúp em chăng?

Kể đó em tôi nói tiếp với niềm hy vọng:

- Em rất yêu chồng em, nhưng anh lúc nào cũng tránh né em, làm em rất tủi thân. Em lo trau dồi tâm tính và công phu tu niệm, nhưng phải chăng em phải chịu gầy ốm và vô duyên bạc phước suốt cuộc đời?

Lời khẩn cầu của em tôi làm tôi rất cảm động. Tôi cảm thấy thương xót cho số phận của em tôi. Một hôm Nalini yêu cầu tôi nhận em làm đệ tử. Em nói:

- Anh hãy thử thách em bằng cách nào tùy ý. Từ nay em chỉ đặt đức tin nơi Thượng Đế chứ không còn tin tưởng ở thuốc men.

Nói đoạn, em tôi mở nút những chai thuốc bổ trút sạch tất cả xuống máng xối.

Để thử đức tin của em, tôi dặn em hãy kiêng cử ăn thịt, cá và trứng, và chỉ dùng toàn là rau trái mà thôi. Khi Nalini đã ăn chay trường trong nhiều tháng, không ngại nhiều nỗi khó khăn và đã theo đúng những qui luật khác của tôi đưa ra, tôi mới trở lại thăm em. Tôi nói:

- Em đã tôn trọng và tuân theo những qui luật của đời sống tâm linh, phần thưởng của em đã sắp đến!

Tôi mỉm cười và nói một cách trào phúng:

- Em tôi muốn trở nên mập béo như dì Tám nhà mình không, dì không còn thấy hai bàn chân của dì từ nhiều năm nay.

- Ồ thôi! Em chỉ muốn được như anh vậy thôi.

Tôi bèn long trọng tuyên bố:

-Do ân huệ thiêng liêng, cũng như tôi vẫn luôn luôn nói sự thật, điều ước vọng mà tôi tuyên bố ngày hôm nay sẽ trở thành sự thật.

(Thánh kinh Ấn Độ nói rằng người nào có thói quen nói lên sự thật có thể đạt được quyền năng làm cho lời nói của mình được thể hiện theo ý muốn. Điều mong ước mà y thốt ra với tất cả tâm hồn sẽ được thực hiện.)

- Kể từ bây giờ, thân thể của em sẽ chịu một sự thay đổi nhiệm mầu và trong vòng một tháng em sẽ cân nặng cũng như tôi.

Điều mong ước mà tôi nói lên bằng tất cả tâm hồn đã được đáp ứng. Trong vòng một tháng, Nalini đã cân nặng bằng tôi! Những nét tròn trĩnh duyên dáng làm cho thân hình em trở nên vô cùng hấp dẫn và chồng em càng yêu em thêm. Cuộc hôn nhân của em bắt đầu trong những điều kiện không toàn hảo nay đã trở thành một cuộc hôn nhân lý tưởng.

Từ Nhật Bản trở về, tôi nghe nói rằng trong khi tôi vắng mặt, Nalini bị đau chứng bệnh thương hàn. Tôi bèn hỏi hã đến nhà em thì lấy làm kinh ngạc mà thấy em mình gầy đét như bộ xương và đang mê man bất tỉnh. Em rể tôi thuật lại rằng lúc em còn tỉnh thì em luôn luôn lặp đi lặp lại những lời này, “Nếu Mukunda có mặt ở nhà thì tôi đã không bị đau đến nỗi này.” Y cho biết:

- Tôi và các bác sĩ khác đều tuyệt vọng. Bệnh kiết lại xuất hiện cùng một lúc với bệnh thương hàn!

Tôi bèn cầu nguyện với tất cả tâm lòng thành và áp dụng những phương pháp chữa bệnh theo khoa Yoga. Bệnh kiết của Nalini liền dứt hẳn nhưng bác sĩ Bose lắc đầu với một vẻ mặt u ám và nói:

- Điều ấy chỉ có nghĩa là vợ em không còn chút máu nào nữa.

Tôi liền trấn tĩnh y với một giọng quả quyết:

- Em tôi sẽ hết bệnh. Trong bảy ngày con nóng sốt sẽ dứt hẳn.

Một tuần lễ sau tôi lấy làm mừng mà thấy Nalini mở mắt và nhận ra tôi. Kể từ lúc đó em đã lần lần bình phục. Khi em đã thấy khỏe hẳn và nặng cân trở lại như trước, than ôi, em lại phải bù trừ cơn bệnh ấy với một giá quá đắt: hai chân em đã bị liệt bại. Những y sĩ chuyên khoa người Anh và Ấn đều tuyên bố rằng em sẽ phải mang tật suốt đời. Một hôm vì sự cố gắng mà tôi đã làm để cứu Nalini, tôi bèn đến Serampore để yêu cầu Sư Phụ giúp tôi. Sư Phụ động lòng trắc ẩn về bệnh trạng nguy kịch của em tôi và nói:

- Em con sẽ sử dụng hai chân lại được vào cuối tháng này. Con bảo nó hãy đeo một hạt trân châu nặng hai carat, không được đục lỗ và cột dính trên da thịt bằng một sợi dây.

Tôi quì dưới chân Sư Phụ để tạ ơn mà mừng rỡ trong lòng.

- Bạch Sư Phụ, lời nói của Sư Phụ cũng đủ chữa khỏi bệnh cho em con, tuy nhiên, nếu Sư Phụ muốn, con sẽ kiếm mua một hạt trân châu ngay lập tức.

Sư Phụ gật đầu bằng lòng rồi diễn tả hình dáng và tính tình Nalini, tuy người chưa biết mặt em gái tôi bao giờ.

Tôi trở về Calcutta và mua một hạt trân châu cho Nalini. Một tháng sau, hai chân liệt bại của em tôi đã hoàn toàn được chữa khỏi.

Em tôi yêu cầu tôi chuyển đạt sự biết ơn sâu xa của em cho Sư Phụ. Sư Phụ nghe tôi đưa tin lành về trong cơn im lặng và khi sửa soạn kiệu từ, người nói:

- Các bác sĩ đều nói rằng Nalini sẽ không bao giờ có con. Con hãy chuyển đạt cho em con bức thông điệp của thầy, rằng trong vài năm, nó sẽ sanh hai đức con gái.

Quả thật sau đó vài năm, Nalini sanh một đứa con gái và nhiều năm kế đó, lại sanh thêm một đứa con gái nữa. Em tôi vui mừng vô hạn và nói:

- Sư Phụ của anh đã ban phước lành cho gia đình em và cả nhà chúng ta. Một bậc siêu nhân như thế thật là thánh hóa cả xứ Ấn Độ do bởi sự hiện diện của người. Anh hỡi, anh hãy thưa với Sư Phụ rằng nhờ anh mà bây giờ em cũng xin làm đệ tử của Người để được thụ giáo theo phép môn Krisya Yoga.

Hết

(Xin xem tiếp Xứ Phật Huyền Bí)